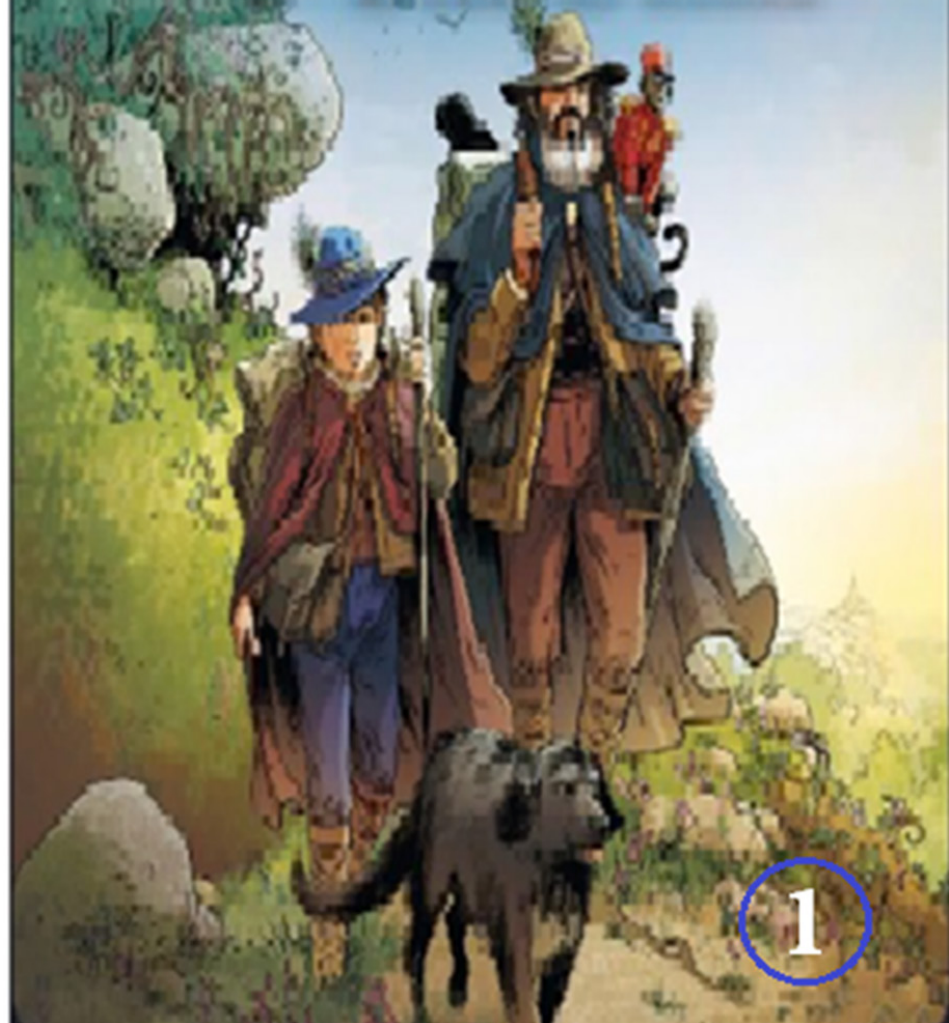


HECTOR MALOT

Dịch giả: HÀ MAI ANH

Vô Gia Đình



Hector Malot
sans famille
vô gia đình

dịch giả
hà mai anh

vô gia đình

dịch giả:
hà mai anh

bìa: *Internet*

trình bày: *Muon Phuong*

nguồn: *Internet*

vô gia đình
(phần thứ nhất)

TIỂU THUYẾT GIÁO DỤC

dịch giả:

HÀ MAI ANH

Nhà xuất bản **Sống Mới**
30B, Phạm Ngũ Lão - Saigon
1958

LỜI NÓI ĐẦU

*T*ruyện VÔ GIA ĐÌNH này dịch ở quyển SANS FAMILLE, một tiểu thuyết hay nhất trong các tác phẩm của Hector Malot, một danh văn nước Pháp.

Tiểu thuyết Sans Famille xuất bản lần đầu tiên về năm 1878, được công chúng rất hoan nghênh và được Viện Hàn lâm Pháp khen thưởng, cho vào hạng sách hữu ích. Vì có một giá trị về văn chương cũng như về phương diện giáo dục, nên sách đó đã được lưu hành trong các nam-nữ học đường.

Không những thế, các nước Anh, Đức, Nhật, Trung hoa, v. v... cũng nhận thấy ích lợi của cuốn sách đó nên đã phiên dịch ra trên mười thứ tiếng và phát hành khắp nơi.

8 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Ở nước ta, năm 1931, ông Nguyễn Đỗ Mục và ông Đào Hùng đã theo bản văn của Tàu « Khổ nhi lưu lãng ký » dịch ra Việt văn nhan đề là « Vô gia đình » (Tiểu thuyết giáo dục Đứa trẻ khổ nạn), đăng báo « Trung Bắc Tân Văn » và in thành sách do nhà « Tân Việt Nam Thư Xã » xuất bản.

Nay, để cho truyện được sát với nguyên tác chữ Pháp, về tư tưởng cũng như về văn từ, theo ý muốn một số bạn yêu văn, tôi không quản tài trí thiển sơ, cố gắng phiên dịch, may ra có ích phần nào trong học vấn của các bạn thanh niên

« Vô gia đình » là truyện một đứa trẻ bị bỏ đường, được một thôn phụ nuôi nấng như con. Không may, chồng thôn phụ đó làm thợ bị một tai nạn lao động thành tàn tật, buộc lòng phải bán em cho một ông lão điên trò rong.

Cuộc phân ly đau đớn. Rồi đến cuộc đời lang thang, trôi giạt của em trên đất Pháp và đất Anh. Những biến cố liên tiếp xảy ra, nhưng nhờ trí thông minh, lòng quả cảm, em đã phấn đấu và đã vượt mọi gian nan,

Sau em tìm được mẹ cùng em trai và không quên trả ơn những người đã cứu giúp em trong những ngày gian khổ.

« Vô gia đình » nêu cho ta một tấm gương ưu cần, nhẫn nại, một tinh thần thanh cao và tự lập, một chí phấn đấu không sờn, nhất là lòng trung hậu tuyệt vời.

Ngoài giá trị về đạo đức, câu truyện lại ly kỳ và vô cùng cảm động nên không những được giới học sinh ưa chuộng mà mọi người ai đã đọc một vài trang đầu không thể bỏ qua không xem hết.

Trong lúc phong trào « chấn hưng đạo đức » đang sôi nổi trên Thế giới Tự do, tôi mong rằng bản dịch « Vô gia đình » này sẽ góp một phần mọn vào công cuộc « văn hồi chính đạo » lớn lao đó.

Saigon, ngày 23-3-1958

DỊCH GIẢ

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

LÀNG TÔI

Tôi là một đứa trẻ bỏ rơi. Nhưng cho đến năm lên tám, tôi vẫn tưởng tôi có một người mẹ như những đứa trẻ khác, vì lúc nào tôi khóc thì lại có một bà đến ôm ấp, dỗ dành cho tôi nín.

Không bao giờ tôi đi ngủ lại không có bà đến vuốt ve tôi. Về mùa đông, khi gió gieo tuyết vào cửa kính trắng xóa, bà kéo chân tôi ủ vào hai bàn tay bà và ru tôi. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ giọng hát và câu hát của bà.

Khi tôi chăn bò trên những con đường cỏ xanh hay ở bãi hoang mà chợt gặp mưa to, bà vội

12 | Dịch giả: Hà Mai Anh

vã chạy ra đón, kéo vạt áo che đầu cho tôi và đưa tôi về.

Khi tôi cãi nhau với một đứa trẻ khác, bà bảo tôi kể lại cho bà nghe rồi bà tìm lời ngọt dỗ tôi và bao giờ cũng cho tôi là phải.

Vì những điều đó và nhiều điều khác nữa, vì giọng nói âu yếm, vì đôi mắt trù mến của bà, vì những sự vỗ về thương yêu tôi, vì vẻ nhân từ của bà dẫu khi mắng mỏ tôi, tôi cứ tưởng bà là mẹ tôi.

Đây, tại sao tôi biết bà chỉ là mẹ nuôi tôi thôi.

Làng tôi, hay gọi cho đúng, nơi tôi được nuôi nấng — vì tôi không có làng riêng cho tôi, không có nơi sinh mà không có cả cha lẫn mẹ nữa — làng mà tôi đã sống trong thời thơ ấu gọi là Tả Văn Ông, một làng vào hạng nghèo nhất ở nước Pháp.

Sự nghèo nàn đó không phải là tại dân cư đông đúc hay lười biếng mà chính là vì vị trí của làng ở vào một nơi ít màu mỡ. Đất không sâu,

muốn được hoa màu tốt phải có đồ bón nhưng ở miền này đều thiếu thốn. Vì thế người ta chỉ thấy (trong thời tôi ở đấy) một số ít ruộng được cày cấy, còn toàn là những bãi hoang bao la để cho bụi rậm và cỏ mọc đầy. Trên những bãi cao đó, lác đác cũng có một vài khóm cây to nhưng khi những ngọn gió may thổi đến thì còn trơ những cành khẳng khiu.

Muốn tìm những cây đẹp, phải xuống lũng, đến chỗ các bờ sông con; trong những đồng cỏ hẹp mới có những cây giẻ cao và những cây sồi xanh tốt.

Chính ở trong một những lũng đó, trên bờ suối, một dòng suối, đổ vào phụ lưu sông Loa, là nhà thân yêu của tôi, thời thơ ấu.

Ở đấy, cho đến năm lên tám, tôi không hề trông thấy một người đàn ông nào trong nhà. Tuy nhiên, mẹ tôi không phải góa bụa, vì chồng bà đi làm thợ đẽo đá ở Ba Lê cũng như phần đông người ở miền này. Từ ngày tôi đến tuổi hiểu biết, tôi không thấy ông ta về lần nào. Thỉnh thoảng bạn ông có về quê thì ông nhắn tin thôi.

14 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Bà Liên ơi! Ông ấy vẫn khỏe mạnh, có nhờ tôi về nói cho bà biết là việc làm ăn cũng khá và có gửi ít tiền về đây. Bà đếm lại xem.

Tin tức có thể thôi. Bà Bảo Liên cũng đành biết có thể thôi; chồng bà mạnh giỏi, công việc đều, làm ăn khá.

Ông Bảo Liên ở mãi Ba Lê không về, không phải là trong gia đình có chuyện xích mích gì đâu. Việc bất hòa không phải là nguyên nhân cuộc xa vắng đó. Ông phải ở luôn Ba Lê là vì công việc bắt buộc, có thể thôi.

Khi ông tuổi già, ông sẽ trở về. Với số tiền cóp nhặt, dành dụm, vợ chồng ông sẽ khỏi bị đói rét trong những ngày suy yếu.

Một ngày về tháng một, trời sắp tối, có một người đàn ông mà tôi không quen, đến đứng ngoài bờ giậu. Tôi ở trên hè đang chẻ củi. Người lạ mặt đứng ngoài ngẩn đầu vào hỏi tôi có phải đây là nhà bà Bảo Liên không.

Tôi mời ông ta vào. Ông khách đẩy cửa bước vào.

Ông ta lấm như vùi. Những vấy bùn chỗ khô, chỗ ướt bám từ đầu xuống chân. Trông thấy thế, ai cũng hiểu rằng ông ta đã vất vả trên những con đường lầy lội. Nghe có tiếng người, mẹ tôi chạy ra thì vừa gặp ông ta đang vào. Ông ta nói:

– Tôi đem tin ở Ba Lê về đây.

Đó là một câu rất quen tai, nhưng giọng nói câu đó nghe khác hẳn giọng nói các câu mấy lần trước thường kèm thêm những tin: « ông ấy khỏe mạnh, làm ăn khá ».

Mẹ tôi chấp tay lại và kêu to:

– Trời ơi! Chắc có tin chẳng lành cho chồng tôi!

– Phải đấy. Bà đừng lo sợ quá. Ông nhà bị thương, may không chết. Nhưng có lẽ rồi thành tật. Hiện giờ ông nằm nhà thương. Tôi nằm giường bên cạnh. Nhân tôi về quê, ông bảo đi qua nhắc giúp. Thôi, chào bà, tôi không thể ở lâu được vì còn phải đi ba dặm nữa, mà trời đã sắp tối rồi.

16 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Mẹ tôi muốn biết thêm, lưu ông khách ở lại ăn cơm. Đường thì xấu, mà người ta lại bảo trong rừng có nhiều chó sói, nên ông ta cũng vui lòng ở lại. Ông ta ngồi trong góc cạnh lò sưởi vừa ăn vừa kể lại cho chúng tôi nghe.

Ông Liên bị gióng xây nhà đổ sập xuống đè phải. Xét ra lúc bấy giờ không phải việc ông ở đấy nên chủ thầu không chịu bồi thường.

Ông khách nói thêm:

– Thực không may! Phải kẻ tinh khôn hơn có lẽ họ tìm cách đòi được tiền cấp dưỡng chung thân. Nhưng ông nhà thì chẳng được đồng nào.

Ông ta vừa sấy quần áo cứng cộp vì bùn khô lại, vừa nhắc lại câu « Thực không may! » với một vẻ buồn thành thực như tỏ ra rằng nếu vào địa vị ông, ông sẽ vui lòng xin cửa phăng đi một chân hòng đòi khoản cấp dưỡng chung thân. Để kết thúc câu chuyện, ông nói:

– Tuy nhiên, tôi đã khuyên ông nhà đệ đơn kiện chủ thầu.

Mẹ tôi nói:

- Kiện thì tốn kém lắm.
- Phải, nhưng lúc được kiện thì sao?

Mẹ tôi muốn đi Ba Lê xem sao nhưng đi là cả một sự phiền phức vì cuộc đi rất diệu vợi và tốn nhiều tiền.

Sáng hôm sau, chúng tôi đến hỏi ý kiến Linh mục làng. Cha bảo để xét xem mẹ tôi ra đó có ích gì, thì hãy nên đi. Rồi Cha viết thư cho Cha Tuyên úy ở nhà thương ông Liên nằm điều trị. Mấy hôm sau. Cha nhận được thư trả lời, bảo mẹ tôi không phải đi, cần gửi ít tiền ra cho ông để kiện chủ thầu.

Ngày, tháng qua. Thỉnh thoảng lại có thư về hỏi tiền. Lá thư cuối cùng khẩn bách hơn, bảo nếu hết tiền thì đem bán bò đi.

Những ai đã sống ở nhà quê, mới biết có bao nhiêu khổ não, đau đớn trong hai tiếng « bán bò.

18 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Trước con mắt nhà bác vật, bò là một giống nhai lại, đối với du khách đó là con vật tô điểm cho phong cảnh nên thơ mỗi khi nó nghếch cái mõm dầm sương trên đám cỏ, với trẻ con ở tỉnh, bò là nguồn cà phê sữa, bánh pho-mát kem. Nhưng đối với dân quê, còn có những điều hơn thế. Nhà dù nghèo đến thế nào, đông đến thế nào nếu trong chuồng có được một con bò cái thì nhất định không phải nhịn đói.

Với một cái dây thừng để dài hay quấn gọn trên sừng, một đứa trẻ có thể chăn nó trên những con đường đầy cỏ xanh non, không phải mất tiền mua. Rồi chiều đến, cả gia đình có đủ bơ để ăn súp, đủ sữa để dầm khoai. Cha, mẹ, con cái, người lớn cũng như trẻ con, mọi người đều sống về con bò.

Mẹ tôi và tôi, chúng tôi cũng sống, sống rất no đủ về con bò của chúng tôi, ngoài sữa ra không hề cần đến thịt thà. Con bò cái đó không những là vú nuôi của chúng tôi, nó lại còn là một người bạn thân nữa. Ta chớ tưởng con bò là một con vật không biết gì, trái lại, nó là một giống rất

thông minh và có nhiều đức tính ngày thêm nảy nở do sự huấn luyện mà ra. Chúng tôi vuốt ve nó, chúng tôi nói chuyện với nó, nó hiểu chúng tôi. Với nó, bằng đôi mắt dịu hiền, nó có thể tỏ cho chúng tôi biết ý muốn hoặc sự cảm biết của nó. Nói tóm lại, chúng tôi yêu nó và nó cũng mến chúng tôi.

Thế mà nó và chúng tôi phải lìa nhau, lìa nhau vì phải bán nó mới hài lòng ông Liên.

Hôm sau, một người lái đến. Sau khi ngắm nghía con Hồng Ti rồi vừa sờ nắn, vừa lắc đầu sau khi nói đi nhắc lại đến trăm lần là còn bò này chẳng vừa ý ông ta chút nào, bò nhà nghèo, khó bán lại, ít sữa mà sữa lại xấu. Sau cùng, ông ta cũng cố gắng mua, cốt để tỏ lòng tốt và để giúp đỡ bà Liên là một người đàn bà đảm đang.

Con Hồng Ti khốn khổ kia, hình như nó cũng biết câu chuyện vừa diễn ra nên nó không chịu ra khỏi chuồng và kêu rống lên.

Người lái tháo cái roi vẫn quàng ở cổ, đưa cho tôi và bảo:

20 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Em vào phía sau đánh cho nó ra.

Mẹ tôi bảo:

– Đừng làm thế!

Rồi cầm lấy dây, mẹ tôi nói nhẹ nhàng:

– Hồng Ti, ra đây! Ngoan!

Con Hồng Ti không kháng cự nữa. Ra đến đường cái, người lái buộc dây bò vào sau xe, thế là nó phải chạy theo ngựa.

Chúng tôi trở về nhà, vẫn còn nghe thấy tiếng bò kêu, lâu lâu mới hết.

Thế là hết sữa, hết bơ. Từ nay, sáng ăn bánh suông, chiều ăn khoai với muối. Bán bò được mấy hôm thì đến ngày lễ « Tuần Thánh » Năm ngoái, cũng ngày này, mẹ tôi đã làm một bữa bánh rán, bánh sữa, rất ngon. Tôi ăn lấy ăn để, mẹ tôi tỏ vẻ sung sướng vô cùng.

Bấy giờ chúng tôi còn Hồng Ti, nó cho sữa pha bột, cho bơ để bỏ chảo.

Bây giờ không còn Hồng Ti nữa, hết sữa, hết bơ, hết ngày « Tuần Thánh ». Tôi nghĩ mà buồn.

Nhưng mẹ tôi đã đem lại cho tôi một sự ngạc nhiên. Không phải vay mượn ai, bà đã xin hàng xóm người này một chén sữa, người kia một miếng bơ. Khoảng trưa, tôi về nhà, thấy bà đang lúi húi đổ bột vào cái chảo sành lớn. Tôi lại gần mẹ tôi và nói:

– A! Nhà có bột!

Mẹ tôi vừa cười vừa đáp:

– Có chứ! Bột đấy! Chính bột mì đấy! Minh xem nó có mịn không!

Lòng tôi muốn hỏi bột đó dùng để làm gì, nhưng tôi không dám nói ra. Tôi cũng muốn nhắc hôm nay là ngày lễ « Tuần Thánh » nhưng sợ làm mẹ tôi phiền lòng.

Chợt mẹ tôi hỏi:

– Đố Minh biết bột dùng để làm gì?

– Làm bánh mì.

22 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Làm gì nữa?

– Làm cháo sữa.

– Gì nữa?

– Trời! Con không biết!

– Có. Con biết đấy. Nhưng con là đứa trẻ ngoan nên con không nói đấy thôi. Con biết hôm nay Thứ Ba, ngày « Tuần Thánh » được ăn bánh rán, bánh sữa, Nhưng con thấy nhà hết bơ, hết sữa nên con không dám nhắc đến. Phải không?

– Mẹ...

– Mẹ biết trước thế. Nên mẹ đã sắp đặt để đến ngày lễ con khỏi phải nhăn nhó. Con nhìn trong thùng xem.

Tôi mở mạnh nắp ra. Tôi thấy nào sữa, nào bơ, nào trứng, nào khoai.

Mẹ tôi bảo:

– Lấy trứng ra đây cho mẹ làm. Con đi gọt khoai đi!

Trong khi tôi thái khoai. Mẹ tôi đập trứng cho vào bột, đánh đều rồi thỉnh thoảng lại trộn vào một thìa sữa.

Khi bột đã hòa xong, mẹ tôi đặt chậu lên đồng tro nóng để đến chiều làm, vì bữa tối chúng tôi mới dùng đến. Cho được thành thực, tôi xin thú rằng ngày hôm đó tôi thấy dài quá và nhiều lần tôi vào bếp mở trộm tấm khăn phủ chậu bột ra nom.

Mẹ tôi gắt:

– Đừng mở. Bột bị lạnh vào không nở đâu!

Nhưng tôi thấy bột vẫn nở tốt. Nhiều chỗ phồng lên và trên mặt có thứ nước như nước dùng. Bột lên men sao mà thơm thế, sức mùi trứng và sữa.

Mẹ tôi bảo tôi:

– Con nhóm bếp đi.

Không cần phải bảo đến hai lần, tôi vào bếp luôn vì đã nóng ruột lắm rồi. Trong giây lát một

24 | Dịch giả: Hà Mai Anh

ngọn lửa to đã bốc lên trong lò, Ánh sáng chập chùng chiếu khắp căn bếp.

Mẹ tôi liền tháo chảo ở trên tường xuống, đặt lên lò:

– Lấy bơ cho mẹ.

Tôi đem ra, bà hót một miếng vào đầu dao và bỏ vào chảo, bơ chảy ra và kêu xèo xèo.

A! Bơ thơm ngon quá vì đã lâu tôi không ngửi thấy mùi. Đồng thời, tôi lại được nghe một thứ âm nhạc vui tai do lửa reo và tiếng mỡ nổ hòa nên.

Trong khi tôi chăm chú nghe những âm thanh đó, thì hình như có tiếng chân bước ngoài sân. Ai lại có thể đến làm bận ta trong giờ này? Có lẽ bà hàng xóm sang xin lửa chẳng?

Nhưng tôi cũng chẳng để ý đến việc đó vì mẹ tôi đang múc ở chậu ra một thìa bột trắng tinh đổ vào chảo. Lúc này không phải là lúc bỏ đi chơi.

Tiếng gậy chạm vào ngưỡng cửa rồi hốt nhiên cánh cửa toang ra.

Một người đàn ông bước vào. Nhờ ánh đèn tỏ, tôi trông rõ người đó mặc một cái áo lu trắng, tay chống chiếc gậy to.

Người đó nói giọng chương chương:

– Đây cũng ăn « Lễ Tuần Thánh » à? Cứ làm đi.

Mẹ tôi bắc vôi chảo ra, kêu to:

– A! Ông đã về đấy à?

Xong, mẹ tôi cầm cánh tay tôi, đun tôi lại chỗ ông ta; ông đứng dừng lại. Mẹ tôi bảo tôi:

– Cha con đấy!

CHƯƠNG II

NGƯỜI CHA NUÔI

Tôi lại gần để hôn ông, nhưng ông lấy đầu gậy ngăn tôi lại và hỏi:

- Đứa này là đứa nào?
- Cu Minh đấy.
- Bà có bảo tôi là...
- Có. Nhưng không phải, vì...
- A! Không phải, không phải.

Ông giờ cao gậy, tiến lại phía tôi, tự nhiên tôi lùi lại.

Tôi đã làm gì? Tôi có lỗi gì? Tại sao lại có sự nhặt nhẻo khi tôi đến hôn ông? Tôi không đủ thì

giờ để suy nghĩ về việc đó, nó làm rối bời trong óc tôi.

Ông nói:

– Nhà này cũng ăn « Lễ Tuần Thánh ». Tốt lắm. Tôi đang đói bụng đây. Có gì ăn bữa tối không?

– Tôi đang làm bánh tráng.

– Bánh tráng, biết rồi. Nhưng không phải thứ đồ ăn dành cho một người đã đi bộ hơn mười dặm đường.

– Vì nhà chẳng có gì. Mà tôi không biết ông về.

– Thế nào! Không, không có gì mà ăn à?

Ông nhìn chung quanh rồi nói:

– Bơ kia thôi!

Rồi ông ngược mắt lên trần nhìn chỗ treo mỡ xưa nay, nhưng đã lâu, cái móc vẫn để chơ vơ dưới xà ngang có treo lơ thơ mấy nhánh tỏi và hành.

Ông lấy gậy chọc mấy nhánh hành xuống và nói:

– Hành đây thôi. Độ 4, 5 củ và một chút bơ là đủ làm súp rồi. Bà hãy bỏ bánh ra, cho hành vào.

Lấy bánh ở chảo ra! Mẹ tôi không cưỡng lại. Trái lại, mẹ tôi răm rắp làm theo ý ông. Còn ông ngồi tốt trên ghế dài cạnh bếp. Tôi không dám ra khỏi chỗ mà cái đầu gậy của ông đã chỉ định tôi ở đó. Tựa vào cạnh bàn, tôi đứng nhìn ông.

Ông trạc 50 tuổi, mặt phũ, tướng nghiêm, đầu hơi vẹo do thương tích gây nên. Hình thù đó làm tôi khiếp sợ.

Mẹ tôi lại đặt chảo lên bếp.

Ông nói:

– Làm súp bằng tí bơ thế thôi à?

Nói xong, ông tự cầm đĩa đổ cả cục bơ vào chảo.

Thế là hết bơ và cũng hết theo cả bánh rán.

Vào lúc khác thì chắc chắn tôi rất buồn về tai họa đó, nhưng lúc ấy tôi không tưởng gì đến bánh rán, bánh sữa mà chỉ nghĩ một điều là người có vẻ phũ phàng kia lại là cha tôi.

Cha ta, cha ta! Tôi lẩm bẩm tiếng đó trong miệng.

Ngày thường tôi không bao giờ tự hỏi để định rõ thế nào là một người cha. Tôi chỉ mừng tượng cha là một người mẹ có tiếng nói to. Đến bây giờ, nhìn người cha tự trên trời rơi xuống kia, tôi đâm ra đau đớn, sợ hãi.

Tôi muốn đến hôn ông, ông đã cầm gậy ngăn tôi lại. Tại sao thế? Mẹ tôi không bao giờ gạt tôi ra khi tôi đến hôn người, mà còn bế tôi lên và ôm chặt vào lòng nữa,

Chợt ông bảo tôi:

– Sao mà cứ đứng như tượng thế, rét lắm à? Ra dọn đĩa lên bàn đi.

Tôi vội vàng tuân lệnh. Đã nấu xong. Mẹ tôi múc ra cái đĩa.

30 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Ông liền rời góc lò sưởi đến bàn, ngồi vào ăn, thỉnh thoảng dừng lại để nhìn tôi.

Tôi bối rối và lo quá đến nỗi không nuốt được. Tôi cũng nhìn ông, nhưng nhìn trộm thôi, mỗi lần gặp mắt ông thì tôi lại trông xuống.

Chợt ông giờ thìa về phía tôi và hỏi:

– Thằng này ngày thường vẫn ăn hơn hôm nay chứ?

– Nó vẫn ăn được.

– Mặc xác nó. Nếu nó nhịn hẳn càng tốt.

Tôi chẳng buồn nói gì. Mẹ tôi cũng chẳng hơn gì tôi. Bà lảng lảng đi quanh bàn, chăm chú hầu chồng.

Ông lại hỏi tôi:

– Thế mày không đói à?

– Không.

– Vậy đi ngủ đi. Cố ngủ ngay đi, nếu không, tao cáo tiết.

Mẹ tôi đưa mắt cho tôi, ngụ ý bảo phải nghe lời không được phụng phịu. Nhưng sự dằn dò đó vô ích vì tôi không nghĩ đến việc làm reo.

Cũng như nhiều nhà khác của người dân quê, căn bếp nhà tôi vừa là chỗ đun nấu, vừa là chỗ để ngủ. Gần lò bếp để những thức dùng vào việc ăn: bàn, chạn, thùng đựng bánh. Đầu kia là tấm ngựa. Một góc là chỗ mẹ tôi nằm. Góc đối diện là giường tôi ngủ có che tấm riềm đỏ.

Tôi vội cởi áo ngoài và đi nằm. Còn ngủ, lại là một chuyện khác.

Mệnh lệnh không thể bắt người ta ngủ được. Người ta chỉ có thể ngủ được khi nào buồn ngủ hay khi nào lòng yên.

Thế mà, tôi không buồn ngủ, lòng tôi không yên, thì bảo rằng chợp mắt làm sao được? Hơn thế nữa tôi còn bứt rứt, buồn khổ. Người ấy là cha tôi à? Tại sao lại hắt hủi tôi như thế?

Quay mặt vào tường tôi cố xua đuổi những ý nghĩ đó trong đầu để ngủ đi theo lệnh của ông ta.

Nhưng vô hiệu. Không những không ngủ được mà tôi lại thấy càng tỉnh táo hơn.

Một lúc khá lâu tôi cũng không ước đoán được là bao nhiêu, tôi thấy có người đến gần giường tôi. Chân bước kéo lê, bước chậm chạp và nặng nề. Tôi biết ngay không phải là mẹ tôi.

Một luồng hơi nóng thoảng qua tóc tôi. Rồi có tiếng hỏi:

– Mà ngủ chưa?

Tôi khôn không trả lời, vì những tiếng « tao cái tiết » còn văng vẳng bên tai tôi.

Mẹ tôi nói:

– Nó ngủ rồi. Tính nó thế, hễ nằm xuống là ngủ ngay. Ông cứ nói đi không sợ nó nghe thấy đâu.

Đáng lẽ tôi phải nói là tôi còn thức nhưng tôi không dám vì người ta đã ra lệnh cho tôi ngủ mà tôi không ngủ là tôi có lỗi.

Mẹ tôi bắt đầu hỏi:

– Việc kiện của ông đã đi đến đâu rồi?

– Thua rồi! Các quan Tòa quả quyết rằng tôi có lỗi đứng dưới gióng xây và người chủ thầu không phải đền gì.

Nói xong, ông đấm mạnh xuống bàn và văng những lời thô tục.

Ông nói:

– Kiện thua, tiền mất, chân què, cùng khổ. Đã thế, về đây lại trông thấy thằng bé con. Tại sao bà lại không làm theo lời tôi bảo?

– Vì tôi không thể làm được.

– Bà không thể đưa nó đến Nhà Phúc?

– Tôi không nỡ đem cho một đứa trẻ tôi đã nuôi bằng sữa của tôi và tôi yêu.

– Nhưng không phải con bà.

– Mãi sau, tôi cũng định làm theo ông, nhưng lúc đó nó lại ốm.

– Ốm?

34 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Phải, nó ốm. Không phải là lúc đem nó đến Nhà Phúc để giết nó. Phải không?

– Thế khi nó đã khỏi?

– Nó không khỏi ngay. Hết bệnh ấy lại đến bệnh khác. Nó ho, ho như xé ruột gan! Ấy chính về bệnh đó mà thằng Niết nhà ta mất đấy. Nếu tôi đem thằng Minh ra tỉnh, tắt nó cũng chết nốt.

– Nhưng về sau?

– Năm tháng qua. Tôi đã có công đợi đến ngày đó thì tôi cũng còn đợi được.

– Hiện giờ nó lên mấy?

– Tám tuổi.

– Vậy thì đến năm lên tám, nó sẽ lại phải đi đến chỗ mà ngày trước người ta đã định cho nó.

– Ông ơi! Ông đừng làm thế. Đừng làm thế? Ai cấm ta được? Bà tưởng ta có thể giữ nó suốt đời?

Một lúc yên lặng. Tôi có thể thở được. Vì lúc

nãy, nổi cảm xúc đưa lên đến tận cổ, làm tôi nghẹn thở.

Mười phút sau, mẹ tôi lại cất tiếng:

– Ba Lê đã thay đổi tính nết ông nhiều quá! Trước khi đi Ba Lê ông có nói với tôi như thế đâu?

– Có lẽ. Nhưng điều đích xác nhất là nếu Ba Lê đã cải hóa tôi thì nó cũng đã bẻ què chân tôi. Bây giờ kiếm ăn thế nào được để nuôi tôi và nuôi bà? Nhà ta hết cả tiền rồi. Bò cũng bán rồi. Khi ta không còn gì để ăn, ta có còn nên nuôi nữa một đứa trẻ không phải con ta?

– Nó là con tôi.

– Không phải con bà mà cũng không phải con tôi. Không phải con trẻ nhà quê. Tôi đã nhắm kỹ lúc nó ăn cơm: nó gầy gò, mảnh dẻ, không có cánh tay, không có bắp chân.

– Đó là đứa trẻ đẹp nhất vùng này.

– Đẹp. Tôi không cãi. Nhưng phải mạnh mẽ.

36 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Nó có thể mài cái đẹp ra ăn được không? Người ta có thể xốc vác với hai cái vai như nó không? Nó là đứa trẻ tỉnh thành. Những trẻ tỉnh thành ở đây ta không cần đến.

– Tôi nói rằng nó là một đứa trẻ ngoan. Nó thông minh và có nghĩa, Nó sẽ làm việc cho ta.

– Trong khi chờ đợi, ta phải làm việc cho nó. Bà trông thân hình tôi, tôi không thể làm gì được nữa.

– Nếu cha mẹ nó đến đòi, ông sẽ ăn nói làm sao?

– Cha mẹ nó à? Không biết nó có cha mẹ không? Nếu có, người ta đã đi tìm rồi, đi tìm từ tám năm nay rồi, còn gì. A! Tôi đã đại dốt tưởng rằng một ngày kia, cha mẹ nó sẽ tìm, đến chuộc nó và trả công nuôi nó. Tôi chỉ là một thằng khờ, thằng xuẩn. Chỉ vì nó được bọc trong những cái tã viền ren, nhưng những cái tã đẹp đó không có nghĩa là cha mẹ nó sẽ đến tìm nó. Có lẽ họ đã chết rồi.

– Nếu họ còn sống, một ngày nào họ sẽ đến hỏi ta. Tôi yên trí rằng thế nào họ cũng đến.

– Ồ! Đàn bà hay nói bướng!

– Nếu họ đến thực?

– Tôi cho nó vào Nhà Phúc. Vắn tắt có thể thôi. Việc đó cũng làm cho tôi buồn, nhưng bắt buộc phải làm. Sáng mai tôi dẫn nó đến nhà Xã Trưởng. Bây giờ tôi đến thăm bác Phan. Tôi sẽ trở về trong một giờ.

Cánh cửa mở ra rồi đóng lại. Ông Liên đã đi chơi.

Bấy giờ, tôi ngồi nhắm dậy, gọi luôn:

– Mẹ ơi!

Bà chạy đến bên giường tôi.

– Mẹ có để cho con vào Nhà Phúc không?

– Không, con ạ, không.

38 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Rồi bà hôn tôi và ôm chặt tôi trong cánh tay. Sự âu yếm đó làm cho tôi vững dạ thêm. Tôi không khóc nữa. Bà dịu dàng hỏi tôi:

- Thế con không ngủ à?
- Không phải lỗi tại con.
- Mẹ có mắng con đâu. Vậy con đã nghe được tất cả những lời của ông Liên?
- Vâng, mẹ không để ra con, « nhưng » ông Liên không phải cha con.

Tôi nói những câu đó không cùng một giọng vì tôi thất vọng biết bà không phải là mẹ tôi, nhưng tôi rất sung sướng có phần hãnh diện, thấy ông Liên không phải là cha tôi, vì thế có sự tương phản trong tình cảm của tôi, nó lộ ra trong tiếng nói.

Nhưng mẹ tôi không tỏ vẻ gì là đã biết tâm trạng của tôi.

Mẹ tôi nói:

– Lắm lúc mẹ cũng muốn nói cho con biết sự thật, nhưng con chẳng khác gì con mẹ, nên không dùng chẳng lẽ nói ra. Con ơi! Người mẹ sinh con ra, như con đã nghe thấy, không biết ở đâu. Hiện còn sống hay chết? Cũng chẳng ai biết. Một buổi sáng kia, ở Ba Lê khi ông Liên đi làm qua Đại lộ Bảo Tương, một con đường rộng, hai bên trồng cây, bỗng ông nghe thấy tiếng con nít khóc. Những tiếng đó hình như từ một khuôn của vườn nọ đưa ra. Lúc đó là tháng Hai. Trời mờ sáng. Ông nhìn chung quanh xem có ai để hỏi thì ông trông thấy một người đàn ông ở sau một gốc cây to chạy ra rồi trốn mất. Chắc hẳn, người đó đợi xem có ai nhìn thấy đứa trẻ mà hẳn đã bỏ ở cửa vườn là hẳn trút được gánh nặng. Ông Liên cuống quýt, vì đứa trẻ càng khóc già, hình như nó thấy dịp may đã đến, phải bám lấy, không để bỏ qua. Trong khi ông Liên đang suy nghĩ không biết làm thế nào thì đám thợ khác cũng đến nơi. Người ta bàn tán rồi đưa đứa trẻ về sở Cảnh binh. Đứa trẻ cứ khóc hoài. Nó rét chẳng? Nhưng ở văn phòng Cảnh Sát Trưởng ấm lắm. Có lẽ nó đói thì đúng hơn. Người ta tìm

40 | Dịch giả: Hà Mai Anh

một bà gần đấy đến cho nó bú. Nó vô lấy. Nó đói thật. Lúc bấy giờ người ta mới cởi áo nó ra bên lò sưởi. Thì ra là một đứa con trai xinh đẹp độ 5, 6 tháng, hồng hào, to, mập trông rất hay. Những tã và khăn bọc đứa bé chứng minh rõ ràng đó là con nhà giàu. Đứa trẻ này có lẽ bị bắt cóc rồi đem bỏ đường. Đó là lời giải thích của ông Cảnh Sát Trưởng. Người ta làm gì bây giờ? Sau khi đã ghi tất cả những lời khai của ông Liên, tả hình dạng đứa bé cùng những khăn, tã không mang dấu hiệu, ông Cảnh Sát Trưởng bảo: trong những người hiện diện nếu không ai muốn rước nó về nuôi thì ông cho đưa nó vào Nhà Phúc. Một đứa trẻ kháu khỉnh, lành mạnh thế này rất dễ nuôi. Cha mẹ nó tất nhiên sẽ phải tìm nó và sẽ trọng thưởng người đã có công nuôi nấng nó. Ông Cảnh Sát Trưởng nói xong, ông Liên tiến ra xin rước nó về nuôi. Người ta giao nó cho ông ẵm về. Ngày ấy mẹ cũng có một đứa con trai bằng tuổi con. Nhưng mẹ cũng chẳng ngại nuôi cả hai đứa. Do đó, ta thành mẹ con.

– Ô! Mẹ ơi!

– Không may đứa con của mẹ nuôi được ba tháng thì mất. Bấy giờ mẹ lại thương con nhiều hơn. Mẹ quên hẳn rằng con không phải là con đẻ. Nhưng khốn nỗi ông Liên lại không quên như thế. Thấy được ba năm rồi không ai đến tìm con, ông muốn đưa con vào Nhà Phúc. Con đã nghe rõ tại sao mẹ không theo lời ông bảo.

Tôi vừa nắm chặt lấy mẹ tôi vừa kêu:

– Mẹ ơi! Đừng đi Nhà Phúc! Đừng đi Nhà Phúc! Con lạy mẹ!

– Không. Con ơi! Con không phải đi đâu. Mẹ sẽ thu xếp. Ông Liên không phải là người ác. Coi đó: chỉ vì lo, vì buồn mà ông sinh ra nóng nảy đó thôi. Mẹ sẽ đi làm. Con cũng sẽ đi làm.

– Vâng tất cả những việc do mẹ. Con chỉ muốn trừ việc đi Nhà Phúc.

– Con sẽ không phải đi, nhưng với một điều kiện là con phải đi ngủ ngay. Đừng để ông ấy về trông thấy con còn thức.

42 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Và sau khi đã hôn tôi, mẹ tôi bắt tôi quay mặt vào tường. Tôi cũng muốn ngủ lắm, nhưng lòng tôi bị xáo động, óc tôi bộn bề quá nên khó mà thư tâm được, khó mà ngủ được.

Như vậy, người mẹ rất tốt, rất thương tôi lại không phải là mẹ tôi. Thế thì một người mẹ thật là thế nào? Tốt hơn bà mẹ tôi bây giờ và thương tôi hơn hay sao? Ô! Không, không thể có được.

Nhưng cứ theo óc suy nghĩ của tôi lúc bây giờ thì một người cha thế nào cũng không tàn nhẫn như ông Liên và quyết không giơ gậy lên và nhìn tôi bằng con mắt lạnh lùng.

Ông muốn đem tôi cho Nhà Phúc. Liệu mẹ tôi có thể giữ được không? Mà Nhà Phúc là cái gì?

Trong làng có hai đứa trẻ mà người ta thường gọi là trẻ Nhà Phúc. Mỗi đứa đeo một lắc chì có sổ ở cổ. Chúng ăn mặc rách rưới và bẩn thỉu. Trẻ con trong làng thường chế diễu, đánh đập chúng. Có đứa độc ác hơn, xua đuổi chúng như những con chó lạc để nô đùa, cũng bởi những con chó lạc không người che chở.

A! Tôi không muốn như những đứa trẻ đó. Tôi không muốn có sổ đeo ở cổ, tôi không muốn có những trẻ chạy theo tôi và kêu: « Vào Nhà Phúc đi! Vào Nhà Phúc đi! »

Nghĩ tới đó, tôi phát rét lên, hai hàm răng run cầm cập. Tôi không ngủ được. Mà ông Liên cũng sắp về.

May sao, ông không về đúng giờ hẹn. Và cái ngủ đã đến với tôi trước khi ông về.

CHƯƠNG III

ĐOÀN HÁT RONG

Đêm trước tôi đã mê man trong một cơn ác mộng đầy sợ hãi lo âu, nên sáng dậy, cử chỉ thú nhất của tôi là sờ lại giường, nhìn những vật chung quanh nhà để yên trí là trong đêm, người ta đã không bế tôi đi nơi khác.

Suốt buổi sáng hôm đó, ông Liên không nói gì. Tôi tưởng rằng dự định đem tôi đi Nhà Phúc đã bỏ rồi. Có lẽ, mẹ tôi đã nói được cho tôi ở lại.

Nhưng đến trưa, ông Liên bảo tôi đội mũ và theo ông.

Sợ quá, tôi đưa mắt nhìn mẹ để cầu cứu. Nhưng bà ra hiệu cho tôi phải tuân lời, đồng thời, bàn tay bà sẽ đưa đi đưa lại, ngụ ý bảo không việc

gì mà sợ. Không nói năng gì, tôi bước ra theo ông.

Con đường từ nhà tôi vào trong làng xa quá, phải đi đến một giờ. Trong thời gian đó ông không hề nói với tôi một câu nào. Ông bước khắp khiêng, cổ cứng đờ, thỉnh thoảng quay cả hai vai lại nhìn xem tôi có còn theo nữa không.

Ông định đưa tôi đi đâu?

Câu hỏi này làm tôi buồn, mặc dầu bàn tay của mẹ tôi đã ra hiệu cho tôi cứ vững lòng, và muốn thoát cái nguy hiểm tuy không trông thấy nhưng tôi đã cảm thấy tôi định chạy trốn. Vì thế, tôi cố ý đi chùn lại đằng sau. Khi nào cách xa ông, tôi sẽ nhảy xuống hố rồi trốn đi, ông không thể nào đuổi kịp tôi được.

Đầu tiên, ông bảo tôi bước theo gót chân ông. Nhưng sau có lẽ đoán được ý định của tôi ông liền cầm cánh tay dắt đi.

Tôi chỉ còn cách theo ông thôi. Hết nhóc nhách.

46 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Chúng tôi cứ đi như thế vào tới trong làng. Trên đường, mọi người đều quay lại nhìn chúng tôi vì lúc đó tôi lệch thếch như con chó hay cần quàng bị xích cổ lôi đi.

Khi chúng tôi đi qua một hàng cà phê, một người đàn ông đứng ở cửa gọi và mời ông Liên vào.

Ông liền cầm tay tôi kéo lên và đẩy vào trước. Ông vào sau rồi đóng cửa lại. Tôi thấy dễ thở. Hiệu cà phê coi vẻ không phải là một nơi nguy hiểm, vả lại đã từ lâu, khi qua hiệu này, tôi thèm vào xem lắm.

Quán cà phê Đức Bà! Không biết đó là gì?

Đã bao nhiêu lần tôi tự hỏi thế.

Tôi thường trông thấy những người ở quán ra, mặt đỏ gay, chân lão đảo. Khi qua cửa, tôi thường nghe thấy tiếng kêu, tiếng hát làm rung cả cửa kính.

Người ta làm gì trong đó? Sau bức màn đỏ có những trò gì? Bây giờ tôi sắp được trông thấy.

Trong khi ông Liên ngồi vào một bàn để nói chuyện với chủ quán là người vừa gọi ông, tôi tìm chỗ gần là sưởi ngồi và nhìn chung quanh tôi.

Trong góc đối diện với góc tôi ngồi, có một ông già, cao lớn, râu bạc, mặc một bộ quần áo kỳ dị chưa từng trông thấy bao giờ. Đầu đội một cái mũ phớt cao màu xám có cắm những chiếc lông xanh, đỏ; mấy chùm tóc dài thông xuống tới vai. Một thứ áo trấn thủ bằng da cừu lông quay vào trong, bó chặt lấy người. Chiếc áo đó không có tay, ở hai lỗ hổng trên vai thò ra hai cánh tay mặc nhung lam đã bạc màu. Hai cái ghết lớn bằng len lên đến tận đầu gối, buộc bằng những vải đỏ quần chéo nhiều lần chung quanh ống chân.

Ông ta ngồi trên ghế tựa, khuỷu tay chống lên đầu gối co lại, bàn tay đỡ lấy cằm. Không bao giờ tôi trông thấy một người sống mà lại có một bộ ngay đờ như thế, chẳng khác chi một pho tượng trong Nhà Thờ.

48 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Ở gần ghế ngồi, có ba con chó đang nằm ép vào nhau cho ấm, không động đậy: một con chó trắng, một con chó xù đen và một con chó cái nhỏ lông xám, vẻ tinh khôn và dịu dàng. Con chó trắng đội một cái mũ cảnh sát có dây da buộc xuống cằm.

Khi tôi tò mò nhìn ông già thì ông Liên và chủ quán nói nhỏ với nhau. Tôi nghe thấy họ đang nói về chuyện tôi.

Ông Liên kể lại rằng ông ấy đang định đưa tôi đến nhà Xã Trưởng nhờ ông này nói với Nhà Phúc xin một món trợ cấp để nuôi tôi.

Điều này chắc mẹ tôi đã được biết rồi, và tôi hiểu ngay rằng nếu ông Liên nuôi tôi có lợi, thì tôi không lo sợ gì nữa.

Ông già như không để ý đến chuyện của hai ông kia, nhưng đã nghe được tất cả. Chợt ông giơ tay phải về phía tôi và hỏi ông Liên:

- Có phải thằng bé này nó làm phiền ông?
- Chính nó!

– Ông tưởng rằng ban quản trị Nhà Phúc quận ông sẽ trả tiền tháng cho ông chẳng?

– Phải, vì nó không có cha và tôi nuôi nó. Phải có người trả tiền cho nó thì mới công bình chứ?

– Tôi không nói là không. Nhưng ông tưởng rằng bất cứ cái gì gọi là công bình đều được thực hiện cả, phải không?

– Điều đó, không.

– Theo ý tôi, không đời nào ông lại xin được tiền trợ cấp.

– Thế thì cho nó vào Nhà Phúc. Nếu tôi không giữ nó nữa, có luật nào lại bắt tôi nuôi nấng suốt đời?

– Ngày xưa, ông đã thuận rước nó về, thế là ông đã cam kết giữ nó.

– Tôi sẽ không giữ nó nữa. Khi nào tôi cần cho nó ra đường, tôi sẽ cho nó ra.

50 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Có lẽ có một cách cho nó ra ngay bây giờ – ông già ngừng và nghỉ một tí nói tiếp – cho nó ra ngay bây giờ mà ông lại được ít tiền.

– Nếu ông mách tôi kế đó, tôi xin thết ông một chai rượu và vui lòng thết.

– Gọi rượu đi! Việc ông tất xong.

– Chắc chắn?

– Chắc chắn.

Ông già bỏ ghế tựa, lại ngồi đối diện với ông Liên. Lạ lùng quá, khi ông đứng dậy, có vật gì lủng bùng trong áo da cừu của ông: tôi đoán trong đó có con chó con.

Ông sắp nói gì? Có chuyện gì sắp diễn ra?

Tôi nhìn theo ông, lòng xúc động nặng nề.

– Ý ông muốn rằng thằng bé này không được ăn ở nhà ông lâu nữa hoặc nếu nó cứ tiếp tục ăn thì người ta phải trả tiền ông có phải thế không?

– Đúng thế, vì rằng...

– Khởi « vì rằng ». Ông phải biết nguyên nhân đó vô ích cho tôi, tôi không cần biết nguyên nhân. Chỉ cần biết ông không muốn nuôi nó nữa là đủ rồi. Nếu vậy, ông cho tôi, tôi nuôi.

– Cho ông?

– Thì ông muốn trút gánh nặng mà!

– Cho ông một đứa trẻ như thế này, một đứa bé đẹp vì nó là một đứa bé đẹp, ông hãy coi xem.

– Tôi đã coi rồi.

– Minh, con lại đây.

Tôi bước run run đến cạnh bàn, ông già nói:

– Lại đây. Con đừng sợ.

Ông Liên nói tiếp:

– Ông nhìn lại xem.

– Tôi không bảo nó xấu, tôi không cần đến. Nuôi những quái thai không phải việc của tôi.

– Nhưng nếu là những quái thai hai đầu, hay là một thằng lùn.

52 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Thì ông đã không đuổi nó vào Nhà Phúc. Ông phải biết một cái quái thai có thể có giá trị nếu người ta biết lợi dụng, hoặc cho gánh hát thuê, hoặc tự mình khai thác lấy. Nhưng mà thằng bé này không phải quái thai mà cũng không lùn, nó được cấu tạo như tất cả mọi người, thành ra nó không được việc gì.

– Được việc làm lụng chứ!

– Nó yếu quá.

– Nó yếu à? Coi lại xem. Nó khỏe như những đứa trẻ lành mạnh. Ông trông đôi chân nó kia, không có đôi chân nào thẳng thắn hơn.

Ông Liên vừa nói vừa vén quần tòi lên. Ông già chê:

– Mảnh dẻ quá!

Ông Liên nói:

– Còn hai cánh tay nữa.

– Tay cũng như chân, tạm được, nhưng không chịu đựng được nhọc nhằn lao khổ.

– Nó không chịu đựng được à? Ông nắn những bắp thịt nó xem.

Ông già đưa bàn tay xương xẩu ra sờ nắn bắp chân tôi, rồi lắc đầu bĩu môi.

Tôi đã từng chứng kiến một tấn kịch tương tự. Khi người lái đến mua bò nhà tôi. Người lái đó cũng sờ, cũng nắn. Người lái đó cũng lắc đầu, bĩu môi nói: Không phải giống bò tốt và không thể bán lại được. Rồi rút cục lại, cũng mua, cũng dắt đi. Ông già này không biết rồi có mua tôi và dắt tôi đi không? Mẹ ơi! Khổ thân con quá! Mẹ ơi!

Mẹ tôi nào có ở đó để bênh tôi.

Nếu tôi dám thì tôi đã kêu lên rằng: đúng đấy, ngày thường mẹ tôi vẫn chê tôi yếu ớt không có cánh tay, không có bắp chân, nhưng tôi hiểu rằng câu nói leo đó chỉ chuốc cho tôi những cái tát, nên tôi đành câm miệng.

Ông già nói:

54 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Nó là một đứa trẻ như tất cả những đứa trẻ khác, không có gì lạ. Nhưng nó là trẻ thành phố. Trẻ thành phố không bao giờ thích hợp với việc nhà nông. Ông thử cho nó theo cày để thúc bò xem nó chịu đựng việc đó được bao lâu?

– Mười năm.

– Không chắc được lấy một tháng.

– Ông nhìn lại xem.

– Ông nhìn lại xem.

Tôi đứng ở trên bàn, giữa ông Liên và ông già, bị xô đi đẩy lại, ngắm nghía nhiều lần. Sau cùng ông già nói:

– Nó là thế, tôi cũng thuận. Nhưng tôi chỉ bằng lòng thuê chứ không mua nó. Mỗi năm tôi trả ông 20 phật-lăng.

– 20 phật lăng?

– Đó là giá hời và tôi trả tiền trước. Ông nhận 4 đồng một trăm xu này, ông sẽ trút được cái nợ.

– Nhưng nếu tôi giữ nó, Nhà Phúc sẽ trả cho tôi mỗi tháng hơn 10 phật-lăng.

– 7, cùng lắm là 8 thôi, tôi đã biết giá, mà ông còn phải nuôi cơm nó nữa.

– Nó sẽ làm được việc.

– Nếu ông biết nó làm được việc thì ông đã không ruồng bỏ nó. Không phải vì tiền trợ cấp của Nhà Phúc mà người ta thường xin những trẻ mồ côi ra, chính vì công việc chúng làm. Người ta dùng chúng làm đầy tớ, những đứa đầy tớ trả tiền cho chủ và không được lĩnh công. Nếu thằng bé này có thể làm được việc thì ông cứ giữ nó lại.

– Dù sao, tôi sẽ vẫn được 10 phật-lăng.

– Nếu Nhà Phúc đáng lẽ để nó cho ông, lại lấy về cho người khác, có phải ông không được gì không? Có phải là ông vẫn bấp bênh không? Nếu giao dịch với tôi, ông không e ngại gì, ông chỉ có việc thò tay lấy tiền.

56 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Nói xong ông móc ở túi ra một cái ví da, và lấy 4 đồng bạc trắng xĩa lên mặt bàn kê loảng xoảng.

Ông Liên nói:

– Ông nên biết rằng, ngày một ngày hai, thằng bé này sẽ có cha mẹ.

– Ích gì cho tôi?

– Có lợi cho người nuôi chứ! Nếu tôi không tính đến cái lợi đó thì không bao giờ tôi lại rước nó về.

Câu nói của ông Liên: « Nếu tôi không tính đến cái lợi đó thì không bao giờ tôi lại rước nó về » làm cho tôi khinh ghét ông ta vô cùng. Thực là con người tham ác.

Ông già nói:

– Chính ông đợi mãi, món lời ấy không đến nên ông mới định đuổi nó ra đường. Sau này nếu cha mẹ nó đến thật thì họ hỏi ai? Chắc là hỏi ông chứ hỏi gì tôi, người ngoại cuộc.

– Nếu chính ông gặp cha mẹ nó trước?

– Thế thì chúng ta giao ước rằng một ngày kia cha mẹ nó tìm đến thì món lợi phải chia đôi. Bây giờ tôi trả ông 30 phật lạng.

– Đúng 40 phật lạng.

– Không. Công việc của nó sẽ giúp tôi không đáng món tiền đó.

– Nào những việc gì nó sẽ phải giúp ông? Muốn chân tốt thì chân nó tốt, muốn tay tốt thì tay nó tốt. Tôi nhất định giữ giá đó. Thế ông bảo nó thích hợp việc gì cho ông?

Ông già từng hứng nhìn ông Liên, nhấp nhấp cốc rượu rồi nói:

– Để cùng đi với tôi cho có bạn. Tôi có tuổi rồi, đôi khi sau một ngày đi rong nhọc mệt, chiều xuống, gió lạnh, mưa sa, tôi thường cảm thấy cô đơn, có nó tôi sẽ khuây lòng.

– Chắc hẳn vì thế mà chân phải cứng?

58 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Nó sẽ phải múa, phải nhảy, phải đi. Đi rồi lại nhảy, tóm lại là nó sẽ nhập vào đoàn ca vũ của ông Bầu Vỹ Tiên.

– Thế đoàn ấy ở đâu?

– Ông Bầu Vỹ Tiên là tôi. Còn đoàn của tôi, nếu ông nghi ngờ thì tôi xin giới thiệu ngay chắc là ông cũng muốn biết.

Nói xong, ông mở cái áo da cừu ra, lấy ra một con vật lạ, ôm vào ngực. Chính con vật đó, nhiều lần tôi thấy nó lùnh bùng trong áo ông mà tôi tưởng lầm là con chó con. Con vật đó là con vật gì? Có phải là con vật không? Tôi không tìm thấy tên để gọi con vật kỳ lạ đó mà tôi mới trông thấy lần thứ nhất. Hai tay và hai chân nó để trần, vì chính nó có hai tay và hai chân chứ không phải những cẳng như những con vật khác, nhưng da tay và da chân nó đều đen chứ không trắng hoặc có sắc thịt. Đầu nó cũng đen và to hơn nắm tay tôi. Mặt thì rộng và ngắn, mũi hếch có hai lỗ cách nhau, môi vàng. Nhưng điều làm tôi chú ý nhất là hai con mắt nó gần nhau, mở trùng trùng và sáng như gương.

Ông Liên kêu:

– A! Con khỉ!

Tiếng đó làm cho tôi bất sợ vì nếu tôi chưa bao giờ trông thấy khỉ; nhưng tôi đã nghe nói đến nó một đôi lần. Vậy không phải là thằng bé tí hon đen sì đứng trước mặt tôi, là con khỉ,

Ông Võ Tiên nói:

– Con này là đầu trò của đoàn tôi. Hảo Tâm ơi! Con ra chào công chúng đi!

Hảo Tâm đưa tay lên môi và gửi cho chúng tôi một cái hôn.

Võ Tiên lại lấy tay vẫy con chó trắng, nói:

– Bây giờ, chú Lãnh Nhi rất hân hạnh được giới thiệu các bạn trước quý khán giả có mặt tại đây. Con chó trắng, từ nãy vẫn nằm im, vùng dậy, đứng bằng hai chân sau, hai chân trước khoanh vào ngực, cúi chào thấp quá đến nỗi cái mũi cảnh binh chấm đất.

Thi lễ xong, Lãnh Nhi quay vào phía các bạn, một tay vẫn để ngang ngực, một tay ra hiệu.

Hai con chó khác, đã túc trực, liền đứng dậy, cầm tay nhau – như kiểu người ta dắt nhau – tiến lên sáu bước, rồi lại lùi xuống ba bước cúi chào toàn thể. Vỹ Tiên nói:

– Con mà tôi gọi là Lãnh Nhi, có nghĩa là chỉ huy, nó là trưởng của những con chó kia. Nó thuộc giống chó Ý, rất thông minh, giữ việc truyền lệnh của tôi cho các bạn nó. Con lông đen kia, trắng kiện và phong nhã, nên gọi là Hiệp Nhi. Còn con thứ ba, một con chó cái giống Anh, vẻ nhũn nhặn và dịu dàng rất xứng đáng với cái tên Thùy Nhi. Với những tên đồ đệ lỗi lạc hiếm có này, tôi ngao du ngày tháng để sinh nhai, khi dồi dào, khi eo hẹp, tùy theo cái may rủi của số phận. Lãnh Nhi!

Lãnh Nhi đứng khoanh hai chân trước.

– Chú lại gần đây. Tôi yêu cầu chú phải ngoan – vì đây toàn là những nhân vật có giáo dục mà tôi phải giữ lễ – phải ngoan để bảo cho cậu bé

đứng kia đang nhìn chú bằng đôi mắt tròn như hai hòn bi, biết bây giờ là mấy giờ.

Lãnh Nhi bỏ hai chân xuống, tiến đến gần chủ, mở cái áo da cừu, lấy cái đồng hồ quít, to tướng bằng bạc ra, nhìn vào mặt đồng hồ rồi ăng ẳng hai tiếng thật to và ba tiếng nhỏ hơn.

Lúc đó đúng hai giờ ba khắc.

Vỹ Tiên nói:

– Tốt lắm! Cảm ơn chú Lãnh Nhi, bây giờ yêu cầu chú mời cô Thùy Nhi ra trình bày tài nhảy dây của cô một chút.

Lãnh Nhi liền bới túi áo khách ông già lấy ra một cuộn dây. Nó ra hiệu cho Hiệp Nhi. Con này chạy ra đứng một bên. Lãnh Nhi ném cho nó một đầu dây. Rồi cả hai con cầm dây quay lên thả xuống. Khi dây quay đều tay, Thùy Nhi nhảy vào trong vòng và nhảy lên, nhảy xuống dịu dàng, mắt nhìn chủ. Ông già nói:

– Đây ông xem. Đám học trò tôi rất thông minh. Nhưng khiếu thông minh đó cần được so

62 | Dịch giả: Hà Mai Anh

sánh thì mới có giá trị rõ rệt. Vì thế, tôi muốn lấy thằng bé vào đoàn của tôi. Nó sẽ đóng vai con vật. Ốc thông minh của đám học trò tôi sẽ được nổi bật lên.

Ông Liên hỏi:

– Ố! Làm con vật...

Vỹ Tiên nói tiếp:

– Phải có trí khôn. Tôi chắc rằng thằng bé này không chịu kém nếu nó được huấn luyện. Ta có thể tìm ngay bằng chứng được nếu nó thông minh, nó hiểu, ở với ông Bầu Vỹ Tiên nó sẽ được điễm phúc đi ngao du khắp nước Pháp và các nước khác nữa, được sống một đời tự do, không phải theo sau con bò, quanh năm suốt tháng không phải dầm dãi ở cánh đồng. Còn như nếu nó kém thông minh, thì nó khóc, nó kêu. Mà ông Bầu Vỹ Tiên rất ghét những đứa trẻ làm tàng, ông không cần cho nó theo. Lúc đó đứa trẻ làm tàng sẽ phải vào Nhà Phúc để ăn ít và làm nhiều

Tôi cũng khá thông minh để hiểu những câu nói ấy, nhưng từ chỗ hiểu đến chỗ thực hành có một quãng ghê gớm khó qua.

Hiển nhiên là đám học trò của ông Võ Tiên ngộ thật, vui thật và được đi ngao du luôn luôn cũng là cái thú. Nhưng đi theo họ thì phải lìa mẹ tôi. Nếu tôi không chịu đi, có lẽ tôi cũng không còn được ở với mẹ tôi nữa, người ta sẽ đưa tôi vào Nhà Phúc.

Ốc tôi bối rối, nước mắt tôi ràn rụa. Chợt ông Võ Tiên lấy đầu ngón tay sẽ đập vào má tôi mà nói:

– Thế là thằng bé này đã hiểu, vì nó không kêu. Nó đã biết lẽ phải. Vậy, ngày mai...

Tôi kêu lên:

– Ông ơi! Để con ở nhà với mẹ con. Con xin ông tha cho con.

Tôi đang nói, con Lãnh Nhi kêu âm lên làm lấp cả tiếng tôi. Nó vừa cắn vừa nhẩy lên bàn chỗ con Hảo Tâm ngồi. Con này thừa dịp mọi người

64 | Dịch giả: Hà Mai Anh

quay lại nhìn tôi, bụng cốc rượu còn đầy của chủ lên uống. Nhưng Lãnh Nhi là một trật tự viên tinh mắt đã nhìn thấy con khỉ uống vụng và là một đầy tớ trung thành đã chạy đến ngăn cản kịp thời. Võ Tiên bảo con khỉ:

– Hảo Tâm, mi đã tham lam và ăn cắp. Lại ngay góc kia đứng quay mặt vào tường. Còn Hiệp Nhi hãy lại canh nó cho ta. Nếu nó động đây sẽ cho nó cái tát. Còn Lãnh Nhi, tốt lắm. Đưa chân cho ta bắt.

Con khỉ chạy ngay vào góc tường, tiếng kêu chín chít. Còn con chó vẫy đuôi sung sướng, giơ chân cho chủ.

Võ Tiên nói tiếp với ông Liên:

– Ta hãy trở lại câu chuyện ban nãy. Tôi xin đưa ông 30 phật lắng.

– Không được. Đúng 40.

Cuộc bàn cãi bắt đầu. Ông Võ Tiên ngừng lại nói:

– Thằng bé này đứng đây mãi, có vẻ buồn. Nên cho ra ngoài sân chơi một lát.

Đồng thời, ông đưa mắt cho ông Liên.

Ông Liên bảo:

– Phải đấy. Cho mày ra sân. Khi nào gọi mới được vào. Nếu không nghe tao câu tiết.

Ra sân, tôi không còn bụng dạ nào mà chơi được. Tôi ngồi trên một hòn đá, tư lự. Cái số phận của tôi đang được định đoạt trong giờ phút này. Nó sẽ ra sao? Cái rét và cái lo làm cho tôi gai người.

Vỹ Tiên và ông Liên bàn cãi lâu lắm, vì hơn một giờ sau ông Liên mới ra sân.

Ông lững thững ra một mình. Ông định dắt tôi giao cho Vỹ Tiên chăng?

Ông bảo tôi:

– Thôi, đi về nhà.

Về nhà! Có lẽ tôi không phải xa mẹ tôi nữa.

Tôi định hỏi ông Liên, nhưng không dám vì ông có vẻ buồn thiu.

Đường về lẳng lặng. Nhưng khi còn mười phút nữa tới nhà thì ông Liên dừng bước, quay lại kéo tai tôi thật đau và dặn rằng:

– Về nhà, nếu mày bép xép, nhắc lại những điều mà mày đã nghe thấy ở quán cà phê thì mày chết với tao. Nghe chưa?

CHƯƠNG IV

NHÀ MẸ TÔI

Khi chúng tôi vừa bước chân về đến nhà thì mẹ tôi hỏi ngay:

– Thế nào? Ông Xã trưởng bảo sao?

– Tôi không đến Trụ sở xã.

– Sao không đến?

– Không đến, vì tôi gặp mấy ông bạn ở quán cà phê Đức Bà giữ lại ngồi chơi. Khi ở đấy ra thì muộn quá. Để mai đi vậy.

Như vậy, ông Liên đã thôi việc giao dịch với ông già có lắm chó.

Trên đường về, nhiều lần tôi tự hỏi, chắc là lại có mưu mẹo gì đây. Nhưng nghe câu cuối cùng ông vừa nói thì tôi yên tâm và không ngờ vực gì

nữa. Vì ngày hôm sau, chúng tôi lại phải đến Trụ sở xã, thì chắc chắn rằng ông Liên đã bỏ việc bán tôi cho ông Vỹ Tiên.

Mặc dầu ông Liên đã đe dọa tôi, nếu được lúc thuận tiện thế nào tôi cũng kể lại chuyện cho mẹ tôi nghe. Nhưng suốt cả buổi chiều ông Liên không đi đâu cả. Tối đến, tôi phải đi ngủ, tiếc không sao có dịp nói với mẹ tôi.

Tôi lên giường ngủ, định tâm đến hôm sau thế nào cũng nói cho mẹ tôi hay.

Nhưng sáng hôm sau, khi tôi dậy thì tôi không thấy mẹ tôi đâu cả.

– Mẹ ơi!

– Bà ấy vào làng đến chiều mới về.

Tôi không hiểu sao sự vắng mặt của bà làm cho tôi lo âu ghê gớm. Hôm qua, bà không nói là hôm nay có việc phải vào làng. Sao bà không đợi chúng tôi cùng đi, vì trưa nay ông Liên sẽ đưa tôi đến chỗ Xã trưởng? Trước khi chúng tôi đi không biết bà có kịp về không?

Một sự sợ hãi mơ hồ làm hồi hộp trái tim tôi. Không biết rõ cái nguy hiểm nó đang đe dọa tôi, nhưng tôi cảm thấy một tai nạn gì sắp xảy đến cho tôi.

Ông Liên cứ chòng chọc nhìn tôi.

Tôi phải ra vườn lánh mặt.

Cái vườn đó, không to lắm, nhưng đối với nhà tôi rất có giá trị vì chính nó nuôi chúng tôi, cung cấp cho chúng tôi, trừ lúa mì ra, gần hết các thức ăn hàng ngày, nào khoai, đậu, nào bắp cải, củ cải trắng, đỏ... Vì thế, không một tấc đất nào bỏ không. Thế mà mẹ tôi cũng dành cho tôi một mẫu đất con để trồng những cỏ, những cây, những rêu mà tôi nhặt ở rìa rừng hay ở bờ giậu khi đi chăn bò, về cắm đầy đặc trong mẫu vườn của tôi.

Vườn tôi không phải là một hoa viên với những lối đi rải cát, với những luống hoa xinh đẹp mà những khách qua đường phải dừng chân bên hàng giậu xen đều để ghé trông. Nhưng tôi thấy nó đẹp và quý nó vì nó là của tôi, của riêng tôi.

Mùa hè trước, tôi kiếm được ít hạt giống về trồng, Tính đến mùa xuân tới thì mới nở hoa. Nhưng đó là những giống hoa sớm nên không đợi hết mùa đông nó đã lần lượt khai hoa.

Tính tò mò tôi lúc này càng thấy phấn động. Cây trường thọ đã có nụ vàng. Cây đinh hương đã đâm mấy cành chi chít những điểm tim tím. Và trong đám lá dăm gợn của cây ngọc trầm hoa trở lên mấy búp như sắp nở tung ra. Tôi thích thú vô cùng.

Nhưng còn một khoảng vườn mà tôi lưu tâm nhất là chỗ tôi đã trồng một thứ cây lạ, không có ở vùng này mà người ta đã cho tôi, đó là cây cúc vu. Người ta đã bảo giống cây này có những củ như khoai tây nhưng thơm ngon hơn. Những hứa hẹn tốt đẹp đó đã nảy cho tôi một ý kiến là sẽ làm cho mẹ tôi một bữa phải ngạc nhiên. Vì thế tôi không nói cho mẹ tôi biết. Nó có nảy mầm mọc lá, mẹ tôi sẽ tưởng là một giống hoa. Rồi đến ngày nào đó có củ, nhằm lúc mẹ tôi vắng nhà tôi bới lên, làm món súp tân kỳ — tôi chưa nấu súp bao giờ, nhưng chắc cũng dễ — và múc ra đĩa.

Ai sẽ phải ngạc nhiên? — Mẹ tôi.

Ai sẽ được vui sướng? Mẹ tôi.

Thế là chúng tôi có một món ăn mới thay cho món khoai thường xuyên và mẹ tôi cũng bớt đau khổ về việc bán con Hồng Ti.

Người sáng chế ra món ăn đó là tôi, là cu Minh. Như vậy tôi cũng có ích cho gia đình tôi đấy chứ.

Với dự định lớn lao ấy, ai cũng hiểu rằng tôi chăm chú đến cây cúc vu biết là dường nào. Ngày nào tôi cũng ra xem nó đã mọc đến đâu. Vì tôi nóng lòng chờ đợi nên thấy nó chẳng mọc được tí nào.

Tôi quỳ xuống đất, chống hai tay cúi đầu nhìn đám cúc vu. Bỗng có tiếng gọi tôi rất gấp. Tiếng ông Bảo Liên. Ông ấy muốn gì tôi?

Tôi vội vàng chạy về nhà.

Tôi tái mặt lại khi thấy ông Vỹ Tiên với đàn chó đứng trước lò sưởi. Tôi hiểu ngay Bảo Liên muốn gì.

72 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Biết thân là không hy vọng gì Bảo Liên thương tôi, cứu tôi, tôi liền chạy đến ông già:

– Ông ơi! Ông thương con. Ông đừng bắt con đi.

Rồi tôi khóc òa lên.

Ông già nhẹ nhàng bảo tôi:

– Nín đi. Con ơi! Đi với ta, con sẽ không khổ đâu, ta không hay đánh trẻ con. Rồi con có những học trò ta làm bạn, chúng rất vui. Con còn tiếc gì nữa?

– Mẹ tôi! Mẹ tôi!

Bảo Liên kéo tay tôi và nói:

– Dù sao, mày cũng không được ở cái nhà này nữa. Đi với ông già hay đi Nhà Phúc. Mày chọn đảng nào thì chọn!

– Không! Tôi ở với mẹ tôi.

Bảo Liên nổi giận dùng dùng găm thét:

– À! Mà y nhiều tao có phải không? Nếu mà y muốn đánh để tao đánh cho mà y xem.

Vỹ Tiên can:

– Thằng bé này nó nhớ mẹ nó. Không nên vì thế mà đánh nó. Nó có lòng tốt đấy.

– Nếu ông nựng nó, nó lại kêu già!

– Bây giờ ta thanh toán cho xong đi.

Nói xong Vỹ Tiên xĩa lên bàn 8 đồng 5 phật lăng.

Bảo Liên vợ luôn bỏ túi.

Vỹ Tiên hỏi:

– Gói đồ đầu?

Bảo Liên đưa một bọc, gói bằng chiếc mùi soa xanh thắt bốn góc, nói:

– Đây.

Vỹ Tiên cởi nút mùi soa xem: trong có hai sơ-mi và một cái quần vải của tôi.

Vỹ Tiên nói:

– Không đúng như lời đã giao ước. Quần áo lành đâu? Đây ông đưa toàn đồ rách.

– Không có đồ nào khác.

– Nếu hỏi thằng này tất nó sẽ nói là không đúng. Nhưng thôi, tôi không muốn cãi với ông vì tôi không có thì giờ. Tôi phải đi bây giờ. Đi bé con! À tên nó là gì?

– Lê Minh.

– Vậy Lê Minh hãy cầm gói đồ, đi trước con Lãnh Nhi. Tiến đằng trước, tiến!

Tôi khóc và giơ hai tay về phía ông già, rồi về phía Bảo Liên nhưng cả hai người đều ngoảnh mặt đi. Tôi thấy bàn tay ông già cầm cổ tay tôi kéo đi.

Phải đi.

Than ôi! Ngôi nhà yêu dấu, khi bước chân khỏi cửa, tưởng chừng như tôi đã để lại một miếng da, miếng thịt của tôi.

Tôi vội nhìn chung quanh tôi, nhưng mắt tôi mờ đi vì ràn rụa nước mắt, tôi chẳng nhìn thấy ai để kêu cứu cả. Không có một ai trên đường và cũng không có người nào ở cánh đồng cỏ gần đó.

Tôi cất tiếng gọi:

– Mẹ ơi! Mẹ Liên ơi!

Nhưng không ai trả lời. Tiếng kêu của tôi nghẹn dần.

Tôi phải theo, Vỹ Tiên không buông cổ tay tôi.

Bảo Liên nói theo:

– Lên đường mạnh giỏi!

Rồi ông ta vào nhà.

Than ôi! Thế là hết!

Vỹ Tiên bảo tôi:

– Minh! Con đi đi chứ!

Và bàn tay ông ta kéo tôi đi.

Lúc đó, tôi đi cạnh ông. May sao ông không bắt tôi đi nhanh và hình như ông theo bước tôi, đi chậm lại.

Con đường chúng tôi đi dần dần lên núi và theo hình chữ chi. Mỗi một chỗ ngoẹo, tôi lại nhìn thấy nhà mẹ tôi nhỏ dần, nhỏ dần đi. Nhiều lần tôi đã đi qua con đường này tôi biết rằng chỉ còn một chỗ ngoẹo nữa là còn trông thấy nhà tôi thôi. Qua chỗ này vài bước, lên tới cao nguyên thì hết; hết cả không còn gì. Trước mặt tôi phong cảnh lạ lùng, sau lưng tôi là căn nhà ở đây, cho tới ngày nay, tôi đã sống sung sướng mà rồi đây có lẽ không bao giờ tôi lại được nhìn thấy nữa.

May sao cái dốc đó khá dài. Nhưng đi mãi rồi chúng tôi cũng lên đến đầu dốc.

Vỹ Tiên vẫn nắm cổ tay tôi. Tôi nói:

– Ông cho con nghỉ một chút.

– Được con cứ nghỉ.

Thế là lần đầu tiên mà ông già buông cổ tay tôi ra.

Nhưng đồng thời, ông đưa mắt nhìn con Lãnh Nhi và ra hiệu con này hiểu ngay. Lập tức, Lãnh Nhi bỏ đàn chó và đến ngồi chồm hổm bên tôi.

Tôi hiểu là ông già đã ra lệnh cho con chó gác tôi. Nếu tôi làm một cử động gì để trốn, nó sẽ nhảy vào cắn chân tôi.

Tôi tìm chỗ ngồi trên một mỏm đá đầy cỏ êm. Lãnh Nhi theo sát tôi.

Ngồi trên mỏm đá, tôi đưa mắt tìm mẹ tôi, nước mắt cứ tràn ra.

Dưới chân tôi là một thung lũng mà ở đó, chúng tôi vừa đi qua, cánh rừng và cánh đồng cỏ rồi đến chỗ thấp hơn hiện lẻ loi ngôi nhà êm đềm của tuổi thơ tôi, ngôi nhà mẹ tôi.

Nhà đó dễ nhận vì ở giữa đám cây cao, có một làn khói xanh xanh từ mái bếp tỏa lên trời và bay về phía tôi ngồi.

Không rõ vì quá tưởng tượng hay vì sự thực mà làn khói đó đưa đến bên tôi một mùi quen

78 | Dịch giả: Hà Mai Anh

thuộc của cảnh sồi, thứ củ duy nhất mà chúng tôi đã dùng trong suốt mùa đông. Tôi mừng tượng như là đang ngồi cạnh bếp nhà tôi, trên chiếc ghế dài, hai chân vùi vào đống tro, gió luồn vào nóc bếp hắt khói vào mặt chúng tôi. Mặc dầu, tôi ở xa và ngồi cao, trông về nhà tôi, mọi vật đều giữ nguyên hình rất rõ, duy có phần rút nhỏ đi thôi.

Trên đống phân khô, con gà mái nhà tôi, con gà cuối cùng còn lại, đang đi lại kiếm ăn, nhưng nó trông nhỏ đi nhiều. Nếu người không biết nó thì cho đó là con chim câu. Đầu nhà, tôi nhìn thấy cây táo thân cong mà tôi vẫn giả làm ngựa để cưỡi. Rồi, bên cạnh dòng suối như một giải bạc trên đám cỏ xanh, tôi nghĩ đến cái rãnh sâu mà tôi đã có công đào, xẻ để chạy cánh cối xay, một thứ chong chóng tôi chế mất bao nhiêu thì giờ mà nó không sao quay được.

Tất cả mọi vật đều ở chỗ cũ, từ cái xe một bánh của tôi, cái cày làm bằng cành cây của tôi, cái chuồng thả khi chúng tôi còn nuôi thả, cho đến cái vườn, cái vườn thân yêu của tôi, nhìn rõ mồn một.

Ai sẽ xem nó nở. Những bông hoa xấu số của tôi? Ai sẽ sờ đến khóm cúc vu của tôi? Chắc hẳn là Bảo Liên, con người độc ác.

Chỉ còn một bước nữa là tôi mất tất cả những thức thân yêu đó.

Chợt trên con đường về nhà tôi, tôi nhìn xa xa thấy bóng cái mũ vải trắng. Nó biến vào trong đám cây rồi lại hiện ra.

Từ chỗ tôi đến đó xa quá nên tôi chỉ nhìn thấy sắc trắng trắng của cái mũ lượn ở trong đám cành cây như một cánh bướm mùa xuân. Cũng có những lúc lòng người nhìn rõ hơn mắt, dù là những con mắt tinh nhất. Vì thế, tuy đứng xa, tôi biết ngay là mẹ tôi. Phải, chính mẹ tôi đấy. Không còn nghi ngờ gì nữa.

Vỹ Tiên chợt gọi tôi:

– Minh ơi! Ta tiếp tục đi đi!

– Ô! Thưa ông, con xin ông cho con...

– Bảo Liên nói không đúng. Mà không có

chân. Mới đi có thể đã nhọc. Như thế thì còn làm ăn gì được.

Tôi không trả lời. Tôi cứ nhìn về phía nhà tôi.

Chính mẹ tôi. Chính mũ vải của bà, chính chiếc áo xanh của bà. Chính bà đó. Bà rảo bước hình như mong cho chóng về tới nhà. Về đến cổng, bà đẩy cửa vào, đi qua sân rất nhanh.

Tôi liền đứng choàng dậy trên mòm đá, không để ý đến con Lanh Nhi nhảy đến bên tôi.

Mẹ tôi không ở trong nhà lâu, bà ra ngay và hốt hải chạy ngang chạy giữa trong sân, hai cánh tay giơ lên thất vọng. Mẹ tôi đang tìm tôi đấy.

Tự nhiên tôi cúi mình về đằng trước gào to:

– Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Nhưng tiếng gọi của tôi không xuống tới chân núi, không át nổi tiếng suối rì rào. Nó tắt hẳn trong khoảng không.

Vỹ Tiên hỏi tôi:

– Gì thế? Mà yên à?

Không trả lời, tôi đứng trơ, hai mắt rọi sâu về phía mẹ tôi, nhưng mẹ tôi nào có biết tôi còn đang được đứng gần mẹ tôi. Bà không nghĩ ngừng đầu lên để nhìn tôi.

Bà lại đi qua sân, ra hẻm ngoài đường nhìn tứ phía. Tôi lại gào to hơn nhưng cũng như lần trước, không hiệu quả gì.

Bấy giờ Võ Tiên nghi hoặc, cũng leo lên mòm đá, chỗ tôi. Ông nhận ngay thấy cái mũ trắng trắng đang cử động. Ông nói một mình:

– Khốn nạn cho thằng bé!

Phấn khởi bởi câu nói của ông, tôi liền kêu:

– Ông ơi! Ông thương con? Ông cho con về với mẹ con.

Nhưng ông cầm cổ tay tôi dặt xuống và nói:

– Con ơi! Chúng ta nghỉ đã lâu rồi. Bây giờ đi đi.

Tôi định giật tay ông ra nhưng ông già giữ chặt quá. Ông gọi:

– Lãnh Nhi đâu! Hiệp Nhi đâu!

Tức thì hai con chó vây tôi. Hiệp Nhi đi trước, Lãnh Nhi đi sau. Đi được vài bước, tôi quay đầu lại. Chúng tôi đã qua đỉnh núi. Tôi không nhìn thấy thung lũng và nhà tôi nữa. Xa xa, chỉ thấy những ngọn đồi xanh lơ nhô trên nền trời cao rộng. Mắt tôi nhòa trong khoảng vô tận.

CHƯƠNG V

LÊN ĐƯỜNG

Người ta không cần phải là một con quỉ hay cần phải dự trữ thịt tươi để ăn mới mua trẻ con đến 40 phật lạng!

Ông Võ Tiên không ăn thịt tôi, cũng là sự hiếm có trong bọn người chuyên mua con nít, vì ông không phải là người ác.

Đây là một bằng chứng.

Chúng tôi ở trên ngọn núi phân cách triển sông Loa và triển sông Đô mà Võ Tiên không cho tôi nhìn nhà cũ và lại nắm tay tôi lôi đi. Một lát sau thì chúng tôi xuống sườn núi phía Nam.

Ông buông tay tôi ra và nói:

– Bây giờ, con đi thông thả bên cạnh ta. Nhưng con đừng quên rằng nếu con chạy trốn thì Lãnh Nhi và Hiệp Nhi sẽ đuổi theo ngay. Rằng chúng nó dài lắm đấy.

Chạy trốn ư? Tôi nhận thấy bây giờ không thể làm được. Vì thế, tôi không nghĩ đến sự trốn.

Tôi thở dài.

Vỹ Tiên bảo tôi:

– Con buồn? Ta hiểu lắm và không ghét con đâu. Con cứ khóc đi, tha hồ khóc nếu con không cầm được nước mắt. Có điều con nên nhớ rằng không phải ta đưa đi để đày ải con đâu. Nếu ở lại con sẽ trở nên thế nào? Chắc chắn là phải vào Nhà Phúc. Những người đã nuôi con không phải là cha và mẹ con. Mẹ con, mà con vẫn gọi, thương yêu con lắm, nay xa bà thì con nhớ. Điều đó tốt lắm. Nhưng con thử nghĩ xem, bà ta có thể trái ý chồng mà giữ con được không? Còn người chồng không đến nỗi tàn nhẫn như con tưởng. Ông ta hết tiền rồi, lại mang cái chân tàn tật không làm lụng được. Ông ta nghĩ không thể

chịu nhịn đói để nuôi con. Con ơi! Con nên hiểu rằng đời người ta là một cuộc chiến đấu, trong đó người ta thường không thể làm được những điều người ta muốn.

Đó là những điều dạy dỗ đầy kinh nghiệm, nhưng bây giờ có một tiếng kêu to hơn làm át những lời khuyên ấy đi, đó là những tiếng lòng của buổi chia ly. Tôi sẽ không bao giờ được nhìn thấy người đã nuôi nấng tôi, vuốt ve tôi, người mà tôi thương yêu nhất trên đời: Mẹ tôi.

Mỗi khi nghĩ đến thì tôi lại ghen ngào. Tuy nhiên, đi luôn bên cạnh Võ Tiên, tôi cố nhắc lại trong óc những điều ông vừa bảo tôi.

Ông nói rất phải, Bảo Liên không phải cha tôi. Lý nào bắt ông ấy phải nhịn đói nuôi tôi. Ngày trước, ông ấy đã sẵn lòng rước tôi về nuôi, bây giờ ông ấy đuổi tôi chỉ vì không thể cứu mang tôi được nữa. Thế thì không phải một hôm nay mà tôi phải nhớ đến ông ấy, mà tôi còn phải nhớ tất cả những năm tôi đã lớn lên trong nhà ông.

Võ Tiên thỉnh thoảng lại nói bên tại tôi:

– Con ơi! Hãy nghĩ kỹ những điều ta nói: Đi với ta, con không đến nỗi khổ đâu!

Sau khi đã xuống một quãng sườn núi dốc, chúng tôi tới một vùng đất hoang dã, phẳng lì và mênh mông đến tận chân trời. Không cây lớn, không nhà cửa. Đó là một cao nguyên mọc đầy những bụi rậm đỏ hoe; đây đó có những đám cây kim tước cần cỗi rạp rờn theo làn gió.

Vỹ Tiên giơ tay chỉ vào bãi hoang bảo tôi:

– Con xem, bây giờ thì khó trốn lắm. Lãnh Nhi và Hiệp Nhi sẵn đuổi ngay.

Lúc đó, tôi không nghĩ đến việc trốn. Tôi chỉ nghĩ không biết bây giờ đi đâu? Đi đến nhà ai? Dù sao, ông già cao lớn, đẹp lão râu bạc này có lẽ không ghê gớm như óc tôi tưởng tượng lúc ban đầu. Nếu ông là thầy tôi thì may ra cũng không đến nỗi là ông thầy ác nghiệt.

Chúng tôi đi mãi trong một niềm cô quạnh hết truông đến bãi, xa xa nổi mấy ngọn đồi trơ trụi.

Với óc non dại của tôi, tôi cứ tưởng tượng du lịch là ra khỏi lũy tre làng, được quan sát những phong cảnh đẹp, nhưng thực tế ra, trái hẳn với những điều mắt thấy lúc bấy giờ.

Là lần thứ nhất trong đời mà tôi phải đi một mạch dài không nghỉ

Thầy tôi bước đều chân, cõng con Hảo Tâm trên vai, hoặc đeo trong địu. Mấy con chó chạy lon ton cạnh chủ.

Thỉnh thoảng ông lại nói với con chó một câu thân ái khi tiếng Pháp, khi bằng thứ tiếng mà tôi không hiểu.

Xem ra chủ cũng không và những con chó cũng không biết nhọc. Riêng tôi, không thể, tôi thấy lả người. Vì sức đã kiệt, lòng lại đau, tôi thấy nhọc người phải lê từng bước, cố theo kịp thầy tôi. Tôi không dám nghỉ chân. Thầy tôi nói:

– Những chiếc guốc nó làm cho con khó đi. Đến Ích Sơn ta sẽ mua giày cho con.

Câu đó làm cho tôi phấn khởi.

Thực vậy, xưa nay tôi vẫn mơ ước một đôi giày. Con ông Xã trưởng và con người chủ tiệm ăn đều đi giày cả. Mỗi sáng chủ nhật, khi dự lễ Nhà Thờ, chúng đi êm ả trên nền gạch, còn tôi và những người nhà quê khác, lê những đôi guốc to kêu chí chát điếc tai.

– Ích Sơn còn xa lắm không?

Vỹ Tiên cười to và nói:

– Đó là tiếng nói của lòng con! Con ơi! Con muốn có giày lắm phải không! Ta hứa cho con những đôi giày đế đinh. Ta cũng hứa sẽ mua cho con một cái quần nhung, một cái áo vét và một cái mũ. Ta mong những cái đó sẽ an ủi con để con cố sức mà đi chùng sáu dặm đường nữa.

Đôi giày đế đinh! Tôi thích quá và nguôi dần nỗi buồn.

Không, chắc hẳn thấy tôi không phải là một người độc ác.

Người độc ác thì có bao giờ nhìn thấy đôi guốc của tôi nó làm tôi đau chân?

Đôi giày, đôi giày đế đĩnh! Một quần ngắn bằng nhung! Một áo vét! Một cái mũ! A! Nếu mẹ tôi được trông thấy tôi ăn mặc tươm như thế, tất lấy làm hạnh diện lắm.

Khốn nỗi Ích Sơn còn xa lắm. Mặc dầu giày đĩnh và quần nhung ở cách đây sáu dặm đường mà chúng tôi còn phải đi, tôi thấy khó lòng đi nổi quãng đường xa đó.

May sao, thời tiết đến giúp tôi.

Trời vẫn xanh từ lúc khởi hành, dần dần kéo mây đen rồi đổ mưa, một trận mưa nhỏ hạt và liên miên.

Vỹ Tiên có áo da cừu đủ che mưa. Con Hảo Tâm gặp giọt mưa thứ nhất đã chui vào hang cũ. Còn những con chó với tôi, chúng tôi không có gì che thân, đành chịu để nước mưa thấm đến da. Tuy vậy, những con chó có cách giữ lông, vẩy cho bớt nước, còn tôi không được phú cái phương tiện thiên nhiên ấy, đành phải bước chân dưới những hạt mưa dày giá lạnh.

Chợt thấy tôi hỏi tôi:

90 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Con có dễ bị cảm không?

– Con không biết. Con không nhớ có bị cảm bao giờ.

– Như vậy tốt. Trong người con khỏe đấy. Nhưng muốn ta không muốn dãi dầu con một cách vô ích. Hôm nay chúng ta đi đến đây thôi. Phía trước có một làng, chúng ta sẽ vào tìm nhà ngủ.

Làng đó không có quán trọ và chả nhà nào muốn chứa một hạng hành khất có đứa trẻ và đàn chó theo sau, người cũng như vật đều lấm như chôn như vùi. Họ trả lời:

– Đây không phải chỗ trọ.

Rồi họ đóng sầm cửa lại. Chúng tôi đi hết nhà nọ đến nhà kia, không một nhà nào cho chúng tôi vào cả. Có lẽ phải đi luôn bốn dặm nữa cho tới Ích-Sơn? Không được nghỉ chẳng?

Đêm tối dần, mưa càng lạnh. Tôi thấy chân tôi cứng đờ như chân gỗ.

Tôi nhớ đến nhà mẹ tôi và nghĩ:

– Ở nhà sung sướng quá!

Cuối cùng, một người ở làng có lòng từ thiện cho chúng tôi vào tạm trú ở buồng chứa cỏ, và giao hẹn không được đốt lửa.

Chủ nhà bảo Võ Tiên:

– Ông già đưa diêm cho tôi giữ, mai ông đi tôi sẽ trả.

Thế là ít ra chúng tôi cũng có một mái nhà để trú ẩn trong đêm mưa lạnh.

Võ Tiên là một người cẩn thận đã mang sẵn lương thực. Trong cái túi nhà binh ông vẫn đeo trên vai, có chứa một tấm bánh mì. Ông liền lấy ra chia làm bốn miếng.

Lúc bấy giờ tôi mới biết ông già đã giữ kỷ luật trong đoàn một cách nghiêm ngặt như thế nào.

Lúc chúng tôi tìm nhà đến ngủ nhờ, con Hiệp Nhi chạy sộc vào nhà nọ rồi ra luôn với miếng vỏ bánh mì ngậm ở miệng.

Vỹ Tiên trông thấy chỉ nói:

– Hiệp Nhi! Giỏi thật! Tối sẽ hay!

Khi ông già lấy bánh ra, tôi quên hẳn việc con Hiệp Nhi ăn cắp thì thấy nó cúi đầu buồn bã.

Chúng tôi ngồi trên hai bó cỏ, hai người hai bên, con Hảo Tâm ở giữa. Ba con chó xếp hàng trước mặt chúng tôi. Lanh Nhi và Thùy Nhi nghech mồm nhìn chủ, còn Hiệp Nhi thì cúi đầu và tai cụp xuống.

Vỹ Tiên hạ lệnh:

– Quân ăn cắp không được đứng trong hàng, phải ra một góc và nghỉ ăn bữa tối. Hiệp Nhi bò ra khỏi chỗ, đến một góc mà Vỹ Tiên vừa chỉ tay. Nó chui vào trong đám cỏ khô. Chúng tôi không trông thấy nó nữa, nhưng nghe thấy tiếng u ú như than khóc.

Xử xong, ông già đưa bánh cho tôi. Rồi ông vừa ăn vừa ném dần những miếng bánh nhỏ cho con Hảo Tâm và hai con chó.

Mấy tháng gần đây, nhà tôi tuy bán bò rồi, nhưng tôi cũng không đến nỗi kham khổ. Ôi! Món súp nóng mẹ tôi vẫn làm ngon biết bao mặc dầu không có bơ! Không chiều nào là không có. Bên cạnh đồng lửa, êm ấm biết bao! Tôi sung sướng chui vào trong chăn, che kín cả đầu.

Nhưng than ôi! Còn đâu nữa nào đệm, nào chăn! Có được cái ở bằng cỏ khô cũng đã quý lắm rồi! Mình đau như dằm. Chân sút vì guốc, tôi gầy gầy rét trong bộ quần áo dầm nước.

Trời tối đã lâu rồi, tôi không sao ngủ được.

Vỹ Tiên hỏi:

– Minh ơi! Răng con lập cập, con rét à?

– Vâng hơi rét.

Tôi nghe thấy ông già mở đậy.

Ông nói:

– Ta cũng không có nhiều quần áo. Đây có cái sơ mi khô và cái gi-lê cũ. Con cởi áo ướt ra

94 | Dịch giả: Hà Mai Anh

mặc tạm vậy. Rồi con chui sâu vào đám cỏ khô, con sẽ đỡ rét và ngủ được.

Có phải ngày nào rồi cũng như hôm nay không? Đi bộ dưới trời mưa không nghỉ, ngủ trong vựa cỏ, rét run người, bánh khô thay súp, không người thương hại, không người yêu dấu, không có mẹ ở bên mình nữa!

Khi tôi đang trần trọc, trái tim nao nao, nước mắt ràn rụa, tôi thấy một hơi nóng rọi vào mặt tôi. Tôi giơ tay ra thì thấy lông mềm của con Lanh Nhi. Nó lại gần tôi rất nhẹ nhàng không làm xao cỏ. Nó hít đầu tôi, hơi thở của nó đưa vào mặt, vào tóc tôi.

Nó muốn gì?

Nó liền nằm trên ô cỏ bên cạnh tôi rồi êm ái, nó liếm bàn tay tôi.

Cảm động về sự vuốt ve đó, tôi ôm đầu nó và ép vào mình.

Nó kêu những tiếng nho nhỏ, đặt một chân vào bàn tay tôi rồi nằm yên không cử động.

Lúc đó, tôi quên hết buồn bực. Cổ tôi như được nói ra, tôi thở nhẹ nhàng: Tôi không cô quạnh nữa, tôi đã có một người bạn.

CHƯƠNG V

BƯỚC ĐẦU CỦA TÔI

Hôm sau chúng tôi lên đường sớm. Mưa tạnh. Trời xanh. Nhờ gió thổi ban đêm nên bùn đã ráo. Trong các bụi rậm bên đường, chim chóc ca hát vui tai. Mấy con chó nhảy nhót chung quanh chúng tôi. Thỉnh thoảng Lanh Nhi lại đứng hai chân quay về phía tôi kêu ăng ẳng hai ba tiếng, nó muốn bảo tôi:

– Can đảm lên! Can đảm lên!

Đó là một con chó rất khôn. Nó hiểu hết và làm cho người ta hiểu nó. Nó không nói được, nhưng tôi không nghĩ thế. Chỉ một cái đuôi, nó có thể biểu lộ ra bao nhiêu ý khí và hùng hồn hơn con mắt, cái lưỡi của người nhiều. Vì thế, lời nói trở nên vô ích giữa Lanh Nhi và tôi: ngay buổi đầu tiên, chúng tôi đã hiểu nhau rồi.

Từ bé đến giờ không bao giờ tôi ra khỏi làng, nên nói đến tỉnh tôi rất thích được đi xem.

Nhưng tôi phải thú thực rằng thị xã Ích Sơn đã làm cho tôi mất hứng. Những ngôi nhà cổ kính có tháp, có lẽ chỉ bố ích cho những nhà thích khảo cổ không làm cho tôi vui mắt chút nào.

Tuy nhiên tôi vẫn nhìn kỹ những ngôi nhà đó, không phải là để xem cách kiến trúc, vẻ mỹ lệ mà chỉ để xem trong đó có một hiệu giày nào chăng?

Đôi giày của tôi, đôi giày ông già đã hứa, bây giờ đến lúc được xỏ chân!

Cái ngôi hàng đáng quý ấy, ngôi hàng sắp cung cấp cho tôi đôi giày mới không biết ở chỗ nào?

Tôi chỉ để mắt tìm ngôi hàng đó, còn ngoại giả, nào tháp, nào lầu, nào đài kỷ niệm, tôi chẳng thiết gì. Vì thế mỗi ký ức độc nhất mà thành Ích Sơn còn để lại cho tôi là cái cửa hàng tường ám khói, trông tối om, ở cạnh chợ. Mặt hàng có bày bán nhiều đồ cũ: súng gổ, áo nhà binh thêu những

98 | Dịch giả: Hà Mai Anh

lon vàng và những ngù vai tua bạc, rất nhiều đèn và một thùng đồ sắt cũ trong có vô số khóa hỏng. Phải bước xuống ba bậc nữa mới vào được trong hàng. Đó là một phòng lớn và thấp, có lẽ từ ngày cất nóc đến nay, mặt trời chưa ngó tới bao giờ.

Sao một vật quý giá như đôi giày lại có thể bán trong cái hiệu ghê tởm này được?

Tuy nhiên, Vỹ Tiên khi bước vào hiệu này đã biết rõ là phải được việc, nên một lúc sau tôi được cái diễm phúc là xỏ chân vào đôi giày đế sắt nặng gấp mười lần đôi guốc của tôi.

Tính rộng rãi của thầy tôi đến đó chưa hết. Mua xong giày, thầy tôi còn sắm cho tôi một cái áo vét nhung xanh, một cái quần len và một cái mũ phớt, tóm lại là đủ các thứ mà thầy tôi đã hứa.

Một kẻ xưa nay mặc toàn đồ vải, nay có áo nhung, xưa nay chỉ dùng guốc gỗ, nay có giày đế sắt, xưa nay chỉ lấy tóc để đỡ nắng mưa, nay có mũ phớt, thực không ngờ đến. Thầy tôi thực là một người tử tế nhất trên đời, một người quảng đại nhất và giàu nhất.

Sự thực thì nhưng đã sồn, sự thực thì len đã xác cũng sự thực là khó mà phân biệt được màu sắc của một cái mũ phớt đã trải bao phong trần, nhưng lúc đó tôi thích quá thành ra lóa mắt không nhận thấy những khuyết điểm ở bộ đồ mới của tôi.

Tôi vội mặc quần áo mới. Nhưng trước khi trao quần áo cho tôi, thầy tôi đã chế hóa nó đi, làm cho tôi vừa kinh ngạc vừa đau lòng.

Thì ra khi về đến nhà trọ, thầy tôi đã lấy kéo trong đẫy cắt cụt hai ống quần đến đầu gối.

Thấy tôi nhìn bằng đôi mắt kinh hãi, thầy tôi bảo:

– Việc này cốt làm cho con khác hẳn những đứa trẻ khác. Chúng đang ở Pháp, ta cho con mặc kiểu Ý đại lợi. Rồi nếu chúng ta sang Ý, ta sẽ cho con mặc kiểu Pháp quốc, không khó khăn gì.

Tôi chưa hết kinh ngạc, thầy tôi nói tiếp:

– Chúng ta là ai? Là những tài tử phải không? Là những kịch sĩ thì phải gọi tính hiếu kỳ của

công chúng, tức là phải làm thế nào cho công chúng chú ý mới được. Con có tin rằng với những bộ quần áo nhà giàu hay dân quê, chúng ta diễn trò, người ta phải dừng lại nhìn chúng ta không? Chắc chắn không? Phải thế không con? Con phải biết ở đời sự quảng cáo một khi cũng cần thiết, điều đó đáng buồn, nhưng ta không thể nào làm khác được.

Vì lẽ đó, có khi mới buổi sáng ta là người Pháp, chưa đến buổi chiều ta đã là người Ý rồi.

Quần tôi cắt cụt đến đầu gối. Bít tất dài của tôi được thây tôi dùng dây quần chéo ở ngoài như chiếc sà cạp. Còn mũ của tôi cũng được quần thêm nhiều giải lụa sắc sỡ, và đính thêm một túm hoa bằng len.

Tôi không rõ người ngoài coi bộ dạng đó sẽ nghĩ gì về tôi. Nhưng để tỏ ra là thành thực, tôi xin nói là tôi tự thấy mình đẹp quá. Mà có lẽ đẹp thật vì con Lãnh Nhi, bạn tôi, đã ngắm nghía tôi rất lâu và giờ chân bắt tay tôi lấy làm thỏa thích.

Sự thay hình của tôi không những được

Lãnh Nhi khen ngợi mà còn được Hảo Tâm vui vẻ tán thành, vì trong khi tôi mặc quần áo, nó vừa nhăn mặt vừa bắt chước bộ điệu tôi và phóng đại ra. Khi tôi mặc xong, nó để hai tay lên cạnh sườn, đứng ngả đầu về đằng sau gật gù và cười lên những tiếng kêu chế nhạo.

Tôi thường nghe thấy người ta nói rằng: thực là một vấn đề bổ ích nếu xét được giống khỉ có biết cười hay không. Tôi tưởng rằng những người nêu ra vấn đề đó là những nhà bác học chỉ biết ngồi trong xó buồng, không bao giờ trông thấy con khỉ và để công nghiên cứu giống khỉ!

Còn tôi, được sống trong tình thân mật với khỉ, với Hảo Tâm, trong một thời gian khá lâu, tôi có thể nói quyết rằng giống khỉ biết cười và lắm khi làm cho tôi mất thể diện nữa. Cái cười của giống khỉ nhất định không giống cái cười của người. Nhưng khi có một tình cảm gì làm cho nó hoan hỉ, người ta trông thấy hai bên mép nó kéo về đằng sau, hai mí mắt nó dãn lại, hai hàm răng nó rung động lên, nhất là hai con mắt nó tỏa ra một tia lửa như hai hòn than hồng thối lên.

Những dấu hiệu đặc biệt của cái cười đó đã có lần làm cho lòng tự ái của tôi rất khó chịu. Khi tôi đội mũ xong, Vỹ Tiên bảo tôi:

– Ngày mai là phiên chợ, ta sẽ mở cuộc biểu diễn. Con đã ăn mặc xong rồi, bây giờ chúng ta bắt tay vào việc để đến mai con có thể nhập nghề.

Tôi tự hỏi, không biết « nhập nghề » là cái gì thì Vỹ Tiên bảo tôi:

– Nghĩa là con sẽ ra sân khấu lần thứ nhất diễn trò trước công chúng.

Ông nói tiếp:

– Ngày mai là buổi diễn đầu tiên, con sẽ có mặt ở đó. Nay ta dạy con đóng vai trò mà con phải phụ trách.

Tôi ngơ ngác chẳng hiểu gì cả.

– Con ơi, vai trò tức là những việc con phải làm trong buổi diễn. Ta đưa con đi, không phải là cốt cho con cái thú đi chơi, vì ta chẳng giàu có gì. Đưa con đi là để cho con làm việc. Mà việc của con chính là việc đóng trò với đồ đệ của ta.

Tôi lo sợ quá kêu lên:

– Con không biết diễn trò.

– Chính vì thế mà ta phải dạy con. Chắc con cũng biết rằng không phải tự nhiên mà con Lãnh Nhi biết đi bằng hai chân sau, không phải vì khoái chí mà con Thùy Nhi thích nhảy dây. Chúng phải tập tành khá nhiều và khá lâu mới được có những biệt tài đó và đã làm cho chúng thành những kịch sĩ kỳ diệu. Thế thì con, con cũng phải luyện tập những vai mà con phải đóng với chúng. Vậy ta phải thực hành luôn.

Thuở ấy, tôi có một ý nghĩ rất ngây thơ về sự đi làm. Tôi tưởng tượng đi làm tức là phải cuốc đất, chặt cây, đẽo đá và không biết gì khác nữa.

Vỹ Tiên nói:

– Bản kịch mà chúng ta sắp diễn nhan đề là « Người đẩy tớ của ngài Hảo Tâm ». Đây là cốt truyện: Ngài Hảo Tâm từ trước vẫn có một người đẩy tớ rất vừa ý là Lãnh Nhi. Nhưng Lãnh Nhi ngày một già yếu nên ngài Hảo Tâm muốn nuôi một người đẩy tớ khác. Lãnh Nhi được ủy đi tìm

người đầy tớ đó, nhưng hắn không tìm một con chó khác để thế chân. Hắn tìm một đứa con trai ở nhà quê tên là Minh.

– Như con?

– Không như con, mà chính là con, con ở làng lên tỉnh để giúp việc cho ngài Hảo Tâm.

– Nhưng con khi làm gì có đầy tớ?

– Trong kịch thì có. Con đến nơi, ngài Hảo Tâm nhận thấy con có vẻ khờ dại.

– Thế thì buồn quá.

– Không sao vì để làm trò cười thôi. Con hãy tưởng tượng con đến một nhà giàu để hầu hạ thực, và họ sai con dọn bàn ăn chẳng hạn. Kia là cái bàn sẽ dùng khi diễn trò. Con lại xem và thử đặt bát đĩa.

Trên bàn đó, có mấy cái đĩa, một cái cốc, một con dao, một cái đĩa và một cái khăn ăn trắng.

– Sẽ phải xếp đặt thế nào nhỉ?

Đứng bên cạnh bàn, tôi tự hỏi thế, mặt thuôn ra, mồm há hốc đầu cúi về đằng trước, hai tay đưa ra, luống cuống không biết phải làm gì trước.

Thầy tôi vỗ tay, cười ngật ngoạo:

– Hay! Hay tuyệt! Cách vận dụng dung mạo của con khéo lắm. Thằng bé ta nuôi trước con làm hỏng vì coi bộ láu lĩnh quá. Con trông khờ khạo, vẻ ngây thơ của con trông rất thích hợp.

– Con chẳng hiểu con làm gì.

– Chính điều đó lại là điều cốt yếu. Đến mai, hay trong vài ngày nữa. Con sẽ hiểu rõ những điều mà con sẽ phải làm. Lúc đó con phải nhớ lại cái điệu bộ bối rối của con bây giờ và làm như con không biết gì. Nếu con diễn lại được cái điệu bộ ngây ngô và cái dáng điệu lúng túng đó, con sẽ thành công to. Vai trò của con là phải diễn tả một người quê mùa, không trông thấy gì và không biết gì. Anh ta đến nhà một con khỉ, anh tự thấy mình ngu xuẩn và vụng về hơn con khỉ. Kẻ ngu hơn con khỉ, đó là vai của con. Muốn đóng cho được hoàn toàn, con chỉ việc giữ dáng điệu của con như ngày hôm nay là được.

« Người đẩy tớ của ngài Hảo Tâm » không phải là kịch dài, diễn độ 20 phút là xong. Nhưng chúng phải luyện tập và diễn thử đến ba tiếng đồng hồ. Vỹ Tiên bắt tôi và nhất là những con chó làm đi làm lại một việc đến ba lần, bốn lần, có khi đến mười lần.

Thực vậy, những con chó hay quên một vài phần trong vai của chúng nên Vỹ Tiên lại phải bắt đầu và dạy lại.

Lúc đó, tôi nhận thấy thấy chúng tôi là một người rất nhẫn nại và ôn hòa. Tôi còn nhớ ở làng tôi, người ta đối đãi với súc vật một cách khác hẳn. Chửi và đánh là hai phương pháp duy nhất để huấn luyện gia súc.

Sự diễn tập dù phải kéo dài đến bao nhiêu, thấy chúng tôi không hề bực tức một lần nào, không hề chửi rủa một câu nào. Khi nào không vừa ý, thấy tôi chỉ nghiêm nét mặt nói:

– Lãnh Nhi! Hông, không được! Hay Hảo Tâm! Mà không bao giờ để ý cả. Phải mắng bây giờ!

Có thể thôi. Chỉ có thể là cùng. Buổi diễn tập xong, thầy tôi bảo tôi:

– Này con! Con xem con có thể theo nghề diễn trò được không?

– Con không biết.

– Con có ngại không?

– Không. Con có phần thích.

– Như thế thì tốt lắm. Con có tư chất thông minh và có nết, quý hơn nữa là sự chú ý. Chú ý và dễ bảo thì làm gì cũng được. Con hãy trông những con chó ta và so sánh nó với con Hảo Tâm có lẽ lanh lợi hơn và thông minh hơn, nhưng nó rất khó bảo. Nó dễ thuộc, nhưng dễ quên. Nó không bao giờ vui lòng làm những điều ta sai bảo nó. Lại hay hục hặc, bướng bỉnh. Đó là bản tính của nó, nên ta không bực tức. Giống khỉ không như giống chó, nó không có ý thức về bốn phận và do đó kém xa giống chó. Con có hiểu không?

– Dạ.

– Vậy, con ơi! Con phải chú ý, phải dễ bảo. Phải hết lòng, hết sức vào công việc con làm. Trong đời phải như thế.

– Thầy thực là hiện thân của sự nhẫn nại. Suốt buổi diễn tập, lúc nào thầy cũng bình tĩnh không hề gắt gỏng với con hay với các con vật bao giờ.

Vỹ Tiên mỉm cười nói:

– Từ trước đến giờ con chỉ ở cạnh những người dân quê độc ác với loài vật, họ tưởng muốn sai khiến loài vật lúc nào cũng phải có cái gậy trong tay.

Tôi cãi:

– Mẹ tôi rất tốt với con Hồng Ti.

Ông nói:

– Thế là bà ấy biết lẽ phải. Bà ấy sáng suốt hơn mọi người khác, bà hiểu rằng ngọt ngào hơn là hung hãn. Ta không bao giờ đánh những con vật ta nuôi. Chúng sẽ khiếp sợ, sự khiếp sợ làm nhụt

trí khôn. Hơn nữa ta cũng không bao giờ nổi giận lên với chúng, vì nếu ta phát khùng thì ta không phải là ta nữa, ta sẽ không giữ được cái tính kiên trì mà con đã nhận thấy. Chính những kẻ dạy người đã học lại được nhiều. Ta đã cho những con chó của ta bao nhiêu bài học thì ngược lại, ta đã nhận của chúng bấy nhiêu bài. Ta mở mang trí khôn cho chúng, chúng tu dưỡng tính tình cho ta.

Nghe câu nói lạ, tôi cười.

– Con chó thế lạ lòng phải không? Một con chó có thể dạy được người? Thế mà thực đấy. Con thử nghĩ xem. Con có nhận thấy rằng một con chó bao giờ cũng chịu ảnh hưởng của chủ không?

– Điều đó đúng lắm.

– Vì thế, khi đã bắt tay vào việc giáo hóa một con vật, người chủ phải giữ gìn tư cách. Trong khi dạy Lãnh Nhi, giả sử ta phát khùng, phát cáu, con Lãnh Nhi sẽ làm gì? Nó cũng sẽ theo gương ta phát khùng, phát cáu, rồi thành ra hư hỏng.

110 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Con chó thường là tấm gương phản chiếu của người nuôi. Cho ta xem con chó của con, ta có thể bảo con là người thế nào. Quân cướp có con chó ăn cướp, kẻ trộm có con chó ăn trộm. Người quê mùa có con chó thô thực. Người phong nhã có con chó đáng yêu.

Các bạn tôi, ba con chó và con khỉ, được tôi đóng thêm trong trò nên vui thích lắm, chúng nhìn ngày mai đến không e sợ gì. Về phần chúng, chúng đã được làm đi làm lại đến trăm, nghìn lần rồi.

Còn tôi, tôi không được yên tâm như chúng. Tôi nghĩ ngợi: nếu tôi diễn hỏng, thầy tôi sẽ bảo sao? Khách xem sẽ nói gì? Ý nghĩ đó làm rối óc tôi. Khi tôi ngủ, tôi mê thấy những người đến xem ôm bụng cười, chế nhạo tôi.

Vì thế, sáng hôm sau, lúc rời nhà trọ ra chỗ diễn, lòng tôi xao xuyến vô cùng.

Vỹ Tiên đi trước, đầu cao, ngực ưỡn, tay ve vẩy, chân bước theo nhịp còi ông thổi bài khiêu vũ. Sau ông là Hảo Tâm. Với bộ nhung phục Đại

Tướng Anh, áo quần đỏ, lon vàng, mũ cao đỉnh cắm một chiếc lông dài, Hảo Tâm bệ vệ cười trên lưng Lãnh Nhi. Rồi cách xa một chút để tỏ ý kính trọng, Hiệp Nhi và Thùy Nhi xếp hàng đôi đi sau. Cuối cùng là tôi.

Về linh đình của đoàn chúng tôi làm mọi người chú ý. Hơn nữa tiếng còi lạnh lạnh của thầy tôi lại lọt vào tới trong cùng nhà, gọi óc tò mò của dân phố Ích Sơn. Họ chạy ra cửa. Họ vén màn cửa sổ để xem chúng tôi đi qua. Một lũ trẻ con theo sau chúng tôi, cả mấy người nhà quê cũng nhập bọn thành một đoàn dài.

Sân khấu của chúng tôi được thiết lập một cách nhanh chóng: một cuộn dây chằng chung quanh bốn gốc cây thành hình vuông dài, chúng tôi ở giữa.

Phần thứ nhất của cuộc diễn gồm có những trò nhảy, múa của những con chó. Chúng diễn thế nào tôi cũng không biết vì óc tôi còn mãi ôn lại những vai trò tôi sắp ra và rất lo lắng.

Tôi chỉ nhớ rằng Võ Tiên cất còi vào túi, lấy vĩ

cầm ra kéo những khúc khiêu vũ rất nhịp nhàng hoặc những bài êm ái du dương.

Công chúng đến mỗi lúc một đông, chen chúc chung quanh hàng dây chắn. Tôi ngừng mặt lên, mắt tôi vấp phải trăm nghìn con mắt tò mò nhìn chòng chọc vào và ném ra những tia chói lọi.

Phần thứ nhất chấm dứt. Lãnh Nhi mồm ngậm cái bát gỗ con, đi bằng hai chân sau, viếng các quý khan giả chung quanh hàng dây. Khi không còn ai ném tiền cho nữa, nó đặt bát xuống sân, lấy hai chân trước kê vào áo khán giả nào ngoan cố, ăng ăng hai ba tiếng và lấy chân vỗ vào túi quý vị đó như muốn mở ra. Lúc đó, công chúng cười như phá lên, kẻ nói đùa, người chế nhạo:

– Con chó tinh thế! Nó biết người nào túi nặng!

– Thôi cho ra đi!

– Anh ta sắp cho!

– Anh ta không cho!

– Cho đi! Gia tài chú anh sẽ đền bù cho anh!

Thế là cuối cùng những đồng bạc dù nằm sâu ở đáy túi cũng phải lòi ra.

Trong khi đó Võ Tiên không nói một câu gì, mắt không quên nhìn bát tiền, tay luôn luôn kéo những bài khi nhặt, khi khoan.

Lát sau, Lãnh Nhi ngậm bát tiền đầy đem lại cho chủ, có vẻ hãnh diện lắm.

Bây giờ đến lượt Hảo Tâm và tôi ra trò.

Võ Tiên ra hiệu bằng tay kéo và tay đàn cho chúng tôi và nói:

– Thưa các bà, thưa các ngài, chúng tôi xin tiếp tục buổi diễn bằng một kịch vui « Người đầy tớ của ngài Hảo Tâm Một người như tôi không bao giờ tự hạ để khoe hay và khen trước những tài tử của mình. Tôi trân trọng đề nghị một điều là xin quý vị hãy để mắt, để tai vào tấn kịch và sửa soạn tay để tán thành.

Cái mà Võ Tiên gọi là kịch vui đó là một tấn tuồng câm, nghĩa là một bản diễn toàn bằng điệu bộ chứ không dùng lời. Mà bắt buộc phải như thế vì một lẽ rất dễ hiểu là hai vai chính trong kịch không biết nói. Và vai thứ ba là tôi, tôi không thể mở miệng nói ra được hai tiếng.

Tuy nhiên, muốn cho công chúng dễ hiểu. Võ Tiên nói giáo đầu trước khi mỗi trò sắp ra.

Vừa kéo khúc quân hành, ông vừa giới thiệu lúc Hảo Tâm ra sân khấu:

– Đây là ngài Hảo Tâm. Đại tướng Anh quốc đã thăng quan tiến chức và làm giàu trong thời kỳ chiến tranh ở Ấn Độ. Từ trước đến giờ ngài có một kẻ hầu là con Lãnh Nhi. Nhưng ngày nay ngài muốn dùng người để thay thế. Ngài có thừa đủ phương tiện để làm việc xa xỉ đó: những giống vật đã làm nô lệ cho loài người lâu lắm rồi, bây giờ là lúc đổi lại. Trong khi đợi người đầy tớ mới, Đại tướng Hảo Tâm đi lại chững chạc trong sân, miệng ngâm điệu xì gà lớn. Ngài lại tinh quái nhắm thở khói vào mặt khán giả.

Đợi lâu, Đại tướng nóng ruột, ngài bắt đầu trợn mắt lên như sắp nổi trận lôi đình, rồi ngài cắn môi, rồi ngài đập chân xuống đất.

Đến tiếng đập thứ ba, tôi phải ra trò do Lãnh Nhi dắt.

Nếu tôi quên thì đã có Lãnh Nhi nhớ. Tôi đang bàng hoàng, Lãnh Nhi bỗng giơ chân ra dắt tôi vào cạnh Đại tướng.

Vừa nhìn thấy tôi, Đại tướng giơ hai tay lên trời thất vọng. Tìm cho ngài người đầy tớ thế này ư? Rồi, ngài ngửa đầu nhìn kỹ mặt tôi, ngắm chung quanh tôi và so vai lên tỏ ý không bằng lòng. Điều bộ ngài trông rất ngộ, toàn thể đều cười ầm. Công chúng hiểu rằng Đại tướng nhận thấy tôi là một kẻ đại ngu ngốc. Mà chính ngay khán giả cũng cho tôi là thằng ngu ngốc.

Vở kịch đã chú ý xây dựng để phô diễn được hết cái ngu ngốc của một người xuẩn. Mỗi một sen (cảnh), tôi lại phải tỏ một vài cử chỉ khờ dại, trái lại con Hảo Tâm lại có dịp để biểu lộ trí thông minh và tài lanh lợi của nó.

Sau khi đã ngắm nghía tôi từ chân lên đến đầu, Đại tướng tỏ ý thương tình và cho tôi ăn.

Vỹ Tiên nói:

– Đại tướng nghĩ rằng khi thằng bé này được ăn no thì nó không ngốc nữa. Chúng ta hãy xem sao.

Tôi vào ngồi cạnh một cái bàn con, trên có đặt đủ bộ đồ dùng để ăn cơm. Trước mặt tôi có một cái khăn đặt trong cái đĩa.

Cái khăn này dùng để làm gì? Lãnh Nhi ra hiệu cho tôi bảo dùng đi. Nhưng dùng thế nào bây giờ?

Tôi nghĩ ngợi mãi, rồi cầm khăn lên xì mũi vào.

Thấy vậy, Đại tướng cười ngặt nghẹo. Lãnh Nhi thất vọng ngã lăn ra bốn chân chổng lên trời.

Nhận thấy mình nhầm, tôi ngắm nghía cái khăn lần nữa, nghĩ mãi, nghĩ mãi mới ra. Tôi liền cầm khăn cuộn lại thành cái cà vạt quàng vào cổ.

Lãnh Nhi lại lặn đùng ra. Đại tướng lại ôm bụng cười.

Rồi tôi cứ dùng nhăm mõi, Đại tướng bực mình lòi tôi ra khỏi ghế. Ngài ngồi vào chỗ tôi, dùng xuất ăn đã dành cho tôi.

A! Đại tướng dùng khăn ăn rất thạo! Một cách rất duyên dáng, ngài đặt một đầu khăn vào khuy áo, còn đầu kia trải trên đầu gối. Rồi ngài bẻ bánh và uống rượu một cách rất tự nhiên.

Ăn xong, ngài lại không quên cùng tắm rửa bộ răng trắng ỏn.

Tiếng vỗ tay nổi dậy một góc đường. Và cuộc diễn kết thúc một cách rất hoàn hảo.

Con khỉ đã thông minh biết bao! Người đầy tớ thực đã khờ dại biết bao!

Khi trở về nhà trọ, thấy tôi không dứt lời khen ngợi tôi. Tôi rất sung sướng đã làm thầy tôi vui lòng.

CHƯƠNG VI

HỌC VÕ LÒNG

Đó thực là những nghệ sĩ đại tài của đoàn Võ Tiên — Tôi muốn nói những con chó và khỉ — Nhưng những tài đó không được thay đổi và biến hóa. Khi chúng diễn xong ba hay bốn trò thì người ta biết hết chương trình. Mà chúng chỉ có thể diễn đi lại những trò đó thôi.

Vì thế, không thể đóng lâu ở một tỉnh nào. Ở Ích Sơn được ba ngày, chúng tôi lại phải tìm đi nơi khác.

– Thưa thầy, hay giờ đi đâu?

Tôi đánh bạo hỏi thầy tôi như thế. Thầy tôi nhìn tôi và trả lời:

– Con biết vùng này à?

- Không.
- Thế sao con lại hỏi bây giờ đi đâu?
- Để biết.
- Biết cái gì?

Tôi bí quá, nhìn con đường trắng xóa trước mặt tôi dài dằng dặc vào tận một thung lũng sâu và rậm rạp, không tìm được câu trả lời,

Thầy tôi nói tiếp:

– Nếu ta bảo con là chúng ta đến Ô-Lạc, để đi Boóc-Đô, rồi từ Boóc-Đô lại đi Py-rê-nê, thì con có hiểu gì không?

- Thế thầy, thầy biết rõ miền này à?
- Ta không đi qua bao giờ.
- Thế sao thầy cũng biết những nơi chúng ta phải đi?

Thầy tôi nhìn tôi một lúc lâu như muốn tìm hiểu gì trong tôi. Đoạn thầy tôi hỏi tôi:

– Con không biết đọc phải không?

– Không.

– Con có biết thế nào là quyển sách không?

– Có. Người ta thường mang sách đến Nhà Thờ để đọc kinh, khi người ta không niệm bằng tràng hạt nữa; con đã được nhìn thấy nhiều sách, những sách đẹp, trong có ảnh, ngoài bọc da.

– Tốt. Vậy con có hiểu người ta đã đặt vào trong sách những câu kinh không?

– Có. Người ta có thể đặt những điều khác nữa ở trong sách. Khi con niệm tràng hạt thì con đọc lại những tiếng mà mẹ con đã đặt vào tai con. Những tiếng đó từ tai con xếp vào óc con để rồi khi con niệm thì những tiếng đó xuống đầu lưỡi con và ra trên môi con. Còn như những người đọc kinh bằng sách thì họ không rút những tiếng ở trong óc họ ra. Họ dùng mắt để lấy những tiếng đó ở trong sách ra vì những tiếng đó đã đặt sẵn ở trong sách. Thế nghĩa là họ đọc đấy.

Tôi mừng quá, như một người không ngu ngốc nữa, đã hiểu thấy những điều người ta nói cho mình hay, liền nói:

– Con đã trông thấy người ta đọc sách.

Thầy tôi nói tiếp:

– Người ta đã làm sách chép kinh, thì người ta cũng có thể làm sách chép những điều khác được. Ta cũng có một quyển sách, khi nào rồi sẽ đưa con coi. Ta sẽ tìm thấy trong sách đó những chuyện của những tỉnh mà ta đi qua. Những người đã ở hay đã đi qua những tỉnh đó đã « để » vào trong cuốn sách của ta những điều họ đã trông thấy hay đã nghe thấy. Ta chỉ việc mở cuốn sách của ta ra đọc là biết được những tỉnh đó. Ta biết chuyện các nơi đó chẳng khác chi có người kể bên tai cho ta nghe vậy.

Tôi vốn sống ở nơi quê mùa, xa thanh giáo, nên không có ý niệm gì về đời sống văn minh. Những lời nói đó của thầy tôi đã chiếu rọi vào óc tôi trước còn lộn xộn, sau sáng sủa dần. Thực ra mẹ tôi cũng đã cho tôi đi học, nhưng chỉ học

được một tháng thôi. Trong tháng đó người ta không hề đặt quyển sách vào tay tôi, cũng không hề dạy tôi tập đọc hay tập viết. Tóm lại người ta không hề cho tôi một bài học nào bất cứ dưới một hình thức nào.

Quý độc giả cũng không nên đem những công việc ở các trường học ngày nay mà cho lời tôi nói là vô lý. Vì thuở tôi nói đây, có một số rất nhiều làng ở nước Pháp không có trường học. Ở những làng có trường học thì các ông thầy vì một lễ này hay lễ khác, nghĩa là các ông không biết gì hay có biết nhưng còn công việc khác phải làm, các ông chẳng dạy gì cả. Các ông chỉ có việc giữ trẻ con khỏi chạy rong, tưởng rằng thế là đủ nhiệm vụ rồi.

Đó là trường hợp ông thầy ở làng tôi. Không biết ông có đôi chút học thức không? Có thể có, tôi không dám buộc ông vào tội dốt. Nhưng sự thật là trong suốt thời gian tôi đến nhà ông, ông không hề cho bạn tôi cũng như cho tôi một bài học ngắn nào. Ông vốn chuyên nghề đẽo guốc, nên ông chỉ làm việc cho guốc. Từ sáng đến tối,

người ta thấy ông lúi húi làm bắn chung quanh ông những vỏ bào, gỗ dẻ hay gỗ đào. Chẳng bao giờ ông nói với chúng tôi một lời, trừ ra khi ông hỏi thăm cha mẹ chúng tôi, hay nói về trời rét, trời mưa. Đến việc tập đọc, làm tính, tuyệt nhiên ông không nói một tiếng nào.

Về việc này, ông giao cho cô con gái thay ông để dạy chúng tôi. Nhưng cô này chuyên nghề may thuê, cũng chăm làm như cha. Trong khi ông bào, ông đẽo thì cô đẩy kim, kéo kim.

Phải làm để sống. Vì chúng tôi cả thầy là 12 học sinh, mỗi tháng mỗi người phải 50 xu. Nhưng vậy 6 phật lảng không đủ nuôi sống hai nhân mạng trong 30 ngày. Những cái guốc và đồ khâu phải bổ túc cho số thu nhập của nhà trường. Vì thế, có đến trường, có đi học, mà tôi không được một chữ nào.

Tôi vừa đi vừa nghĩ. Một lúc lâu, tôi hỏi Vỹ Tiên:

– Học đọc có khó lắm không?

– Khó cho những kẻ tối dạ. Khó hơn nữa cho những kẻ không có chí. Con có tối dạ không?

– Con không biết. Nhưng nếu thầy dạy con tập đọc, con chắc rằng con không đến nỗi không có chí.

– Tốt lắm. Chúng ta sẽ học, khi nào sẵn thì giờ.

Khi nào có thì giờ! Sao không bắt đầu ngay từ bây giờ? Tôi không hiểu rằng học đọc cũng khó, có dễ đâu. Tôi tưởng tượng lập tức tôi mở quyển sách là tôi đọc được ngay.

Hôm sau, trong khi đi đường, tôi thấy thầy tôi cúi xuống đất nhặt một mảnh gỗ mỏng, cát bụi bám gần khắp. Thầy tôi bảo tôi:

– Sách tập đọc của con đây.

Quyển sách sao lại là một mảnh gỗ? Tôi nhìn thầy tôi xem có ý chế diễu tôi chẳng. Tôi thấy vẻ mặt thầy tôi nghiêm trang nên tôi lại nhìn kỹ mảnh gỗ của thầy tôi vừa nhặt được.

Đó là một mảnh gỗ, một mảnh gỗ giẻ thối, dài bằng hai cánh tay, rộng bằng hai bàn tay, hai mặt nhẵn nhụi. Ở trên không thấy một chữ hay một nét vẽ nào cả.

Đọc thế nào trên mảnh gỗ đó? Mà đọc cái gì?

Thầy tôi cười và hỏi tôi:

– Con nghĩ gì thế?

– Thầy định diễu con?

– Con ơi! Không. Sự chế diễu đôi khi cũng tốt là để cải hóa một thói xấu. Nhưng nếu dùng để đùa cợt một người dốt thì lại là vô ý thức. Con hãy đợi khi đến chòm cây ở đằng kia, chúng ta sẽ nghỉ và con sẽ được xem ta dạy cho con học bằng mẫu gỗ đó.

Chúng tôi rảo bước đến chòm cây. Túi bỏ ra, chúng tôi ngồi trên đám cỏ xanh non, thỉnh thoảng điểm vài bông cúc trắng. Hảo Tâm được tháo xích, trèo tót lên cây, rung hết cành nọ đến cành kia như để làm rụng hạt dẻ. Còn những con

chó yên lặng hơn, nhất là nhọc mệt hơn, nằm cuộn tròn chung quanh chúng tôi.

Bấy giờ Vỹ Tiên móc dao trong túi ra cạy miếng gỗ cổ tách thành từng miếng rất mỏng. Khi chẻ xong, thầy tôi lấy lưỡi dao gọt nhẵn cả hai mặt. Xong thầy tôi cắt thành từng miếng vuông nhỏ đều nhau, tôi đếm được 12 miếng.

Tôi chăm chú nhìn thầy tôi làm. Mặc dầu tôi nghĩ nát óc, tôi cũng không thể hiểu với những mẫu gỗ đó, thầy tôi làm sách bằng cách nào. Tôi tuy đốt nát thực, nhưng tôi cũng biết, một quyển sách phải có những tờ bằng giấy trắng, bên trên có ghi những dấu đen đen. Bảo là sách thì những tờ giấy đâu? Những dấu đen đen đâu?

Thầy tôi nói:

– Đến mai ta sẽ lấy mũi dao khắc trên mỗi miếng gỗ đó một chữ tự mẫu. Con sẽ học và nhận mặt từng chữ. Khi con đã thuộc tất cả các chữ không nhầm, con sẽ ghép những chữ ấy lại thành tiếng. Khi con ghép được những tiếng ta

đọc cho con theo, thế là con có thể tự mình nhìn trong sách mà đọc được.

Từ hôm đó, trong túi tôi lúc nào cũng chứa đầy những miếng gỗ đẹp. Rồi không bao lâu tôi đã thuộc tất cả tự mẫu. Nhưng biết đọc lại là một chuyện khác. Không phải ngày một ngày hai mà đọc được. Đã có lúc tôi nghĩ mình rất dại tự nhiên lại xin học chữ.

Cho được công bình với mình, tôi phải nói ra rằng không phải vì tôi lười mà tôi nghĩ thế, chính là vì lòng tự ái của tôi bị xúc phạm.

Thực vậy, khi dạy tôi học, Vỹ Tiên nghĩ rằng cùng một lúc có thể dạy Lãnh Nhi được, vì con chó có thể xem giờ đồng hồ được thì sao lại không nhận được mặt chữ.

Thế là chúng tôi cùng học chung một bài. Tôi là bạn học của Lãnh Nhi, hay Lãnh Nhi là bạn học của tôi, cái đó tùy ý độc giả gọi sao cũng được. Lẽ dĩ nhiên, Lãnh Nhi không đọc lên được những chữ nó trông thấy vì nó không biết nói, nhưng khi những miếng gỗ bày ra trên cỏ, nó

biết lấy chân kéo ra những chữ mà thầy tôi đọc lên.

Buổi đầu, tôi học tấn tới hơn Lãnh Nhi nhiều. Nhưng nếu tôi thông minh hơn nó thì nó cũng có trí nhớ hơn tôi. Cái gì nó đã thuộc rồi thì nó nhớ mãi mãi, không bao giờ quên. Và nó không đãng trí, nên không bao giờ nó ngật ngừng hoặc sai nhầm cả.

Một hôm tôi đọc sai, thầy tôi nói luôn:

– Lãnh Nhi sẽ biết đọc trước Minh.

Con chó nghe thấy, có lẽ nó hiểu nên nó đắc chí vẫy vẫy cái đuôi.

Vỹ Tiên lại nói:

– Ngưu hơn loài vật, trong khi diễn trò thì hay, chứ lúc học mà thế thì xấu hổ lắm.

Tôi bức quá, hết sức chăm chú, không dám sao lãng một phút nào. Ít lâu tôi đọc được, khi đó con Lãnh Nhi đáng thương hại chỉ biết « viết » tên nó bằng cách rút những chữ gỗ trong bản tự mẫu.

Vỹ Tiên hỏi tôi:

– Bây giờ con đọc chữ thông rồi, con có muốn đọc « nốt nhạc » không?

– Có phải khi con biết đọc nốt nhạc, con sẽ hát được như thầy không?

Một đôi khi, Vỹ Tiên có hát. Nghe ông hát lòng tôi rất thích thú nhưng ông không biết.

– Vậy con muốn hát như ta?

– Ô! Hát như thầy! Hát làm sao được. Con chỉ muốn hát thôi.

– Con thích nghe ta hát?

– Thích nhất đời! Con họa mi hót đã hay, mà tiếng thầy còn hay hơn, mà giọng hát lại thay đổi luôn. Khi thầy hát lên, thầy có thể sai khiến được lòng con, khi con muốn khóc, khi con muốn cười. Và cau này con nói ra thì có lẽ thầy cho con là xuân; khi thầy hát giọng êm ái và buồn rầu, nghe những tiếng hát đó tự nhiên con nhớ đến mẹ con, và tưởng chừng như đang ở gần mẹ con, trông thấy mẹ con ở nhà. Tuy nhiên, con vẫn

không hiểu những lời trong bài hát đó vì bằng tiếng Ý đại lợi.

Tôi vừa nói vừa nhìn thấy tôi. Tôi thấy thấy tôi hơi dân dấn nước mắt. Lúc đó tôi không nói nữa và hỏi thấy tôi rằng:

– Con nói thế làm cho thấy buồn?

Bằng giọng cảm động, thấy tôi đáp:

– Không, con ạ. Con không làm ta buồn đâu, trái lại, con làm ta nhớ lại thuở thanh niên, những ngày tươi đẹp của ta thôi. Con cứ yên tâm. Ta sẽ dạy cho con biết hát. Vì con là một đứa trẻ có tâm hồn, con cũng sẽ làm cho người ta khóc được và con sẽ được hoan hô. Con sẽ hiểu...

Nói đến đây, thấy tôi bỗng ngắt lại. Tôi cho rằng về vấn đề này thấy tôi không muốn đi xa hơn nữa. Còn cái lý do nó làm cho thấy tôi ngừng lời thì tôi không sao đoán được. Mãi mãi về sau này tôi mới được rõ nguyên nhân trong những trường hợp đau khổ cho tôi. Sau này, tôi sẽ xin kể lại đến việc đó.

Sáng hôm sau, thầy tôi bắt đầu gọt những miếng gỗ vuông và dùng mũi dao khắc những dấu vào các miếng gỗ ấy, chẳng khác chỉ lần trước, để làm sách dạy âm nhạc cho tôi.

Tuy nhiên, công việc lần này của thầy tôi có phần khó khăn hơn vì những dấu cần thiết để làm nhạc phổ rất tỉ mỉ, đòi hỏi nhiều công trình hơn là bản tự mẫu.

Mỗi miếng gỗ gọt nhẵn hai mặt, mặt nào cũng kẻ năm vạch ngang: một mặt ghi dấu sol, một mặt ghi dấu fa. Khi đã làm xong đầu đấy, bài học bắt đầu. Tôi xin thú thực rằng những bài đó cũng khó vào óc không kém những bài tập đọc. Hơn một lần, ông Vỹ Tiên là người rất kiên nhẫn với các con chó, đã phải gắt với tôi. Thầy tôi kêu to:

– Với một con vật, người ta có thể chịu đựng được vì người ta biết nó là loài vật, còn con, con làm ta đến chết mất thôi!

Thầy tôi vừa nói vừa giơ hai tay lên trời như « làm tuồng » rồi vỗ đét xuống đùi. Hảo Tâm hay có tính bắt chước những cái lạ, liền « rập » đúng

132 | Dịch giả: Hà Mai Anh

cái cử chỉ đó. Nó thường ngồi cạnh nhìn tôi tập hát. Khi tôi ấp úng, nó liền chạy ra, giơ thẳng hai tay lên trời, rồi vỗ đét vào đùi, tôi bực mình quá không làm sao được.

Đã thế, thầy tôi lại nói thêm:

– Hảo Tâm nó cũng diều con đấy!

Nếu tôi dám thì tôi đã cãi rằng nó riều cả thầy lẫn trò đấy. Nhưng phần vì kính trọng, phần vì nể sợ thầy tôi, nên tôi không dám ứng đối thế.

Không bao lâu, những bước đầu đã vượt qua với bao khó nhọc, tôi đã cầm giấy đọc được những nốt nhạc mà thầy tôi đã ghi cho tôi.

Hôm đó, thầy tôi không vỗ đùi nữa mà lấy tay sẽ đập đập vào hai bên má tôi tỏ dấu thân yêu và tuyên bố rằng nếu tôi tiếp tục học như thế tôi sẽ trở thành một đại danh ca.

Quý độc giả đã biết, sự học của tôi không phải thực hành trong một ngày mà hàng tuần, hàng tháng với những mảnh gỗ lúc nào cũng đầy trong túi.

Hơn nữa, việc học của tôi lại không được đều đặn như việc học của học trò đến trường vào những giờ nhứt định. Tôi đây, chỉ có lúc nào thay tôi rảnh việc thì tôi mới được học.

Mỗi ngày, chúng tôi phải đi cho hết đoạn đường hoặc dài, hoặc ngắn tùy theo những làng ở cách nhau xa hay gần. Chúng tôi phải diễn trò mỗi khi gặp chỗ đông đúc có thể thu được tiền. Chúng tôi phải luyện lại những vai trò cho các con chó và con Hảo Tâm. Chúng tôi còn phải làm cơm bữa sáng, bữa chiều. Ngoài những việc đó, mới là thì giờ để học chữ hay học nhạc. Nơi dùng chân để học phần nhiều là trong quán chợ, dưới gốc cây hay trên đồng đá, mà bãi cỏ hay vệ đường thường dùng làm bàn để bày những bảng gỗ.

Cách giáo dục này khác hẳn cách giáo dục phần đông những trẻ bằng tuổi tôi được đến nhà trường. Chúng không phải làm lụng gì. Chỉ có việc học. Thế mà nhiều khi chúng còn phàn nàn là không đủ thì giờ để làm bài. Nhưng có một điều còn quan trọng gấp mấy thì giờ cần thiết để

học tập, đó là sự chuyên cần. Không phải cái thời gian ta dùng để học một bài, nó ghi được bài đó vào ký ức của ta đâu, chính là cái ý chí hiểu học vậy.

Phúc cho tôi, tôi đã đem được hết tâm trí vào sự học, không thú chơi đùa cảm dỗ. Nếu tôi chỉ có thể làm việc được trong phòng với hai tay bịt tai, hai mắt dán vào quyển sách như vại đứa trẻ khó tính khác, thì tôi sẽ trở nên thế nào? – Chẳng làm trò gì được, vì chúng tôi không có buồng để ở, và trong khi đi đường, tôi phải nhìn luôn xuống chân cho khỏi vấp ngã.

Thế mà, tôi cũng đã học được đôi điều, đồng thời cũng tập quen đi đường trường, một môn học không kém bổ ích bằng những bài của thầy tôi. Tôi là đứa trẻ yếu ớt khi còn ở với mẹ tôi. Bà Liên đã kêu tôi là « đứa trẻ tỉnh thành ». Võ Tiên đã chê tôi « chân tay mảnh dẻ quá » như vậy đủ hiểu thể cách của tôi hồi đó thế nào.

Ở gần thầy tôi, tôi được sống những nơi thoáng đãng, tôi lại đi nhiều, chân tay trở nên

cứng cáp, lồng ngực nở nang ra, da dày dạn như sắt, thế tôi có thể chịu được rét cũng như bức, mưa cũng như nắng, chịu được đau buồn, thiếu thốn, mệt nhọc, coi như không.

Cái trường huấn luyện này thực là một đại phúc cho tôi, vì nó đã đào tạo để sau này đủ sức phấn đấu với những tai biến hiểm nghèo, ghê gớm dồn dập xả vào đầu tôi trong những ngày niên thiếu bơ vơ.

CHƯƠNG VIII

NÚI QUẠNH ĐỒNG HOANG

Chúng tôi đã đi qua một phần miền Nam nước Pháp: O-Véc, Vơ-Lay, Vi-ve-re, Kéc-xi, Ru-éc, Xê-ven, Lãng-Đốc. Hành trình của chúng tôi rất giản dị: chúng tôi cứ tiến thẳng phía trước mặt, đi cầu may. Khi nhìn xa thấy làng nào không đến nỗi xơ xác lắm, chúng tôi chỉnh bị một cuộc lâm trường rất râm rộ. Tôi trang sức cho chó, đội mũ cho Thùy Nhi, vận áo cho Hiệp Nhi, dán lông mày giả cho Lãnh Nhi để đóng vai ông già càu nhàu. Cuối cùng tôi ép Hảo Tâm phải mặc áo Đại tướng. Việc này rất khó nhọc và con khỉ biết rằng vận áo nghĩa là sắp phải làm việc nên nó chống lại, nhảy nhót và giở nhiều trò kỳ quặc để trốn mặc áo. Tôi phải gọi đến Lãnh Nhi giúp sức nó mới chịu « lai hàng ».

Sửa soạn xong, Vỹ Tiên thối còi đi trước, chúng tôi thứ tự theo sau.

Vào làng, nếu số người xem đông thì chúng tôi diễn, trái lại nếu người ít quá xem chừng không thu được mấy, chúng tôi lại tiếp tục đi. Chỉ đến những thị xã lớn là chúng tôi ở nhiều ngày. Những hôm đó, buổi sáng rồi, tôi được phép đi chơi rong phố với Lãnh Nhi — dĩ nhiên nó không khoác áo tuồng.

Vỹ Tiên xưa nay vẫn giữ tôi luôn bên cạnh, bây giờ mới thả cho tôi tự do.

Ông bảo tôi:

– Cái ngẫu nhiên đã đưa con đi khắp nước Pháp trong khi những trẻ bằng tuổi con đang cắp sách đi học. Vậy con phải mở rộng mắt ra, nhìn lấy và học lấy. Có điều gì con không hiểu, có điều gì làm con bối rối, con cứ hỏi ta, đừng sợ. Có lẽ ta không thể trả lời được tất cả những câu hỏi của con vì ta không dám tự phụ là biết hết nhưng có lẽ nhiều câu ta cũng có thể giải thích làm thỏa được ý con. Vốn dĩ, ta có chuyên là ông bầu của

đám vật làm trò rong dêu, vì ta đã học những điều khác, không phải những điều để « giới thiệu Lãnh Nhi hay Hảo Tâm trước quý khán giả » như bây giờ dêu!

– Thầy đã học nghề gì?

– Một ngày kia ta sẽ cho con biết. Bây giờ con hãy biết rằng một người làm nghề « trình diễn chó » cũng có thể có địa vị trong xã hội. Và con cũng hiểu rằng nếu bây giờ con đang ở bậc thang dưới cùng trong xã hội, con rất có thể — nếu con quyết chí — có thể dần dần tới một bậc cao hơn. Điều đó tùy theo cảnh ngộ một ít, còn tùy ở con rất nhiều. Con ơi! Con hãy nghe những bài học của ta, những lời khuyên của ta. Sau này khôn lớn, con sẽ nhớ đến — ta mong thế — nhớ đến người nghệ sĩ giang hồ già nua đã rút con ở trong tay người mẹ nuôi con, chắc con phải ngậm ngùi và biết ơn, vì ta yên trí rằng cái duyên gặp gỡ giữa ta và con sẽ đem lại hạnh phúc cho con.

Tôi không hiểu thầy tôi trước kia đã ở vào bậc nào trong bậc thang xã hội mà mỗi khi hơi nói chậm thì thầy tôi lại thôi. Điều đó nhiều lần

gợi trí tò mò và làm cho óc tôi phải suy nghĩ. Nếu Võ Tiên đã ở trên một bậc cao trong bậc thang xã hội như có lần ông đã nói thì sao bây giờ ông phải tụt xuống bậc thấp? Ông lại cho rằng tôi có thể lên cao nếu tôi muốn, tôi chẳng là cái gì, không biết gì, *không gia đình* và không một ai giúp đỡ. Thế sao chính ông lại bị xuống thấp?

Sau khi đã vượt qua núi Ô-véc, chúng tôi đến miền hoang dã Xéc-xi. Ở đây mặt đồng mấp mô như sóng gợn, không trông trọt gì, chỉ có những đám rừng thưa thớt, còm cõi. Đó là một miền bán bạc nhất và quạnh hiu nhất, Trong vùng, tuyệt nhiên không có một vũng nước nào. Không có suối, không có sông, không có ao. Đây đó, người ta nhìn thấy những dòng cạn khô, đầy lởm chởm đá. Nước đã chảy hết vào vực thẳm và ngấm xuống đất để rỉ ra những chỗ xa và chảy vào suối hoặc những sông con.

Ở giữa cánh đồng cháy nắng, đó là làng Bastide Murat (Bát-ti-đơ Mui-ra). Chúng tôi vào tìm chỗ trọ và ngủ đêm trong vựa cỏ của một hàng cơm.

Chiều hôm đó, trước khi đi ngủ, Võ Tiên nói chuyện với tôi:

– Chính ở đây, trong vùng này, và có lẽ ngay trong quán trọ này đã sinh ra một người, người đó đã làm chết bao nhiêu quân lính, xuất thân chỉ là một trẻ chăn ngựa, rồi trở nên Hoàng tử rồi lên đến ngôi Vua, người đó tên là Murat. Người ta coi là một vị anh hùng và lấy tên đặt cho làng này. Ta có quen ông ấy và đã nhiều lần nói chuyện với ông ấy,

Tôi buột miệng hỏi:

– Khi ông ấy còn chăn ngựa?

– Không, khi ông ấy đã làm Vua rồi. Tuy ta mới đến làng Bastide này là lần thứ nhất, nhưng ta đã gặp ông ta tại thành Naples ở giữa triều đình.

– A! Thấy quen vua!

Tôi thích chí kêu to quá làm thấy tôi phải bật cười và cười mãi.

Chúng tôi ngồi trên cái ghế dài trước chuồng ngựa, lưng tựa vào tường còn nóng, vì phơi nắng cả ngày. Trên đầu chúng tôi lá sung rườm rà, những con ve sầu kêu ri rĩ điếc tai. Trước mặt chúng tôi trăng tròn hiện lên quá nóc nhà đang dần dần lên cao. Ban ngày nóng nực bao nhiêu thì đêm đó êm ả mát dịu, bấy nhiêu.

Vỹ Tiên hỏi tôi:

– Con có buồn ngủ không? Nếu không, ta kể chuyện vua Murat cho con nghe.

– Ô! Xin thầy kể cho con nghe.

Rồi thầy tôi kê từ đầu chí cuối chuyện đó cho tôi nghe. Chúng tôi ngồi trên ghế hàng mấy giờ đồng hồ, thầy tôi thì nói, tôi thì mắt nhắm vào mặt thầy tôi, lấp loáng trong ánh trăng xanh. Phải, chuyện đó có thể có được, không những có thể có mà còn thực nữa. Từ trước tới giờ, tôi không có một ý niệm gì về Sử cả. Ai kể cho mà nghe? Mẹ tôi chắc chắn là không kể, vì bà cũng chẳng biết Sử là gì. Bà sinh trưởng ở làng Tả văn Ông, rồi bà cũng sẽ từ trần ở đó. Óc bà không hề đi xa

hơn con mắt của bà. Và đối với con mắt của bà thì vũ trụ chỉ là vòm trời từ trên đỉnh núi Ô-đui đến tận chân trời bao quanh mà thôi.

Tôi thực đã trông thấy bao nhiêu là điều lạ, điều hay.

Vậy thì trong thời niên thiếu, thầy tôi đã làm gì? Và tại sao đến lúc tuổi già thầy tôi lại ở trong hiện trạng này?

Đó là một câu hỏi nó làm cho óc non của tôi phải suy nghĩ.

CHƯƠNG IX

NGƯỜI KHÔNG LỖ VỚI ĐÔI GIÀY BẦY DẶM

Đi hết miền hoang dã, chúng tôi tới một thung lũng mát- mẻ xanh tươi, đó là thung lũng sông Dordogne. Chúng tôi ghé tại đây nhiều ngày vì đất phì nhiêu và dân phong phú. Chúng tôi diễn trò liên tiếp và với cái bát con, Lãnh Nhi cũng hái được lắm tiền.

Một cái cầu lửng lơ trên không như treo bởi những sợi dây của Thánh Mẫu, nằm ngang trên con sông, nước chảy lững lờ: đó là cầu Quy-giác và sông Dordogne.

Một thành phố hoang tàn với những hầm, những hố, những tháp và ở giữa những bức tường đổ nát của một nhà tu, cây cối mọc um

tùm, tiếng ve kêu ra rả. Đó là thành phố thánh Emilion.

Ngày nay, tất cả những cảnh tượng đó lu mờ trong óc tôi, duy có cảnh trí sau này hiện còn rõ rệt trong trí nhớ.

Chúng tôi lưu lại một đêm trong một làng nhỏ. Sáng hôm sau chúng tôi lên đường lúc trời chưa mọc. Sau khi đi mãi trên con đường đầy bụi, hai bên trống nhơ, chúng tôi đến một khoảng mênh mông, phong cảnh hiện ra trước mắt như một bức tranh.

Một con sông lượn quanh trái đồi mà chúng tôi vừa đến. Bên kia bờ sông, nổi lên san sát những mái nhà; những tháp chuông của một thành phố rộng lan mãi tận chân trời. Biết cơ man nào là nhà! Cơ man nào là ống khói! Một vài ống khói ngất ngểu như những cái cột đại dài vượt hẳn lên, nhả ra những cuộn khói đen, tỏa theo chiều gió rồi tan ra thành một đám sương phủ mờ trên thành phố. Dưới sông, thuyền đậu chen chúc bên nhau. Những cột buồm, dây buồm, cánh buồm đâm lên chi chít như đám cây rừng, trong

đó những sắc cờ phân phát bay ngang. Người ta nghe thấy những tiếng ù ù, tiếng sắt, tiếng nổi súp-de, tiếng búa, thêm vào đó, có cả tiếng xe cộ chạy âm âm trên bến nũa.

Vỹ Tiên bảo tôi:

– Thành phố Boóc-Đô (Bordeau) đây!

Đối với đứa trẻ sinh hoạt như tôi, từ bé đến giờ chỉ được trông thấy những làng nhỏ ở vùng Cờ-rơ (Cereux), hơn chút nữa là những tỉnh nhỏ tình cờ tôi được trông thấy khi đi đường, thì thành phố này là một cảnh tiên.

Không nghĩ ngợi gì, tôi đứng ngay lại, yên lặng nhìn đàng trước tôi, chỗ gần, chỗ xa và khắp cả chung quanh tôi. Xong, mắt tôi chú vào điểm: khúc sông có tàu thuyền đậu. Thực vậy, chỗ đó có một hoạt động từng bừng mà tôi chưa nhìn thấy bao giờ.

Có những chiếc tàu, thẳng cánh buồm, nghiêng mình chạy xuôi những chiếc khác, chạy ngược dòng, chậm hơn. Cũng có chiếc đứng im như những hòn đảo. Cũng có chiếc quay tròn

như cánh chong chóng. Sau cùng, cũng có những chiếc không cột, không buồm nhưng có một cái ống nhả từng cuộn khói đen lên trời, chạy ngang, chạy dọc rất nhanh, rẽ làn nước vàng và để lại ở đằng sau những luồng bọt trắng xóa.

Thấy tôi ngơ ngác, Vỹ Tiên giảng nghĩa cho tôi:

– Đến giờ nước triều lên. Những tàu này mới ở biển vào: chúng đã đi xa và đi lâu nên nước sơn đã bạc, và vỏ ngoài đã gỉ. Những chiếc kia vừa rời bến. Còn những chiếc đang quay ở giữa sông là chúng xoay quanh neo để hướng mũi tàu vào sóng triều lên. Còn những chiếc đang chạy hiên ngang trong đám khói đen kia là những chiếc tàu dốt.

Tôi được nghe bao nhiêu tiếng lạ và trông thấy bao nhiêu điều mới! Từ trước đến giờ, không bao giờ chúng tôi nghỉ lâu ở những tỉnh đã đi qua vì chúng tôi ít trò quá phải đi mỗi ngày một nơi để diễn thì mới có khách xem. Với những kịch sĩ của Vỹ Tiên, chương trình khó lòng mà biến hóa cho nhiều. Vì thế khi chúng tôi đã diễn xong

« Người đẩy tớ của Ngài Hảo Tâm », « Cái chết của Đại-tướng », « Công bình vẫn thắng », « Liều thuốc tẩy », và ba bốn bản nữa là hết. Khán giả đã xem đủ và cho là đủ rồi. Phải đem « Người đẩy tớ của Ngài Hảo Tâm » hay « Liều thuốc tẩy », đến một nơi khác mà công chúng chưa được xem.

Nhưng đến đây, thành Boóc-Đô là một đô thị lớn, ở đó, khán giả thay đổi luôn luôn. Chúng tôi chỉ luân chuyển đi các phố là có thể diễn ba xuất mỗi ngày. Công chúng không đến nổi kêu như khi ở Ca-ô:

– Cứ mãi một trò!

Ở Boóc-Đô được ít lâu, chúng tôi lại phải đi tỉnh Pô. Từ ngoại châu thành Boóc-Đô đến dãy núi Py-rê-nê, chúng tôi phải qua một bãi sa mạc người ta thường gọi là Lãng-Đê.

Tôi tuy không phải là con chuột con nôi trong ngụ ngôn, trông thấy cái gì cũng lạ, cũng hay và cũng sợ, nhưng trong đoạn đầu cuộc hành trình trên sa mạc, tôi bị một cái nhảm to khiến thấy tôi cười mãi và chế nhạo mãi đến tỉnh Pô mới thôi.

Rời Boóc-Đô được 7, 8 ngày, sau khi theo bờ sông Ga-ron đến Lăng-gôn thì chúng tôi sẽ sang đường đi Mông-mác-săng. Không còn vườn nho, không còn đồng cỏ không còn vườn quả nữa. Chỉ thấy toàn rừng thông và bụi rậm. Những nhà dân cư mỗi ngày một thưa, một tồi tàn hơn. Rồi chúng tôi đi qua một giải đồng không mông quạnh, mặt đất mấp mô và bát ngát đến chân trời. Không có chỗ nào cày cấy, không có rừng, xa xa toàn đất xám. Gần chúng tôi, hai bên đường rêu phủ, lác đác có những bụi gai khô và những cây kim tước cần cỗi.

Vỹ Tiên bảo tôi:

– Chúng ta đang ở bãi Lăng-Đê đây. Còn phải đi trong sa mạc này từ 20 đến 25 dặm nữa. Con phải để hết can đảm vào hai chân con.

Tôi nghĩ không những phải để hết can đảm vào hai chân mà còn phải để vào óc vào tim nữa vì đi trên con đường hình như vô tận này, tôi cảm thấy một sự buồn khó thể khua tan được.

Từ thuở đó đến giờ, tôi đã nhiều lần đi biển.

Mỗi khi tôi ở giữa biển mà không trông thấy bóng một cánh buồm nào là lòng tôi lại thấy phảng phất một mối buồn khôn tả như cái buồn mà tôi cảm thấy trong bãi sa mạc này. Khác nào như ở trên biển cả, chúng tôi đưa mặt nhìn khắp bốn phương, cho tới chân trời chìm đắm trong màn sương thu, chẳng thấy gì cả, chỉ thấy màu đất xám mênh mông, hiu quạnh ở trước mặt chúng tôi.

Chúng tôi cứ tiến. Lắm lúc, ngược mắt nhìn chung quanh, tôi tưởng chừng như giậm chân nguyên một chỗ, không tiến được bước nào vì cảnh tượng cứ y nguyên: vẫn bụi gai, vẫn khóm kim tước, vẫn đám rêu và vẫn những cỏ dương, lá rậm và mềm, nhấp nhô theo làn gió như những lớp sóng rờn.

Tùng quăng rất xa mới lại thấy những khu rừng nhỏ. Nhưng những khu rừng này cũng chẳng làm phong cảnh thêm vui mắt như ở các nơi khác. Rừng toàn là những cây thông chặt hết cành. Khắp thân đều mang những vết chém sâu. Ở những vết thương đó chảy ra những giọt nhựa bám vào vỏ cây như những giọt lệ trắng kết

tin. Khi những cơn gió to thổi qua rừng, một âm thanh rên rĩ đưa ra khiến ta tưởng tượng như nghe thấy tiếng thét của những cây khốn nạn kia đang than khóc phận mình.

Vỹ Tiên bảo tôi đến chiều hôm đó thì tới một làng mà chúng tôi có thể nghỉ chân được.

Nhưng chiều đến, chúng tôi chẳng nhìn thấy dấu hiệu gì tỏ ra là đã gần đến làng đó. Không có đồng ruộng hoa màu, không có trâu bò ăn cỏ, mà ở xa cũng chẳng thấy một đám khói xanh nào chứng tỏ nơi đó có dân cư.

Từ sáng hôm nay, tôi đã thấy mệt rồi. Đến bây giờ thì thân thì đau như giã. Thế mà đi mãi vẫn không thấy cái làng sung sướng đó nổi lên đầu đường bất tận của chúng!

Tôi cố giương mắt nhìn xa. Tôi chỉ trông thấy toàn bãi hoang là bãi hoang. Những bụi cây hỗn loạn chìm dần vào trong bóng tối mỗi lúc một dày thêm.

Tưởng rằng sắp tới nơi nên ai nấy đều rảo bước. Thấy tôi vốn quen đi đường trường, cũng

thấy nhọc rồi. Thầy tôi bảo dừng lại và nghỉ một lúc ở bên vệ đường.

Nhưng đáng lẽ phải ngồi bên cạnh thầy tôi, tôi muốn leo lên trái đồi kim tước gần đó, đứng xem quanh đây có ánh đèn lửa của một làng mạc nào không.

Tôi gọi Lãnh Nhi cùng đi với tôi. Nhưng nó, nó cũng nhọc, và giả điếc. Đó là cái mưu lược vẫn quen áp dụng với tôi mỗi khi nó không thích nghe lời tôi.

Vỹ Tiên hỏi tôi:

– Con sợ à?

Câu đó làm tôi thôi không rủ Lãnh Nhi nữa. Tôi đi khám phá một mình vậy. Nghĩ đến câu nói của thầy tôi, tôi trở nên mạnh bạo. Tuy nhiên, đêm tối, không trăng, chỉ có những ngôi sao lấp lánh trên trời tỏa ánh sáng yếu ớt xuống vùng không khí vẫn đục ít nhiều hơi nước.

Tôi vừa đi vừa nhìn hai bên. Tôi nhận thấy buổi chạng vạng này làm cho mọi vật có một hình

dáng kỳ dị. Phải nhìn mãi mới đoán ra được đây là bụi rậm, là khóm kim tước, và đằng xa kia là mấy cây nhỏ, thân cong queo, cành vắn vẹo. Ở xa hơn nữa, những bụi cỏ, những khóm cây trông giống những loài vật thuộc một thế giới huyền ảo.

Với bóng mờ của đêm tối, cánh đồng biến dạng hẳn, hình như chứa đầy những quái vật hiện hình.

Tôi nghĩ một người khác vào địa vị tôi có lẽ phải khiếp sợ trước những hình thù kỳ quái đó. Điều đó có thể xảy ra được vì Võ Tiên chẳng đã hỏi tôi rằng « con sợ à? ». Tuy nhiên, tôi tự hỏi tôi thì tôi thấy rằng tôi không hề sợ sệt gì.

Tôi càng lên đồi thì những cây kim tước càng to dần ra, những bụi rậm cao hơn lên. Những ngọn cây nhiều chỗ vượt khỏi đầu tôi và lắm lúc tôi phải chui dưới cành lá.

Không mấy lúc tôi đã lên được ngọn đồi. Tôi nhìn chung quanh, chẳng thấy tí ánh lửa nào. Tôi nhìn sâu vào trong bóng tối, chỉ thấy những hình

mập mờ, những bóng đen kỳ dị, những cây kim tước giờ cành ra như những cánh tay vớ lấy tôi, những bụi rậm nhảy nhót chung quanh tôi.

Không nhìn thấy gì tỏ ra là có nhà nào ở gần đó, tôi cố lắng tai nghe xem có tiếng động gì không, tiếng bò kêu, tiếng chó cắn chẳng hạn.

Tôi đứng im một lúc, nín thở để nghe cho rõ hơn, chợt tôi sờn người, cảnh vắng lặng của cánh đồng làm cho tôi hoảng hốt, tôi sợ. Sợ gì? Tôi cũng không hiểu. Có lẽ sự yên lặng, sự vắng vẻ và sợ đêm tối chẳng? Dù sao, tôi cảm thấy hình như có có một sự nguy hiểm gì sắp đến nơi.

Ngay lúc đó, tôi lo lắng nhìn chung quanh, tôi thấy một bóng đen to lớn đang cử động trên ngọn những cây kim tước, đồng thời tôi nghe thấy tiếng sột soạt trong đám lá cây.

Tôi cố trấn tĩnh cho rằng vì tôi sợ quá thành ra hoảng hốt, cái bóng đen kia có lẽ chỉ là một cây to mà lúc trước tôi chưa nhìn thấy.

Nhưng tiếng sột soạt kia ở đâu ra? Lúc đó không có một tí gió nào. Những cành cây dù nhẹ

đến đâu cũng không thể tự cử động được, phải có gió thổi hoặc có ai lay thì chúng mới chuyển được.

Ai? Nhưng không, không thể là người được, cái thân hình to đen đen đang tiến đến phía tôi. Có lẽ là một con vật mà tôi chưa trông thấy bao giờ, hay một con chim khổng lồ đi ăn đêm, hay một con nhện rừng có bốn chân, những chân mảnh dẻ đó đang lều khều bước trên các bụi rậm dưới ánh xanh lọt của trời sao. Có điều chắc chắn là con vật đó chân rất dài đang bước vội đến tôi.

Đích là nó đã trông thấy tôi và đang đuổi tôi.

Nghĩ thế, tôi liền quay lại, cầm cổ chạy xuống sườn đồi về chỗ Vỹ Tiên.

Nhưng lạ quá! Tôi thấy tôi xuống chậm quá không bằng lúc leo lên. Tôi vướng chân ngã chúi, ngã dúi vào các bụi cây. Gỡ được ra, tôi nhìn lại đằng sau, con vật đã đến gần, nó sắp theo kịp tôi.

May sao, tôi đã xuống chân đồi, hết bụi rậm, đường lại phẳng nên tôi chạy xăm xăm trên ngọn cỏ.

Tôi chạy đã nhanh, con vật còn bước nhanh hơn tôi. Tôi không cần ngoảnh lại cũng biết con vật đã đến sau lưng tôi.

Tôi không thở được nữa và tối cả mặt mũi lại. Tôi chạy như tử đến chân thầy tôi và ngã lăn ra. Ba con chó giật mình tỉnh dậy sủa rầm lên.

Tôi chỉ nói được hai tiếng:

– Con vật! Con vật!

Tôi nghe thấy tiếng cười lớn phát ra trong những tiếng chó sủa. Đồng thời, thấy tôi vỗ vai tôi, bắt tôi quay mặt lại và bảo:

– Con vật vẫn là Minh. Con hãy nhìn lại một tí. Có dám nhìn không?

Tiếng cười, nhất là lời nói của ông đã làm tôi vững dạ. Tôi dám mở to mắt và nhìn về phía tay ông trở.

Con quái vật nó đuổi tôi bây giờ cũng dừng lại. Nó đứng im trên đường cái.

Tôi trông thấy, xin thú thực, cũng còn hơi run run. Nhưng có thấy tôi đây, lại có đàn chó nữa nên tôi trấn tĩnh lại, tôi nhìn kỹ hình thù đó.

– Có phải con vật không? Có phải người không?

Giống người vì nó có mình, có đầu và hai cánh tay. Giống con vật vì da nó có lông lá và nó có hai cái cẳng chân còm, rất dài đến 2, 3 mét.

Mặc dầu trời đen tối, tôi cũng nhận rõ những chi tiết đó vì cái bóng đen của con quái vật « hằn » rõ trên nền trời lơ mờ ánh sao.

Tôi đang nghĩ phân vân không biết đó là vật hay là người thì thấy tôi cất tiếng hỏi bóng đen đó.

– Có làng xóm nào gần đây không? Chỉ giúp chúng tôi!

Đó là người à? Vì thấy tôi đang nói với nó.

Một tiếng cười the thé như tiếng chim đáp lại. Đó là giống vật à?

Thế mà thấy tôi cứ cố hỏi, tôi thấy cả là một sự vô lý, vì ai chả biết rằng dù giống vật đôi khi có thể hỏi ta nói gì, nhưng nó có nói được bao giờ mà ta hỏi. Tôi bỗng ngạc nhiên biết là nhường nào khi tôi thấy con vật đó trả lời rằng chung quanh đây không có nhà cửa gì, chỉ có trại cừu nếu muốn đi thì nó đưa đến. Nó nói được, sao nó lại có cái cằm dài? Nếu tôi cả gan, thì tôi đã đến sờ xem hai cái chân nó thế nào. Nhưng dù nó không có vẻ gì là dữ tợn, tôi cũng không có can đảm làm thế. Tôi đành nhặt túi, xách theo thấy tôi và yên lặng đi không nói gì. Thấy tôi hỏi tôi:

– Con đã nhìn rõ con quái vật nó làm con sợ hết hồn chưa?

– Con nhìn rõ rồi. Nhưng con không hiểu. Thế ra ở vùng này có những người khổng lồ à?

– Phải, khi họ đi kheo.

Rồi thấy tôi cắt nghĩa cho tôi nghe. Những dân miền Lãng-Đê muốn qua những bãi cát hay bãi lầy thường dùng kheo để đi cho khỏi thụt chân xuống cát, xuống bùn, những cái kheo là

những cái gậy dài trên đầu có bàn guốc để xỏ và buộc chân vào.

– Vì thế, họ thành những người khổng lồ với những đôi giày bẩy dặm trước con mắt những trẻ em hay sợ hãi huyền.

CHƯƠNG X

TRƯỚC CỬA CÔNG

Thành phố Pô đã để lại cho tôi một kỷ niệm rất êm đềm. Mùa đông, trời ít gió. Ngày nào chúng tôi cũng diễn trò trong các phố, trong các công trường, trên các đại lộ và thu nhập được khá nhiều.

Suốt mùa đông, chúng tôi ngày nào cũng có một số khán giả rất đông phần nhiều là trẻ con Anh, những em trai da thịt hồng hào, những em gái nhỏ xinh tươi với đôi mắt dịu dàng như đôi mắt Thùy Nhi. Các em xem mãi và không kêu: « cứ mãi một trò ». Các em thường đem sẵn các thứ bánh ngọt trong túi để lúc xem phân phát cho Hảo Tâm, cho các con chó và cho cả tôi nữa, do đó tôi mới biết mùi những thứ bánh ngon.

Mùa xuân đến. Ngày bắt đầu nóng thì chúng tôi cũng bắt đầu thưa khách dần. Một chiều, sau khi diễn trò, các em bé lần lượt bắt tay Hảo Tâm và Lãnh Nhi như để vĩnh biệt chúng tôi.

Hôm sau, chúng tôi thấy tro rơi trong công trường không một khán giả. Chúng tôi nghĩ phải rời đi nơi khác.

Một buổi sáng, chúng tôi lên đường. Ngoảnh lại thì những ngọn tháp thành Pô đã xa mờ. Chúng tôi tiếp tục cuộc sống lang thang trên đường cái. Chúng tôi cứ thẳng trước mặt mà đi, khi xuống lũng lên đồi, khi qua rừng lội suối, cứ đi như thế không biết bao nhiêu là ngày, bao nhiêu là tuần, bên tay phải chúng tôi vẫn thấy dãy Py-rê-nê xa trông như đám mây thành.

Rồi một buổi chiều, chúng tôi đến một thành phố lớn, ở trên dòng sông con, trong miền ruộng đất phì nhiêu. Nhà cửa xây toàn bằng gạch đỏ trông không đẹp mấy. Đường sá rải bằng sỏi vừa rấn vừa nhọn làm đau chân những kẻ lữ hành, đã mỗi mệt vì đi mỗi ngày mười dặm.

Thầy tôi bảo chúng tôi đã tới tỉnh Tu-lu và sẽ lưu trú ở đó ít lâu.

Theo lệ thường, công việc thứ nhất của chúng tôi là phải tìm chỗ để hôm sau ra mắt công chúng. Chúng tôi tìm được ngay vì công trường ở Tu-lu không hiếm, nhất là về phía vườn Bách Thảo. Ở đó có một hoa viên đẹp và râm mát bốn ngả có đại lộ đổ vào. Chúng tôi chọn một chỗ rất tốt bên lề đại lộ đó. Và buổi diễn đầu tiên đã được nhiều người thưởng thức.

Không may, người cảnh binh coi phố đó không đồng ý cho chúng tôi diễn tại chỗ ấy, hoặc vì ông ta không thích cho, hoặc chúng tôi làm ngăn trở công vụ của ông ta, hoặc vì một lẽ khác nên ông ta cố tình đuổi chúng tôi đi.

Ở hoàn cảnh của chúng tôi, nên nhượng bộ viên cảnh sát là phải, là khôn vì cuộc chiến đấu giữa những kẻ diễn trò rong với cảnh sát viên là một cuộc chiến đấu không đồng sức, cầm chắc cái thua. Nhưng, không hiểu sao thầy tôi ngày thường nhận nài là thế, bỗng nổi phẫn khí lên và không chịu bái trò.

Tuy là người diễn trò nghèo túng bây giờ mới phải thế – thầy tôi vẫn hào hãnh. Hơn nữa, thầy tôi lại cho mình là phải, sẽ được bênh vực vì không làm gì hại đến luật pháp hoặc mệnh lệnh cảnh sát cả.

Thầy tôi nhất định không nghe khi người cảnh sát đến đuổi đi.

Khi thầy tôi muốn nén tức giận, thầy tôi thường có tính tỏ ra quá lễ phép. Cứ nghe những lời bẩm gửi của thầy tôi, người ta tưởng thầy tôi đang đứng trước mặt một vị cao cấp.

Thầy tôi, mũ cầm tay, nghiêng mình trả lời người cảnh sát:

– Kính thưa vị đại diện khả kính của Nha Cảnh sát, xin ngài sẵn lòng làm ơn cho chúng tôi xem bản sắc lệnh của Quý Nha nói về việc cấm những kẻ làm trò hèn mọn như chúng tôi không được trình diễn cái tiểu xảo của chúng tôi trên công trường này.

Người cảnh binh bảo không phải là việc cãi vã mà là việc tuân lệnh.

Vỹ Tiên đáp:

– Đành thế. Tôi đã hiểu rõ. Tôi xin cam đoan là tuân lệnh ngay lập tức nếu ngài đại diện cho tôi biết ngài đã thi hành khoản nào trong mệnh lệnh cảnh sát?

Hôm đó người cảnh sát quay ra, thấy tôi, mũ cầm tay giả bộ lễ phép theo tiến chân và cúi rạp xuống chào.

Hôm sau, người cảnh sát lại đến, bước qua dây và nhảy vào giữa vòng trò đang diễn. Người cảnh sát hăm hăm bảo:

– Giàm miệng chó lại!

– Giàm miệng chó?

– Đó là luật cảnh sát, ông phải biết, Lúc đó chúng tôi đang diễn « Liều thuốc tẩy ». Vì tấn trò khai diễn hôm nay là lần thứ nhất tại thành phố này nên đông người xem lắm. Bởi thế, sự can thiệp của người cảnh sát làm cho công chúng xôn xao và bất mãn.

– Đừng phá đám!

– Để họ diễn xong đã!

Vỹ Tiên giơ tay yêu cầu yên lặng. Xong, cất mũ cúi chào quá thấp, lông mũ quét cả đất. Vỹ Tiên lại trước mặt viên cảnh sát, kính cẩn nghiêng mình ba xă và hỏi:

– Kính thưa ngài đại diện khả kính của Nha Cảnh sát có phải ngài truyền tôi phải giàm miệng chó lại không?

– Phải, giàm ngay lại. Còn lòi thoi cái gì?

Vỹ Tiên liền hướng vào công chúng và cả viên cảnh sát nói to:

– Giàm miệng Lãnh Nhi, Hiệp Nhi, Thù Nhi! Đó là ngài chưa soi xét cho. Hiện bác sĩ Lãnh Nhi, thông thái và nổi tiếng khắp hoàn cầu đang cho bệnh nhân uống thuốc, nếu giàm miệng bệnh nhân lại thì uống làm sao được? Kính thưa ngài, tôi xin thất lễ trình ngài biết cho rằng chính do đàng miệng mà Y học đã dùng để dẫn thuốc trị bệnh. Nay Bác sĩ Lãnh Nhi không dám tự tiện

dùng lối khác để dẫn thuốc trước mặt các vị khán giả ưu tú này.

Đến câu này, tiếng cười nổi lên vang dậy. Ai cũng khen ngợi Võ Tiên và chế nhạo viên cảnh binh. Họ thích nhất khi thấy con Hảo Tâm cũng làm trò trêu cợt. Nó đứng đằng sau vị đại diện cảnh sát cuộc. Nó bót chước đúng điệu bộ của vị này, khi khoanh tay trước ngực khi khuỳnh tay hai bên sườn, khi ngả đầu về đằng sau và nhăn nhó mặt mũi, trông không nhịn cười được.

Khó chịu về những câu nói của Võ Tiên, lại bức tức bởi những tiếng cười của công chúng, viên cảnh sát coi bộ không phải là người kiên nhẫn, quay phắt ra.

Viên cảnh sát gặp ngay con khỉ đứng khuỳnh tay hai bên sườn ra vẻ đắc chí. Người và vật trừng mắt nhìn nhau trong mấy giây đồng hồ như để xem ai phải cúi mặt chịu thua.

Tiếng cười rộ lên làm viên cảnh sát bỏ đi ra, còn ngoái lại giờ nắm tay đe rằng:

– Đến mai nếu ông không giảm miệng chó, tôi sẽ biên bản trình Tòa. Bảo ông biết thế.

Vỹ Tiên đáp:

– Đến mai! Thưa ngài, đến mai!

Rồi Vỹ Tiên lại khúm núm cúi chào rất lễ phép.

Cuộc diễn lại tiếp tục. Tôi yên trí thế nào thấy tôi cũng đi mua « giảm » cho chó, nhưng không, suốt cả buổi chiều, thấy tôi chẳng nói gì đến chuyện cảnh sát cả. Tôi đánh bạo nhắc thầy tôi:

– Thầy nên mua giảm đeo trước cho Lãnh Nhi quen đi, kéo đến lúc làm trò mới dùng sợ nó dứt ra.

– Con tưởng ta phải đeo giảm sắt cho chó chẳng?

– Trời! Thầy không xem ông cảnh binh cố ý hành ta?

– Con cứ yên tâm. Mai ta sẽ thu xếp để khỏi phải biên bản và cũng để cho những con chó của ta khỏi phải khổ. Về mặt khác, cũng nên nhân dịp đó làm cho công chúng vui thêm. Người cảnh binh đó có lẽ sẽ giúp chúng ta thu được nhiều tiền, vì hắn sẽ vô tình đóng một trò trong tấn hài kịch mà ta đang dự bị. Muốn thế, ngày mai con sẽ đến công trường một mình con với Hảo Tâm. Con sẽ chẳng dây và đạo một vài bản thụ cầm. Khi công chúng dự khá đông và người cảnh binh đến thì sẽ có mặt ta và các con chó ở đấy. Lúc đó, hài kịch sẽ mở màn.

Tôi kém vui và thấy ngại ngại. Tôi không muốn ra chỗ diễn một mình. Nhưng biết tính thầy tôi một khi đã quyết điều gì thì khó ai lay chuyển được. Tôi đành phải vâng lời.

Sáng hôm sau, tôi đến chỗ diễn cũ xếp đặt và chẳng dây. Tôi vừa đạo đàn vài tiếng đã thấy công chúng kéo đến rộn rã chung quanh vòng dây.

Mấy tháng gần đây nhất là trong thời gian ở Pô, thầy tôi đã dạy tôi đánh thụ cầm. Tôi học không đến nỗi dở lắm. Tôi thuộc được nhiều bài,

duy có khúc « Dân ca Ý », là tôi đàn và hát trội hơn cả, nhiều lần được công chúng vỗ tay tán thưởng.

Sở dĩ sáng nay công chúng đến đông như vậy là vì họ biết chuyện xảy ra hôm trước. Họ đem theo cả bạn hữu đi. Ở Tu-lu, họ không thích cảnh binh. Họ tò mò muốn xem ông già Ý khu xử thế nào. Mặc dầu Vỹ Tiên ngọt ngào nói: « Thưa ngài, đến mai! », người ta cũng đoán được rằng sự gặp gỡ hôm nay sẽ có nhiều trò vui thích do ông già « cương » ra để trêu người cảnh binh vụng về và bản tính.

Vì thế khi thấy có một mình tôi với con Hảo Tâm, mấy người khách đã hỏi tôi:

- Ông già Ý không đến à?
- Ông sắp đến.

Rồi tôi tiếp tục hát bài « Dân ca » của tôi. Một lát sau không phải thấy tôi đến mà là viên cảnh binh đến. Hảo Tâm nhìn thấy trước, nó liền khuỳnh tay lên sườn, ngửa đầu về đằng sau, đi đi lại lại nghênh ngang trong vòng dây.

Công chúng vỗ tay cười nhiều lần.

Viên cảnh binh bực tức tròn xoe mắt nhìn tôi.

Công chúng lại cười âm.

Tôi cũng buồn cười, nhưng lo quá không biết chuyện này sẽ đi đến đâu. Nếu thấy tôi ở đây thấy tôi sẽ đối đáp với viên cảnh binh. Nhưng tôi có một mình, không biết ăn nói làm sao nếu người cảnh binh hỏi tôi.

Người cảnh binh trông mặt hầm hầm, có ý tức giận lắm.

Ông ta đi đi lại lại ngoài đây, mỗi khi qua mặt tôi, ông lại liếc qua vai lườm tôi, tôi sợ có điều chẳng lành.

Con Hảo Tâm không hiểu tình hình rất khẩn trương đó, cứ trêu người cảnh binh mãi. Nó cũng đi đi lại lại, qua mặt tôi, nó cũng ngoẹo cổ lườm tôi và nhăn nhó làm cho công chúng cười phá lên.

Không dám để cho người cảnh binh khích nộ đến cực điểm, tôi gọi con Hảo Tâm vào, nhưng nó không chịu vì cái trò đó đang làm nó đắc chí. Tôi đuổi bắt nó thì nó lại tuột đi.

Người cảnh binh đang lúc nổi sung, lóa cả mặt, tưởng tôi thúc giục con khỉ làm trò trêu ông ta, liền nhảy tót vào trong dây.

Chỉ hai bước là ông ta đến bên tôi và tát tôi một cái ngã gục xuống.

Tôi lóp ngóp bò dậy, mở mắt ra thì ủa! Là quá! Không biết thấy tôi đến lúc nào mà đã đứng giữa tôi và người cảnh binh mà ông đang nắm chặt lấy cổ tay. Thấy tôi nói:

– Tôi cấm ông không được đánh đứa trẻ này nữa. Cái cử chỉ vừa rồi của ông rất hèn!

Người cảnh binh giật tay ra nhưng ông già không chịu buông.

Hai người giáp mặt nhau, nhìn nhau chòng chọc. Người cảnh binh lúc đó mặt vàng như nghệ. Thấy tôi trông vẻ cao quý, ngửa hẳn cái đầu tóc

trắng như tuyết để lộ nét mặt phần khải và oai hùng.

Đứng trước thái độ đó, tôi tưởng người cảnh binh phải xấu hổ lắm. Nhưng không thể, ông ta giật mạnh tay ra, túm luôn cổ thầy tôi và đẩy về phía trước một cách rất hung hãn.

Thầy tôi ức quá, đứng thẳng người, lấy cánh tay phải quất rất mạnh vào cổ tay người cảnh sát để gỡ ra.

Vỹ Tiên hỏi:

– Ông muốn gì tôi?

– Tôi muốn điệu ông về bót. Ông phải đi ngay.

Vỹ Tiên nói:

– Muốn đuổi chúng tôi ông không cần phải đánh thẳng bé.

– Không cần phải nói. Đi theo tôi.

Vỹ Tiên, trấn tĩnh ngay, không sợ sệt gì, quay lại dặn tôi:

– Con hãy về nhà trọ. Cứ ở đó với bạn con. Ta sẽ gửi tin tức cho con hay.

Thầy tôi không nói thêm gì được nữa vì bị người canh binh lôi tuột đi.

Cuộc diễn của chúng tôi đã kết thúc như thế đó. Thầy tôi tưởng làm cho nó vui hơn, ai ngờ lại sinh nổi nước này!

Cử chỉ đầu tiên của các con chó là chạy luôn theo chủ. Nhưng thầy tôi vẫy tay bắt chúng lộn lại với tôi. Tôi ngạc nhiên thấy con nào cũng đeo một cái giùm bằng giải lụa thắt thành những bông hoa rất đẹp. Lanh. Nhi lông trắng đeo giùm đỏ, Hiệp Nhi lông đen đeo giùm trắng bạch. Còn Thủy Nhi lông xám đeo giùm xanh. Đó là những cái giùm phùng tuồng.

Công chúng giải tán rất nhanh. Một vài người ở lại sau, bàn tán về chuyện vừa xảy ra:

– Ông già phải.

– Ông già trái.

– Tại sao người cảnh binh lại đánh thẳng bé con? Nó chả có tội gì!

– To chuyện đấy! Nếu người cảnh binh khép tội kháng cự quan lệnh, ông già tất phải tù!

Tôi về nhà trọ, buồn rầu và lo lắng.

Bây giờ tôi không còn ở thời kỳ sợ ông Võ Tiên như buổi đầu nữa. Nói cho đúng cái thời kỳ đó cũng ngắn thôi. Vì dần dần tôi thấy mến ông một cách thành thực và mỗi ngày tình yêu càng khăng khít hơn lên. Chúng tôi cùng sống một đời du mục. Chúng tôi ở bên nhau từ sáng đến chiều, và từ chiều đến sáng nằm chung một ổ rơm. Một người cha săn sóc con vị tất đã được như thầy tôi chăm nom cho tôi. Thầy tôi dạy tôi viết, dạy tôi làm tính dạy tôi hát và đánh đàn. Trong những cuộc đường trường, thầy tôi cho tôi những bài học khi về điều này, khi về điều khác tùy theo trường hợp hay sự ngẫu nhiên đưa đến vấn đề, Những ngày đông giá lạnh, chúng tôi cùng đắp chung một chăn. Những ngày trời nắng như thiêu, thầy tôi mang bớt những hành lý cho tôi khỏi đeo nặng trên đường xa. Khi ngồi bàn

ăn, nói đúng ra là đến bữa ăn vì chúng tôi không có bàn ăn bao giờ, thấy tôi không bao giờ ăn lấy một mình và dành miếng không ngon cho tôi. Chúng tôi chia đều những miếng ngon cũng như những miếng không ngon. Tóm lại, chúng tôi vui buồn có nhau, ngọt bùi cay đắng có nhau. Thực ra cũng có khi thấy tôi beo tai tôi hay tát tay tôi, nhưng không phải vì những hình phạt vật đó mà tôi quên được sự săn sóc, lời ngọt ngào và lòng âu yếm của thầy tôi. Đối với tôi từ ngày tôi theo thầy tôi. Nói vắn tắt: thầy tôi thương tôi và tôi cũng mến thầy tôi. Bởi thế, cuộc chia ly này làm cho tôi đau đớn vô cùng.

Bao giờ tôi lại trông thấy thầy tôi?

Người ta đã nói đến « ngồi tù ». Thời gian ngồi khám, ước độ bao lâu? Trong thời gian đó tôi sẽ làm gì? Sống thế nào? Sống bằng gì?

Thầy tôi có thói quen giữ tiền trong mình. Trước khi bị bắt không kịp giao tiền cho tôi.

Tôi chỉ còn một vài xu trong túi. Số tiền này đủ nuôi cả bọn, Hảo Tâm, ba con chó và tôi không?

Mất hai ngày, tôi ngồi yên trong nhà lo lắng, không dám thò ra sân nhà trọ, săn sóc các con chó và Hảo Tâm, xem chừng con nào cũng bơ ngác và buồn rầu. Ngày thứ ba, một người đem phong thư của thầy tôi cho tôi.

Thầy tôi nói trong thư rằng thầy tôi bị giữ để đến thứ bảy tới đưa ra Tòa án về tội kháng cự công chức đang thi hành nhiệm vụ và về tội làm thương tổn đến thân thể viên chức đó.

Thầy tôi nói thêm: trong khi cả giận ta đã làm một lỗi lớn, nó sẽ làm ta khổ não. Ngày phiên tòa, con sẽ đến để lĩnh một bài học. Đoạn thầy tôi khuyên tôi mấy câu về cách cư xử. Cuối thư, thầy tôi không quên hôn tôi và bảo tôi vuốt ve các con Lãnh Nhi, Hảo Tâm, Thùy Nhi và Hiệp Nhi thay cho thầy tôi.

Trong khi tôi đọc thư, Lãnh Nhi ngồi dưới chân tôi ghéch mõm lên ngửi hít rồi ve vấy đuôi, thì ra nó đã đánh hơi biết được tờ giấy đó đã qua tay chủ nó.

Đã ba hôm nay, bây giờ tôi mới thấy nó tươi tỉnh lên một chút.

Sáng thứ bảy, hỏi người ta tôi biết Tòa án sẽ họp 10 giờ. Nhưng mới có 9 giờ tôi đã đến Tòa trước tiên và lén vào ngồi một góc. Dần dần phòng đầy người. Trong đám đến xem tôi nhận thấy nhiều người quen mặt vì họ đã chứng kiến tấn kịch hôm nọ.

Tôi chẳng hiểu Tòa án và Công lý là gì. Nhưng khi vào Tòa, tôi cảm thấy một mối lo sợ mặc dầu người ta sắp xử thấy tôi chứ không phải tôi. Tôi lẩn vào ngồi sau một cái lò sưởi lớn và sát tường để không ai chú ý đến tôi.

Vụ thứ nhất không phải việc của thầy tôi. Tòa xử những người ăn cắp, những người đánh nhau. A. cũng kêu oan và bị án cả. Cuối cùng, hai người hiến binh kèm thầy tôi ra và để ngồi xuống chỗ ghế những người bị cáo trước.

Đầu tiên, người ta làm gì, hỏi gì và thầy tôi trả lời thế nào, tôi cũng không biết, vì tôi cảm xúc quá không nghe thấy gì và cũng chẳng hiểu

gì cả. Vả lại, tôi không để ý nghe, tôi chỉ để mắt trông thấy tôi. Thấy tôi đứng đó, mái tóc bạc vuốt về đằng sau, trông có vẻ ngượng ngùng và buồn bã. Tôi lại nhìn quan tòa. Quan tòa hỏi:

– Như vậy ông thú nhận có thoi viên cảnh binh đến bắt ông nhiều cái?

– Thưa ông Chánh án. Không phải nhiều cái. Có một thoi thoi cốt để gỡ tay ông ấy tóm lấy cổ tôi. Khi tôi đến chỗ diễn trò, gặp ông ấy đang tát đứa bé trong đoàn tôi.

– Đứa bé không phải con ông chứ?

– Thưa ông Chánh án, không, nhưng tôi coi nó như con tôi. Khi tôi trông thấy nó bị đánh đập, tôi tức giận, có chạy lại nắm tay ông cảnh binh để khỏi hành hung nữa.

– Chính ông có đánh viên cảnh binh?

– Nghĩa là khi ông cảnh binh nắm lấy cổ tôi, tôi phần uất quên hẳn ông ta là ai, chỉ thấy có người ức hiếp tôi thì tôi chống lại. Đó là một cử động tự nhiên, không dụng tình...

– Với tuổi ông, không nên nóng giận quá thế.

– Người ta không nên nóng giận thật. Nhưng khổ nỗi nhiều khi người ta không làm được những điều phải làm. Ngày nay, tôi nhận thấy đúng như thế.

– Bây giờ đến lượt thầy cảnh binh.

Viên cảnh binh ra khai đúng những việc đã xảy ra, nhưng nhấn mạnh về chỗ người ta đã nhạo báng người ông ta, tiếng ông ta, điệu bộ ông ta và nhất là chỗ ông bị đánh vào cánh tay.

Khi người cảnh binh cung khai như thế đáng lẽ thầy tôi phải chú ý nghe xem có xuyên tạc không, nhưng thầy tôi nhìn xuống dưới phòng và khắp các phía. Tôi hiểu thầy tôi tìm tôi. Tôi liền lén lên hàng ghế đầu.

Thầy tôi trông thấy tôi và nét mặt sáng bừng lên. Tôi nhận thấy thầy tôi rất mừng rỡ được gặp tôi. Bất giác, hai hàng nước mắt của tôi chảy ra.

Cuối cùng ông Chánh án hỏi:

– Đó là tất cả những lời ông khai để bào chữa? Ông còn nói thêm gì nữa không?

– Riêng về phần tôi, tôi không nói thêm gì nữa. Nhưng về phần đứa trẻ mà tôi thương như con tôi, nó sẽ phải sống một mình. Vì đứa trẻ đó, tôi kêu gọi lượng khoan hồng của Tòa và xin Tòa đừng để tôi xa cách nó lâu ngày.

Tôi tưởng thấy tôi kêu thế, thì tòa sẽ tha bổng. Nhưng không phải thế.

Một quan Tòa nữa đứng lên nói vài phút. Xong, ông Chánh án, giọng nghiêm nghị tuyên án:

– Xét rằng Võ Tiên đích xác có xúc phạm đến danh dự và thân thể một viên chức đang thi hành phận sự, tòa phạt Võ Tiên hai tháng tù ngồi và 100 phạt lăng tiền vạ.

Hai tháng tù ngồi!

180 | Hector Malot

Tôi đưa mắt đầy lệ nhìn thấy tôi. Cái cánh cửa đã mở cho thấy tôi vào bấy giờ lại mở cho thấy tôi ra với người hiến binh đi theo rồi lại đóng sập lại.

Hai tháng trời xa cách!

Biết đi đâu bây giờ!

CHƯƠNG XI

NƯỚNG NÁU DƯỚI THUYỀN

Khi tôi trở về nhà trọ, người thân thờ, mắt đỏ; tôi qua cửa sân thì ông chủ quán gọi giật tôi lại và hỏi:

- Tin tức thầy mày ra sao?
- Thầy tôi ngồi tù.
- Bao nhiêu?
- Hai tháng.
- Còn phạt vạ?
- Một trăm phạt lạng.

Chủ quán nhắc đi nhắc lại hai, ba lần:

- Hai tháng tù, một trăm phạt lạng phạt!

Tôi định vào trông mấy con chó thì chủ quán lại giữ tôi và hỏi:

– Thế mày định làm gì trong hai tháng ấy?

– Thưa ông, tôi không biết.

– Không biết? Mày có đủ tiền ăn và nuôi các con vật đấy chứ?

– Thưa ông, không.

– Vậy mày trông vào tao để ở đây hẳn?

– Ô! Thưa ông, không. Tôi chẳng trông vào ai cả.

Mà thực vậy, tôi chẳng biết trông vào ai cả.

Chủ quán nói tiếp:

– Này, bé ơi! Mày nghĩ phải đấy. Thấy mày còn nợ tao nhiều lắm. Cho mày ăn chịu những hai tháng rồi ai trả tiền cho tao? Mày phải đi đi.

– Đi. Thưa ông, ông bảo tôi đi đâu bây giờ?

– Mày muốn đi đâu thì đi. Không phải việc của tao. Tao có phải là cha mày đâu. Mà cũng

chẳng phải là thầy mày. Tại sao mày cứ muốn tao cho mày ở?

Tôi ngây người. Nói gì nữa? Chủ quán rất có lý. Ông giữ ta làm gì? Ta chỉ là cái nợ cho ông.

– Thôi vào dắt chó, công khỉ đi thôi. Nhớ để lại cái túi của thầy mày. Thầy mày khi được tha sẽ đến lấy và thanh toán các khoản.

Câu đó làm cho tôi nảy một ý nghĩ và tôi tưởng có cách để ở lại. Tôi nói:

– Thưa ông, vì thầy tôi thế nào cũng còn trở lại đây để thanh toán tiền nong. Vậy xin ông cứ cho tôi ở đến ngày đó. Tiền ăn của tôi sẽ tính thêm vào khoản nợ của thầy tôi, có được không?

– Thật à? Thầy mày chỉ trả được vài ngày cơm thôi, chứ hai tháng thì là một chuyện khác.

– Ông cho ăn ít cũng được.

– Thế còn những con vật của mày? Không được, mày phải đi. Mày có thể đi kiếm ăn trong các làng.

– Nhưng thưa ông, tôi đi thì thầy tôi về biết đâu mà tìm tôi? Vì hết hạn tù thầy tôi chỉ tìm tôi ở đây thôi.

– Có khó gì. Đến ngày đó thì mày sẽ trở về đây. Từ nay đến ngày đó, mày sẽ tạm đi chơi chừng hai tháng, vào các làng gần đây, có thể kiếm ăn được đấy!

– Nếu thầy tôi viết thư về cho tôi?

– Tao sẽ giữ cho mày.

– Nhưng nếu tôi không trả lời?

– Mặc mày! Mày vạy tao mãi! Ra khỏi ngay cái nhà này! Mau! Tao cho mày 5 phút để thu xếp. Nếu mày không đi tao sẽ liệu cho mày!

Tôi thấy kêu nài cũng vô ích. Tôi liền vào chuồng ngựa, tháo Hảo Tâm và mấy con chó, buộc túi đồ lại, đeo đàn lên vai và ra thẳng.

Chủ quán đứng ở cửa để kiểm soát và nói theo.

– Nếu có thư, ta sẽ giữ cho mày.

Tôi rảo bước ra khỏi thành phố cho nhanh vì chó của tôi không đóng giàm. Nếu lại gặp cảnh binh thì khốn. Tôi không đủ tiền mua giàm. Đếm đi đếm lại mãi, vốn liếng tôi chỉ còn có 11 xu trong túi. Thấy tôi bị bắt, tôi cũng bị bắt nữa thì ai nuôi đàn chó và khỉ? Bây giờ nghiêm nhiên tôi là ông bầu đoàn diễn, ông chủ gia đình, tôi, một *đứa trẻ vô gia đình* và tôi thấy một gánh nặng đè trĩu trên vai.

Trong khi đi những con chó cứ ngược mắt nhìn tôi, chúng không nói được, nhưng cũng làm cho tôi hiểu chúng muốn gì? Chúng đói bụng,

Hảo Tâm ngồi trên cái túi đeo trên vai tôi, thỉnh thoảng lại kéo tai tôi, bắt tôi ngoảnh lại: nó lấy tay cào cào vào bụng nó. Cái cào đó cũng có nghĩa như cái nhìn của những con chó.

Tôi cũng thế, nếu có thể được thì tôi cũng kêu đói như chúng, vì tôi cũng như chúng không có mẩu bánh nhỏ nào trong bụng từ sáng đến giờ.

Với 11 xu trong túi, chúng tôi không thể ăn bữa sáng và bữa chiều Chúng tôi ăn một bữa, bữa đó sẽ ăn vào giữa ngày có thể thay thế cho hai buổi kia.

Nhà trọ mà chúng tôi vừa từ biệt, ở trên đường đi Montpellier. Vì thế lúc ra đi, chúng tôi cũng theo con đường đó.

Chúng tôi vội ra khỏi thành phố cho nhanh nên không kịp hỏi đường. Điều cần nhất cho chúng tôi là phải thoát mau ra ngoài thành phố Tu-lu, các việc khác không khẩn cấp mấy. Tôi không lựa chọn nên đi tỉnh này hay tỉnh khác vì đi đến đâu người ta chả đòi tiền ăn, đòi tiền trọ. Bây giờ việc trọ không cần lắm là vì mùa hè, chúng tôi có thể ngủ ngoài trời, dưới gốc cây hay cạnh bức tường được.

Nhưng còn việc ăn?

Đi đã được hai giờ rồi, tôi không dám ngoảnh cổ lại. Mỗi lúc những con chó lại ngược mắt nhìn tôi như van lơn, và con khỉ cứ kéo tai tôi và gãi bụng nhiều hơn.

Bây giờ tôi ra khỏi tỉnh Tu-lu rồi không sợ gì nữa. Tôi vào một hàng bánh mì. Tôi hỏi mua một tấm rưỡi bánh.

Chủ hàng bảo tôi:

– Sao em không mua cả hai chiếc. Không nhiều đâu. Phải cho các con vật ăn no chứ?

Không nhiều thực. Nhưng nếu mua cả hai tấm thì hết 10 xu chỉ còn lại một xu thôi. Tôi không dám tiêu hoang, phải dành lại chút tiền đến ngày mai cho khỏi chết đói trước khi kiếm được đồng khác. Mỗi tấm bánh 5 xu thì tấm rưỡi hết 7 xu rưỡi... Tôi còn lại 3 xu rưỡi.

Nhẩm tính xong, tôi bảo bà hàng cứ bán cho tôi chiếc rưỡi vì tôi chỉ cần có thể không mua hơn. Bà đưa cho tôi một chiếc và cắt nửa chiếc nữa. Bà trao cho tôi và nói:

– Nửa này già đấy, đáng 3 xu.

Rồi bà vợ cả tám xu của tôi vào ngăn kéo.

Tôi thường thấy nhiều người từ chối không lấy lại những xu lẻ do nhà hàng trả lại và nó không dùng để làm gì. Nếu bà hàng trả lại nửa xu thừa cho tôi thì không khi nào tôi lại từ chối. Nhưng bà ta có trả tôi đâu mà tôi cũng không dám đòi. Tôi lảng lạng cầm bánh đi ra.

Ba con chó mừng rỡ nhảy nhót chung quanh tôi. Hảo Tâm kéo tóc tôi và kêu những tiếng nhỏ.

Đi một quãng ngắn, tới một cây to bên đường, tới hạ đàn, tựa vào gốc cây rồi ngồi phịch xuống vệ cỏ, những con chó đến xếp hàng, trước mặt tôi. Lanh Nhi đứng giữa, Hiệp Nhi và Thùy Nhi ở hai bên. Còn Hảo Tâm không mệt lắm đứng gần đó rình có bánh là chộp lấy phần.

Việc chia bánh của tôi rất quan trọng. Tôi cắt làm 5 phần hết sức đều nhau. Mỗi phần lại cắt nhiều khoanh ném cho các con vật của tôi ăn dần. Vì Hảo Tâm bé nhỏ ăn ít đã no nên tôi giữ lại ba miếng nhỏ dành cho ba con chó ăn sau này.

Tiệc xong, bây giờ là lúc tôi phải nói đôi lời của các bạn tôi biết cái hiện tình nguy ngập của

chúng tôi, Lãnh Nhi có lẽ đoán được ý tôi, nên đôi mắt nó cứ long lanh nhìn tôi. Tôi nói:

– Phải đấy, Lãnh Nhi ơi! Phải đấy, các bạn Thùy Nhi, Hiệp Nhi và Hảo Tâm ơi! Tôi có một tin rất buồn cho các bạn biết: chủ ta phải lìa ta trong hai tháng.

Lãnh Nhi kêu:

– Ầng!

– Đó là một điều đau khổ cho chủ ta và chúng ta. Chủ ta vẫn kiếm bánh cho chúng ta ăn. Bây giờ chủ ta đi vắng, chúng ta ở vào một tình thế rất nguy khốn. Chúng ta hết « tiền »!

Nghe tiếng đó Lãnh Nhi hiểu ngay, đứng dậy bằng hai chân sau và đi vòng quanh như bộ xin tiền các quý khách giả.

Tôi nói tiếp:

– Bạn muốn chúng ta đi diễn trò. Ý kiến rất hay. Nhưng chắc đâu thu được tiền? Việc khó khăn là ở chỗ đó. Tôi nói cho các bạn biết tất cả của cải chúng ta chỉ còn có 3 xu, vì thế bữa nay

chúng ta phải ăn đói. Tình trạng là thế. Tôi mong rằng các bạn hiểu cái cảnh nguy khốn mà chúng ta đang lâm vào và đáng lẽ, trêu chọc tôi, thì các bạn nên đem hết trí thông minh vào... sự vụ. Tôi kêu gọi sự vâng lời, sự tiết độ và lòng can đảm của anh em. Các bạn hãy siết chặt hàng ngũ. Hãy tin vào tôi cũng như tôi tin vào các bạn.

Tôi không dám tin chắc những bạn tôi đã hiểu hết những lời hay ý đẹp trong bài diễn văn ứng khẩu của tôi, nhưng chắc chắn rằng các bạn của tôi cũng hiểu được đại ý, vì thấy vắng mặt chủ tôi, chúng biết có sự gì trầm trọng và chúng đợi tôi giải thích. Thì tôi đã giải thích. Nếu chúng không hiểu tất cả những điều tôi nói, ít ra chúng cũng biết cách tôi đối đãi với chúng thế nào, nên sau khi tôi dứt lời, con nào trông cũng có vẻ hài lòng và dễ chịu lắm.

Con nào cũng hài lòng, là tôi nói riêng về mấy con chó thôi, chứ con Hảo Tâm, không thể bắt nó chú ý lâu về một việc gì. Khi tôi nói, lúc đầu nó rất chăm chú, nhưng nghe được hai chục tiếng thì nó đã nhảy tót lên cây đánh đu ở hết cành này đến cành khác Nếu Lãnh Nhi mà vô lễ

thế, thì tôi đã phật ý, nhưng là Hảo Tâm thì tôi chấp nó làm gì.

Nó chỉ là một con vật vô tâm và óc rộng, cũng nên để cho nó chơi đùa một chút.

Tôi xin thú thực rằng tôi cũng muốn nhảy nhót và đánh đu như nó thì thích lắm. Nhưng cái trọng trách và chức vụ của tôi trong lúc này không cho phép tôi được giải trí kiểu đó.

Nghỉ đã lâu rồi, tôi ra hiệu lên đường. Chúng tôi phải tìm chỗ trú đêm nay và nhất là bữa ăn sáng mai. Chỗ trú không cần lắm, chúng tôi có thể tiết kiệm bằng cách ngủ ngoài trời.

Đi được một giờ, chúng tôi trông xa xa thấy một làng, mừng thầm may ra có thể thực hiện được ý muốn của tôi.

Coi bề ngoài, làng này có phần xơ xác, số thu lượm sẽ chẳng được là bao, nhưng tôi không vì thế mà nản lòng. Tôi không khó tính về điểm đó, tôi tự nghĩ làng này càng nhỏ bao nhiêu thì nỗi lo gặp cảnh sát càng ít bấy nhiêu.

Tôi mặc y phục cho các bạn tôi rồi rất trật tự, chúng tôi chững chạc vào làng. Thiếu cái còi mà thấy tôi vẫn giữ. Thiếu cả cái hình dáng cao lớn và cái mái tóc đặc biệt của thầy tôi vẫn làm cho mọi người chú ý. Nhìn cái thân hình loắt choắt của tôi mà tôi buồn và không vững dạ

Trong khi đi, tôi nhìn sang hai bên, xem có ảnh hưởng gì không. Rất ít, vì người ta ngừng đầu lên rồi cúi xuống. Chẳng có ma nào theo sau chúng tôi cả. Đi đến một bãi rộng, giữa có trồng cây, chúng tôi dừng lại. Tôi lấy đàn ra và đánh một vũ khúc. Tiếng đàn vui, ngón tay tôi đưa đẩy nhẹ nhàng, nhưng lòng tôi buồn hình như có vật gì đè nặng trên hai vai.

Tôi bảo Hiệp Nhi và Thùy Nhi ra biểu-diễn. Chúng tuân lời và nhảy múa. Nhưng chẳng có ai đến xem cả. Gần đó tôi nhìn thấy mấy người đàn bà đang đứng ở cửa đàn áo và nói chuyện với nhau.

Tôi tiếp tục gảy đàn. Hai con Thùy - Hiệp cố sức nhảy múa.

Rồi cũng có người đến xem chứ! Nếu có một người đến trước, tất có người thứ hai, thứ ba, thứ mười, thứ hai mươi.

Nhưng đàn, múa vô ích cả. Họ ở nhà họ cả mà cũng chẳng thèm nhìn chúng tôi nữa. Thực đáng thất vọng!

Tuy nhiên, tôi không nản chí, tôi cố đánh đàn, đánh to, đánh mạnh tưởng chừng như sắp đứt dây. Chợt một em bé mới chập chững đi, rời ngưỡng cửa đi ra phía chúng tôi. Mẹ em bé có lẽ sẽ theo em. Rồi một người bạn nữa, thế là chúng tôi có khán giả, có tiền công.

Tôi đánh đàn nhỏ đi và rất du dương để em bé khỏi sợ và để rủ em vào.

Em bé hai tay ve vẩy bên sườn đi bước một. Em dương tiến. Em gần đến. Còn vài bước nữa là đến chỗ chúng tôi thôi.

Người mẹ ngẩng đầu lên, giật mình không thấy con đâu, nhìn ngang nhìn ngửa. Bà ta thấy con đang đi. Tôi tưởng bà ta chạy vào nhưng bà

cứ đứng yên đó gọi con. Em bé ngoan ngoãn quay vào với mẹ.

Có lẽ ở đây họ không thích xem khiêu vũ. Có thể lắm.

Tôi liền đổi trò. Tôi ra lệnh cho hai con Thùy - Hiệp ra nằm một chỗ để tôi hát. Tôi vừa mới hát được đến câu thứ hai của bài « Tình ca » thì có một người đàn ông vận áo vét, đội mũ phớt đến. Tôi cố lên giọng cho hay.

Chợt ông khách đó hỏi tôi:

– Mà làm trò gì thế? Thằng ranh kia!

Tôi ngơ ngác, há miệng, đứng nhìn ông ta. Ông ta lại hỏi:

– Mà không trả lời à?

– Thưa ông, ông đã nhìn thấy tôi hát.

– Mà có giấy phép được hát ở trong làng này không?

– Thưa ông, không.

– Vậy thì bước đi chỗ khác. Nếu không, ta bắt bây giờ.

– Nhưng, thưa ông...

– Gọi tao là ông Tuấn phiên. Thôi cút đi, đồ ăn mày!

Tuấn phiên! Kinh nghiệm đau đớn của thầy tôi đã cho biết rằng đương đầu với các ông cảnh binh hay tuần phiên là một điều rất tai hại.

Không để ông ta phải đuổi đến lần thứ hai, tôi « cút » ngay như lời ông ta bảo, trở ra đường cũ tiếp tục đi.

Ăn mày! Danh từ này không đúng. Tôi có đi ăn xin bao giờ? Tôi hát. Tôi nhảy. Đó là cách làm việc của tôi. Tôi có làm hại ai đâu?

Trong năm phút, tôi ra khỏi cái làng lãnh đạm và căn phòng đó.

Những con chó của tôi cúi đầu lẳng lặng đi, chắc chúng hiểu rằng đã xảy đến cho chúng tôi một chuyện chẳng lành.

Lãnh Nhi thỉnh thoảng lại đi lên trước quay cổ lại nhìn tôi bằng đôi mắt đầy ý nhị. Nó biết lắm vì tôi thấy hai hàm nó run run bởi nó cố giữ không để sữa thành tiếng.

Khi chúng tôi đi đã khá xa, không sợ người tuần phiên độc ác theo dõi nữa, tôi liền ra hiệu, ba con chó liền chạy lại vây lấy tôi. Lãnh Nhi đứng giữa im lặng nhìn vào mắt tôi.

Đã đến lúc tôi phải giải thích cho các bạn tôi nghe. Tôi nói:

– Vì chúng ta không có giấy phép nên không được diễn ở đó. Họ đuổi chúng ta.

– Bây giờ?

Lãnh Nhi hếch đầu như hỏi tôi thế.

– Bây giờ chúng ta tìm chỗ ngủ, bất cứ chỗ nào và nhịn ăn.

Nghe tiếng « ăn », hai con chó kia và con khỉ nhao nhao lên.

Tôi giờ 3 xu ra nói:

– Các bạn biết, chúng ta chỉ còn có thể này thôi. Nếu ta tiêu hết 3 xu chiều nay thì sáng mai ta không có gì ăn. Vả hôm nay, ta cũng đã được ăn rồi. Nghĩ đến ngày mai thì khôn hơn.

Nói xong, tôi lại bỏ ba xu vào túi. Lãnh Nhi và Thùy Nhi cúi đầu chịu đựng. Hiệp Nhi có tính háu ăn, nó kêu ăng ẳng hoài. Tôi quắc mắt nhìn nó, nó cũng không thôi. Tôi phải nhờ đến Lãnh Nhi:

– Cắt nghĩa cho Hiệp Nhi nghe. Nó không muốn hiểu. Bảo nó ta phải nhịn chiều nay thì sáng mai mới có cái ăn.

Lãnh Nhi liền lấy chân vả vào mặt Hiệp Nhi. Tức thì có cuộc đấu khẩu giữa hai con chó. Chắc độc giả nghe thấy tiếng « đấu khẩu » đem dùng cho loài vật sẽ cho là một danh từ không thích hợp. Nhưng xét ra rất đúng. Mỗi một giống vật có một tiếng nói riêng. Nếu nhà quý vị có hàng hiên chạm trổ hay những cửa sổ cao và có những chim yến đến làm tổ ở đó, hẳn quý vị cũng nhận thấy rằng lúc thường chim yến kêu véo von như tiếng ca, nhưng hễ trời rạng đông là chúng kêu

ríu ra ríu rít với nhau. Đó chính là những câu chuyện mà chúng đang nói, những việc quan trọng mà chúng đang bàn hay những lời yêu đương mà chúng trao đổi cùng nhau. Lại những con kiến cùng một đàn, khi gặp nhau trên một con đường hẻm thường cọ râu vào nhau, quí vị thử nghĩ xem, chúng làm gì thế; nếu không phải là chúng thông tin cho nhau? Còn những con chó không những chúng biết nói mà còn biết đọc nữa. Quí vị hãy trông chúng đưa mũi lên trên không, hay đầu cúi xuống mặt đất đánh hơi hay ngửi những hòn sỏi, những bụi rậm; có khi chúng đứng trước một đám cỏ hay một chân tường và dừng lại một lúc. Chúng ta không nhìn thấy gì ở tường, nhưng con chó đã đọc được mọi điều lạ viết ở đó bằng thứ chữ bí ẩn mà mắt ta không thể phân biệt được.

Những câu gì Lãnh Nhi nói với Hiệp Nhi, tôi không nghe thấy vì nếu những con chó hiểu được tiếng nói của người, trái lại, người không hiểu được tiếng nói của chó. Tôi chỉ nhận thấy Hiệp Nhi không chịu nghe lời phải, cứ nằng nặc đòi phải tiêu nốt ba xu ngay bây giờ. Lãnh Nhi

nổi giận và giờ những chiếc nanh nhọn ra thì Hiệp Nhi mới chịu nằm im vì nó vốn nhát, hễ ai già thì nó non.

Thế là vấn đề ăn đã giải quyết xong, còn vấn đề ngủ.

May sao, trời tạnh, mây quang. Ngủ ngoài trời về mùa này không đến nỗi khổ. Chỉ cần tìm chỗ nào tránh được chó sói, nếu vùng này có, và nhất là tránh khỏi những ông tuần phiên mà tôi cho là đáng sợ hơn cả.

Vậy cứ việc đi thẳng trước mặt trên con đường trắng dài cho đến khi tìm được chỗ trú. Việc đó chúng tôi đã làm.

Đường cứ thấy dài ra. Hết những cây số này lại đến những cây số khác. Khi những ánh hồng cuối cùng của hoàng hôn đã tắt, chúng tôi chưa tìm được chỗ nào để nghỉ. Bây giờ không thể kén chọn gì nữa phải liệu tìm chỗ trú. Lúc đó chúng tôi đang đi cạnh khu rừng, thỉnh thoảng lại có những khoảng trống nổi lên những tảng đá hoa cương. Nơi này vắng và buồn lắm. Nhưng biết

làm sao được. Tôi nghỉ ở giữa những tảng đá đỏ, « chúng tôi » có thể tạm trú được để tránh khí lạnh ban đêm, Tôi nói « chúng tôi » tức là Hảo Tâm và tôi vì về phần những con chó tôi không cần phải lưu tâm lắm, chúng đã quen nằm sương gió lắm rồi, không sợ cảm mạo. Nhưng tôi, tôi phải thận trọng vì tôi hiểu biết trách vụ của tôi. Nếu tôi ốm thì đoàn của tôi sẽ trở nên thế nào?

Chúng tôi liền bỏ đường cái tìm vào đám đá. Bỗng tôi thấy một tảng đá lớn đứng nghiêng làm cho chân nó có hang, đầu nó thành mái, Trong hang, gió đã thổi vào đầy lá thông khô. Không gì còn tiện hơn nữa: chúng tôi có cái ổ sẵn sàng để ngả lưng và có cái mái thiên nhiên để trú ẩn. Chỉ còn thiếu một thứ là bánh mì. Nhưng tôi phải cố quên đi và cố ngủ sớm. Tục ngữ chả có câu: « Ai ngủ tức là đã ăn rồi là gì? » Trước khi đi ngủ, tôi đã dặn Lãnh Nhi phải giữ việc canh gác. Con vật trung thành đó đáng lẽ được nằm với tôi ở trên lá, đã phải ở ngoài để phòng thủ. Tôi được yên tâm, vì ban đêm, nếu có sự gì bất trắc thì Lãnh Nhi sẽ báo cho tôi biết.

Tôi nằm trên đồng lá thông, cạnh tôi là con Hảo Tâm quần trong cái áo vét của tôi. Dưới chân tôi hai con Thùy, Hiệp nằm cuộn tròn. Tôi không chớp mắt được, lo lắng hơn là mệt.

Ngày thứ nhất cuộc hành trình của tôi đã xấu rồi. Không biết ngày hôm sau sẽ ra sao: Tôi đói. Tôi khát. Trong túi chỉ còn 3 xu. Tôi lần từng đồng trong túi và đếm đi đếm lại mãi nó cũng không nảy thêm đồng nào, vẫn một, hai, ba đồng.

Lấy gì nuôi đoàn của tôi, lấy gì nuôi tôi nếu ngày mai và các ngày sau nữa tôi không diễn được trò? Nào giảm miếng chó, nào giấy phép, kiếm đâu bây giờ? Trời ơi! Có lẽ tôi phải chết đói ở góc rừng này, ở chân tảng đá này chăng?

Lòng tư lự, mắt tôi nhìn lên những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời tối sẫm. Không có một hơi gió nào. Bốn bề vắng lặng như tờ. Không một cành lá động. Không một tiếng chim kêu, không một tiếng xe chạy ngoài đường! Tôi đưa mắt nhìn xung quanh: trời rộng, đêm sâu. Chúng tôi trở trọi có một mình, chúng tôi bị ruồng bỏ!

Nước mắt tôi tự nhiên ràn rụa ra. Tôi nức nở:
Mẹ ơi! Thầy ơi!

Tôi nằm sấp, gục đầu vào lá khô, hai tay bưng mặt khóc mãi không thôi. Bỗng tôi thấy một làn hơi ấm đưa vào mái tóc tôi. Tôi sẽ quay mặt ra, một cái lưỡi êm mềm và nóng, quệt vào mặt tôi. Đó là con Lãnh Nhi, nghe thấy tiếng tôi khóc, nó vào dỗ tôi như đêm đầu tiên tôi phải xa nhà đi với ông già Võ Tiên.

Tôi giơ hai cánh tay ôm lấy cổ Lãnh Nhi, ép đầu nó vào má tôi. Nó liền nằm vật xuống và thút thít không ra tiếng: nó cũng khóc với tôi.

Khi tôi trở dậy thì trời đã sáng rõ. Lãnh Nhi ngồi đằng trước nhìn tôi. Chim chóc hót vang trên cành. Xa. xa vắng tiếng chuông nhà thờ làm lẽ ban mai. Mặt trời đã lên cao, rọi những tia ấm áp làm khỏe khoắn thân thể cũng như tâm thần.

Sửa soạn xong, chúng tôi lên đường, theo tiếng chuông mà đến. Ở đó tất có làng, có hàng bán bánh mì. Một khi người ta đã ngủ để thay ăn thì cái đói nói chuyện rất sớm.

Tôi đã tính cả rồi. Tôi sẽ mua cả 3 xu bánh mì. Còn thì sẽ liệu sau.

Khi vào làng, tôi không cần phải hỏi hàng bánh mì ở đâu. Mũi chúng tôi tự nhiên dẫn chúng tôi đến đúng chỗ. Cái khứu giác của tôi lúc này cũng tinh tế không kém những con chó của tôi ngửi ngay thấy mùi thơm của bánh nóng.

Ba xu mua được già nửa cái bánh, đủ chia cho mỗi con một mẩu. Vì thế bữa ăn của chúng tôi rất nhanh.

Bây giờ là lúc phải tìm cách để kiếm tiền. Muốn thế, tôi dạo quanh làng tìm chỗ tốt để diễn trò và cũng dò trên nét mặt dân sự xem có thể là bạn hay là kẻ thù.

Tôi không muốn diễn ngay vì giờ đó không thuận tiện. Nhân thế, tôi nghiên cứu dân tình, tìm tòi chỗ diễn để buổi trưa đó cầu may.

Tôi đang mải nghĩ, chợt có tiếng kêu ở sau lưng tôi. Tôi quay lại thấy một bà già đang đuổi Hiệp Nhi. Tôi hiểu ngay tại sao có tiếng kêu và sự đuổi đó! Thừa dịp tôi đang trí. Hiệp Nhi bỏ tôi

sộc vào nhà kia cướp một miếng thịt tha ngang mồm chạy ra. Bà lão kêu:

– Làng nước ơi! Cướp! Cướp! Bắt chúng nó lại cho tôi!

Nghe tiếng đó, tôi nhận thấy tôi có tội, vì phải chịu trách nhiệm về lỗi của con chó của tôi, tôi cũng cảm cổ chạy. Nếu bà lão tóm được tôi bắt đền miếng thịt chó tha, thì tôi biết nói thế nào? Lấy gì mà đền? Nếu bị bắt, thì đến ngồi tù mất.

Thấy tôi chạy, Lãnh Nhi và Thùy Nhi cũng không chịu chậm chân. Tôi thấy chúng bám sát gót tôi. Con Hảo Tâm bám chặt lấy cổ tôi cho khỏi ngã.

Tôi không sợ bà già đuổi kịp chúng tôi, chỉ sợ người ta thấy động ra đón bắt chúng tôi. Quả nhiên, trước mặt chúng tôi thấp thoáng có hai ba người đứng giăng ra đường như có ý đợi chúng tôi. May chỗ ấy có một chỗ ngoẹo, tôi liền chạy vào, mấy con chó nhảy bổ theo sau. Chúng tôi phi một mạch ra đến cánh đồng, không thấy bóng

người theo nữa mới hoàn hồn. Tôi thở không được vì phải chạy dài hơn hai cây số.

Lãnh Nhi và Thùy Nhi quần lấy chân tôi. Còn con Hiệp Nhi thủng thỉnh đi đằng xa, có lẽ bây giờ nó mới có thì giờ nhai ngấu nghiến miếng thịt.

Tôi ra hiệu gọi nó, nó đứng dừng lại. Rồi có lẽ nó sợ phải đòn nên đáng lẽ về với tôi, nó quay ngang và trốn mất.

Chỉ vì đói quá mà còn Hiệp Nhi phải làm xằng, tôi biết thế. Nhưng đó không phải là lý do để bào chữa. Có việc ăn cắp thì thủ phạm phải bị trừng phạt. Nếu không thì còn gì là kỷ luật trong đoàn tôi? Đến làng khác Thùy Nhi cũng bắt chước Hiệp Nhi. Rồi đến lượt Lãnh Nhi, Lãnh Nhi cũng theo gương đó thì sao?

Tôi phải công khai đánh cho Hiệp Nhi một trận. Nhưng đợi nó về trình diện mới được.

Tôi nhờ Lãnh Nhi:

– Tìm Hiệp Nhi về đây cho ta!

Lãnh Nhi tuân lệnh. Nhưng coi nó có vẻ không được sốt sắng như mọi ngày, và trước khi đi, đôi mắt nó nhìn tôi có nghĩa muốn làm luật sư cho Hiệp Nhi hơn là làm hiến binh cho tôi.

Tôi đợi Lãnh Nhi đưa phạm nhân về. Mất nhiều thì giờ quá. Có lẽ Hiệp Nhi không chịu để bắt giải về ngay. Trong thời gian đó, tôi buồn quá. Tuy có yên tâm không là bị truy nã nữa, nhưng người tôi mệt quá nên tôi muốn nghỉ ngơi một chút. Vả tôi vội vã để làm gì khi tôi không biết mình sẽ đi đâu và chả có việc gì làm cả.

Chỗ tôi nghỉ, bây giờ tôi mới nhìn ra, là một chỗ mát mẻ, có thể ngồi lâu được. Thì ra trong khi tôi chạy lạc lõng đã tới bờ sông Nam mà không biết. Nơi này phong cảnh xanh tươi: có nước, có cỏ, có cây. Lại một dòng suối trong khe đá chảy ra, hai bên có những cây nhỏ đâm bông, rập rờn như thác hoa rớt xuống, trông rất ngoạn mục.

Một giờ đã qua mà chưa thấy con nào về. Tôi bắt đầu lo thì thấy Lãnh Nhi về một mình, đầu cúi xuống.

– Hiệp Nhi đâu?

Lãnh Nhi nằm một chỗ, vẻ sợ hãi. Tôi nhìn thấy một bên tai rướm máu.

Tôi không cần phải hỏi cũng biết việc đã xảy ra: Hiệp Nhi đã khởi loạn, nó chống lại hiến binh; Lãnh Nhi có thi hành nhiệm vụ nên bị đả thương.

Có nên mắng nó vì đã không làm tròn sứ mạng không? Tôi không có can đảm quở phạt nó. Và tôi cũng không có định ý làm cực người khác trong khi chính mình đang đau khổ.

Cuộc tuần hành của Lãnh Nhi không có kết quả, tôi chỉ còn một phương sách là đợi nó trở về vậy. Tôi đã biết tính nó sau khi đã vi lệnh rồi, nó đành chịu phạt. Tôi sẽ nhìn thấy nó hối hận trở về.

Tôi nằm dài dưới bóng cây, tay không quên giữ xích con Hảo Tâm sợ nó lại đùa tôi mà đi theo Hiệp Nhi. Lãnh Nhi và Thùy Nhi cũng nằm dưới chân tôi.

Thời gian trôi. Hiệp Nhi vẫn không về. Mí mắt tôi nặng dần tôi ngủ lúc nào không biết.

Khi tôi thức dậy thì mặt trời đã đứng bóng. Máy giờ đã đi qua. Tôi không cần nhờ đến mặt trời mới biết là muộn, vì cái dạ dày tôi nó kêu rằng nó chỉ được một mẩu bánh con đã từ lâu rồi. Về phần những con chó và Hảo Tâm chúng cũng tỏ ra đói meo. Lãnh Nhi, Thùy Nhi bộ dạng ủ rũ. Hảo Tâm nhăn nhó, kém hoạt động.

Hiệp Nhi vẫn không thấy về.

Tôi gọi. Tôi huyết sáo. Vô ích. Có lẽ nó ăn thịt no rồi, nằm khểnh ở bờ bụi nào cho dạ dày an nhàn tiêu hóa.

Tình thế của tôi lúc đó rất khó xử! Nếu tôi đi, Hiệp Nhi sẽ mất vì nó không biết lối để theo tôi; nếu tôi cứ ở đây thì lấy tiền đâu mà ăn?

Nhưng rồi cái sự ăn cần thiết hơn. Những con chó nhìn tôi thất vọng. Hảo Tâm gãi bụng và kêu choe choe tỏ ý không chịu được.

Tôi liền cho Lãnh Nhi đi tìm bạn nó lần thứ

hai. Nửa giờ sau nó lại trở về không và tỏ ý không tìm thấy bạn nó đâu cả.

Làm thế nào bây giờ?

Dầu rằng Hiệp Nhi có tội vì cái thói xấu của nó đã đưa tôi vào một tình trạng ghê gớm, nhưng tôi không thể vì thế mà bỏ nó. Thấy tôi sẽ bảo tôi sao khi thấy tôi trở về không đủ ba con chó? Và lại, dù sao tôi cũng yêu nó, một con vật luyến chủ.

Tôi quyết đợi nó đến chiều. Nhưng không thể ngồi không mà nghe dạ dày làm reo. Phải tìm cách để khuây khỏa cho tôi và cho cả mấy con vật của tôi.

Nhưng tìm cách gì bây giờ?

Tôi chợt nhớ ra thấy tôi thường bảo rằng: khi chiến tranh, nếu đạo quân mệt mỏi vì đi nhiều, người ta cho nghe những bài âm nhạc vui vẻ và khích lệ thì quân lính quên cả nhọc.

Tôi thử đánh những bài vui vẻ may ra có thể quên được đôi phần nào. Nếu không quên được

đói thì khi hai con chó nhảy với Hảo Tâm ít ra cũng tiêu được thì giờ.

Tôi cầm cây thụ cầm dựng ở gốc cây, quay lưng ra sông, sau khi các nghệ sĩ của tôi đã chỉnh bị, tôi cử một bài khiêu vũ chậm rồi đến một bài khiêu vũ xoay tròn.

Thoạt đầu, những đào kép của tôi nhảy rời rạc lắm vì mẫu bánh ban mai không đủ kéo dài hơi sức, nhưng dần dà chúng hoạt động hơn. Âm nhạc quả có hiệu lực. Chúng tôi không nghe thấy tiếng dạ dày nữa, tôi để ý vào đàn, những bạn tôi để ý vào nhảy. Chợt tôi nghe thấy một tiếng trong trẻo, tiếng trẻ con, ở sau lưng tôi đưa ra:

– Hoan hô!

Tôi quay đầu lại xem ai.

Một con thuyền nhỏ dừng lại ở bên sông. Mũi quay về chỗ chúng tôi. Hai con ngựa kéo thuyền đứng cả ở bờ bên kia.

Đó là một chiếc thuyền lạ mắt, tôi chưa từng trông thấy cái nào như thế. Ngắn hơn các thuyền

thường, boong không cao hơn mặt nước mấy. Trên boong có một căn phòng lắp kính. Trước phòng có mái hiên, những dây leo rủ từng chùm lá xanh xuống coi rất râm mát. Dưới hiên, tôi trông thấy hai người: một thiếu phụ gương mặt cao quý nhưng hơi buồn, đứng cạnh một cậu con trai trạc tuổi tôi đang nằm thì phải. Có lẽ chính cậu bé này đã « hoan hô ». Tôi cất mũ chào người đã khen tôi. Thiếu phụ hỏi tôi:

– Có phải em chơi một mình cho vui không?

Bà nói giọng người ngoại quốc. Tôi đáp:

– Thưa bà, tôi chơi cho các con vật của tôi vui là cũng để tôi giải trí nữa.

Cậu bé ra hiệu, bà mẹ cúi xuống. Đoạn bà ngẩng lên hỏi tôi:

– Em tiếp tục diễn cho chúng tôi coi.

Không để bà nói đến hai lời, tôi liền hỏi:

– Bà muốn xem khiêu vũ hay diễn kịch?

Cậu bé kêu:

– Diễn kịch!

Nhưng thiếu phụ lại muốn xem khiêu vũ.

Cậu bé lại kêu:

– Khiêu vũ ngắn quá.

– Khiêu vũ xong, nếu quý vị muốn, chúng tôi xin trình bày một vài trò như « các phường xiếc ở Ba Lê ».

Đó là câu nói thường xuyên của thầy tôi, tôi lại đem ra nhắc lại để lấy thanh thế.

Nghĩ kỹ ra, tôi đồng ý không diễn kịch vì nhiều lẽ: trước hết thiếu Hiệp Nhi, sau nữa không có đủ quần áo, mũ cho đào kép.

Tôi lại cầm cây đàn đánh bài khiêu vũ xoay tròn. Tức thì Lãnh Nhi lấy hai chân trước ôm Thùy Nhi và quay theo điệu nhạc. Đến lượt Hảo Tâm ra nhảy một mình. Rồi lần lượt tôi cho ra hết cả chương trình của chúng tôi. Chúng tôi không thấy mệt. Những nghệ sĩ của tôi chắc hẳn đã hiểu

sẽ có thù lao, nên chúng trở hết tài cũng như tôi có nắn nót tiếng đàn cho xinh.

Trong khi chúng tôi đang diễn, bỗng Hiệp Nhi ở trong bụi rậm vượt ra và chạy vào giữa hai bạn nó và diễn theo vai trò của nó.

Tôi vừa đánh đàn vừa trông cậu bé. Tôi ngạc nhiên thấy cậu ấy tuy rất chú ý đến trò nhưng không hề nhúc nhích. Cậu nằm ngay như khúc gỗ, chỉ thấy hai cánh tay cử động để vỗ khen chúng tôi mà thôi. Cậu này tê liệt chăng? Mà hình như thân cậu bị buộc vào một tấm ván.

Dần dần, gió đưa chiếc thuyền áp hẳn vào cạnh bờ tôi đứng. Bây giờ tôi được nhìn rõ cậu bé như tôi ở dưới thuyền bên cạnh cậu.

Tóc cậu vàng hoe, mặt xanh xao, trông những gân xanh xanh trên trán cậu. Vẻ mềm mại, yếu ớt và như có nét buồn thoáng qua.

Chợt thiếu phụ hỏi tôi:

– Em lấy bao nhiêu một người?

214 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Bà cho bao nhiêu cũng được.

Cậu bé nói:

– Mẹ trả khá khá cho người ta.

Rồi cậu nói bằng tiếng gì, tôi nghe không hiểu. Xong bà mẹ nói:

– An Tuyên muốn xem gần những vai trò của em.

Tôi ra hiệu cho Lãnh Nhi, nó lấy đà nhảy vọt vào thuyền.

An Tuyên kêu:

– Còn những con khác đâu?

Hiệp Nhi và Thùy Nhi liền theo sang với bạn.

– Còn con khỉ?

Hảo Tâm có thể nhảy sang một cách dễ dàng. Nhưng tôi không dám tin nó. Một khi sang thuyền, sợ nó giở những trò không được lịch sự với thiếu phụ chăng!

Thiếu phụ hỏi:

– Nó dữ à?

– Thưa bà, không. Nhưng, nó thường không chịu vâng lời. Sợ nó có điều gì vô lễ chẳng?

– Vậy em đem nó sang đây.

Nói xong, bà liền ra hiệu cho người đàn ông ngồi ở lái thuyền. Người này lại đầu thuyền bắc tấm ván lên bờ làm cầu.

Tôi vai vác đàn, tay bế Hảo Tâm bước sang thuyền, An Tuyên reo:

– A! Con khỉ! Con khỉ!

Tôi lại gần cậu bé. Khi cậu vuốt ve con khỉ, tôi có dịp nhìn kỹ cậu.

Lạ thực, thân cậu buộc vào tấm ván như tôi đoán lúc đầu thực.

Bà An Tuyên hỏi tôi:

– Em ơi! Em còn cha chứ?

216 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Có, nhưng bây giờ thì không!

– Vậy cha đi vắng trong bao lâu?

– Trong hai tháng.

– Hai tháng. Tội nghiệp! Một tí thế này, em phải lang thang một mình? Và trong một thời gian lâu thế?

– Thưa bà, bắt buộc phải thế!

– Cha em bắt phải kiếm tiền trong hai tháng đó để đem về?

– Thưa bà, không. Cha tôi không buộc gì cả. Quý hồ tôi kiếm tiền đủ nuôi tôi và các con vật của tôi thôi.

– Thế đến ngày nay em vẫn kiếm được đủ ăn chứ?

Tôi ngập ngừng không trả lời. Tôi chưa từng trông thấy một bà nào lại có vẻ phúc hậu và đáng kính như bà. Bà nói với tôi một cách rất tử tế ân cần. Tiếng nói của bà êm ái, đôi mắt của bà rất

dịu dàng và đáng tin cậy nên tôi định đem hết chuyện kể cho bà nghe, Vả lại, tại sao lại im?

Tôi liền kể lại, thầy tôi, Vỹ Tiên, chỉ vì bảo vệ cho tôi mà bị ngồi tù và từ khi rời Tu-Lu, tôi chẳng kiếm được đồng nào. Khi tôi nói chuyện với bà, An Tuyên chơi với mấy con chó. Tuy nhiên cậu vẫn để ý nghe tôi nói.

Cậu hỏi:

– Vậy tất cả « đoàn » của anh chắc bị « đói » lắm?

Nghe tiếng đói, các bạn tôi hiểu nghĩa, tức thì ba con chó ăng ăng sủa lên và con khỉ ôm bụng nhăn nhó.

An Tuyên gọi:

– Mẹ ơi!

Bà mẹ hiểu ý con liền bảo một người đàn bà đứng ở cửa phòng bằng vài tiếng ngoại quốc. Tức thì người đàn bà đó bung ra một bàn thịnh soạn. Bà An Tuyên nói:

– Con ơi! Ngồi xuống đây.

Tôi không làm khách, đặt luôn đàn xuống và ngồi vào bàn. Ba con chó đến xung quanh tôi. Hảo Tâm leo lên đùi tôi ngồi.

An Tuyên hỏi tôi:

– Những con chó của anh có biết ăn bánh mì không?

– Có.

Tôi cho mỗi con một miếng, chúng đang ăn lấy ăn để.

An Tuyên lại hỏi tôi:

– Còn con khỉ?

– Không cần phải săn sóc đến nó.

Tôi mãi cho chó ăn, nó đã vồ một miếng bánh nhân thịt, nhảy xuống gầm bàn nuốt vội đang mắc nghẹn kia.

Đến lượt tôi, tôi cầm một khoanh bánh ăn. Tôi, tuy không đến nỗi bị nghẹn như Hảo Tâm, nhưng cũng nuốt nhanh không kém nó.

Bà An Tuyên vừa rót thêm rượu bia vào cốc tôi vừa nói:

– Thương hại cho con quá!

Còn cậu An Tuyên không nói gì, nhìn chúng tôi không hề chớp mắt, chắc phải kinh dị vì thấy chúng tôi ăn uống như vũ như bão, cả đến con Hiệp Nhi đã lúng dạ vì miếng thịt cướp ở dọc đường, cũng không chịu thua.

An Tuyên hỏi tôi:

– Nếu anh không gặp chúng tôi thì chiều nay, anh ăn ở đâu?

– Có lẽ chúng tôi không ăn.

– Thế ngày mai, các anh ăn ở đâu?

– Ngày mai, may ra lại được quý khán giả như hôm nay.

An Tuyên thôi nói chuyện với tôi, quay về phía bà mẹ. Hai người đàm thoại bằng tiếng ngoại quốc hồi lâu. Chợt An Tuyên lại quay đầu ra phía tôi hỏi:

– Anh có thể ở đây với chúng tôi được không?

Tôi nhìn cậu và không trả lời được vì câu hỏi bất thần đó.

– An Tuyên hỏi con có bằng lòng ở đây với chúng ta không?

– Trong thuyền này?

– Phải, ở trong thuyền. Con ta ốm, bác sĩ cấm không cho cử động, thân thể phải buộc kèm vào tấm ván như con đã trông thấy. Để cho em khỏi buồn, ta cho em đi rong chơi bằng thuyền. Con ở đây với ta. Mấy con chó và con khỉ sẽ diễn trò cho khán giả là An Tuyên xem Còn con, nếu con muốn, con ơi, con sẽ đánh đàn cho ta nghe. Như thế, con sẽ giúp việc cho ta và ta cũng có ích cho con phần nào. Ngày ngày con không phải đi lang thang để tìm khán giả, mà cũng không dễ dàng đâu nhất là con mới có bấy nhiêu tuổi đầu.

Đi thuyền! Từ bé tôi chưa được đi thuyền bao giờ! Nay tôi sắp được sống trong thuyền, trên mặt nước, thơ mộng quá, lòng tôi sung sướng biết bao!

Thực là một dịp may cho tôi. Và bà An Tuyên đã tử tế biết là đường nào! Nghĩ ngợi trong giây lát, tôi chạy lại cầm tay bà và hôn.

Cảm động về dấu chân thành của tôi, bà âu yếm xoa đầu tôi và nói:

– Tội nghiệp quá!

Để tỏ thiện chí và lòng biết ơn của tôi, tôi xách đàn ra mũi thuyền, bắt đầu dạo mấy tiếng.

Ngay lúc đó bà cầm một cái còi bằng bạc để lên miệng huýt một tiếng dài.

Tôi ngừng tay, không hiểu tại sao bà lại huýt còi: bà chê ta đánh dở hay bảo ta thôi?

An Tuyên hiểu ý tôi vội bảo:

– Mẹ tôi ra hiệu cho ngựa đi đấy!

Thực vậy, con thuyền do ngựa kéo rời bến rồi từ từ tiến trên mặt nước phẳng lặng của sông con. Nước vỗ vào mạn thuyền lách tách, hai bên bờ cây cối chạy ngược về phía sau dưới ánh nắng xiên khoai của buổi hoàng hôn.

An Tuyên bảo tôi:

– Anh cứ đánh đàn đi!

Rồi An Tuyên gọi mẹ đến ngồi bên cạnh, âu yếm ôm lấy tay mẹ trong suốt thời gian tôi đánh những bản đàn mà thầy tôi đã dạy tôi.

CHƯƠNG XII

NGƯỜI BẠN THỨ NHẤT CỦA TÔI

Bà mẹ An Tuyên là người Anh, tên gọi Mỹ Lưu. Bà góa chồng và tôi tưởng An Tuyên là con một của nhưng sau tôi được biết bà còn có người con đầu lòng bị mất tích trong một trường hợp bí ẩn mà người ta không tìm thấy dấu vết gì. Việc đó xảy ra trong khi ông Mỹ Lưu hấp hối mà bà Mỹ Lưu thì ốm trầm trọng: mê mẩn không biết gì. Khi bà tỉnh dậy thì chồng đã ra người thiên cổ và con cũng biệt tích bao giờ. Việc tìm kiếm bà giao cho ông Mỹ Dương là em chồng bà. Người ta thấy có sự bất lợi trong sự ủy thác đó, vì nếu chồng bà chết mà không có con thì đến lượt Mỹ Dương được thừa hưởng sản nghiệp của người quá cố.

Tuy vậy, Mỹ Dương không được quyền thừa kế đó là vì sáu tháng sau khi chồng mất, bà sinh hạ được một người con trai, chính là cậu An Tuyên bây giờ.

Nhưng đứa trai đó mảnh dẻ, yếu ớt, khó lòng nuôi được, các thầy thuốc bảo thế, ngày một ngày hai nó sẽ chết. Đến lúc đó Mỹ Dương sẽ đương nhiên được hưởng tước vị và tài sản của anh, vì luật lệ về quyền thừa kế của mỗi nước một khác, nên ở nước Anh, trong một vài trường hợp người anh mất đi, em có quyền thừa kế, người vợ góa phải chịu thiệt thòi.

Cháu trai ra đời làm cho Mỹ Dương thất vọng, nhưng không phải tuyệt vọng, vì ông ta có thể đợi.

Ông ta đã đợi.

Những lời tiên đoán của thầy thuốc không nghiệm. Đứa bé tuy ẻo lả thật nhưng nó vẫn dai dẳng, không chết, có hy vọng nuôi được, đó là nhờ lòng hy sinh sẵn sóc của bà mẹ. Và ơn Thượng Đế! Đó là một sự kỳ diệu.

Đã hai mươi lần người ta tưởng nó chết, đã hai mươi lần nó lại được cứu sống. Rồi cứ quặt quẹo luôn, có khi hàng trăm thứ bệnh sả vào mình nó.

Gần đây nó mắc chứng đau xương hông. Thầy thuốc khuyên nên đi tắm ở suối nước có chất lưu hoàng. Bà Mỹ Lưu không quản ngại, đã sang Pháp tìm đến núi Py-rê-nê, nhưng dùng nước suối đó vô hiệu. Một danh y lại cho cách điều trị khác là giữ cho thân thể bệnh nhân nằm thẳng, không được bước chân xuống đất.

Vì thế bà Mỹ Lưu phải đặt làm ở Boóc-Đô cái thuyền lạ kiểu, mà hiện thời tôi đang nường nấu ở đó.

Bà nghĩ không thể giam con mãi trong nhà được, nó sẽ chết mòn vì buồn và thiếu khí lành. An Tuyên không đi được thì cái nhà sẽ đi thay cho An Tuyên.

Người ta đã chế cái thuyền thành một thứ nhà nổi, có buồng ngủ, có bếp, có phòng khách và hiên ngồi hóng mát, thuyền đó đặt tên Thiên

Nga. Chính ở trong phòng khách ấy hay ở dưới mái hiên ấy, tùy theo tiết trời, An Tuyên ra nằm đó từ sáng đến chiều, chuyện trò với mẹ hay nhìn phong cảnh luôn luôn diễn ra trước mắt, không mất công di chuyển và cũng không phải nhọc nhằn gì. Con thuyền khởi hành từ Boóc-Đô đã hơn một tháng nay rồi. Sau khi ngược sông Garon, thuyền vào sông Nam. Do sông này, thuyền qua những cù, những lạch, lượn theo ven bờ biển Địa Trung Hải để đến sông Rôn. Lại ngược sông Rôn và phụ lưu Sa-ôn để sang sông Loa, đến tỉnh Briare thì rẽ vào sông đào tỉnh ấy. Rồi từ sông này vào sông Sen, xuôi xuống hải cảng Ru-En ở đó bà Mỹ-Lưu cùng con sẽ đáp tàu về Anh Quốc.

Hôm tôi xuống thuyền, tôi chỉ biết cái buồng dành cho tôi thôi. Mặc dầu nó dài chừng hai mét, rộng độ một mét, nhưng rất điểm dáng và sạch sẽ. Đồ đạc trong buồng chỉ có một cái tủ thấp, nhưng cái tủ này chẳng khác gì cái chai của một nhà vật lý học, bên trong chứa đựng không biết bao nhiêu là thứ. Mở nắp tủ ra người ta thấy một cái giường đầy đủ đệm, gối, chăn. Dưới giường là một ngăn kéo có đủ các thứ dùng về việc tắm

rửa. Dưới ngăn kéo này lại có cái ngăn kéo thứ hai chia làm nhiều ô để xếp quần áo. Không có bàn, không có ghế. Nhưng ở đầu giường, một tấm gỗ xinh xắn, đóng vào bức ngăn, hạ xuống thành cái bàn; cuối giường một miếng gỗ nhỏ hơn, hạ xuống thành cái ghế dựa.

Một cái cửa sổ tròn, chọc ra ở sườn thuyền, có cánh lồng kính, dùng để lấy ánh sáng và thay đổi khí trời.

Những bức ngăn, đều bằng gỗ thông sơn bóng. Trên sàn rải một cái khăn bằng vải sơn kẻ ô vuông đen và trắng.

Cái buồng này không những làm đẹp mắt mà còn làm cho lòng tôi thích thú nữa.

Sau khi cởi áo rồi, lên giường nằm, tôi có một cảm giác êm đềm mới. Lần đầu tiên tôi được đặt mình trên cái khăn rải giường mịn màng, không cắn da. Ở nhà mẹ tôi, tôi nằm trên cái khăn bằng gai cứng ráp. Đi với thầy tôi, chúng tôi thường ngủ trên rơm, trên cỏ, có khi vào nhà trọ thì chỗ nằm chẳng hơn ổ súc vật bao nhiêu.

Ôi! Cái chăn mềm ấm và thơm tho biết bao! Cái nệm êm ái hơn ổ lá thông đêm trước rất nhiều. Cái yên lạng ban đêm không làm cho tôi lo lắng, bóng tối cũng không chập chờn như ma nữa! Và cả những ngôi sao nhìn tôi qua cửa sổ, khích lệ tôi và hứa hẹn rất nhiều.

Tuy được ngủ ngon trên chiếc giường êm ấm, tôi không quên dậy sớm, vì tôi vẫn nghĩ đến những bạn tôi không biết đêm qua ngủ ngáy thế nào.

Tôi thấy tất cả gia nhân tôi đều nằm yên ở chỗ tối qua tôi xếp đặt và ngủ dài như ở nhà mình. Khi tôi lại gần những con chó thức dậy, vui mừng chạy lại cho tôi vuốt ve. Còn Hảo Tâm tuy một mắt có hé mở, nhưng không cử động và nó cứ ngáy khò khò như tiếng kèn hai ống.

Thấy thế tôi hiểu ngay. Ngài Hảo Tâm bản chất hay chạnh lòng, mỗi khi phật ý thì giận rất lâu. Vì hoàn cảnh bắt buộc, hôm qua tôi không để ngài ngủ trong phòng cùng tôi, nên ngài giận tôi và giả cách ngủ.

Tôi không làm sao cắt nghĩa cho con Hảo Tâm hiểu được rằng tôi phải buộc lòng cho nó ngủ ngoài sân. Tôi liền bế nó lên tay vuốt ve nó và tỏ lòng áy náy của tôi.

Thoạt tiên nó cứ hờn dỗi mãi, một lúc lâu, vì tính hiếu động, nó nghĩ đi việc khác rồi ra hiệu cho tôi biết nếu cho nó lên bộ chơi một lúc thì nó không giận nữa.

Lúc đó người lái thuyền đã dậy và đang lau sàn. Tôi nhờ bác ta bắc cầu cho tôi cùng các con vật lên cánh đồng cỏ chơi một lúc.

Tôi chơi đùa với các con chó và Hảo Tâm, tôi chạy, tôi nhảy, tôi leo lên cây. Thời giờ đi nhanh quá. Khi chúng tôi trở về chỗ thuyền đậu thì hai con ngựa đã buộc dây sẵn sàng chỉ còn chờ lệnh chạy. Chúng tôi vội vàng xuống thuyền. Vài phút sau, người chân sào tháo dây ở bờ và rút cầu. Người kéo thuyền lên mình ngựa. Tiếng dây kèn kẹt: chúng tôi bắt đầu đi.

Đi thuyền thú biết bao! Những con ngựa chạy đều trên bờ. Chúng tôi lướt trên mặt nước rất êm.

Cây cối hai bên bờ chạy trốn về phía sau chúng tôi. Người ta chỉ nghe thấy tiếng nước lách tách vỗ vào mạn thuyền lẫn tiếng nhạc đồng xoàng xoảng trên bờ.

Đứng ở trên bao lan thuyền, tôi nhìn những cây bạch dương, rễ bò trong đám cỏ tươi, lá hiu hiu động trong bầu không khí yên lặng ban mai. Rặng cây liên xít trên bờ sông như một tấm màn màu lục, ngăn ánh triều dương, chỉ để lọt qua kẽ lá một vài tia nắng dịu dàng.

Mặt sông có chỗ nước đen thẳm như phủ trên những vực sâu, có chỗ nước trong vắt trông rõ cả những viên sỏi bóng loáng và những đám cỏ mịn như nhung.

Tôi đang mãi ngắm cảnh, chợt có tiếng gọi tôi ở phía sau. Tôi quay lại thấy cậu An Tuyên, người ta đã đưa cậu ra nằm chơi ở đó. Mẹ cậu ngồi bên cạnh. An Tuyên hỏi:

– Đêm qua anh ngủ được hơn ở cánh đồng chứ?

Tôi chạy lại gần, tìm những câu lễ phép để trả lời cậu và mẹ cậu.

Cậu hỏi:

– Những con chó đâu?

Tôi gọi chúng đến. Những con chó vừa đến vừa giơ tay chào; Hảo Tâm nhăn mặt cúi đầu. Chúng tưởng sắp có cuộc diễn trò.

Nhưng sáng nay không phải làm gì cả.

Bà Mỹ Lưu cho con nằm chỗ khuất nắng và bà ngồi bên cạnh con.

Bà bảo tôi:

– Con đem các con chó và khỉ ra chỗ khác chơi để chúng ta làm việc.

Tôi theo lời, đưa đàn chó và Hảo Tâm ra mũi thuyền.

Cậu bé tàn tật cũng có thể làm việc được sao? Tôi nhìn thấy mẹ cậu cầm quyển sách đọc từng câu và bắt cậu nhắc lại.

Nằm trên tấm ván, cậu miệng lẩm nhẩm nhắc những cậu mẹ đọc,

Cậu nhắc khó nhọc lắm, nhắc lại ba tiếng cũng không xuôi, thường nói lộn.

Bà mẹ kiên nhẫn sửa lại nhiều lần những câu sai đó một cách dịu dàng nhưng không kém phần cương nghị. Xong bà nói:

– Con không thuộc bài ngụ ngôn của con rồi.

An Tuyên kêu bằng một giọng chán nản:

– Ô!

– Hôm nay con đọc sai hơn hôm qua nhiều.

– Con vẫn cố học.

– Và con chẳng thuộc gì cả.

– Con không thể học thuộc được.

– Tại sao?

– Con không biết... bởi vì con không thể học thuộc được... Con ốm.

– Ốc con không ốm. Mẹ không bằng lòng con không học gì. Con cứ lấy nê ốm mà không học thì lớn lên con sẽ dốt nát.

Bà Mỹ Lưu tỏ ra nghiêm nghị nhưng bà nói rất ôn tồn, êm ái:

– Tại sao con chán học bài?

– Thừa mẹ, con không sao học được, quyết rằng con không sao học được.

Rồi An Tuyên khóc òa lên. Nhưng bà không chuyển lòng, mặc dầu bà vẫn thương con. Bà nói:

– Hôm nay mẹ định học xong thì cho con chơi với Lê Minh và đàn chó. Nhưng con lại không thuộc thì chơi làm sao được?

Nói xong, bà đưa sách cho con và bước vài bước định vào trong phòng để mặc cho con nằm trên tấm ván.

An Tuyên khóc nức nở. Ở ngoài mũi thuyền tôi cũng nghe thấy tiếng khóc của cậu.

Bà Mỹ Lưu sao lại quá nghiêm nghị với đứa con ốm yếu mà bà thương yêu nhất đời thế? Cậu không thuộc được bài, không phải lỗi tại cậu, mà là do bệnh nạn sinh ra.

Bà định bỏ con nằm một mình ở đó và không bảo con lời nào hay sao?

Không. Bà không bỏ con nằm đó. Định vào trong phòng nhưng bà lại trở lại. Bà nói:

– Vậy mẹ cùng học với con nhé?

– Thưa mẹ, cùng học, vâng.

Bà liền ngồi cạnh con, cầm lấy sách và đọc rất thông thả bài ngụ ngôn, chó sói và con cừu non. An Tuyên theo mẹ nhắc lại từng tiếng từng câu. Bà đọc như thế ba lần, xong bà trao sách cho An Tuyên bảo con tập học một mình và bà vào trong thuyền.

An-Tuyên tiếp tục học bài ngụ ngôn. Ở chỗ tôi ngồi, tôi nhìn rõ môi cậu lắp bắp. Cậu cũng biết nghe lời mẹ và chịu khó đấy chứ? Nhưng sự chăm chú ấy không được lâu. Lát sau cậu nhìn ra

ngoài quyển sách, môi cử động chậm dần rồi im bật.

Cậu không đọc nữa, không nhắm nữa. Cậu nhìn quanh nhìn quẩn và trông thấy tôi. Tôi giờ tay làm hiệu, khuyến khích cho cậu tiếp tục học bài.

Cậu mỉm cười như để cảm ơn tôi rồi lại nhìn vào quyển sách.

Nhưng được một lát, cậu lại nhìn ra bờ sông.

Lúc đó, tôi vô tình đứng dậy, làm cho cậu để ý nhìn tôi, tôi trở vào quyển sách, cậu luống cuống, lại nhắm bài.

Không may, hai phút sau, có con chim trả bay vụt như mũi tên ngang sông, qua đầu thuyền để lại sau nó một vệt màu lam.

An Tuyên ngẩn đầu nhìn theo. Khi con chim trả đã biến rồi, cậu nhìn tôi và nói:

– Anh ơi! Tôi muốn học lắm, nhưng....

Tôi lại gần cậu và nói:

236 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Bài ngụ ngôn này không khó lắm đâu.

– Ô! Khó lắm chứ!

– Tôi thấy dễ. Nghe bà đọc ban nãy, tôi đã nhớ cả rồi.

Cậu mỉm cười có ý nghi ngờ.

– Cậu có muốn tôi đọc lại cho cậu nghe không?

– Đọc làm sao được?

– Không. Tôi đọc được. Cậu cầm sách dò, tôi cố đọc xem có đúng không?

Cậu cầm sách nhìn, tôi đọc lại. Cậu chỉ phải chữa một hai tiếng tôi quên thôi. Cậu nói:

– Thế anh thuộc thực à?

– Không được thuộc lắm. Nhưng bây giờ tôi có thể đọc lại không sai.

– Anh làm thế nào mà thuộc được?

– Tôi nghe bà đọc, nghe một cách rất chăm

chú, không để ý hoặc nhìn những vật chung quanh tôi.

Cậu đỏ mặt, nhìn ra chỗ khác. Xong, hết thẹn, cậu bảo tôi:

– Tôi đã hiểu cách nghe của anh thế nào rồi. Tôi sẽ cũng nghe như anh. Nhưng anh làm thế nào mà nhớ được tất cả những tiếng ấy nó ngổn ngang trong óc?

Tôi đã làm thế nào? Tôi cũng không biết vì không bao giờ tôi để ý đến điều đó. Tuy nhiên, tôi cũng theo kinh nghiệm của tôi, cắt nghĩa cho cậu nghe, tôi nói:

– Bài ngụ ngôn nói về cái gì? Về con cừu. Tôi bắt đầu nghĩ đến những con cừu. Rồi tôi nghĩ đến chúng nó làm gì: « Những con cừu đang ở yên lành trong vườn ». Tôi trông thấy những con cừu nằm và ngủ trong vườn vì chúng được yên ổn. Và đã nhìn thấy chúng tôi không quên được.

Cậu nói:

238 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Phải đấy, tôi cũng trông thấy chúng: « Những con cừu ở yên lành trong vườn ». Tôi trông thấy có con trắng, có con đen, tôi trông thấy cả những con cừu cái, cừu con. Tôi trông thấy cả vườn rào giậu thưa.

– Như vậy cậu không quên được nữa chứ?

– Ô! Không quên được.

– Thường thì ai giữ việc chăn cừu?

– Những con chó.

Khi chúng không cần coi cừu vì những con này đã được yên lành thì chúng làm gì?

– Chúng chả làm gì cả.

– Lúc đó chúng có thể ngủ được. Vậy ta nói: Những con chó nằm ngủ cả ».

– Chính thế! Dễ quá!

– Có phải dễ lắm không? Bây giờ, ta nghĩ đến cái khác. Ai thường coi cừu với chó?

– Trẻ chăn cừu.

– Nếu những con cừu được yên lành, trẻ chăn cừu ngồi rồi thì nó dùng thì giờ để làm gì?

– Để thổi sáo.

– Cậu có nhìn thấy không?

– Có.

– Vậy nó ở đâu?

– Dưới bóng cây du.

– Nó chơi một mình phải không?

– Không. Nó chơi với những trẻ mục đồng khác.

– Bây giờ cậu đã trông thấy cừu, thấy vườn, thấy chó và trẻ chăn cừu. Vậy cậu có thể nhắc lại không sai đoạn đầu bài ngụ ngôn được không?

– May ra được.

– Cậu cố nhắc lại xem.

Nghe tôi nói và cắt nghĩa cách học bài thế nào cho chóng thuộc. An Tuyên nhìn tôi vừa cảm động vừa e sợ vì không tin điều tôi nói là thật, tuy

nhien, sau vài giây ngập ngừng, cậu nhất định đọc:

« Những con cừu ở yên lành trong vườn. Những con chó nằm ngủ cả. Em bé chăn cừu ngồi dưới bóng cây du đang thổi sáo chơi với mấy trẻ mục đồng khác ».

Xong cậu vỗ tay reo:

- Tôi thuộc nhẵn, không sai chữ nào!
- Vậy cứ theo cách đó, cậu học các đoạn sau.
- Ủ! Với anh, tôi tin rằng tôi có thể học thuộc hết được. A! Mẹ tôi sẽ sung sướng biết bao!

Rồi cậu theo phép học đoạn đầu, cậu tiếp tục đọc đoạn dưới.

Không tới 15 phút, cậu thuộc hết và đọc rất trôi chảy. Khi cậu đọc vừa xong thì mẹ cậu ở trong ra, đứng sau chúng tôi.

Thoạt tiên, bà có ý không bằng lòng tưởng chúng tôi họp nhau để chơi, nhưng An Tuyên không để bà hỏi, nói luôn:

– Mẹ ơi! Con thuộc rồi! Chính Minh đã dạy con học đấy!

Bà Mỹ Lưu ngạc nhiên nhìn tôi. Bà định hỏi tôi thì An Tuyên không chờ mẹ bảo, đọc luôn bài ngụ ngôn một mạch, không ngập ngừng và không sai chữ nào, đôi mắt sáng ngời đắc thắng.

Trong khi đó, tôi nhìn bà Mỹ Lưu gương mặt kiêu diễm của bà tươi hân lên, hai mắt long lanh ướt. Bà cúi xuống ôm lấy con hôn, không biết bà có khóc không.

An Tuyên nói với mẹ:

– Những chữ, tôi quá, không nghĩa lý gì, nhưng những vật thì người ta nhìn thấy. Minh bảo con nhìn thấy trẻ chăn cừu với cái sáo của nó. Khi con học con không nhìn vợ vẫn chung quanh con, con chỉ nhìn thấy cái sáo của trẻ chăn cừu và con nghe thấy cả điệu sáo thổi nữa. Mẹ muốn nghe con hát điệu đó không?

Rồi cậu hát một bài điệu hơi buồn bằng tiếng Anh. Lần này thì bà khóc thực. Khi bà đứng dậy, tôi trông thấy những giọt nước mắt đã rỏ trên má

cậu con. Rồi bà bước tới cạnh tôi, cầm tay tôi và bắt rất chân thành khiến tôi vô cùng cảm động. Bà nói:

– Con là một đứa trẻ tâm địa tốt.

Tôi kể lại việc phụ này hơi dài dòng là cốt để độc giả biết vì đâu mà địa vị của tôi ở trong thuyền từ đó bỗng dưng thay đổi. Hôm qua, người ta cho tôi là một đứa trẻ diễn trò để làm vui cậu bé ốm, nhưng hôm nay, bài ngụ ngôn đó đã chia rẽ tôi với các con vật của tôi, tôi trở nên một người bạn, một người bạn thân của cậu An Tuyên.

Cũng nên nói ngay rằng – điều này về sau tôi mới biết — bà Mỹ Lưu rất sâu não thấy con chẳng học gì cả, nói cho đúng là không thể học gì được. Mặc dầu con ốm yếu, bà muốn cậu làm việc đôi chút vì bệnh cậu còn kéo dài, bà muốn luyện ngay từ bây giờ cho óc cậu bắt những thói quen để dễ kéo lại những thời gian đã mất khi mà cậu bình phục hẳn.

Bà lại thất bại trong việc rèn luyện đó. Cậu rất dễ bảo về phương diện làm việc, nhưng rất khó

bảo và phương diện chú ý và chuyên cần. Cậu không sợ sách. Khi người ta trao cho cậu quyển sách, cậu sẵn sàng mở hai tay ra đón, nhưng còn óc cậu, cậu không mở và giống như cái máy; miệng cậu nhắc lại không hay không dở, hoặc dở nhiều hơn hay, những tiếng mà người ta đem nhồi vào óc cậu.

Vì thế, bà buồn và thất vọng,

Vì thế, bà rất sung sướng thấy con thuộc được bài ngụ ngôn cùng học với tôi trong có nửa tiếng đồng hồ, mà chính bà, bà vẫn dạy cậu trong bao nhiêu ngày mà cậu không thuộc.

Bây giờ, mỗi khi tôi nhớ lại những ngày đã ở trong thuyền Thiên Nga với bà Mỹ Lưu và cậu An Tuyên, tôi cho là những ngày sung sướng nhất trong thời thơ ấu của tôi.

Cậu An Tuyên đối với tôi có một tình hữu ái nồng nàn. Còn tôi, tôi cũng tự nhiên và coi cậu như tình ruột thịt. Chúng tôi không bao giờ cãi nhau. Về phần cậu, cậu không hề tỏ ra chút chi là quyền quý. Về phần tôi, tôi không thấy chút chi là bịn rịn, mà tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó.

Sự làm thân đó là do tuổi thơ dại của tôi chưa biết việc đời là thế nào, mà cũng là do tính tình cao nhĩa và lòng tự ái của bà Mỹ Lưu, bà coi tôi như con đẻ của bà.

Cuộc đi chơi bằng thuyền này đã đem lại cho tôi nhiều thích thú. Không một giờ nào buồn, không một giờ nào mệt. Từ sáng đến chiều giờ nào cũng thanh thản.

Từ ngày thiết lập đường hỏa xa, người ta không viếng và không biết đến sông Nam nữa, đó là một khuyết điểm vì sông này cũng là một kỳ cảnh của nước Pháp.

Từ tỉnh Villefranche, qua Avignonnet tới Naurouse, người ta thấy dựng ở đây một đài kỷ niệm để ghi ơn ông Riquet, người đã khai con sông này. Đài kỷ niệm đó ở trên đỉnh đất phân cách hai triền sông: một chảy về Đại tây dương, một chảy về Địa trung hải.

Lần lượt chúng tôi qua Castelnaudary, thành phố lăm cối xay, qua Carcassonne, một thành thị của thời Trung cổ, tới đập Fouserannes có tám thủy hạp kết lên nhau, rồi đến tỉnh Béziers

Qua miền nào đẹp lạ thì chúng tôi đi chậm lại, mỗi ngày độ vài dặm, trái lại miền nào hiu quạnh thì chúng tôi đi nhanh.

Chính đường đi định đoạt tốc độ và giờ khởi hành của chúng tôi. Chúng tôi không thể bận óc như những kẻ bộ hành, chúng tôi không thể phải đi những thoi đường dài để chóng tới quán trọ tìm nơi ăn, chốn ngủ.

Ngày nào cũng giờ ấy, bữa ăn dọn sẵn ở ngoài hiên. Trong khi ăn chúng tôi lặng nhìn những phong cảnh linh hoạt ở hai bên bờ sông.

Khi mặt trời lặn, chỗ nào màn đen tỏa xuống thì chúng tôi cắm thuyền; chúng tôi nghỉ ở đó cho tới khi ánh trời tỏ rạng, chúng tôi lại nhổ sào. Lúc nào cũng ở nhà mình, sống trong nhà mình, chúng tôi không biết những giờ vô sự của buổi chiều, dài dằng dặc và buồn tẻ cho những khách bộ hành.

Trái lại, những giờ hôm tăm đó đối với chúng tôi, rất ngắn. Có khi đến giờ ngủ mà chúng tôi không buồn đi nằm.

Khi thuyền dừng lại, nếu trời lạnh, chúng tôi ở phòng khách. Sau khi đã đốt than củi, để khu trừ khí ẩm và hơi sương không tốt cho bệnh nhân, người ta thắp đèn và đưa An Tuyên đến cạnh bàn. Tôi ngồi bên cậu. Mẹ cậu giở cho chúng tôi xem những sách có tranh vẽ hay những tấm ảnh đẹp và giảng cho chúng tôi nghe. Cũng như con thuyền kiểu đặc biệt kia, những tranh và những ảnh đó đã được lựa chọn và dự bị sẵn cho cuộc đi chơi này.

Khi chúng tôi xem tranh ảnh chán rồi, bà kể cho chúng tôi nghe những truyện cổ tích hay những dã sử thuộc về miền chúng tôi đi qua. Bà vừa nói vừa nhìn vào mắt con, cảm động nhất là những lúc bà vỗ trán cố tìm những tiếng dễ hay có phát biểu những ý vừa sức cho con hiểu.

Còn tôi, những buổi chiều đẹp, tôi cũng có công việc để hoạt động. Tôi vác đàn lên bộ, tìm một gốc cây tỏa bóng sẫm đen, ngồi đó, tôi hát và đánh lại tất cả những bản nhạc mà tôi thuộc. Cậu An Tuyên thích nghe những tiếng đàn trong đêm vắng, không trông thấy người chơi nhạc.

Cậu thường kêu to « Đánh nữa đi! ». Tôi lại gảy lại khác đàn cậu ưa thích.

Đó là một đời sống êm đềm và sung sướng cho một đứa trẻ như tôi, đã rời bỏ mái nhà tranh của bà Bảo Liên để dong ruổi trên con đường vô tận của Võ Tiên, thầy tôi.

Món khoai suông của mẹ nuôi tôi với thịt đông, với bánh nhân mít, cò-rem, và bánh ngọt của bà Mỹ Lưu bây giờ có khác nhau nhiều.

Cuộc đi đường trường dưới mưa dầm, nắng rất lẻo đẻo theo thầy tôi so với cuộc du lịch bằng thuyền này cũng khác nhau xa.

Cho được công bình, tôi phải nói rằng trong cuộc sinh hoạt mới này, sự nương tựa về vật chất không làm cho tôi cảm động bằng sự nương tựa về tinh thần.

Thực vậy, được ăn miếng ngon cũng thú, không phải chịu nắng, chịu rét, cũng sung sướng lắm. Nhưng có điều thú hơn và sung sướng hơn là một tình yêu thương đã tràn ngập vào trái tim tôi.

Đã hai lần cái dây vô hình ràng buộc tôi với những người tôi yêu bị cắt đứt: lần thứ nhất là khi tôi bị đứt trong tay mẹ tôi, bà Bảo Liên, lần thứ nhì là tôi bị chia lìa ông Võ Tiên, thầy tôi. Cả hai lần tôi đều thấy tôi chơ vơ trên đời, không nơi nương tựa, không chỗ cậy nhờ, chỉ có mấy con vật làm bạn bên mình.

Trong lúc bơ vơ, trong cơn khổ não, tôi đã gặp được người rất yêu thương tôi và tôi rất quý mến, một bà kiều diễm, hiền hậu và dịu dàng và một cậu con trai bằng tuổi tôi, coi tôi như tình ruột thịt. Sung sướng biết bao cho một trái tim – như trái tim tôi đang khát tình thương. Đã bao lần, nhìn cậu An Tuyên nằm trên tấm ván, xanh xao, yếu ớt, tôi thềm hạnh phúc của cậu, tôi, một người lành mạnh!

Không phải vì đời sống sung sướng của cậu mà tôi thềm, không phải vì những sách quý của cậu, vì những đồ chơi đắt tiền của cậu hay cái thuyền du lịch của cậu mà tôi thềm, tôi chỉ mơ

ước được cái tình mẫu tử tuyệt vời của mẹ đã chan hòa cho cậu.

Cậu thực sung sướng biết nhường nào! Cậu được mẹ âu yếm, được mẹ hôn đến mười lần, hai mươi lần một ngày và được hôn người mẹ hiền, mà tôi chỉ được sờ tay khi bà giơ cho tôi.

Lúc đó, tôi âm thầm nghĩ ngợi: không bao giờ tôi lại có một người mẹ hôn tôi và tôi được hôn lại. Có thể một ngày kia tôi được gặp bà Bảo Liên, tôi sẽ sung sướng lắm, nhưng hôn bà và gọi bà là « mẹ » thì thật là dối lòng, vì bà không sinh ra tôi.

Một mình, suốt đời tôi chỉ có một mình!

Vì thế tôi không nên yêu sách quá về phần hạnh phúc trên đời. Tôi không có mẹ, không có anh em, không có gia đình, tôi phải biết nhận rằng tôi rất sung sướng vì có bạn.

Tôi nên sung sướng và thực ra tôi đã được sung sướng!

250 | Hector Malot

Nhưng than ôi! Mẫu đời sung sướng này
ngắn ngủi quá! Tôi phải từ bỏ để trở lại cuộc đời
cũ, lang thang trên đường vô định.

CHƯƠNG XIII

ĐUÑA CON BỎ RƠI

Những ngày nướng náu dưới thuyền vùn vụt như tên bay. Thấm thoát đã gần đến ngày thầy tôi được tha về, Lòng tôi sung sướng nhưng không khỏi hồi hồi.

Chúng tôi càng xa Tu-Lu bao nhiêu thì lòng tuy càng bứt rứt bấy nhiêu. Ngày ngày an nhàn trên chiếc thuyền du lịch vui thú biết bao! Nhưng rồi đây sẽ phải rời thuyền để đi bộ cũng về nẻo ấy.

Còn đâu nữa giường êm, bánh ngọt! Còn đâu nữa những buổi chiều tụ họp xung quanh bàn! Buồn biết bao! Tôi lại buồn hơn nữa nghĩ đến lúc phải chia tay An Tuyên và mẹ cậu. Tôi sẽ phải dứt tình duyên thương của bà Mỹ và cậu

Tuyên, mất bà và cậu cũng như tôi đã mất mẹ nuôi tôi. Nghĩ lại đời tôi, tôi yêu và được thương để rồi phải chia lìa những người âu yếm tôi mà tôi không muốn xa rời.

Có thể nói được rằng mỗi tư lự đó ví như một đám mây, tự nhiên đến làm vẩn đục những ngày tươi sáng của tôi.

Hôm sau, tôi báo tin cho bà Mỹ Lưu biết và hỏi bà từ đấy về Tu-Lu mất bao nhiêu thì giờ vì tôi muốn đến cửa nhà lao đúng lúc thấy tôi ở đó bước ra.

Nghe tôi nói đến chuyện đi, An Tuyên kêu to:

– Tôi không muốn Minh đi đâu! Tôi phải giảng giải cho cậu biết rằng thân tôi không được tự do. Tôi thuộc quyền thầy tôi vì cha mẹ tôi đã thuận cho thầy tôi thuê, bây giờ thầy tôi cần đến tôi phải trở lại giúp việc cho thầy tôi.

Khi tôi nhắc đến cha mẹ tôi, tôi không nói rõ là cha mẹ nuôi, sợ phải thú nhận mình là đứa bỏ rơi. An Tuyên nói tiếp:

– Mẹ ơi! Mẹ phải giữ anh Minh lại cho con.

Ngoài giờ học tập thì An Tuyên nhất nhà, bảo gì mẹ cũng phải nghe.

Bà đáp:

– Giữ được Lê Minh lại thì mẹ sung sướng lắm, vì con quyến luyến Minh mà mẹ cũng thương em lắm. Nhưng muốn cho em ở luôn đây phải có đủ hai điều kiện mà mẹ và con không thể định đoạt được. Điều kiện thứ nhất phải là Lê Minh thích ở đây...

An Tuyên ngắt lời:

– Anh Minh ơi! Anh thích ở đây chứ? Anh không muốn về Tu-Lu phải không?

Bà Mỹ Lưu không để tôi trả lời nói tiếp:

– Điều kiện thứ hai là thầy của em có bằng lòng thì mới được.

An Tuyên nói:

– Lê Minh, cần Lê Minh trước đã.

Đành rằng Võ Tiên, thầy tôi rất thương tôi và tôi phải nhớ ơn thầy tôi dạy dỗ và săn sóc tôi, nhưng cuộc sống bên cạnh thầy tôi không thể nào so sánh được với cuộc sống mà bà Mỹ Lưu đã dành cho tôi. Hơn nữa tôi nói câu này không hối hận — cái tình thương của thầy tôi cũng không thể nào so sánh được với lòng âu yếm của bà Mỹ Lưu và tình quyến luyến của cậu An Tuyên đối với tôi. Khi tôi nghĩ như thế, thì tôi lại cho tôi là không phải, dám coi những người lạ; quen biết chưa được bao lâu hơn người đã cùng tôi dãi dầu, kham khổ. Nhưng thực tình là như thế, tôi không hiểu sao lòng tôi cứ quyến luyến bà Mỹ Lưu và cậu An Tuyên. Bà Mỹ Lưu nói tiếp:

– Trước khi trả lời, Lê Minh còn phải nghĩ vì ở đây không phải là chỗ ăn chơi, còn phải học, còn phải làm, còn phải giúp con học nữa. Lê Minh tất phải cân nhắc xem ở đây với các công việc đó hơn hay sống tự do trên đường hơn.

Tôi nói luôn:

– Thừa bà, bà tin rằng con không có điều gì phải cân nhắc. Con nhận thấy ý định của bà rất quý.

An Tuyên kêu:

– Đấy! Mẹ xem Lê Minh bằng lòng ở lại, mẹ ạ!

Rồi cậu vỗ tay. Tôi đã làm cho cậu hết lo vì cậu vốn là người sợ sách nhất. Khi mẹ cậu nói đến việc làm và sách vở, tôi thấy mặt cậu tái đi. Nếu tôi từ chối, không biết cậu sẽ lo buồn đến thế nào! Tôi thì trái ngược hẳn với cậu, tôi không sợ sách, những sách không làm cho tôi sợ hãi mà còn hấp dẫn tôi nữa. Gần đây bà Mỹ Lưu có trao cho tôi mấy quyển sách. Những sách đó đã làm cho tôi rất ham thích. Vì thế, ý bà muốn lưu tôi lại làm cho tôi rất sung sướng và cảm ơn lòng bao dung của bà. Nếu thấy tôi thuận, tôi sẽ không phải rời bỏ thuyền Thiên Nga, rời bỏ đời sống êm đềm và không phải xa cách cậu An Tuyên và mẹ cậu.

Bà Mỹ Lưu nói tiếp:

– Bây giờ tính đến sự đồng ý của ông Vỹ Tiên. Muốn thế ta phải viết thư mời ông đến tìm ta ở thành Cette, vì ta không thể lộn lại thành Tu-Lu được. Ta sẽ gửi tiền lộ phí cho ông và cho biết những lý do khiến ta không thể đi xe hỏa được. Ta mong ông sẽ vui lòng đến. Nếu ông ưng thuận ý định của ta, ta chỉ còn phải dàn xếp với cha mẹ Lê Minh là xong vì cũng cần phải hỏi ý kiến cha mẹ em.

Những lời bà nói làm cho tôi hả dạ vô cùng. Nhưng câu sau cùng đã làm cho tôi choáng cả người như bị vỡ tan giấc mộng mà trở về sự thực đáng buồn. Hỏi ý kiến cha mẹ tôi tức là ông Bảo-Liên! Chắc chắn ông bà Bảo Liên sẽ nói hết những điều mà tôi muốn giấu. Sự thực sẽ nổ tung ra: Tôi là đứa con bỏ rơi! Xấu lắm!

Lúc đó, cậu An Tuyên hay bà Mỹ Lưu sẽ không dung tôi nữa!

Nghĩ thế, tôi tái mặt lại.

Bà Mỹ Lưu nhìn tôi và hỏi sao thế? Tôi không

dám trả lời. Bà tưởng tôi bối rối về việc thầy tôi sắp về nên không hỏi gặng nữa.

May sao, lúc đó sắp đến giờ ngủ, nên tôi lần được đôi mắt tò mò của An Tuyên nhìn tôi, mà về phòng ngủ.

Đêm đó, một đêm buồn nhất cho tôi từ ngày xuống thuyền. Tôi trần trọc, lo lắng suy nghĩ. Làm thế nào bây giờ? Nói thế nào bây giờ?

Tôi không tìm được lối thoát. Sau khi đã vẩn đi vẩn lại một ý nghĩ đến hàng trăm lần trong óc, sau khi tìm câu nói xét ra lẫn quẩn giấu đầu hở đuôi, tôi nhất định một kế, kế này chắc chắn nhưng hơi hèn, là chẳng nói gì và chẳng làm gì. Mặc kệ cho việc nó đến. Tôi cam chịu tất vì không có cách gì hơn nữa. Có lẽ thầy tôi không muốn rời tôi. Lúc đó tôi lại đi theo thầy tôi, như thế không phải lo bày tỏ sự thật.

Tôi chỉ sợ sự thực vỡ lở ra, sợ quá đến nỗi tôi lại cầu mong cho ông Vỹ Tiên bác lời của bà Mỹ Lưu đi và không thể nào ổn định về việc của tôi được.

Như vậy, dù tôi có phải xa cậu An Tuyên, xa bà Mỹ Lưu thực và có lẽ không bao giờ gặp nhau nữa, nhưng tôi vẫn thích rằng cậu và mẹ cậu sẽ không giữ một kỷ niệm xấu về tôi.

Viết thư cho Vỹ Tiên được ba ngày thì bà Mỹ Lưu nhận được phúc đáp. Bằng mấy câu văn tắt, Vỹ Tiên nói rất hân hạnh nhận được thư bà và hẹn thứ bảy tới, ông sẽ đi chuyến tàu hỏa 2 giờ để đến thành Cette.

Tôi xin phép bà Mỹ Lưu ra ga đón thầy tôi và đem cả ba con chó và Hảo Tâm đi theo.

Chúng tôi đợi tàu đến.

Những con chó có vẻ buồn vì hình như nó biết sẽ có chuyện gì xảy ra. Hảo Tâm thản nhiên như thường. Còn tôi, tôi rất xúc động. Những ý kiến tương phản nổi lên tranh chấp trong đầu óc thơ dại của tôi. Tôi ngồi trong một góc sân ga, một tay cầm dây ba con chó, một tay ôm con Hảo Tâm vào ngực. Tôi ngồi đợi mà mắt tôi chẳng nhìn thấy gì ở chung quanh tôi.

Chính những con chó báo cho tôi biết là tàu đã đến và chúng đã đánh hơi thấy chủ chúng rồi. Tự nhiên tôi bị lôi đi, rồi vì tôi không để ý nên mấy con chó tuột xích chạy thẳng. Chúng vừa chạy vừa kêu. Ngay lúc đó, tôi nhìn thấy chúng nhẩy qua chung quanh ông Võ Tiên trong bộ y phục thường, vừa hiện ra, Lãnh Nhi nhanh nhẹn hơn, nhẩy vào hai cánh tay ông giơ ra, Hiệp, Thùy Nhi quấn quít hai chân ông.

Đến lượt tôi chạy đến. Ông vội đặt Lãnh Nhi xuống đất, giơ hai tay ôm lấy, hôn tôi là lần thứ nhất và nói lại nhiều lần:

– Khốn nạn cho con!

Thầy tôi không bao giờ nghiêm khắc và cũng không bao giờ ngọt ngào. Nên sự biểu lộ chân tình thốt nhiên của thầy tôi đã khiến tôi mủi lòng và nước mắt tràn ra, vì trái tim đầy tình cảm của tôi dễ khép và dễ mở.

Tôi nhìn kỹ thầy tôi, tôi thấy thầy già đi, lưng còng hơn, mặt xanh xao, môi mất sắc.

Thầy tôi hỏi tôi:

– Con ơi! Con nhìn ta thấy khác đi nhiều phải không? Nhà lao không phải là nơi lưu trú tốt, phiền não là một bệnh hao mòn. Nhưng bây giờ ta sẽ khá dần dần.

Rồi thầy tôi sang vấn đề khác hỏi tôi:

– Bà gì viết thư cho ta, tại sao con lại biết bà.

Tôi liền kể lại trường hợp tôi gặp thuyền Thiên Nga, cuộc sống của tôi bên cạnh bà Mỹ Lưu và cậu An Tuyên, những cảnh tôi đã trông thấy, những việc mà tôi đã làm.

Câu chuyện rất dài, tôi lo đến đoạn chót phải nói đến một vấn đề mà tôi vẫn sợ, vì dù sao tôi cũng không thể ngỏ cho thầy tôi biết là tôi rất mong thầy sẽ đồng ý cho tôi ở lại với bà Mỹ Lưu,

Nhưng tôi không phải ngỏ ý kiến ấy vì tôi kể chưa hết chuyện thì chúng tôi đã tới khách sạn mà bà Mỹ Lưu đợi ở đấy. Và lại thầy tôi không đã động gì đến những lời đề nghị rất có thể có trong thư.

Khi chúng tôi tới khách sạn, thầy tôi hỏi:

– Bà ấy đợi ta ở đâu?

– Con sẽ đưa thầy vào.

– Không cần, cho ta số buồng rồi ngồi đây cùng các con chó và Hảo Tâm đợi ta.

Khi thầy tôi đã nói ra điều gì, tôi không hay có tính hỏi hoặc cãi lại. Nhưng lần này tôi muốn xin theo vào để được gần bà Mỹ Lưu, đó là một việc rất tự nhiên công bình. Nhưng, thầy tôi giơ tay không cho tôi nói. Tôi đành vâng lời, ở lại ngoài cửa khách sạn, ngồi trên chiếc ghế dài cùng những con chó dưới chân tôi. Những con chó này cũng muốn theo chủ, nhưng chúng cũng thui thủi như tôi quay lại không dám trái lệnh chủ. Thầy tôi thực biết chỉ huy.

Tại sao thầy tôi không muốn cho tôi nghe chuyện giữa thầy tôi và bà Mỹ Lưu? Tôi cứ xoay đi xoay lại câu hỏi này đủ phía mà không tìm thấy câu trả lời thì vừa thấy thầy tôi bước ra. Thầy tôi bảo:

– Con lên chào bà ấy đi. Ta đợi con ở đây. Chúng ta sẽ khởi hành trong 10 phút.

Tôi đang phân vân, bỗng câu nói đó làm cho tôi ngã ngựa ra.

Không thấy tôi đi, thấy tôi liền giục:

– Sao. Không nghe thấy gì à? Ngồi đó như bụt thế? Có đi hay không?

Thầy tôi không có tính nói nặng và từ khi tôi ở thầy tôi không hề mắng tôi như thế bao giờ!

Tôi liền đứng dậy như cái máy, chẳng hiểu gì, Nhưng đi được vài bước để lên buồng bà Mỹ Lưu, tôi quay lại hỏi:

– Vậy thầy đã nói:

– Ta nói rằng con cần cho ta và ta cũng cần cho con. Do đó, ta không thể nhường con cho bà được. Đi đi rồi lại đây.

Nghe thầy tôi nói thế, tôi hơi vững lòng, vì cái chuyện « con bỏ rơi », cứ ám ảnh tôi, làm cho tôi tưởng rằng phải đi ngay trong mười phút là vì thầy tôi đã kể hết gốc tích của tôi.

Bước chân vào phòng bà Mỹ Lưu, tôi thấy

cậu An Tuyên đang khóc và bà cúi đầu dỗ dành cậu. An Tuyên thấy tôi liền hỏi:

– Anh Minh! Có phải anh không đi không?

Bà Mỹ Lưu trả lời thay tôi, bảo rằng tôi phải theo ý thầy tôi.

Xong bà quay ra bảo tôi, tôi cảm động rơi lệ:

– Ta đã nói với ông Vỹ Tiên, cố giữ con ở đây, song ông không chịu. Không làm thế nào cho ông ta chuyển lòng.

An Tuyên kêu:

– Con người độc ác.

Bà nói:

– Không phải là người độc ác. Con cần cho ông và xem ra ông cũng thật tình thương yêu con lắm. Nghe những lời ông nói thì ông không phải là người thường, một người ở trên cái địa vị hiện thời của ông nhiều. Ông đã từ chối như thế này: « Tôi yêu đứa bé ấy, nó cũng yêu tôi ». Những thử thách trong đời sống vất vả của nó ở bên cạnh tôi

vốn có bổ ích nhiều hơn cái trạng thái nô lệ trá hình mà vô tình bà muốn dắt nó vào. Bà sẽ dạy dỗ nó, cho nó đi học, thực đấy, bà sẽ tu dưỡng óc nó, thực đấy, nhưng không rèn luyện được tâm tính nó. Nó không thể thành con bà. Nó vẫn sẽ là con tôi. Sống một đời thiếu thốn nhưng tự do còn hơn là làm cái đồ chơi cho đứa con yếu đuối của bà, mặc dầu tôi nhận thấy con bà tỏ ra rất hiền lành, ngoan ngoãn. Nó đi với tôi, tôi cũng dạy nó chứ! »

An Tuyên nói:

– Ông ta có phải là cha Lê Minh đâu mà giữ?

– Ông ấy không phải là cha Lê Minh, ai cũng biết, nhưng là thầy của Minh, Minh phải chịu quyền ông ta vì cha mẹ Minh đã cho ông thuê. Bắt buộc Minh phải tuân lời ông ta.

– Con không muốn cho Minh đi.

– Minh phải theo thầy Minh chứ! Nhưng có thể Minh sẽ chỉ phải đi trong một thời gian ngắn thôi. Mẹ sẽ viết thư cho cha mẹ Minh để bàn tính về việc đó.

Tôi kêu:

- Thôi! Thưa bà, xin thôi!
- Sao lại thôi?
- Xin bà thôi cho.
- Chỉ còn cách đó thôi, con ạ!

Nếu bà không nói đến cha mẹ tôi thì có lẽ tôi còn kéo dài cuộc từ giã hơn thời gian thấy tôi đã ấn định cho tôi.

- Ở làng Tả Văn Ông phải không?

Tôi không trả lời, tôi đến cạnh cậu An Tuyên ôm lấy cậu và đem tất cả tình hữu ái trong lòng tôi ra hôn cậu. Xong rút ở tay cậu ra, tôi chạy lại chỗ bà Mỹ Lưu, quỳ xuống và hôn tay bà.

Bà cúi xuống hôn trán tôi và nói:

- Thương hại con quá!

Đoạn, tôi vùng dậy vừa ra cửa vừa quay lại nức nở nói không ra lời:

– Cậu An Tuyên ơi! Tôi sẽ yêu cậu mãi mãi!
Thưa bà, con sẽ không bao giờ quên ơn bà!

An Tuyên gọi:

– Anh Minh, anh Minh ơi!

Nhưng tôi không nghe được gì nữa vì tôi đã ra ngoài và khép cửa lại rồi.

Một phút sau, tôi đã đến bên thầy tôi. Thầy tôi bảo:

– Chúng ta lên đường!

Rồi chúng tôi rời thành Cette và đi về đường Frontignan.

Thế là tôi phải rời bỏ người bạn thú nhất của tôi và lại lao mình trong những cuộc phiêu lưu hình như đã dành sẵn cho tôi.

CHƯƠNG XIV

MƯA TUYẾT VÀ CHÓ SÓI

Tôi lại bắt đầu, vai vác đàn, lẻo đẻo theo sau thầy tôi, dong ruổi trên những con đường dài, dưới trời mưa nắng cũng như trong cát bụi và bùn lầy. Tôi lại phải làm con vật trên những công trường và giả cười, giả khóc để mua vui cho « quý khán giả ».

Cuộc tiếp liên này có phần khó chịu cho tôi vì người ta dễ quen sung sướng hơn là kham khổ. Sau khi nếm thú phong lưu, bây giờ tôi thấy toàn những buồn, chán, nhọc nhằn mà trước kia tôi không biết đến.

Khi tôi ở gần bà Mỹ Lưu thì tôi nhớ đến ông Vỹ Tiên, bây giờ được gần ông Vỹ Tiên thì tôi lại nghĩ đến bà Mỹ Lưu.

Đã hơn một lần, đi trên đường dài, tôi lùi lại đằng sau để được tự do nghĩ đến An Tuyên, đến mẹ cậu, đến thuyền Thiên Nga và đem óc tưởng tượng sống lại cuộc đời êm đềm ấy cho tiêu sấu.

Than ôi! Cuộc sống êm đềm ấy đâu còn nữa?

Khi đêm xuống, nằm trong quán trọ, tôi lại nhớ đến cái buồng con của tôi ở thuyền Thiên Nga, và thấy cái vải giường tôi đang nằm nó gợn như gai.

Sáng dậy, tôi thấy lòng tôi trống trải. Tôi không được chơi với cậu An Tuyên nữa! Tôi không được nghe những tiếng êm ái của bà Mỹ Lưu nữa! Tuy nhiên, trong cơn buồn của tôi, tôi thấy có một điều an ủi: thấy tôi tỏ ra dịu hiền hơn bao giờ hết. Đó là một sự thay đổi rất lớn trong cách đối đãi với tôi. Tôi đỡ buồn tủi phần nào. Tôi thấy thân tôi cô độc trên đời và cảm thấy thấy tôi tỏ ra ân cần thương hại tôi hơn là một ông thầy.

Lắm lúc tôi muốn ôm lấy thầy tôi, hôn thầy tôi vì tôi cần phải phát lộ mối thâm tình chan chứa trong lòng tôi, nhưng tôi không dám vì thầy

tôi không phải là người để cho ai nhìn được.

Ngày tôi mới theo ông, tôi rất sợ ông, lúc nào cũng giữ gìn và không dám đến gần ông. Nhưng bây giờ như có một mối thông cảm khiến cho tôi kính yêu ông. Khi bước chân ra khỏi làng tôi, tôi coi ông như những người đàn ông khác vì lúc đó tôi chưa biết phân biệt.

Nhưng sau ngày lưu trú ở gần bà Mỹ Lưu, mắt và trí khôn tôi được mở rộng ra, thì lạ quá! Khi tôi ngắm kỹ thầy tôi, tôi nhận thấy cử chỉ, dáng điệu và kiểu cách của thầy tôi có nhiều điểm tương đồng với cử chỉ, dáng điệu và kiểu cách của bà Mỹ Lưu.

Tôi tự nghĩ có lẽ tôi nhận nhầm chẳng vì thầy tôi chỉ là một người diễn trò rong, còn bà Mỹ Lưu là một bà khuê các. Nhưng đúng thế vì mắt tôi nhìn không sai. Khi nào thầy tôi muốn, thì thầy tôi tỏ ra trang trọng chẳng khác gì bà Mỹ Lưu. Có chỗ khác nhau là bà Mỹ Lưu lúc nào cũng trang trọng, còn thầy tôi thì trang trọng tùy trường hợp, nhất là khi đối với những kẻ hung hăng, vô lễ.

Tuy tôi không hung hăng, không vô lễ, nhưng tôi vẫn sờ sợ, vì thế tôi không dám mạn phép thổ lộ những cảm tình nồng nàn của tôi, mặc dầu những lúc thấy tôi tỏ dấu thương yêu tôi.

Sau khi rời tỉnh Cette, trong nhiều ngày, chúng tôi không hề nói chuyện về bà Mỹ Lưu và đến thuyền Thiên Nga nữa. Nhưng dần dần vấn đề đó lại được nhắc đến trong những câu chuyện của chúng tôi mà bao giờ thấy tôi cũng là người nêu ra trước. Rồi cái tên của bà Mỹ Lưu chẳng hôm nào không được nhắc tới.

Ông Võ Tiên bảo tôi:

– Con mến bà ta lắm phải không? Ta biết lắm. Bà ta rất tốt với con. Con nên nhớ ơn.

Rồi thấy tôi thường nói thêm:

– Phải làm thế!

Phải làm thế là làm gì?

Trước tiên tôi không hiểu câu nói đó, sau dần dần tôi mới vỡ nghĩa ra rằng « phải làm thế », tức là phải từ chối bà Mỹ Lưu về việc giữ tôi.

Chính mỗi khi nghĩ đến việc này mà thầy tôi đã thốt ra câu « phải làm thế ». Và hình như trong mấy tiếng đó có bao hàm một ý hối hận Thầy tôi cũng muốn cho tôi ở với cậu An Tuyên nhưng không thể làm thế được.

Trong tâm khảm tôi, tôi rất cảm ơn thầy tôi về sự hối hận đó, mặc dầu tôi chưa đoán được tại sao thầy tôi lại không thể nhận lời bà Mỹ Lưu được, những lý do của thầy tôi đưa ra, bà Mỹ Lưu đã nhắc lại cho tôi nghe nhưng tôi vẫn không sao hiểu được.

Một ngày kia thầy tôi có lẽ bằng lòng chăng? Đó là một hy vọng lớn cho tôi.

Chúng tôi lẽ nào lại không gặp thuyền Thiên Nga?

Thuyền đó ngược sông Rôn, mà chúng tôi đương đi trên bờ sông này.

Vì thế, trong khi đi, mắt tôi chỉ nhìn xuống sông, không hề để ý đến những đôi, những ruộng phì nhiêu ở hai bên bờ.

Khi chúng tôi đến một tỉnh nào như Arles, Tarascon, Avignon, Montélimar, Valence, Tournon, Vienne, cuộc đi thăm thú nhất của tôi là ra bến tàu để kiểm thuyền Thiên Nga, và mỗi khi nhìn xa xa thấy một con thuyền thấp thoáng ẩn hiện trong sương mù tôi đợi cho đến khi con thuyền lớn dần xem có phải là Thiên Nga không.

Nhưng không phải Thiên Nga.

Một đôi khi, tôi đánh bạo hỏi những người thủy thủ ở bến xem có ai trông thấy con thuyền lạ ấy đi qua không, nhưng chẳng ai nhìn thấy cả.

Bây giờ thầy tôi nhất quyết nhường tôi cho bà Mỹ Lưu – óc tôi nghĩ thế... thì tôi cũng không sợ người ta nói rõ lai lịch tôi hay viết thư cho bà Bảo Liên. Nội vụ có thể giải quyết giữa thầy tôi và bà Mỹ Lưu. Óc thơ đại của tôi dàn xếp một cách dễ dàng như sau: bà Mỹ Lưu muốn nuôi tôi, thầy tôi ưng thuận bỏ quyền của thầy tôi, thế là ổn.

Chúng tôi ở lại Ly Ông trong mấy tuần lễ. Những lúc rảnh việc tôi lại ra bến sông Rôn và sông Sa-Ôn, tôi đi lại nhiều lần đến nỗi tôi thuộc

cả tên cầu, tên khách sạn hơn cả người sinh trưởng ở thành Ly Ông.

Tôi hết lòng đón mà không thấy thuyền Thiên Nga đâu cả.

Rồi chúng tôi phải rời Ly Ông để đi Dijon. Lúc đó cái mơ ước được gặp bà Mỹ Lưu và cậu An Tuyên bắt đầu tan, vì ở Ly Ông tôi đã nghiên cứu các bản đồ nước Pháp ở những hiệu sách cũ, biết rằng thuyền Thiên Nga sẽ bỏ sông Sa-Ôn ở tỉnh Chalon vào sông Trung để sang sông Loa.

Chúng tôi đến Chalon rồi lại rời Chalon không được gặp Thiên Nga. Thế là hết hy vọng, hết mơ ước!

Nỗi khổ não trong lòng tôi lúc đó tả sao cho xiết! Đúng lúc đó, thời tiết xấu lại đến làm tăng nỗi buồn sâu xa của tôi. Những ngày thu tàn, chúng tôi lặn lội trong mưa rất là vất vả. Chiều đến, chúng tôi áo ướt tận da, người lấm như chôn như vùi, nhọc mệt, vào lều vào quán tạm trú, đêm nằm không sao ngủ được.

Sau khi rời khỏi tỉnh Dijon, chúng tôi phải qua dãy đồi Côte d'or, giá lạnh thấu xương, con Hảo Tâm buồn rầu, nhần nhó hơn tôi.

Mục đích của thầy tôi là phải tới Ba-Lê sớm ngày nào hay ngày ấy để có thể diễn trò trong mùa đông họa may mới có lợi. Nhưng hoặc vì thầy tôi không đủ tiền đi xe hỏa, hoặc vì một lẽ nào khác, chúng tôi cứ phải đi bộ hết ngày ấy sang ngày khác trên con đường từ Dijon đến Ba-Lê. Cứ đi như thế, lúc nào thuận tiện, chúng tôi dừng lại ở các tỉnh các làng đi qua để diễn một hai buổi rồi lại đi ngay vì tại các nơi đó không thu nạp được mấy.

Từ Dijon đến Châtillon, các việc được điều hòa, mặc dầu mưa rét.

Khi chúng tôi ra khỏi tỉnh này thì hết mưa và gió quay về hướng bắc. Thoạt tiên chúng tôi không phàn nàn gì về những luồng gió buốt mặt, vì dù sao cũng còn chịu được hơn là những cơn mưa tầm tã làm cho chúng tôi ủng người trong mấy tuần qua.

Không may, gió dần dần ầm, trời bắt đầu kéo mây đen, mặt trời biến mất. Đó là điềm tuyết sắp xuống.

Chúng tôi đủ thì giờ vào một làng lớn gần đó để tránh mưa tuyết. Nhưng ý thầy tôi lại muốn đi luôn đến tỉnh Troyes vì tỉnh này là một thành thị lớn, chúng tôi có thể kiếm ăn ở đó lâu ngày nếu thời tiết bắt chúng tôi phải lưu lại. Tối đến, khi chúng tôi vào nhà trọ, thầy tôi liền bảo tôi:

– Con ngủ đi! Sáng mai chúng ta đi sớm, nếu chậm thì gặp mưa tuyết.

Thầy tôi không ngủ sớm. Thầy tôi ngồi bên cạnh lò sưởi, còn phải sưởi cho con Hảo Tâm bị lạnh từ sáng đến giờ, co quắp và rên rỉ, mặc dầu chúng tôi đã cẩn thận lúc nào cũng ủ nó trong một cái chăn.

Sáng hôm sau, tôi dậy rất sớm. Bầu trời đen và thấp, không có một ngôi sao, trông như một cái vung lớn úp xuống đất đè bẹp mọi vật. Cánh cửa vừa mở, một luồng gió lạnh luồn vào lò sưởi làm hồng những miếng than vùi dưới tro tự đêm qua.

Người chủ quán bảo thầy tôi:

– Ông hãy ngồi lại, Không đi được đâu. Trời đổ tuyết bây giờ,

Vỹ Tiên đáp:

– Tôi có việc khẩn phải đến tỉnh Troyes trước khi mưa.

– Ông không thể đi trong một giờ quãng đường dài 30 cây số.

– Thế mà chúng tôi vẫn cứ đi.

Vỹ Tiên ủ Hảo Tâm trong áo để truyền hơi ấm của mình cho nó. Mấy con chó không biết rét, mừng rỡ chạy trước chúng tôi. Thầy tôi đã mua ở Dijon cho một đôi áo da cừu. Tôi mặc cũng đỡ rét.

Gió thổi vù vù. Mở miệng ra rất khó chịu. Chúng tôi ai nấy đều lảng lảng, bước vội vàng, vừa cho nhanh chóng đến nơi, vừa cho ấm người.

Tuy lúc đó là ban ngày mà bắt đầu trời vẫn cứ tối om.

Chợt ở phương đông một giải trắng trắng hiện ra trong bóng đen, nhưng mặt trời không lên. Đêm hết rồi, nhưng sáng vẫn chưa tảng.

Tuy nhiên, một thứ ánh mờ ở chân trời phương đông như từ cái cửa hầm lớn phát ra, chiều là là trên mặt đất. Trên cánh đồng, cảnh vật đều rõ dần dần. Những cây to trụi hết lá như giơ bộ xương khô. Gió thổi vào bờ gậu, bụi cây, qua những chiếc lá khô còn dính ở cành thành những tiếng xào xạc khô khan.

Không một bóng người trên đường cái. Không một bóng người trong cánh đồng. Không một tiếng xe chạy, không một tiếng quát roi. Những sinh vật duy nhất trong lúc đó là giống chim mà người ta chỉ nghe thấy tiếng hót chứ không thấy bóng hình, vì chúng ẩn cả dưới lá cây. Duy mấy con chim khách nháy nhót trên mặt đường, đuôi cong, mỏ ngoảnh lên trời, khi chúng tới gần thì bay vụt lên ngọn cây, ở đó chúng kêu khách khách như để rửa chúng tôi hay báo cho chúng tôi biết có điềm chẳng may.

Chợt ở phía bắc có một điểm trắng hiện ra to dần dần và tiến về phía trước mặt chúng tôi. Chúng tôi nghe thấy những tiếng xào xạc lộn xộn. Đó là những con ngỗng trời ở phương bắc chạy rét về trú ở miền nam. Chúng bay qua đầu chúng tôi, rồi phút chốc ngoảnh lại chúng tôi chỉ nhìn thấy còn bay trên không những nắm tơ trắng nổi bật nền trời đen.

Miền chúng tôi đang đi qua cảnh tượng buồn vắng, quạnh hiu. Hết tầm con mắt, nhìn thấy những cánh đồng hoang, những đồi trọc trụi và những rừng đỏ hoe.

Gió bắc vẫn thổi nhưng muốn đổi chiều. Từ chân trời phía ấy đổ đến những đám mây đỏ, nặng và thấp như muốn đè trĩu xuống ngọn cây.

Phút chốc, một vài cánh tuyết rơi xuống trước mặt chúng tôi, nhõn nhơ như những con bướm khi lên, khi xuống, lúc xoay tròn, không chấm mặt đất.

Chúng tôi chưa đi được bao nhiêu đường đất, tính ra không thể tới Troyes trước cơn mưa

tuyết. Tuy vậy tôi chẳng lo ngại, yên trí rằng tuyết xuống sẽ cản gió bắc lại thì đỡ rét.

Đó là tôi chưa biết thế nào là một cơn bão tuyết. Nhưng rồi tôi được nếm mùi ngay, đến nỗi không bao giờ quên được bài học đó.

Bỗng nhiên, những đám mây từ tây bắc kéo đến. Một thứ ánh trắng sáng lòa kèm theo. Rồi hai bên sườn đám mây tỏa ra: đó là tuyết.

Không phải là những cánh bướm trắng bay lượn trước mặt chúng tôi nữa, mà là một trận mưa rào bằng tuyết bao trùm chúng tôi.

Thầy tôi bảo tôi:

– Nhất định không đi đến được Troyes rồi. Bây giờ ta phải tìm nhà nào nghỉ vậy,

Đó là một ý kiến rất đẹp, rất hay, nhưng tìm đâu cho ra chỗ trú bây giờ? Trước khi tuyết xuống tôi đã nhìn rất xa mà cũng chả thấy nhà nào hoặc làng nào ở trên đường chúng tôi cả. Trái lại, chúng tôi sắp đi vào một cánh rừng sâu thẳm cũng như hiện giờ hai bên đường toàn là đồi cả.

Vì vậy cũng chẳng nên quá tin tưởng vào cái nhà mong ước ấy.

Tuyết vẫn xuống, mỗi lúc một nhiều hơn.

Chỉ trong giây lát, tuyết phủ đầy đường hay nói cho đúng hơn nó phủ tất cả những vật gì ngăn nó lại: đồng đá, mô đất, vùng cỏ ở rìa đường, bụi cây ở cạnh hồ, đều hóa trắng ngần vì gió thổi ngang mặt đất dồn tuyết vào những vật đó.

Khổ cho chúng tôi vì chúng tôi cũng là thứ chướng ngại vật cho tuyết. Nó đánh vào mặt vào người chúng tôi, lọt vào khe quần áo như bụi rồi tan ra.

Tôi thấy một làn nước lạnh từ cổ xuống mình tôi. Thấy tôi để hở áo cho Hảo Tâm thở cũng bị tuyết thấm vào người không ít. Tuy nhiên, chống với gió, chống với tuyết, chúng tôi cứ im lặng tiến, thỉnh thoảng lại phải quay mặt sang bên cạnh cho dễ thở.

Những con chó cũng không tranh đi trước nữa. Nó đi sau chúng tôi để tránh tuyết nhưng thân chúng tôi cũng không đủ che chở cho chúng.

Chúng tôi dò từng bước, mệt nhòa, mờ cả mắt, thân thể giá buốt, quần áo ướt đầm. Chúng tôi vào rừng đã sâu mà vẫn chưa tìm được chỗ trú.

May sao (không biết có phải may hay không? những trận cuồng phong đã yếu dần. Nhưng tuyết lại xuống nhiều, đáng lẽ nhỏ như bụi, bây giờ là những hạt to và chắc. Chỉ trong vài phút, đường ngập một lớp tuyết dày, chúng tôi bước lên không có tiếng động.

Thỉnh thoảng thấy tôi lại nhìn sang tay trái như để tìm gì, nhưng tôi chỉ nhìn thấy toàn một khoảng rừng thưa đã đốn từ đầu năm, những cây non chừa lại, cây nào cũng cong vì đeo nặng tuyết.

Thầy tôi định tìm cái gì ở phía đó?

Còn tôi, tôi cố nhìn thẳng trước mặt tôi, trên đường cái, xem sắp hết rừng chưa hay có một nhà nào không.

Nhưng nhìn qua những giọt mưa rào trắng làm sao được? Cách vài thước mọi vật đều mờ

đi, chúng tôi chỉ nhìn thấy một màn tuyết dày buông xuống khác nào như một cái lưới lớn vây lấy chúng tôi. Chúng tôi vẫn phải đi và không được nản chí mặc dầu tuyết lội đến đầu gối và mũ nặng như đội đá.

Chợt thấy tôi trở tay về phía bên trái ra hiệu cho tôi. Tôi nhìn lơ mờ thấy trong chỗ rừng thưa ấy có một cái lều làm bằng cành cây tuyết phủ trắng xóa,

Tôi không hỏi lại, hiểu rằng thầy tôi chỉ cho tôi cái lều đó không phải để cho tôi ngắm cảnh mà để bảo tôi tìm lối vào.

Khó vào quá. Tuyết dày đặc không tìm thấy di tích đường vào. Tuy nhiên chỗ tiếp giáp với rừng già hình như có lối để vào, nhưng phải qua cái hố đầy tuyết.

Tuyết không lún, chúng tôi đi thoát qua hố và không mấy lúc đã đến lều.

Lều bằng củi gỗ xếp chung quanh, trên mặt những cành cây làm mái. Mái đó khít và dày nên tuyết không lọt xuống được.

Đó là một lều trú vững chãi không kém gì nhà. Nhanh chân hơn chúng tôi, những con chó chạy vào trước. Chúng lăn mình trên đất khô và cát bụi sủa những tiếng kêu mừng rỡ.

Chúng tôi cũng vui mừng không kém những con chó. Nhưng chúng tôi không lẫn lộn như chúng, chúng tôi tìm cách khác để biểu lộ nỗi vui, đồng thời cũng để làm cho khô ráo.

Thầy tôi nói:

– Ta biết chắc trong khu này thế nào cũng có lều của tiểu phu. Bây giờ tha hồ cho tuyết xuống!

Tôi cũng đặc chí nói:

– Cứ mưa nữa đi. Không cần!

Tôi ra cửa, nói cho đúng hơn là chỗ hổng của mặt lều, vì nó không có cửa vào và cửa sổ, để giữ áo và mũ cho khỏi ướt trong lều. Cái lều đó rất sơ sài về cách xây dựng cũng như về phương diện đồ đạc. Có một cái ghế dài đắp bằng đất và mấy viên đá dùng làm chỗ ngồi. Nhưng có vật này quý

284 | Dịch giả: Hà Mai Anh

giá hơn cả là năm, sáu viên gạch xếp đứng trong góc lều thành một cái bếp.

Đốt lửa! Chúng tôi có thể đốt lửa được rồi. Muốn đốt lửa có một cái bếp cũng chưa đủ, cần phải có củi nữa mới được,

Ở trong một cái nhà như nhà chúng tôi đang ở, vấn đề củi không khó khăn gì. Chỉ có việc rút ở vách hay ở mái ra mỗi nơi một cái cho đều để khỏi xiêu vẹo trống trải.

Chúng tôi bắt tay vào việc luôn, nên trong giây lát đã có một ngọn lửa hồng tỏa trên bếp, nổ những tiếng lẹt đẹt vui tai.

Ôi! Ngọn lửa đẹp biết bao! Ấm biết bao!

Bếp không có ống thông hơi, khói xanh tỏa đầy nhà. Nhưng chúng tôi không cần chi, miễn là có ánh sáng, có khí ấm.

Trong khi đang chống hai tay xuống đất thổi lửa, những con chó ngồi chồm hổm chung quanh lò, cổ vươn ra, bụng ưỡn lạnh ghé gần vào tia lửa.

Con Hảo Tâm cũng vạch áo chủ, cẩn thận thò mũi ra xem đấy là chỗ nào. Nhận xét kỹ địa điểm rồi, nó mới nhảy xuống tìm một chỗ tối nhất bên cạnh lò, ngồi giờ hai bàn tay run run ra lửa.

Bấy giờ chúng tôi yên tâm không chết rét nữa. Nhưng còn vấn đề đói chưa được giải quyết. Trong lều, không có hũ bánh không có lò hấp, không có chảo thơm.

Nhưng thấy tôi là người dày kinh nghiệm và biết lo xa nên sáng nay, lúc tôi chưa dậy đã mò đi mua thức ăn đường: một ổ bánh mì và một miếng pho mát. Lúc này không phải là lúc tỏ ra khó tính, vì thế khi nhìn thấy bánh mì mắt mọi người đều lộ ra một tia mừng. Nhưng buồn thay phần bánh ít ỏi quá. Thấy tôi chỉ đem chia có một nửa ổ bánh thôi.

Thầy tôi nói:

– Ta không biết rõ đường đi, vì thế không biết từ đây đến Troyes, có hàng quán nào không. Lại nữa, ta không biết phải qua rừng này,

chỉ biết rằng miền này có nhiều rừng liên tiếp nhau: rừng Chaource, rừng Rumilly, rừng Ôthe, rừng Aumont. Có thể ta còn cách xa chỗ dân cư. Và cũng có thể ta phải giam ở lều này nhiều bữa. Vì thế phải giữ lại chút lương thực.

Đó là những lý do mà tôi nghe ra ngay vì trong thời gian thấy tôi bị giam và khi rời Tu-lu tôi đã phải ăn dè quen rồi. Nhưng những con chó không chịu, khi chúng nhìn thấy nửa bánh còn lại bỏ vào túi, chúng chìa chân ra xin hay gãi vào đầu gối chủ ra hiệu còn đói bụng.

Những kêu xin và vuốt ve đó vô ích. Túi của chủ vẫn thắt chặt.

Tuy nhiên, bữa ăn thanh bạch đó cũng làm cho chúng tôi lại sức phần nào. Chúng tôi được chỗ trú tốt, được sưởi ấm, chỉ còn việc đợi cho ngót tuyết. Ở trong lều đó, tôi không lo ngại gì: hơn nữa tôi nghĩ cũng không phải bị giam ở đây lâu như thầy tôi đã nói cốt để giữ chút lương thực lại, vì không thể nào tuyết cứ xuống mãi được. Tuy nhiên không có điểm gì báo là mưa sẽ tạnh cả.

Qua cửa lều, tôi nhìn thấy những hạt tuyết xuống nhanh và dày.

Vì không có gió, nó rơi thẳng, hạt này đè lên hạt khác, không ngừng.

Người ta không nhìn thấy trời đâu cả. Ánh sáng đáng lẽ ở trên cao rọi xuống thì tầng này lại từ dưới đất hắt lên, nghĩa là từ những lớp tuyết phủ trên mặt đất.

Tôi nhìn những con chó nằm quanh lửa: con thì cuộn tròn, con thì nằm nghiêng, Lãnh Nhi vùi mõm vào tro đang ngủ.

Tôi cũng muốn bắt chước chúng. Sáng nay tôi dậy sớm quá, bây giờ cũng nên chu du trong giấc mộng để tìm thuyền Thiên Nga, còn hơn là ngồi nhìn tuyết rơi.

Tôi không rõ tôi đã ngủ được bao lâu rồi. Lúc tôi dậy thì tuyết đã tạnh. Tôi nhìn ra ngoài. Lớp tuyết trước lều lên đã cao. Nếu ra đi lúc đó thì tôi phải lội quá đầu gối.

Mấy giờ rồi?

Tôi không dám hỏi thầy tôi. Mấy tháng gần đây, số tiền thu được không đủ bù lại những khoản phí tổn trong thời bị cáo vì ngồi tù. Thầy tôi túng đến nỗi khi qua Dijon, đã phải bán cái đồng hồ bạc to tướng của thầy tôi — mà con Lãnh Nhi vẫn đọc giờ — để mua áo da cừu cho tôi và sắm một vài thứ cần dùng. Như thế tôi chỉ có thể hỏi trời thay cho đồng hồ thôi. Nhưng trông ra chẳng đoán được là giờ giấc nào vì dưới đất một giải trắng xóa, trong không, sương tỏa đen ngòm, trên một ánh sáng lơ mờ vẫn lên những màu vàng úa.

Tất cả những hiện trạng đó không thể cho ta biết được là mấy giờ. Những tai cũng không biết gì hơn mắt. Bốn bề lặng ngắt. Cảnh đêm cũng không đến nỗi im bật như cảnh ngày hôm đó.

Tuyết đã làm tê liệt mọi cử động. Tuyết đã hóa mọi thứ thành đá. Thỉnh thoảng có một tiếng động tắt ngay, người ta khó nghe thấy. Đó là một cảnh thông lung lay trước gió, chùm tuyết nặng giúi đầu nó xuống đất. Khi cảnh bị uốn găng quá, chùm tuyết phải tuột xuống, cành lá xanh đen

được tự do, bật mạnh lên, quệt vào bộ áo tuyết của những cây bên cạnh làm cho rách thủng. Vì thế trông xa người ta thấy lỗ chỗ những hồng đen ở tấm áo khoác trinh bạch của nhiều cây.

Tôi đứng ở cửa lều mãi nhìn cảnh lạ đó thì có tiếng thầy tôi gọi:

– Con muốn đi bây giờ phải không?

– Con không biết. Tùy thầy.

– Theo ý ta, ở lại thì hơn, ít nhất chúng ta cũng có chỗ ẩn và có lửa.

Tôi nghĩ chỉ còn thiếu một thứ nữa là bánh mì nhưng không dám nói ra.

Thầy tôi nói tiếp:

– Ta chắc tuyết xuống chưa hết. Không nên phiêu lưu quá sợ không tìm được nhà trọ. Và ở giữa bãi tuyết ban đêm thì rét không chịu được. Ở đây còn có cái lợi là chân không bị ướt.

Thầy tôi không nói gì đến vấn đề ăn. Tuy nhiên, nếu đi ngay bây giờ thì đến chiều không

biết có gặp được chỗ trú không. Hơn nữa lớp tuyết vừa xuống đường chưa rắn chắc phải lội thì khổ lắm.

Vậy phải thắt bụng mà ở lại lều, có thể thôi.

Đến bữa ăn thầy tôi đem nửa ổ bánh chia làm sáu. Chúng tôi phải bẻ thành những miếng rất nhỏ ăn cho được lâu. Khi ăn xong, tôi tưởng các con chó lại giở trò đòi ăn như bữa sáng, vì trông chúng còn thòm thèm lắm. Nhưng không phải thế, và một lần nữa tôi lại được dịp nhận xét cái thông minh của chúng.

Thầy tôi bỏ dao díp vào túi quần, thế là xong bữa ăn. Lãnh Nhi đứng dậy, lấy đầu ra hiệu cho hai bạn nó rồi lại ngửi cái túi vẫn đựng bánh và lấy chân nắn ngoài túi. Sau khi đã kiểm soát xong, nó biết là không còn gì, nó về cạnh lò lửa ra hiệu cho hai bạn nó lần nữa rồi nằm xuống thở dài:

– Không còn gì nữa, đòi cũng vô ích!

Điều bộ nó đã nói rõ hơn là lời nói. Các bạn nó hiểu lời nói đó, cũng cùng nhau lại nằm bên lửa. Tuy vậy, con Hiệp Nhi vẫn hậm hực vì nó

vốn có tính háu ăn, nên thấy khó chịu hơn là hai con kia.

Tuyết lại đổ xuống đã lâu. Mỗi giờ lớp tuyết lại dày thêm khác nào một lớp nước triều bạc dâng lên sắp trùn hết các chồi cây non.

Ăn xong chúng tôi trông ra ngoài lều, thì màn đen đã xuống.

Đêm cũng không cản được tuyết, từ trên trời cứ rơi xuống từng cuộn lớn xuống mặt đất trắng ngân.

Vì chúng tôi phải ngủ lại ở đây, thì tốt hơn hết là đi ngủ sớm.

Chiếc áo da cừu của tôi ban ngày sấy đã khô. Tôi mặc vào và cũng theo mấy con chó nằm dài bên lò lửa, đầu gối vào một viên đá nhẵn.

Thầy tôi bảo:

– Bây giờ con đi ngủ đi. Lát nữa đến phiên ta ngủ, ta sẽ gọi con dậy, ở lều này ta không sợ người hay vật đến hại nhưng ta phải giữ luôn luôn cho lửa khỏi tắt, vì khi tuyết rơi thì trời giá lạnh lắm.

Không để thầy tôi giục đến lần thứ hai, tôi đi ngủ ngay.

Khi thầy tôi đánh thức tôi thì lúc đó đêm đã khuya lắm rồi. Tuyết không xuống nữa và lửa của chúng tôi vẫn còn.

Thầy tôi bảo:

– Bây giờ đến lượt ta ngủ. Con chỉ có việc thỉnh thoảng bỏ thêm củ vào lò. Ta đã lấy sẵn một đồng củ để kia.

Thực vậy, một đồng củ lớn đã xếp ở cạnh lò. Thấy tôi rất tỉnh ngủ, sợ tôi rút củ ở vách làm động chằng nên đã chuẩn bị củ cho tôi dùng.

Đó là một sự cẩn thận rất hay, nhưng than ôi! Nó đã không đem lại những kết quả mà thầy tôi mong muốn.

Thấy tôi đã dậy và nhận việc rồi, thầy tôi áp con Hảo Tâm vào ngực; trùm chăn nằm cạnh lò lửa. Một lát, những tiếng thở to và đều báo cho tôi biết là thầy tôi đã ngủ. Tôi liền đứng dậy, rón rén ra cửa lều, nhìn ra ngoài.

Tuyết đã vùi lấp tất cả: cỏ, bụi gai, cây non, cây lớn. Đưa mắt nhìn xa, tôi chỉ trông thấy một lớp tuyết mấp mô, trắng xóa.

Trên trời, những ngôi sao lấp lánh. Dưới đất ánh tuyết xanh xanh chiếu lên cảnh vật. Bên ngoài, trời lạnh cóng, thỉnh thoảng lại đưa vào lều một ngọn gió cắt da. Trong bầu không khí buồn lặng ban đêm, người ta chỉ nghe thấy đó đây những tiếng nứt trên mặt tuyết đông.

Chúng tôi thật may mắn và sung sướng được gặp túp lều này, nếu không, bơ vơ giữa rừng chúng tôi sẽ trở nên thế nào trong cơn bão tuyết với cái rét thấu xương?

Tôi đã có ý, bước rất khế thế mà cũng làm thức những con chó. Hiệp Nhi theo tôi ra cửa. Vì nó không biết ngấm ánh tuyết ban đêm như tôi nên chóng chán và muốn chạy ra.

Tôi lấy tay vẩy nó vào. Không biết nó nghĩ thế nào mà lại muốn ra ngoài chơi trong lúc đêm lạnh này nằm ở bên lò lửa chả hay hơn sao? Nó tuân lời, nhưng cứ ngồi hếch mõm trông ra ngoài như muốn bảo thủ ý kiến.

Tôi còn đứng ở cửa một hồi lâu nữa để ngắm tuyết mặc đầu cảnh đó gây cho tôi một nỗi buồn xa xăm và làm cho tôi muốn khóc, tôi cứ thích đứng lặng ở đó.

Sau cùng tôi trở vào đóng lửa, bỏ thêm mấy thanh củi gác treo lên nhau rồi tôi ngồi lên hòn đá đã dùng để gói đầu.

Thấy tôi ngủ yên. Những con chó và con Hảo Tâm cũng ngủ cả. Lò lửa được tiếp củi thêm bốc lên những ngọn lửa vàng đẹp và cao, phát ra những tia lách tách khua tan khí yên lặng trong lều.

Tôi nhìn những tia lửa đó thích lắm. Nhưng dần dần tôi thấy mỗi một rồi tê mê không biết gì,

Nếu tôi phải kiểm củi bỏ lò thì tôi phải đứng dậy đi quanh nhà luôn, tôi sẽ tỉnh táo. Nhưng đằng này chỉ có việc ngồi và thò tay ra bốc củi, nên tôi mơ màng dần đi, cứ tưởng mình thức nhưng rồi ngủ lại lúc nào không biết.

Chợt một tiếng sủa dữ dội làm tôi giật mình tỉnh dậy. Tối đen như mực. Có lẽ tôi đã ngủ được

một giấc dài, vì lò lửa đã tắt, không còn chút ánh sáng nào.

Tiếng sữa vẫn tiếp tục: Đó là tiếng con Lãnh Nhi. Có điều lạ là không thấy tiếng hai con Thủy, Hiệp đáp lại.

Thầy tôi cũng trở dậy, hỏi:

- Cái gì thế? Có việc gì xảy ra?
- Con không biết.
- Con đã ngủ và lửa tắt cả.

Lãnh Nhi chạy ra cửa và cứ đứng đó sữa ran. Câu hỏi của thầy tôi, tôi nhắc lại để tự hỏi tôi:

- Có việc gì xảy ra?

Có hai ba tiếng kêu bi thảm đáp lại. Tôi nhận ra tiếng con Thùy Nhi. Tiếng đó ở sau lều không xa lắm.

Tôi chực chạy ra, thầy tôi kéo lại và bảo:

- Cho củi vào lò đã.

Trong khi tôi nhóm lửa, thầy tôi tìm một thanh củi chưa tắt thối lên cho đỏ. Rồi thầy tôi cầm thanh củi đỏ mà bảo tôi:

– Chúng ta ra xem. Con đi sau ta. Lãnh Nhi! Đi trước đi!

Khi chúng tôi đang ra, một tiếng kêu dữ dội phát ra như xé bầu không khí yên lặng. Con Lãnh Nhi chùn lại, chui vào chân chúng tôi, sợ hãi.

Thầy tôi bảo:

– Chó sói đấy! Hiệp Nhi đâu? Thùy Nhi đâu? Tôi không biết trả lời thế nào. Có lẽ trong khi tôi ngủ quên đi, Hiệp Nhi cố tình thực hiện ý muốn của nó mà tôi đã cấm, và con Thùy Nhi cũng theo bạn nó.

Chó sói đã tha chúng đi rồi chẳng?

Giọng nói của thầy tôi đã tiết lộ sự lo sợ đó. Thầy tôi bảo tôi:

– Vào lấy một que củi đỏ. Chúng ta đi cứu hai con chó.

Ngày còn ở làng, tôi thường nghe thấy người ta kể những chuyện ghê gớm về chó sói. Nhưng tôi không ngần ngại. Tôi lấy que củi và đi theo thầy tôi. Nhưng khi ra đến rừng, chúng tôi không thấy Thùy, Hiệp Nhi mà cũng không trông thấy chó sói. Chúng tôi chỉ trông thấy trên tuyết những vết chân của hai con chó.

Chúng tôi theo vết chân đó đi: những vết chân đó đi chung quanh lều, rồi trong một chỗ tối gần đó có nhiều vết lõm sâu xuống như là những vết lặn lộn.

Thầy tôi bảo Lãnh Nhi:

– Lãnh Nhi! Tìm đi! Tìm đi!

Và thầy tôi cũng huýt còi gọi chúng. Nhưng bốn bề vắng ngắt không có một tiếng sủa trả lời thầy tôi và con Lãnh Nhi đáng lẽ phải theo lệnh đi tìm, nhưng nó cứ nép vào chân chúng tôi, vẻ hãi hùng, tuy nó là con chó vâng lời và can đảm hơn cả.

Ánh phản chiếu của tuyết không đủ sáng để chúng tôi theo dõi vết tích. Nhìn xa một chút là mắt tôi đã lòa trong bóng tối.

298 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Thầy tôi lại huyết còi, lại gọi to:

– Hiệp Nhi! Thù Nhi!

Chúng tôi lắng tai nghe. Vẫn im lặng. Lòng tôi se lại.

Tội nghiệp cho Hiệp Nhi! Tội nghiệp cho Thù Nhi!

Thầy tôi kết thúc:

– Chó sói đã bắt chúng rồi. Tại sao con lại để cho chúng ra?

Không biết trả lời thế nào, tôi chỉ nói:

– Để con đi tìm.

Tôi chạy lên, thầy tôi giữ tôi lại và hỏi:

– Con định tìm chúng ở đâu?

– Con chưa biết, con đi tìm mọi chỗ.

– Tối thế này thì biết lối nào mà mò? Và phải lợi tuyết!

Thực vậy, việc tìm không phải dễ. Tuyết ngập

gần đến đầu gối. Chúng tôi lại chỉ có hai cái que lửa thì soi làm sao mà đi được.

Thầy tôi nói tiếp:

– Nếu chúng không trả lời ta, tức là chúng đã... ở xa. Và chúng ta cũng không nên mạo hiểm, chó sói có thể hại được chúng ta vì trong tay chúng ta không có khí giới gì.

Đau đớn thay phải bỏ hai con chó đó, hai bạn thân của tôi. Tôi hối hận vô cùng, tôi phải chịu cái trách nhiệm về lỗi của chúng. Nếu tôi không ngủ quên thì đâu đến nỗi này!

Thầy tôi trở về lều. Tôi đi sau. Mỗi bước, tôi lại quay lại nhìn đằng sau tôi và đứng lại nghe ngóng, nhưng mắt tôi chỉ nhìn thấy tuyết trắng, tai tôi chỉ nghe thấy tiếng tuyết nứt nẻ.

Về đến lều, một việc lạ nữa đã đợi chúng tôi. Trong khi chúng tôi đi vắng, những cành cây tôi đã bỏ vào lò cháy to và sáng rực cả lều. Tôi không nhìn thấy Hảo Tâm đâu cả. Chăn nó đắp còn y nguyên bên cạnh lò, nhưng thấy bẹp xuống, biết rằng nó không ở trong chăn.

Tôi gọi nó. Thấy tôi cũng gọi nhưng chẳng thấy nó đâu.

Thấy tôi nói khi thấy tôi dậy thì nó vẫn còn nằm nguyên. Đúng là lúc chúng tôi ra ngoài thì nó đi mất.

Hay nó đã theo chân chúng tôi?

Chúng tôi lấy một nắm củi cành đang cháy ra cửa, củi xuống soi trên tuyết xem có dấu vết gì của Hảo Tâm hay không.

Chúng tôi không thấy gì cả. Đã hay rằng chúng tôi và con Lãnh Nhi đi đi lại lại có thể dẫm lên vết tích của Hảo Tâm, nhưng dù sao cũng không thể xóa hết được dấu chân của Hảo Tâm.

Như vậy thì nó không hề ra cửa.

Chúng tôi trở vào xem nó nấp trong vách củi không.

Chúng tôi tìm kiếm khá lâu: chúng tôi đi tìm lại một chỗ đến mười lần; thấy tôi lại kiệu tôi lên vai để khám phá cả những cành cây khô dùng làm mái lều.

Thỉnh thoảng chúng tôi lại dừng lại để gọi nhưng vẫn chẳng thấy gì.

Thầy tôi tỏ ra buồn rầu, tôi cũng thất vọng. Khốn nạn cho con Hảo Tâm!

Tôi hỏi thầy tôi:

– Chó sói có thể bắt nó chăng?

Thầy tôi trả lời:

– Không, những con chó sói không dám vào chỗ có ánh sáng. Chúng có thể về hai con chó của ta vì những con ấy ra ngoài, chứ không xông vào đây đâu. Chắc con Hảo Tâm sợ, đi nấp chỗ nào trong khi ta ra ngoài. Chính vì lẽ đó ta buồn, trong thời tiết này, nó dễ nhiễm lạnh và cái lạnh rất nguy hại cho nó, chúng ta cố tìm đi.

Chúng tôi lại tìm, nhưng lần này cũng như lần trước, chẳng lượm được kết quả gì. Thầy tôi bảo:

– Đành để đến sáng vậy.

– Độ mấy giờ nữa?

– Độ hai hay ba giờ nữa, ta phỏng chừng thế.

Rồi thấy tôi ngồi, hai bàn tay ôm lấy đầu.

Tôi không dám làm rối thầy tôi. Tôi ngồi im bên cạnh, thỉnh thoảng sẽ cầm cành củi bỏ vào lò. Thỉnh thoảng thấy tôi lại đứng dậy ra cửa, nhìn lên trời và nghiêng mình ra nghe. Rồi lại trở về chỗ. Giá thấy tôi mắng tôi thì tôi còn dễ chịu hơn là trông thấy thầy tôi râu rĩ và im lìm.

Thời gian ba giờ mà thầy tôi nói đi chậm đến phát bực người, tưởng chừng như đêm kéo dài không bao giờ hết.

Nhưng rồi những sao cũng xanh dần, và trời bắt đầu trắng ra. Bình Minh đến. Sáng rồi. Gió ban mai sao mà lạnh thế!

Nếu chúng tôi tìm được Hảo Tâm, không biết nó còn sống không? Biết đâu trời sáng lại không kéo cả tuyết đến, thì làm thế nào để tìm con Hảo Tâm?

May sao tuyết không kéo đến. Đáng lẽ âm thầm như hôm qua, bầu trời hôm nay nhuộm một ánh hồng báo một ngày tươi đẹp.

Đợi cho sáng rõ, chúng tôi đi tìm. Thấy tôi cầm một cái gậy lớn. Tôi cũng vác một cái không kém, Lãnh Nhi bây giờ không co ro sợ sệt như ban đêm, hai mắt nó nhìn chủ và đợi lệnh.

Chúng tôi đang cúi tìm vết chân của Hảo Tâm ở dưới đất, Lãnh Nhi ngừng đầu và sủa lên những tiếng vui vẻ có ý bảo chúng tôi nên tìm ở trên không chứ kiếm ở dưới đất thì uổng.

Chúng tôi liền nhìn lên mái lều, nhiều chỗ tuyết đã lún xuống để lộ một cành cây lớn chắm mái lều.

Chúng tôi theo cành đó của cây sồi đâm sang, nhìn lên ngọn cây thấy ở một cái chạc có bóng một vật màu nâu sẫm. Đó là Hảo Tâm. Chúng tôi hiểu ngay: đêm qua nghe tiếng chó sói và chó nhà sủa vang, đáng lẽ phải nằm yên cạnh lửa, nó sợ quá lại thấy trong nhà đi vắng cả, liền nhảy tót lên mái lều, chuyển sang cây sồi, leo lên ngọn nấp

cho được chắc chắn, chủ gọi cũng không xuống nữa. Con vật khốn nạn phải bữa rét cồng.

Thầy tôi ngọt ngào gọi nó! Nó không động đậy, cứng đờ như chết. Thầy tôi gọi mãi đến mười phút mà nó vẫn không tỏ ra dấu hiệu gì là sống cả.

Tôi muốn chuộc lại cái lỗi đã sơ khoáng ban đêm liền bảo thầy tôi:

- Thầy để con trèo lên ôm nó xuống.
- Ngã thì khốn!
- Không nguy hiểm đâu, thầy ạ.

Thực ra rất nguy hiểm. Cây đã cao lại to, thân và cành đều trát tuyết, rất khó trèo. May sao, từ thuở nhỏ tôi đã biết trèo cây và cái khoa trèo của tôi đã từng nổi tiếng là giỏi hơn mèo.

Tôi dùng mấy cành nhỏ ở dưới làm bậc leo lên, Tay bám làm tuyết rơi cả vào mắt hóa mờ. Thầy tôi đỡ tôi lên cho đến chạc thứ nhất. Từ đó trở lên trèo dễ hơn, tôi chỉ phải chú ý cho khỏi trượt.

Tôi vừa leo vừa ngửa mặt lên nói ngọt với Hảo Tâm. Nó không nhúc nhích nhưng hai mắt vẫn trừng trừng nhìn tôi. Tôi đến gần chỗ nó, vừa giờ hai tay ra bắt thì nó đã nhảy sang cành khác.

Tôi lại leo sang cành này nhưng, người lớn hay trẻ ranh dù tài giỏi đến đâu cũng vẫn kém xa giống khỉ về môn trèo cây. Vì thế tôi sẽ không thể nào với được nó nếu cành cây không có tuyết. Vì tuyết làm ướt tay chân nó, sức chạy của nó cũng chóng mệt và giảm đi một phần nào. Lúc đó nó dò cành này sang cành khác rồi nhảy phắt xuống vai thầy tôi và chui vào trong vạt áo.

Bắt được Hảo Tâm đã vất vả nhưng nào đã hết đâu. Chúng tôi còn phải tìm hai con chó nữa.

Chúng tôi đi vài bước nữa đến chỗ tìm đêm qua. Bây giờ sáng sủa, chúng tôi dễ nhận những điều đã xảy ra. Tuyết còn in sâu vết tích về cái chết của hai con chó.

Chúng đã ra ngoài lều, con trước, con sau, đi vòng ra phía sau, còn để vết chân trên một quãng dài hơn 20 mét. Rồi những vết này biến mất trong đám tuyết bới lộn. Chỗ đó người ta nhìn thấy nhiều dấu vết khác: một bên là những vết nhảy dài của những con sói sang chỗ hai con chó một bên là những vết tỏ ra rằng những con sói đã cắn chết những con chó mà tha đi. Những vết máu đào còn loang lổ trên tuyết.

Chúng tôi đành lộn lại. Hai con chó đã bị giống sói cắn chết và tha vào rừng rậm rồi. Bây giờ chúng tôi cần săn sóc và sưởi cho Hảo Tâm. Chúng tôi vào lều. Khi thấy tôi cầm tay chân Hảo Tâm sưởi trên lửa như chăm chút cho con thơ, tôi đem hơi chăn của nó cho ấm. Rồi chúng tôi cuộn vào mình nó. Giá lại có giường êm và đồ uống nóng thì con Hảo Tâm cũng bớt mệt, nhưng ở lều này thì tìm đâu ra. May mà có lửa cũng cấp cứu được phần nào.

Thầy tôi và tôi ngồi chung quanh lò lửa, chẳng ai nói câu gì, im lặng nhìn lửa cháy. Chúng tôi tuy không dùng lời nói, không dùng đến con mắt nhưng cũng biểu lộ được lòng đau xót của chúng tôi lúc đó.

« Thương thay cho Hiệp Nhi! Cho Thùy Nhi! Những bạn thân mến của ta! » Đó là lời của chúng tôi đang lẩm nhẩm nếu không ít ra cũng là tiếng nói của lòng chúng tôi.

Thực vậy, chúng đã làm bầu làm bạn với chúng tôi, lúc vui cũng như lúc buồn đều có nhau. Đối với tôi, trong những ngày bơ vơ và hoạn nạn, chúng đã là nguồn an ủi cho tôi. Không những coi chúng là bạn, tôi còn thương chúng như em tôi nữa.

Nay vì tôi mà chúng đã thiệt mạng!

Tôi không thể nào chối cãi được: nếu tôi để ý coi chúng, nếu tôi không ngủ, chúng sẽ không ra

ngoài. Chó sói đầu có đến cũng phải đứng xa vì e sợ ánh lửa.

Tôi chỉ muốn thầy tôi mắng tôi, đánh cho tôi một trận thì mới hả dạ. Nhưng thầy tôi chẳng nói năng gì, và cũng không hề nhìn tôi. Thầy tôi ngồi rũ bên cạnh lò lửa, chắc hẳn trong lòng đang nghĩ về ngày mai. Thiếu chúng, chúng tôi diễn trò làm sao?

Chúng tôi sống làm sao được?

CHƯƠNG XV

NGÀI HẢO TÂM

Hứa hẹn của bình minh đã thực hiện. Mặt trời chói lọi trên nền trời cao thăm không một vẩn mây. Những tia sáng rọi xuống tuyết trắng phản chiếu lại thành ánh xanh xanh. Những giải rừng âm đạm hôm qua, bây giờ vàng rực đến chói mắt.

Thỉnh thoảng thấy tôi lại luồn tay xuống dưới chân để sờ Hảo Tâm. Thân thể nó vẫn lạnh vì tôi nghe có tiếng rên. Thì ra chúng tôi làm sao sưởi ấm được máu ở trong huyết quản của nó đã bị nhiễm lạnh.

Thấy tôi đứng dậy bảo tôi:

– Nếu ta không tìm vào làng ngay thì con Hảo Tâm chết ở đây mất. Cố sao cho nó khỏi chết đường. Chúng ta đi đi!

Chiếc chăn lại hơi nóng. Thấy tôi quấn cho nó và ấp nó vào bên ngực. Chúng tôi chuẩn bị xong.

Thấy tôi nói giọng run run:

– Đây là một cái quán trọ nó đã bắt ta trả đắt quá!

Nói xong, thấy tôi ra trước, tôi theo sau. Tôi phải gọi con Lãnh Nhi vì nó cứ nằm lì ở hè quay mồm về chỗ hai bạn hôm qua.

Mười phút sau, chúng tôi ra đến đường cái. Chúng tôi gặp một cái xe bò, người đánh xe cho chúng tôi biết đi bộ một giờ nữa thì đến làng. Lời đó làm cho chúng tôi phấn khởi. Nhưng đi rất khó khăn và vất vả vì tôi phải lội tuyết đến trên đầu gối.

Thỉnh thoảng tôi lại hỏi thăm bệnh Hảo Tâm, thấy tôi bảo nó vẫn run run bên ngực thấy tôi.

Sau cùng, ở dưới chân đồi hiện ra những mái nhà trắng của một làng khá to. Cố gắng chút nữa thì chúng tôi tới nơi.

Chúng tôi không quen vào những quán trọ lớn, bề ngoài đồ sộ hứa hẹn những phòng ngủ tốt và những bữa ăn ngon. Trái lại chúng tôi thường dùng chân ở đầu làng hay ở ngoại châu thành để tìm những nhà trọ bình dân, ở đó người ta không hất hủi và bóc lột chúng tôi.

Nhưng lần này không thể, đáng lẽ nghỉ ngay ở đầu làng, thầy tôi đi thẳng đến một khách sạn ngoài cửa treo một tấm biển vàng. Nhìn qua cửa bếp mở rộng người ta trông thấy một bàn đầy thịt và ở trên bếp rộng có nhiều cái chảo đồng sáng loáng đang xèo xèo vui tai và đưa lên trên trần những đám hơi xanh. Từ ngoài phố, người ta đã ngửi thấy mùi thơm của súp béo, khai vị cho những dạ dày lép xẹp của chúng tôi.

Thầy tôi lấy bộ nghiêm trang, vào trong bếp, mũ trên đầu, mặt hơi ngửa, bảo người chủ tiệm dành cho một phòng tốt có lò sưởi.

Người chủ tiệm trong có vẻ miễn tiện, thoát đầu hạ cổ nhìn chúng tôi rồi như có ý ngần ngại, nhưng cái phong độ của thầy tôi đã làm cho chủ

312 | Dịch giả: Hà Mai Anh

tiệm phải kính. Rồi người đẩy tớ gái được lệnh đưa chúng tôi nhận buồng.

Khi người đẩy tớ gái nhóm lò sưởi, thầy tôi bảo tôi:

– Con lên giường ngủ đi.

Tôi sững người, ngạc nhiên: sao lại đi ngủ? Tôi muốn ngồi vào bàn hơn là lên giường.

– Nhanh lên, con!

Tôi phải vâng lời.

Trên giường có một cái chăn. Thầy tôi kéo đắp cho tôi đến cằm, và bảo tôi:

– Cố nằm cho ấm, càng ấm bao nhiêu càng tốt. Lúc đó, tôi nghĩ con Hảo Tâm cần được ủ ấm hơn tôi vì tôi không rét lắm.

Trong khi tôi nằm im trong chăn tôi làm cho cô đẩy tớ gái phải trở mắt nhìn: thầy tôi cầm con Hảo Tâm quay đi quay lại trên lửa như người muốn thui.

Lát sau thầy tôi hỏi tôi:

- Con đã thấy ấm chưa?
- Thưa thầy, con ngọt cả người!
- Tốt lắm! Cần phải thế.

Rồi thầy tôi nhanh nhẹn lại chỗ tôi, đặt con Hảo Tâm vào trong chăn, bảo tôi ủ nó vào ngực.

Con vật khốn nạn kia ngày thường rất bướng bỉnh khi người ta bảo nó làm việc gì mà nó không thích, bây giờ nó chịu đựng được hết. Nó bám vào ngực tôi không động đậy, nó không rét nữa, nhưng mình nó nóng như lửa.

Thầy tôi xuống bếp rồi trở lên với một chén rượu vang nóng có pha đường. Thầy tôi định cho nó uống một vài thìa nhưng nó cứ cắn chặt lấy răng. Hai con mắt nó lóng lánh nhìn chúng tôi vẻ buồn rầu, như kêu xin đừng giày vò nó nữa.

Đồng thời nó thò một cánh tay ra ngoài chăn và chìa cho chúng tôi. Nó nhắc đi nhắc lại cử chỉ đó nhiều lần, tôi không hiểu sao cả.

Thầy tôi cắt nghĩa cho tôi:

– Khi con chưa gia nhập đoàn này, có một lần Hảo Tâm bị súng phỗi, người ta phải trích máu ở tay nó ra. Bây giờ nó ốm, nó lại giơ cánh tay ra để chữa cho nó khỏi như lần trước.

Thực là cảm động.

Ông Vỹ Tiên không những cảm động, ông còn lo buồn nữa.

Bệnh nó thực trầm trọng. Nó không thiết uống rượu vang là một thú mà xưa nay nó vẫn ưa thích, là sự không vừa.

Thầy tôi bảo tôi:

– Vậy con uống rượu đi. Rồi nằm nghỉ. Ta đi mời thầy thuốc cho Hảo Tâm.

Tôi xin thú thực rằng tôi vốn thêm thèm rượu vang ngọt, lại thêm đói lòng, tôi không để mời đến hai lần, tôi uống luôn một hơi rồi nằm xuống đắp chăn, men rượu làm nóng thêm, tôi suýt ngạt thở.

Thầy tôi đi không lâu. Lát sau thầy tôi về cùng một ông đeo kính gọng vàng: đó là thầy thuốc.

Sợ rằng một vị thượng lưu không muốn mất thì giờ để đi chữa bệnh cho một con vật, ông Vỹ Tiên lúc mời thầy thuốc, không dám nói rõ là chữa cho con khỉ. Vì thế, thoạt nhìn thấy tôi nằm trong chăn, mặt đỏ như quả bồ quân chín muồi, thầy thuốc liền đến sờ trán tôi và nói:

– Sung huyết.

Và ông lắc đầu ngụ ý bệnh khó chữa.

Nếu tôi không cải chính ngay, sợ ông ta trích huyết tôi, tôi liền nói:

– Thưa ông, tôi không ốm.

– Thế nào? Đứa trẻ này không ốm? Nó nói mê.

Không trả lời, tôi lật chăn ra và trở vào con Hảo Tâm nó đang quàng tay vào cổ tôi, và nói:

– Chính con này ốm.

Ông thầy thuốc lùi lại hai bước và hất hàm hỏi thầy tôi:

– Một con khi? Thế nào? Vì một con khi mà ông làm phiền tôi, phải đi trong lúc giá rét này?

Ông ấy tức giận quay ra. Thầy tôi vốn là người khéo nói và có tính bình tĩnh. Với lễ độ và bằng bộ kẻ cả, thầy tôi làm cho ông thầy thuốc không ra được. Thầy tôi trình bày cảnh ngộ: chúng tôi gặp bão tuyết làm sao, con Hảo Tâm sợ chó sói trốn lên cây và nhiễm lạnh thế nào.

Thầy tôi nói tiếp:

– Thực vậy, con bệnh chỉ là một con khi, nhưng một con khi rất khôn. Nó không phải là con vật giúp việc mà là bạn của chúng tôi. Giao một kịch sĩ đại tài như nó cho một ông lang vườn ở làng thì coi sao được. Mọi người đều biết các ông lang vườn đều dốt cả. Mọi người đều biết các vị y sĩ đều là những nhà bác học, đến nỗi mà ở một làng xa xôi hẻo lánh người ta cũng tin ở tài năng và đại độ mà lặn lội tìm đến gõ cửa các vị y sĩ. Nay, mặc dầu con khi chỉ là một loài

vật, nhưng theo các nhà thiên nhiên học thì nó gần giống người hơn cả, đến nỗi các bệnh của nó không khác gì bệnh của người. Như vậy về phương diện kỹ thuật, việc nghiên cứu những bệnh đó giống bệnh người ở chỗ nào và khác ở chỗ nào, chẳng phải là một điều bổ ích hay sao?

Cái tài tán dương của những người Ý-đại-lợi không thể chê được. Nghe bùi tai, nhà y sĩ bỏ chỗ cửa và chạy đến cạnh giường.

Khi thấy tôi thuyết thì con Hảo Tâm, có lẽ đoán ông đeo kính là thầy thuốc, nên cứ thò cánh tay nhỏ xíu của nó ra để xin trích huyết.

Thầy tôi được dịp nói tiếp:

– Đấy ngài xem, nó có thông minh không? Nó biết ngài là y sĩ nên nó chìa tay cho ngài chẩn mạch.

Thầy thuốc càng tin và nói:

– Trường hợp này cũng lạ thực!

Than ôi! Chúng tôi đau buồn biết bao khi thấy thuốc cho chúng tôi biết Hảo Tâm bị chứng sưng phổi. Thấy thuốc cầm lấy cánh tay Hảo Tâm và dùng dao nhọn trích vào tĩnh mạch, nó không hề rên rĩ chút nào, biết rằng có thể mới khỏi.

Trích xong thấy thuốc cho thuốc cao, thuốc đỏ, thuốc pha, thuốc sắc. Lẽ dĩ nhiên, tôi thành một người khán hộ bên cạnh Hảo Tâm dưới quyền điều khiển của thầy tôi.

Con Hảo Tâm đáng thương hại, nó ưa tôi săn sóc nó và thường thưởng cho tôi những nụ cười biết ơn. Cái nhìn của nó trông hệt như mắt người. Ngày thường nó khó bảo, bướng bỉnh, cứng cổ là thế, hiếu động là thế mà bây giờ nó « từ bi » và ngoan ngoãn một cách lạ lùng. Xem ra nó thích người ta vuốt ve, nâng niu nó, nó bắt cả con Lãnh Nhi thường là nạn nhân trong những trò hóm hỉnh của nó, phải chiều đãi nó.

Như một đứa con nuông, nó muốn tất cả mọi người phải ở luôn cạnh nó. Nếu ai bỏ đi thì nó giận dữ.

Bệnh của nó theo đúng bệnh thể của chúng sừng phổi, nghĩa là đến kỳ ho. Mỗi khi lên cơn, nó ôm ngực ho xù xụ, rung chuyển cả tấm thân bé nhỏ còm gầy.

Cả cơ nghiệp tôi có 5 xu. Tôi mua kẹo mạch nha cho nó ngậm. Thành ra đáng lẽ làm cho nó bớt đau, tôi lại làm bệnh nó tăng thêm.

Nó thấy mỗi khi nó ho tôi lại cho nó một viên kẹo, nó liền lợi dụng chỗ đó, giả cách ho suốt ngày được ngậm thứ thuốc mà nó rất thèm, vì thế cái vị thuốc của tôi đáng lẽ có hiệu quả lại thành ra làm cho nó ho thêm.

Khi tôi biết mưu của nó, tôi giấu kẹo đi. Nhưng nó không nản lòng: bắt đầu nó đưa mắt xin tôi, thấy vô hiệu, nó liền ngồi dậy, cúi gập mình xuống, một tay ôm bụng, nó rặn ho ra, mắt nó đỏ bừng, gân trán nổi lên, nước mắt nước mũi ràn rụa. Cuối cùng nó lử ra không phải là để đóng kịch mà chính là nó hết hơi.

Thầy tôi có tính đã nghĩ việc gì thì âm thầm làm, không bao giờ nói cho tôi biết. Cũng là một

sự ngẫu nhiên mà tôi biết đã bán cái đồng hồ quý để sắm áo cừu cho tôi. Nhưng trong tình trạng khẩn trương này, thầy tôi đã phá lệ đó.

Một buổi sáng, sau bữa ăn, trong lúc tôi đang ngồi trông con Hảo Tâm thì thầy tôi bảo tôi rằng chủ tiệm vừa đòi tiền ăn tiền trọ, thầy tôi đã trả cả, nay trong túi chỉ có 5 phật lạng thôi.

– Tính sao bây giờ?

Cố nhiên tôi không biết trả lời thế nào về vấn đề đói. Thầy tôi đã nghĩ được cách giải quyết là phải đi diễn trò ngay buổi chiều.

Một cuộc diễn không có Hiệp Nhi, Thùy Nhi và Hảo Tâm tôi nghĩ không sao thành được.

Nhưng chúng tôi không chịu ngừng bước trước sự khó khăn. Dù đến thế nào cũng phải chữa cho con Hảo Tâm khỏi bệnh. Tiền thầy, tiền thuốc, tiền buồng, tiền than, thôi thúc chúng tôi phải kiếm sao cho được 40 phật lạng để trả chủ tiệm vì họ có người thấy hơi tiền thì mới cho chúng tôi ở chịu.

Kiểm 40 phật lăng ở làng này trong lúc rét mướt với những phương tiện hiện hữu của chúng tôi, thực là một việc cố gắng phi thường.

Tuy nhiên thấy tôi không để chậm, sửa soạn gấp để thực hiện buổi đó. Khi tôi ở nhà trông con Hảo Tâm thì thấy tôi mượn được một rạp hát ở chợ, vì trời rét quả diễn ngoài trời không tiện. Thấy tôi viết và tự đi dán những giấy quảng cáo. Thấy tôi xếp một vài tấm ván làm sân khấu và hy sinh cả 5 phật lăng để mua nến về cắt ra làm đôi để thắp nhiều ngọn cho sáng.

Nhìn qua cửa sổ buồng, tôi thấy thấy tôi đi đi lại lại trên tuyết qua cửa khách sạn nhiều lần. Tôi tự nghĩ và bản khoản không biết chương trình buổi diễn sẽ ra sao. Chợt người phu đánh trống, đầu đội một cái mũ lưỡi trai đỏ, dừng ở trước cửa khách sạn đọc to chương trình buổi diễn.

Thấy tôi đã quảng cáo một cách quá đáng như sau:

« Nào là một nghệ sĩ đại tài tức Lãnh Nhi, nào là một ca sĩ thần đồng – tức là tôi ».

Những phần đặc biệt nhất của lời rao là chủ nhân không định giá chỗ ngồi và không bán vé, tùy lượng khán giả thưởng cho sau khi đã trông, nghe và vỗ tay.

Điều này hơi táo bạo: đã chắc đâu công chúng vỗ tay? Con Lãnh Nhi thì có thể được vì nó rất hay, còn tôi, tôi có là thần đồng đâu?

Khi nghe thấy tiếng trống, con Lãnh Nhi sửa lên những tiếng vui vẻ, con Hảo Tâm cũng ngóc đầu lên, lúc đó nó đang mệt. Cả hai con biết hiệu là sắp diễn trò. Con Hảo Tâm cứ cố ngồi dậy tôi phải giữ lại. Nó lại đòi bộ áo Đại Tướng Anh quốc: áo quần đỏ viền lon vàng và mũ quan võ của nó. Đòi không được, nó chấp tay và quỳ xuống để kêu van. Khi nó biết kêu xin không ăn thua, nó ra mặt giận, rồi nó khóc.

Tôi nghĩ chiều nay rất khó giữ không cho nó ra, phải tìm cách trốn nó mới xong.

Không may, thầy tôi không biết việc nó đòi, ở đâu về bảo tôi sửa soạn đàn và những đồ cần thiết để biểu diễn.

Nghe nói, nó hiểu. Nó lại bắt đầu xin đi, lần này nó van lơn thầy tôi bằng điệu bộ bằng tiếng kêu, bằng nước mắt và những cái hôn vào bàn tay thầy tôi. Thầy tôi hỏi nó:

– Con muốn đi diễn à?

Nó đem hết sức của tấm thân dúm dó của nó và kêu những tiếng như:

– Dạ, dạ...

– Nhưng con còn ốm lắm, Tâm ạ.

Nó lại kêu như đáp lại:

– Hết ốm!

Thực cảm động đến rơi lệ khi trông thấy con vật chỉ còn hơi tàn, phải gò cổ kêu, phải vận động xác ve để ra hiệu, đứng lên, ngồi xuống khó nhọc, chỉ tha thiết đi để đền ơn chủ. Nhưng chiều nó thế nào được; cho nó đi tức là giết nó.

Đã đến giờ chúng tôi phải ra rạp. Tôi bỏ thêm những thanh củi lớn vào lò cho giữ lửa được lâu. Rồi tôi đắp chăn lại cho con Hảo Tâm. Nó khóc

thảm thiết và hôn tôi mãi không dứt. Sau cùng chúng tôi phải đi.

Chúng tôi cùng đi trên đường đầy tuyết. Thầy tôi dặn dò tôi trước những công việc phải làm.

Chúng tôi không thể diễn những trò mọi ngày được vì những vai chính thiếu cả. Nhưng chúng tôi, Lãnh Nhi và tôi, phải đem hết nghị lực ra trình bày cho được kết quả mong muốn: 40 phật lãng.

40 phật lãng! Khó lắm!

Trong rạp mọi thứ đều chuẩn bị; ông Võ Tiên chỉ còn có việc thắp nến nữa thôi, nhưng chúng tôi không dám hoang phí thắp trước khi đông đủ khán giả vì phải giữ sao cho nến không hết trước khi mãn trò.

Khi chúng tôi đã có mặt trong rạp rồi, trống cổ động còn khua lần cuối cùng trong các phố. Chúng tôi nghe thấy tiếng trống lúc gần lúc xa, tùy theo vị trí quanh co các phố trong làng.

Sau khi tôi và Lãnh Nhi đã sắm sửa áo mũ

xong, tôi ngồi vào một góc cột để nhìn các khán giả đến xem. Không bao lâu, tiếng trống về gần rập, phụ họa thêm những tiếng ồn ào. Đó là tiếng cười nói của hơn hai chục đứa trẻ đi theo sau trống đánh dịp chân. Người phu cổ động đem trống về cửa rập hai bên có treo đèn lồng và tiếp tục đánh luôn tay.

Ai muốn xem cú việc vào ngồi để đợi giờ khai mạc.

Nhưng sao mà họ đến chậm thế, mặc dầu những tiếng « tùng tùng » vui vẻ như giục giã bên tai. Rập đã có người nhưng toàn là những đứa trẻ tinh ranh trong phố. Chúng không phải là những người đem lại cho chúng tôi 40 phật lăng. Vì thế chúng tôi phải đợi những nhân vật quan trọng có túi tiền đầy và có bàn tay dễ mở.

Sau cùng, trong rập còn trống, thầy tôi nhất định mở màn vì chúng tôi không thể đợi lâu sợ thiếu nển.

Tôi phải ra trò trước tiên, vừa đánh đàn vừa hát hai ca khúc ngắn. Cho được thành thực tôi

phải thú thực rằng hát xong chỉ có một vài tiếng vỗ tay.

Không phải tôi giàu lòng tự ái như các nghệ sĩ khác, nhưng trong trường hợp này, sự lãnh đạm của khán giả làm tôi buồn lòng. Nếu tôi không làm cho khán giả thỏa ý thì túi họ không mở. Không phải vì hư danh mà tôi cố hát, chính vì con Hảo Tâm đáng thương.

Chán thay! Tôi cố hết sức làm cho họ cảm động, làm cho họ vui cười, làm cho họ say mê, nhưng tôi càng trông xuống rạp thì tôi càng thấy họ ít chú ý đến tôi, họ không nhận tôi là thần đồng.

Con Lãnh Nhi may mắn hơn. Người ta vỗ tay hoan nghênh nó nhiều lần và hoan nghênh nhiệt liệt. Cuộc diễn tiếp tục. Nhờ có Lãnh Nhi buổi hát đã chấm dứt trong những tiếng hoan hô. Người ta vỗ tay, người ta nện cả chân xuống đất nữa. Giờ quyết định vận mệnh đã đến. Trong khi ông Vỹ Tiên đánh đàn cho tôi nhảy điệu Bô Đào Nha trên sân khấu, con Lãnh Nhi ngậm cái bát gỗ đi chung quanh hàng khán giả. Nó có thu

được 40 phật lăng không? Tôi vừa nhảy vừa nghĩ thể vừa mỉm cười với khán giả bằng một dáng điệu tác dụng cho thật đáng yêu.

Tôi đã mệt nhưng cứ phải nhảy đợi cho Lãnh Nhi trở lại mới thôi. Nó không vội vàng. Tới vị nào không móc tiền cho nó, nó lấy chân vỗ vào túi và đứng ỳ ra.

Sau cùng tôi thấy nó trở lại chỗ tôi. Tôi định thôi nhảy, nhưng thấy tôi đưa mắt bảo tôi tiếp tục.

Tôi lại cố nhảy và nhìn vào bát của Lãnh Nhi thấy chưa đầy, còn thiếu nhiều.

Lúc đó thấy tôi cũng nhìn thấy số tiền thu được ít ỏi quá, liền đứng dậy nói:

– Thưa quý vị, chương trình của chúng tôi đến đây là hết. Nhưng, nể còn cháy, nếu quý vị muốn, tôi xin cống hiến quý vị một vài ca khúc. Lãnh Nhi sẽ lượn thăm quý vị lần thứ hai. Những vị nào chưa tìm thấy miệng túi khi Lãnh Nhi đi qua lần trước, lần này tắt tinh mắt hơn. Vậy xin kính bảo quý vị biết trước.

Tuy Vỹ Tiên là nhạc sư của tôi thực, nhưng tôi không thấy ông hát thật sự hay hát như buổi tối hôm đó bao giờ!

Ông chọn hai bài Tình ca mà mọi người đều biết nhưng thuở đó tôi không biết — là « Thời niên thiếu » và bài « Tình yêu ».

Ngày ấy tôi không biết phân biệt thế nào là hát hay, hay không hay, có nghệ thuật hay không nghệ thuật. Nhưng tôi nghe tiếng hát của ông đã khiến cho lòng tôi thổn thức, tôi phải lẩn vào góc rạp khóc thầm.

Qua làn nước mắt rừng rừng, tôi nhìn thấy một thiếu phụ ngồi hàng ghế nhất vỗ tay rất nhiều. Bà ta không phải là một người nhà quê như các bà ngồi bên cạnh, mà là một thiếu phụ trẻ, đẹp, cứ trông cái áo khoác bằng da rái cá của bà, tôi đoán bà vào hạng giàu có nhất làng. Bên bà là cậu bé cũng thích Lãnh Nhi lắm, có lẽ là con trai bà vì trông giống bà như đúc.

Sau bài thứ nhất, Lãnh Nhi lại bắt đầu đi quyền. Không thấy bà tả cho gì, tôi cũng hơi lạ.

Đến khi thấy tôi hát xong bài thứ hai, bà vẫy tôi đến gần.

Bà nói:

– Tôi muốn nói chuyện với thầy em.

Tôi lấy làm ngạc nhiên sao lại có một người đàn bà đẹp thế muốn nói chuyện với thầy tôi. Giá bà cứ cho ngay tiền vào bát có lẽ thú hơn. Tuy nhiên tôi phải chuyển lời yêu cầu đó đến thầy tôi. Lúc đó Lãnh Nhi cũng theo chân tôi. Lần quen thứ hai, kết quả lại kém lần trước nhiều.

Ông Võ Tiên hỏi tôi:

– Bà ấy muốn gì?

– Nói chuyện với thầy.

– Ta không có gì để nói.

– Bà ta không cho Lãnh Nhi gì. Có lẽ bà ta định cho.

– Thế thì con Lãnh Nhi phải đến chứ, ta không phải đến.

330 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Nói thế, nhưng thầy tôi cũng đến, tay dắt con Lãnh Nhi, tôi cũng theo sau,

Lúc đó, có người nữ tỳ cầm đèn lồng và một cái khăn quàng đến đón bà ta và cậu bé.

Ông Võ Tiên đến gần và cúi chào nhạt nhẽo.

Bà khách nói:

– Xin ông tha lỗi đã làm phiền ông. Tôi muốn khen ngợi ông.

Ông Võ Tiên lại cúi mình và không nói gì.

Bà khách nói tiếp:

– Tôi vốn biết về âm nhạc. Được nghe ông hát, tôi rất cảm phục. Ông thực là một ca sĩ đại tài.

Một đại tài ở thầy tôi, một người hát rong, một người làm xiếc! Tôi sùng sốt cả người.

Thầy tôi đáp:

– Đại tài gì đâu, một kẻ già lão như tôi.

Bà khách nói:

– Xin ông đừng cho rằng tôi có ý thóc mách.

– Bà không hiểu tại sao một người diễn trò rong lại hát tạm được như thế, phải không? Tôi xin nói để bà khỏi phải lạ.

– Không phải lạ, mà kinh dị!

– Một việc rất thường. Không phải từ trước đều giờ tôi vẫn thế này. Ngày trước, hồi tôi còn niên thiếu, đã lâu lắm rồi, tôi đã là... phải, đã là một người đầy tớ của một ca sĩ đại tài. Rồi tôi bắt chước như con vẹt, nhắc đi nhắc lại một vài bài mà thầy tôi đã hát có thể thôi.

Bà khách không nói gì, nhìn kỹ ông Võ Tiên làm cho ông có vẻ luống cuống:

– Thôi kính chào ông – bà khách nhấn mạnh tiếng ông – và một lần nữa xin cảm ơn ông đã cho nghe những bài rất hay và rất cảm động.

Rồi bà cúi xuống bỏ vào bát con Lãnh Nhi một đồng tiền vàng.

Tôi tưởng thấy tôi phải tiễn chân bà khách, nhưng không, sau khi bà ta đã đi khỏi, thấy tôi lẩm nhẩm mấy tiếng « rửa » bằng tiếng Ý.

Tôi nói:

– Nhưng bà ta cho Lãnh Nhi 20 đồng phạt lằng.

Tôi tưởng thấy tôi giơ tay tát tôi song lại rụt lại. Rồi như chợt tỉnh lại, sau một giấc mê, thấy tôi bảo tôi:

– Đồng 20 phạt lằng! À! Phải, phải đấy, con Hảo Tâm khốn nạn, ta quên mất. Bây giờ về thăm nó xem sao.

Rạp dọn trong nháy mắt đã xong, chúng tôi không mấy lúc đã về đến khách sạn, Tôi lên thang trước tiên và chạy ngay vào phòng. Lửa còn cháy, nhưng không lên ngọn. Tôi liền tắt đèn. Không nghe thấy tiếng Hảo Tâm đâu, tôi liền tìm.

Nó nằm sõng sượt trên chăn, mình mặc bộ lễ phục Đại tướng nước Anh, hình như đang ngủ.

Tôi cúi xuống sẽ cầm lấy tay nó khơi dậy. Bàn tay nó lạnh quá.

Lúc đó thấy tôi vào phòng. Tôi quay lại bảo thấy tôi:

– Hảo Tâm lạnh lắm, thấy ạ.

Thấy tôi cúi xuống bên tôi và kêu:

– Trời ơi! Hảo Tâm đã chết rồi! Việc này tất phải đến. Minh ơi! Con có coi thấy không? Tại ta đã chia rẽ một tình mẫu tử, rút con ở trong tay bà Mỹ Lưu ra, trời trừng phạt ta bắt con Hiệp Nhi, Thùy Nhi, nay lại đến con Hảo Tâm của ta! Mà cũng chưa hết đâu, con ạ!

CHƯƠNG XV

VÀO BA LÊ

Chúng tôi hiện còn xa Ba Lê lắm. Chúng tôi phải khởi hành, trên những con đường tuyết phủ, lặn lội từ sáng đến chiều, gió bắc hắt vào mặt mũi không lúc nào ngớt.

Những độ đường dài làm sao! Ông Vỹ Tiên đi đầu, tôi đi giữa, Lãnh Nhi theo sau. Chúng tôi đi nối đuôi nhau, cái đuôi ngắn ngủn, chẳng ai nói với ai câu nào, im lặng đi hàng giờ, mặt rét xám xanh, chân dẫm tuyết, dạ dày rỗng không. Những khách qua đường thường dừng lại nhìn chúng tôi.

Chắc họ cũng lấy làm lạ: không biết ông già đưa đứa bé và con chó đi đâu?

Sự yên lặng làm tôi buồn quá, tôi cần nói cho quên đường dài, cho khuây khỏa. Nhưng thấy tôi chỉ trả lời tôi bằng một hai tiếng cụt ngủn mà cũng chẳng thềm ngoảnh đầu lại.

May có con Lãnh Nhi, con vật nhiều tình cảm, thỉnh thoảng lấy lưỡi liếm vào tay tôi như bảo tôi rằng:

– Anh nên biết, còn có Lãnh Nhi đây là bạn của anh.

Tôi lại vừa đi vừa lấy tay xoa đầu nó. Tôi và Lãnh Nhi đều thấy phấn khởi: chúng tôi hiểu nhau và mến nhau. Nó nương tựa tôi, tôi nương tựa nó, tinh thần chúng tôi ấp ủ cho nhau vì trái tim con chó không kém phần cảm xúc bằng trái tim một đứa trẻ con.

Nhờ sự vuốt ve của tôi, con Lãnh Nhi cũng quên được cái chết của các bạn nó. Nhưng đôi khi, theo thói quen, tự nhiên nó đứng dừng lại như để duyệt lại bạn đồng đội khi nó còn làm Đội trưởng. Nhưng trong một vài giây, nó sực nhớ ra cái lý do mà bạn nó không bao giờ đến nữa, nó

liền vượt lên trước chúng tôi, quay lại nhìn chủ để chủ chứng nhận cho rằng không phải lỗi tại nó không làm hết bốn phạt. Sở dĩ Thùy Nhi, Hiệp Nhi không đến là vì không bao giờ đến nữa. Nó nhìn ông Võ Tiên bằng đôi mắt đầy ý nghĩa hơn là lời nói, khiến chúng tôi phải mỉm lòng.

Khắp đồng quê chỗ nào cũng thấy trắng xóa một màu. Mặt trời không có, chỉ có một thứ ánh sáng xanh xao. Không trông thấy nông dân hoạt động ở ngoài đồng. Không nghe thấy tiếng ngựa hí, bò kêu. Trên cành cây trơ trụi, chỉ còn mấy con quạ quàng quác kêu vì không có một chỗ đất nào có thể xuống được để kiếm mồi. Trong làng không có nhà nào mở cửa sổ, im lặng như tờ vì trời rét người ta ở cả trong nhà, bên cạnh lò lửa hay làm việc trong chuồng bò, trong vựa thóc.

Đường trơn như mỡ, chúng tôi đi thẳng trước mặt không dừng, chỉ nghỉ trong những giấc ngủ ban đêm ở các chuồng ngựa hay trại cừu. Bữa ăn chiều thường chỉ có một khoanh bánh mỏng, có khi kèm cả bữa sáng và bữa tối.

Đêm xuống, gắp một trại cừu thì sung sướng biết bao. Hơi nóng của cừu ủ cho chúng tôi đỡ rét, mùa đó là mùa cừu cái nuôi con, những người chăn cừu thường cho tôi uống sữa cừu.

Vẫn giữ giá, chúng tôi không hề tỏ ra là sắp chết đói. Ông Vỹ Tiên một người rất khôn khéo thường tán với người coi cừu rằng: « Cháu Minh thèm sữa cừu lắm vì thuở bé quen dùng sữa cừu và được uống thì nó tưởng tượng như là ở quê nhà ». Câu ngụ ngôn này không phải là lúc nào cũng có hiệu quả. Nhưng một khi có hiệu quả thì tôi thấy tôi thèm sữa cừu thực và khi được uống, tôi thấy sáng hôm sau trong người rất khoan khoái và khỏe lên.

Những cây số thêm vào những cây số. Những độ đường thêm vào những độ đường. Dần dà chúng tôi tới gần Ba Lê. Tuy rằng những cột bên đường không để rõ, nhưng tôi đoán được vì sự lưu thông thấy sẫm uất hơn và sắc tuyết trên đường cũng thấy bản hơn, không trắng ngần như ở bình nguyên Champagne.

Có điều tôi lấy làm lạ là cảnh quê không thấy đẹp hơn mà làng mạc cũng chẳng khác những miền mà chúng tôi đi qua mấy hôm trước. Đã bao lần tôi nghe nói Ba Lê có nhiều kỳ quan, óc thơ đại của tôi cứ tưởng tượng rằng những kỳ quan đó tất báo trước bằng những cái gì khác thường. Tôi không dám hỏi thầy tôi. Nhưng tôi cố đợi xem những điều kỳ diệu như cây cối bằng vàng, ngọc, lâu đài bằng đá hoa, phục sức nhung gấm lụa là, mà tôi cho là tất nhiên phải có.

Dù để hết tinh thần tìm những cây vàng ngọc, tôi cũng nhìn thấy những khách đi đường gặp chúng tôi mà chẳng để mắt tới chúng tôi, chắc hẳn họ vội vã hoặc họ quen nhìn những cảnh khổ hơn cảnh thầy trò tôi.

Tôi chẳng chắc dạ chút nào!

Chúng tôi sẽ làm gì ở Ba Lê, nhất là đang ở trong cảnh cùng khốn này?

Đó là một dấu hỏi rất buồn mà nó cứ lẩn quất trong óc tôi suốt quãng đường trường. Tôi định hỏi thầy tôi song lại thôi vì thấy thầy tôi ủ rũ và nói rất ít.

Rồi có một hôm, ông Võ Tiên thân mật ngồi cạnh tôi, trông con mắt của ông, tôi đoán sắp được thỏa mãn những điều băn khoăn trong lòng tôi.

Đó là một buổi sáng, sau khi ngủ nhờ trong một cái trại thuộc một làng to, theo chiếc biển xanh cắm ở cạnh đường thì gọi là làng Boissy, chúng tôi dậy sớm và lên đường vào lúc rạng đông. Khi đi hết địa phận làng này, đứng trên một cái dốc, chúng tôi nhìn về phía trước mặt, xa xa có một đám khói đen bay là là trên một thành phố lớn,

Tôi cố phân biệt những mái lâu đài, những gác chuông, những ngọn tháp trong đám khói đen lẫn sương mù ấy, chợt thấy tôi đi chậm lại, đợi tôi đến gần và nói như là tiếp tục câu chuyện đang bỏ dở:

– Thế là đời chúng ta thay đổi hẳn, Trong 4 giờ nữa chúng ta đến Ba Lê.

– A! Thế Ba Lê ở trước mặt kia à?

– Phải.

Chợt một tia sáng trên trời chớp xuống, tôi nhìn thấy lấp lánh như vàng. Nhất định tôi không làm. Tôi sắp được xem những cây cối bằng vàng, bằng ngọc. Thấy tôi nói tiếp:

– Tới Ba Lê thầy trò ta phải lìa nhau.

Vụt tối lại. Cây cối vàng ngọc biến hết.

Tôi quay lại nhìn thầy tôi, thầy tôi cũng nhìn tôi. Thấy sắc mặt tôi xám lại, môi tôi run run, thầy tôi biết có mối xúc động lớn trong lòng tôi, nên bảo tôi:

– Ta biết con buồn lắm. Thầy đây cũng khổ tâm.

Tôi kêu:

– Trời ơi! Thầy trò chia lìa!

– Con ơi!

Hai tiếng nói bằng giọng đầy yêu thương làm cho tôi rỏ nước mắt, vì đã lâu không được nghe những lời âu yếm đó.

Tôi kêu:

– Thầy ơi! Thầy tốt quá!

– Chính con tốt, là đứa trẻ tốt, một trái tim đảm! Con ơi! ở trong đời, nên có những lúc để tỏ những tâm tình đó, để thông cảm nhau và thương yêu nhau. Khi mà mọi việc đều hay, người ta cứ bước thẳng đường không cần nghĩ đến những kẻ đi sau. Nhưng khi mọi việc đều thất bại, khi người ta thấy đang xuống dốc, nhất là khi người ta thấy mình già yếu, nghĩa là không có tin tưởng vào ngày mai, người ta cần phải nương tựa vào những người ở chung quanh và người ta rất sung sướng thấy họ đến cạnh mình. Ta cần nương tựa vào con, điều đó có phần làm cho con lạ, phải không? Nhưng chính sự thực là như thế. Những giọt nước mắt của con đã chứng minh điều đó. Ta thấy lòng ta nhẹ nhàng, vì ta, con ơi! ta cũng đau khổ.

Mãi về sau này, tôi có người để yêu thương, tôi mới biết và cảm thấy lời cụ già nói không sai. Ông Vỹ Tiên nói tiếp:

– Cái họa phân ly nó thường đến đúng lúc người ta cần phải gần nhau.

Tôi nói rụt rè:

– Nhưng thầy không định bỏ con ở Ba Lê chứ?

– Không con ạ. Ta không muốn bỏ con. Con hãy tin như thế. Một mình con, còn bé thế, con làm gì được ở Ba Lê? Vả lại ta không có quyền bỏ con, có thể nói được như thế. Từ ngày mà ta không thể cho bà Mỹ Lưu giữ để nuôi dạy con như con đẻ, ta thấy có bốn phận phải đem hết sức mình chăm non và gây dựng cho con. Không may, những biến cố đã phản ta. Trong vì lúc này ta không thể làm gì cho con được, thế ta nghĩ đến nước phải chia tay con nhưng không phải là vĩnh viễn, mà chỉ trong một thời gian vài tháng thôi để thầy trò ta mỗi người một ngả có thể tìm sống cho qua mùa đông này. Chúng ta sẽ đến Ba Lê trong vài giờ. Chúng ta sẽ làm trò gì với đoàn của ta rút lại còn có một con Lãnh Nhi?

Nghe nhắc đến tên nó, con Lãnh Nhi lại gần

chúng tôi, lấy tay giơ lên ngang tai để chào theo kiểu nhà binh rồi đặt tay vào ngực ý nói chúng tôi hãy tin vào trung thành của nó.

Trong tình trạng bi đát của chúng tôi, lòng trung nghĩa của con Lãnh Nhi cũng không sao làm cho chúng tôi nguôi được.

Ông Võ Tiên ngừng một lúc để xoa đầu con chó và bảo nó:

– Còn con nữa, Lãnh Nhi! Con cũng là một con vật đảm. Ở đời người ta không thể chỉ sống về lòng tốt được. Đành rằng lòng tốt cũng cần phải có, để tạo hạnh phúc cho những người ở chung quanh ta, nhưng ngoài lòng tốt ra ta cần phải có điều khác. Mà điều khác ấy ta không có. Con muốn ta làm trò gì với một mình Lãnh Nhi? Bây giờ chúng ta không thể nào diễn trò được nữa. Con có hiểu không?

Lãnh Nhi gật đầu như có ý nói:

– Thực vậy.

Ông Võ Tiên nói tiếp:

– Những trẻ ranh sẽ chế nhạo chúng ta, lấy những miếng khoai ném chúng ta. Chúng ta không thể thu được 20 xu một ngày, đủ nuôi thế nào được 3 miệng ăn. Rồi những ngày mưa gió, những ngày tuyết giá kiếm đâu ra tiền?

Tôi nói:

– Nhưng còn cái đàn của con?

– Nếu ta có hai đứa trẻ như con thì may ra đứng vững được. Nhưng một ông già với một đứa bé con thì khó khăn lắm. Ta không đến nỗi già lắm. Nếu ta già yếu hơn nữa hay ta mù chẳng hạn... Nhưng không may ta lại còn khỏe, nghĩa là không ở vào cái tình trạng gọi lòng thương của mọi người, và ở Ba Lê này, muốn được lòng thương hại của những người có công việc vội vã, phải có một bộ dạng tiều tụy, thiếu não và không biết xấu hổ chìa tay xin. Điều đó ta không thể làm được. Phải tìm cách khác. Vì thế ta đã nghĩ và định gửi con cho một ông thầy diễn trò để con cùng với các trẻ khác biểu diễn nghề đàn.

Khi tôi nhắc đến cây đàn của tôi không phải là tôi mong được như thế.

Thầy tôi không để tôi ngắt lời, nói tiếp:

– Về phần ta, ta dạy thụ cầm, đàn pi-va, đàn vi ô lông cho những trẻ người Ý đang làm nghề hát rong ở các phố Ba Lê. Ở Ba Lê nhiều người biết ta vì ta ở đó đã lâu, và chính từ Ba Lê ta đã về qua làng con. Chúng ta đều sống được tuy thầy trò ở mỗi người một nơi. Trong khi ta dạy đàn, ta có thể luyện thêm cho hai con chó nữa để thay cho con Hiệp Nhi và Thùy Nhi. Ta sẽ cố gắng việc rèn luyện đó cho đến đầu mùa xuân, thầy trò ta lại có thể lên đường, con ơi! Để không phải xa nhau nữa, vì cái số phận không xấu mãi cho những người có can đảm phấn đấu. Chính bây giờ là lúc ta cần con có can đảm và nhẫn nại nữa. Rồi ra cũng đến ngày sáng sủa. Ta chỉ phải chịu đựng trong một thời gian ngắn thôi. Đến mùa xuân, chúng ta lại trở về đời tự do của chúng ta. Ta sẽ đưa con sang Đức, sang Anh. Bây giờ con đã lớn và trí con đã mở rộng. Ta sẽ dạy con nhiều điều và làm cho con thành người. Ta đã cam đoan trước mặt bà Mỹ Lưu điều đó, ta sẽ giữ lời. Vì cốt để đưa con đi các nước nói trên, nên ta chả đã bắt

đầu dạy con học tiếng Anh, Pháp và Ý đấy ư? Với tuổi con, được như thế đã khá lắm không kể sức khỏe của con. Coi đó, con ơi! Ta sẽ không đến nỗi mất cả.

Cái giải pháp đó có lẽ sẽ thích hợp với hiện tình của chúng tôi. Ngày nay mỗi khi tôi nghĩ đến, tôi nhận thấy thầy tôi đã khổ tâm lắm mới nghĩ được lối thoát đó. Nhưng ngày ấy tôi lại nghĩ khác.

Qua lời thầy tôi nói, tôi trông thấy hai điều: sự chia ly và ông thầy diễn trò.

Trong những cuộc lũ hành của chúng tôi qua các làng và các tỉnh tôi thường gặp nhiều ông thầy diễn trò dắt những trẻ con – mà các ông ấy đã mộ tập ở các nơi – đi diễn trò và đánh đập rất tàn nhẫn.

Họ không được như ông Võ Tiên. Toàn là những hạng người độc ác, bất công, khó tính, rượu chè, lúc nào miệng cũng văng tục, lúc nào cũng cầm roi. Tôi rất có thể sa vào tay một người trong bọn đó.

Nếu sự ngẫu nhiên đưa tôi vào cửa tử tế, thì lại là một sự thay đổi.

Sau bà mẹ nuôi tôi, đến ông Vỹ Tiên, sau ông Vỹ Tiên đến một người khác.

Có phải cứ bắt thay đổi mãi thế không?

Có phải tôi không bao giờ tìm được người để kính yêu suốt đời?

Tình thâm mỗi ngày một nảy nở đã khiến tôi coi ông Vỹ Tiên như cha tôi.

Như vậy, không bao giờ tôi có cha tôi có cha ư?

Cứ phải tro troi suốt đời hay sao?

Cứ phải lưu lạc trên cõi đất này không bao giờ tìm được một chỗ dừng chân?

Tôi có nhiều câu để nói với thầy tôi, những lời đó phát tự đáy lòng lên tới miệng tôi, nhưng tôi phải nén xuống.

Thầy tôi đòi hỏi tôi can đảm và nhẫn nại, tôi phải nghe lời và không dám tăng nỗi đau khổ của thầy tôi.

Vả lại thầy tôi cũng không đứng cạnh tôi nữa. Có lẽ thầy tôi sợ phải nghe những câu sắp nói mà thầy tôi đã đoán được, nên thầy tôi bước vội lên trước cho cách xa tôi.

Tôi lảng lạng theo thầy tôi. Không mấy lúc chúng tôi đến bờ một sông con, qua một cái cầu đầy bùn, tuyết đen như trộn than, lội đến mắt cá chân.

Đầu cầu là một làng có những phố hẹp. Qua làng đó đến một miền quê chen chúc những cửa nhà tiểu tụy.

Trên đường, xe cộ ngược xuôi như mắc cửi. Tôi phải đi sát cạnh thầy tôi về bên tay trái, còn con Lãnh Nhi cầm đầu theo gót chúng tôi.

Không bao lâu đi hết miền quê vào một đường phố mà không nhìn thấy đầu phố đâu. Hai bên, xa xa có nhiều nhà, nhưng những nhà

nghèo nàn và bẩn thỉu, không được như những nhà ở Boóc-Đô, Tu Lu và Ly-Ông.

Tuyết đã hốt thành từng đống ở bên vệ đường. Trên những đống tuyết đen và răn đỏ, người ta vứt nào tro nào rau úa cùng đủ thứ rác rưởi. Không khí sục mùi hôi thối.

Trẻ con chơi ở trước cửa, đứa nào cũng xanh xao. Thỉnh thoảng có những xe ngựa chở nặng đi qua, chúng tránh rất lẹ và chẳng e ngại gì.

Tôi hỏi thầy tôi:

– Đây là đâu thầy?

– Ba Lê, con ạ.

Ba Lê... Đây là Ba Lê có tin được không?

Vậy thì những nhà cửa bằng đá hoa của tôi đâu? Những thị dân y phục nhung gấm lụa là đâu?

Mới biết sự thực vẫn xấu và tồi tàn!

Có phải kia là Ba Lê mà tôi hằng mơ ước được để chân đến không?

Than ôi! Phải đó. Chính nơi đó mà tôi sắp phải ở cho qua mùa đông, mà tôi sắp phải chia tay ông Vỹ Tiên, thầy tôi và Lãnh Nhi, bạn tôi.

CHƯƠNG XVII

ÔNG THẦY DIỄN TRÒ Ở PHỐ LỤC SINH

Mặc dầu cảnh tượng ghê tởm, tôi cứ giương mắt, quên cả cái cảnh huống trầm trọng của tôi, nhìn khắp chung quanh.

Càng đi sâu vào, tôi càng thấy mọi thứ trái hẳn với hình ảnh mà tôi đã mơ tưởng và hy vọng. Những rãnh nước đông đặc. Bùn lầy tuyết biến thành màu đen. Chỗ nào tuyết lỏng, mỗi khi xe đi qua, bắn lên từng mảng dính vào tủ hay cửa kính các hiệu tạp hóa xơ xác, tồi tàn.

Tôi nghĩ Ba Lê không bằng Boóc Đô. Qua phố này chúng tôi đến một phố rộng hơn, càng đi càng thấy các hiệu buôn và nhà cửa đẹp hơn, sạch sẽ hơn. Chúng tôi rẽ vào một ngõ bên tay

phải. Những nhà đèn và cao như chum đầu vào nhau. Rãnh nước chảy giữa đường. Những đám đông đi lại trên hè rất thản nhiên, không để ý đến mùi hôi hám ở rãnh đưa lên. Mặt người nào trông cũng xanh xao. Bạo nhất là những trẻ con xông xáo đi lại giữa những đám đông người. Những quán rượu huyền ảo hơn cả, đàn ông, đàn bà đứng trước cái quầy bằng kẽm uống rượu và cười nói rất to.

Trên một bức tường, tôi đọc thấy tên phố là Lục Sinh.

Thầy tôi biết lối đi, lách qua những đám người ngổn ngang trước mặt. Tôi theo sát đằng sau.

Thầy tôi bảo tôi:

– Khéo khỏi lạc!

Lời dặn đó hơi thừa, vì không những tôi theo sát gót mà còn bám vào áo thầy tôi nữa.

Sau khi qua một cái sân rộng, chúng tôi vào một cái hẻm tối tăm hình như mặt trời không lọt vào đây bao giờ, tôi ghê cả người

Thấy một người đàn ông đang soi đèn và mắc những miếng giẻ rách vào vách, thầy tôi hỏi:

– Ông Phú Lợi có nhà không?

– Tôi không biết. Ông cứ lên tầng gác thứ tư. Vào cái cửa ngay đầu thang gác.

Chúng tôi lên những bậc thang dày cộm những đất vừa bùn vừa trơn. Thấy tôi vừa lên thang vừa bảo tôi:

– Phú Lợi là ông thầy diễn trò mà ta đã nói chuyện với con. Nhà ông ấy ở đây.

Ôi! Phố ấy, nhà ấy, thang ấy làm cho tôi nản lòng. Không biết chủ sẽ là người thế nào?

Lúc tới nơi, thầy tôi không gõ, mở luôn cái cửa quay ra cầu thang. Chúng tôi nhìn thấy một căn rộng, như một vựa lúa, giữa nhà để không. Chung quanh có 12 cái giường con. Tường và trần phủ một màu không biết là màu gì, sắc trắng trước kia đã bị khói ám và đủ thứ bụi bẩn dính vào thành đen, nhiều chỗ tường lở, sâu hoắm vào. Lại có vẽ cả cái đầu người bằng than, bên cạnh

khắc những bông hoa, những con chim. Thấy tôi vừa bước vào vừa hỏi:

– Ông Phú Lợi đâu? Nhà không có ai cả à? Tối quá, ông ở chỗ nào? Tôi đây, Vỹ Tiên đến thăm ông đây!

Nhờ ánh đèn dầu treo ở tường, người ta nhìn thấy phòng không. Nhưng có tiếng yếu đuối của một đứa trẻ vọng ra:

– Ông Phú Lợi đi vắng, độ hai giờ nữa mới về.

Ngay lúc đó, đứa trẻ trả lời chúng tôi đã hiện ra. Đó là một đứa trẻ độ mười tuổi, nó bước lò dò đến chỗ chúng tôi. Có thể gọi là một quái thai. Nó như không có thân, một cái đầu to tướng đặt trên bộ chân khẳng khiu trông như trong một bức tranh hài hước. Đầu nó hình như chứa nhiều đau khổ, mặt biểu lộ một sự chịu đựng vô bờ. Người nó như thế nên trông rất xấu. Nhưng đôi mắt hiền lành của nó làm cho người ta phải thương và cái miệng của nó trông đáng yêu.

Thấy tôi hỏi:

– Có thực hai giờ nữa ông Phú Lợi về không?

– Thưa ông, đúng, vì là bữa ăn, và bao giờ ông ấy cũng phải trông nom lúc ăn.

– Vậy nếu ông ấy về sớm thì em nói có ông Vỹ Tiên sẽ trở lại trong hai giờ.

– Trong hai giờ, thưa ông vâng.

Tôi định theo thầy tôi ra thì thầy tôi bảo:

– Con ở lại đây nghỉ ngơi, lát nữa thầy sẽ trở lại.

Trông tôi có bộ sợ hãi, thầy tôi nói thêm:

– Cứ yên tâm, thế nào thầy cũng trở lại.

Dù tôi mỗi mệt tôi cũng muốn theo thầy tôi, nhưng khi thầy tôi ra lệnh, bao giờ tôi cũng phải vâng lời. Tôi ở lại.

Khi không nghe thấy tiếng chân nặng nề của thầy tôi xuống thang nữa, đứa trẻ ghé tai ra cửa nghe ngóng rồi quay lại hỏi tôi bằng tiếng Ý:

– Anh ở quê lên đấy chứ?

Thầy tôi có dạy tôi ít nhiều tiếng Ý, tuy không nói được nhưng nghe tôi hiểu. Tôi trả lời bằng tiếng Pháp:

– Không.

Đứa trẻ nhìn tôi một cách buồn rầu rồi nói:

– Nếu anh ở quê lên thì hay quá.

– Quê nào? Làng Lục Ca. Nếu anh ở làng đó, tôi sẽ được nhiều tin tức.

– Tôi là người Pháp.

– A! Thế thì may đấy!

– Anh thích người Pháp hơn người Ý?

– Không. Tôi nói « may » không phải là cho tôi, mà cho anh vì nếu anh là người Ý đến đây tất để ở cho ông Phú Lợi. Mà đã ở cho ông thầy diễn trò này thì không bao giờ gọi là « may » được.

Câu này làm cho tôi lo lắng. Tôi hỏi:

– Ông ấy ác lắm sao?

Đứa trẻ không trả lời câu hỏi trực tiếp của tôi, nhưng cái nhìn của nó đã là một lời đáp rất hùng hồn. Rồi như không muốn nói về vấn đề ấy nữa, nó quay đi và đến chỗ bếp ở đầu nhà.

Những củi bằng thứ gỗ cũ đang bốc cháy trong lò. Một cái nồi lớn bằng gang đang sôi.

Tôi lại gần bếp để sưởi. Tôi trông thấy cái nồi kỳ quá. Vung nồi một bên có bản lề, một bên có khóa, khóa vào miệng nồi. Trên vung có gắn một cái ống nhỏ để dẫn hơi. Tôi vẫn biết không nên trống trải hỏi về chuyện ông Phú Lợi, nhưng về cái nồi...

– Tại sao nồi lại có khóa?

– Để cho tôi khỏi ăn vụng. Tôi giữ việc nấu súp mà thấy tôi thì không tin tôi.

Tôi không thể nhịn cười được.

Đứa bé buồn rầu nói tiếp:

– Anh cười vì anh tưởng tôi có tính tham ăn. Nhưng nếu anh ở địa vị tôi anh cũng sẽ làm như

thế. Tôi không tục ăn, nhưng tôi đói, mùi thơm của súp ở ống đưa ra làm cho cái đói hành hạ cực khổ.

– Vậy ông Phú Lợi để anh chết đói à?

– Nếu anh ở đây với ông Phú Lợi, anh biết người ta không chết đói nhưng người ta đau đớn vì đói. Tôi chịu đau đớn đã nhiều vì tôi bị phạt.

– Bị phạt! Nhịn ăn?

– Phải đó. Tôi nói thêm cho anh biết. Nếu ông Phú Lợi là chủ anh, cái gương của tôi sẽ có ích cho anh. Ông Phú Lợi là chủ tôi và ông đã làm phúc đem tôi về nuôi. Mẹ tôi góa, anh có thể đoán được là không giàu có gì. Năm ngoài chủ tôi về quê để mộ tập trẻ con, chủ tôi bảo mẹ tôi nên cho tôi đi. Điều này làm cho mẹ tôi buồn lắm. Những, cảnh huống phải thế, biết làm thế nào. Nhà tôi có 6 anh em mà tôi là lớn nhất. Chủ tôi muốn bắt đứa em liền tôi là Mã Độ vì em tôi đẹp trai, còn tôi thì xấu xí. Và muốn kiếm tiền, không được xấu, những kẻ xấu chỉ được ăn roi và những lời chủ mắng. Nhưng mẹ tôi không ưng

cho em Mã Độ đi và nói: « Tư là con cả, Mã Tư phải đi. Nếu phải bớt một đứa thì trời đã định thế, tôi không dám trái lệnh trời ». Thế là tôi phải đi theo chú tôi. Anh tưởng tượng xem nỗi phân ly của chúng tôi. Mẹ tôi thương con khóc, em Tuyết Nga cũng khóc vì nó là bé nhất được tôi bế ẵm luôn. Rồi các em tôi, bạn tôi và người quen kẻ thuộc cũng buồn.

Nghe Mã Tư tả, tôi lại nhớ lại ngày tôi phải xa lìa quê tôi và cố nhìn theo cái mũ vải trắng của mẹ nuôi tôi.

Mã Tư nói tiếp:

– Lúc ra đi chỉ có một mình tôi theo chú tôi. thôi. Nhưng tám hôm sau, chúng tôi thành 12 đứa và được đưa về Ba Lê. Chao ôi! Đường dài biết là bao nhiêu! Cũng như tôi, các bạn tôi đều buồn. Sau cùng, tới Ba Lê, thì chỉ còn 11 đứa vì một người trong bọn chúng tôi bị ốm ở dọc đường và đưa vào nhà thương Dijon. Đến Ba Lê người ta chọn chúng tôi ra từng loại: đứa nào khỏe mạnh thì cho đi ở với những thợ quét lò sưởi hay thợ thông ống khói bếp, đứa nào không có sức để

làm nghề thì đi hát hay đánh đàn rong ở các phố. Còn tôi, tôi yếu ớt không làm nghề được mà lại xấu người, đi đánh đàn cũng không ăn thua. Vì thế Phú Lợi cho tôi hai con chuột bạch để đi làm trò ở các hè, các ngõ và mỗi ngày phải nộp thuế cho ông 30 xu. Ông bảo tôi: « Thiếu mỗi xu là một roi. Kiếm tiền đã khổ mà những ngọn roi còn khổ hơn, nhất là những khi chính tay Phú Lợi đánh. Tôi hết lòng hết sức để kiếm đủ số tiền đó, nhưng thường thất bại luôn. Những bạn tôi phần nhiều hôm nào về cũng đủ tiền. Riêng tôi, tôi chẳng đủ bao giờ. Điều này làm cho Phú Lợi tức giận thêm và quát: « Thằng ngu này không hiểu cả ngày nó làm gì? ». Có một đứa khác cũng đi diễn chuột bạch như tôi bị đánh thuế 40 xu mà chiều nào về cũng đủ. Nhiều lần tôi theo nó để học mánh khéo và tôi hiểu tại sao nó kiếm 40 xu dễ mà tôi kiếm 30 lại khó. Khi một ông hay một bà nào cho tiền chúng tôi thì y như bà đó cũng nói: « Cho thằng bé xinh kia, không cho thằng khỉ ». Thằng khỉ là tôi. Từ đó tôi không đi chung với bạn tôi nữa, vì chịu 30 roi đòn ở nhà cũng khổ nhưng để người ta điệu mình là

xấu trước mặt mọi người còn đau khổ hơn. Anh, anh không thấu được cảnh đó vì không ai bảo anh xấu bao giờ, còn tôi... Sau cùng, Phú Lợi thấy dùng roi vọt không hiệu quả liền dùng cách khác và bảo tôi: « Mỗi xu mày thiếu ta sẽ bớt một củ khoai bữa tối, da mày dạn roi rồi, ta xem dạ dày mày phải mềm vì đói không? ». Những lời dọa đối với anh có hiệu quả không?

Tôi đáp: – Còn tùy.

– Tôi thì chịu. Tôi không thể làm hơn được. Chả nhẽ đi chùa tay xin và nói: « Nếu ông hay bà không bố thí cho tôi một xu, thì bữa tối tôi phải bớt một củ khoai, à? Người ta cho tiền trẻ con không phải vì những lẽ đó.

– Thế thì lẽ gì? Người ta thường cho để làm vui lòng....

– A! Anh còn ngây thơ quá! Trước hết người ta cho để làm vui lòng cho chính người ta. Người ta cho bởi vì đứa trẻ xinh đẹp, lý do này đúng hơn cả. Người ta cho vì có một đứa con đã mất hay người ta muốn có một đứa con. Người ta cho

vì người ta ấm mà đứa trẻ rét run ở xó đường, đó là lòng thương. Tôi biết tất cả những loại bố thí đó vì tôi đã có nhiều kinh nghiệm. À! Hôm nay trời rét quá, phải không anh?

– Rét lắm.

– Vậy anh thử ra ngồi dưới một hiên nhà kia chia tay xin một ông vận áo bành tô bước vội vàng qua mặt anh, anh sẽ bảo tôi biết ông ta cho anh bao nhiêu; trái lại, anh chia tay xin một ông ấm áp trong áo ba đờ suy hay áo lông cừu đi tản bộ gần anh, may ra anh được một hào bạc trắng. Sau một tháng hay sáu tuần lễ tôi theo phương pháp đó, người tôi không thấy béo. Da tôi xanh lướt đi đến nỗi tôi nghe chung quanh có những tiếng kêu: Thằng bé này sắp chết đó.

Lúc bấy giờ, những người trong phố trông thấy cũng thương tình. Hôm nào tôi không kiếm được nhiều xu, thì tôi lại kiếm được, khi thì mẩu bánh, khi thì đĩa súp. Những ngày đó là những ngày tươi sáng của tôi. Tôi không phải đòn và nếu tôi bị bớt phần khoai tôi cũng chẳng cần vì đã có cái gì để ăn. Không may một hôm Phú Lợi

bắt gặp tôi đang ăn đĩa súp ở nhà bà bán hoa quả, biết tại sao tôi nhìn được khoai không phàn nàn. Bấy giờ ông ta mới cấm tôi ra ngoài và bắt ở nhà dọn dẹp và nấu súp. Nhưng cho tôi nấu súp lại sợ tôi ăn vụng, ông ta mới sáng chế ra cái nồi có khóa. Sáng nào cũng thế, trước khi ông ta đi, ông ta bỏ thịt và rau vào nồi, đập nắp và khóa lại. Tôi chỉ việc ninh nhừ và được ngửi mùi nước dùng thôi. Còn như múc ra, anh cũng biết, không làm sao được vì cái ống hẹp quá. Mùi súp không nuôi sống người chỉ tổ làm đói thêm. Có phải trông tôi xanh lắm không? Vì tôi không được ra ngoài, không ai bảo cho tôi biết và ở đây cũng không có gương soi.

Tôi không có óc kinh nghiệm, nhưng tôi cũng biết không nên bảo thật người ốm để người ta sợ. Tôi đáp:

– Anh không đến nỗi xanh hơn người khác.

– Anh nói thế để tôi yên tâm, tôi biết, nhưng tôi rất thích xanh xao có nghĩa là ốm. Tôi muốn ốm lắm anh ạ.

Tôi kinh ngạc nhìn anh. Anh cười và nói:

– Anh lấy làm lạ, nhưng rất dễ hiểu. Khi một đứa trẻ ốm, người ta sẽ chữa cho nó hay để cho nó chết. Nếu người ta để cho tôi chết. Tôi thích lắm, vì không phải nhịn đói không phải đánh đòn. Rồi những người chết sẽ được lên trời. Ở trên trời, tôi sẽ nhìn thấy mẹ tôi ở nhà quê và tôi cầu xin với Thượng Đế, người sẽ phù hộ cho em Tuyết Nga khỏi khổ sở. Nếu trái lại, người ta chữa cho tôi, thì người ta sẽ cho tôi đi Nhà Thương. Tôi thích đi Nhà Thương lắm, anh ạ.

Chính tôi, tôi có cái thành kiến sợ Nhà Thương. Nhiều lần ở dọc đường tôi mệt quá, nhưng nghĩ đến Nhà Thương thì tôi lại sợ mà tự nhiên thấy tỉnh táo và quên mọi. Nay thấy Mã Tư nói vậy, tôi rất lấy làm lạ.

Mã Tư nói tiếp:

– Anh chưa biết, ở nhà Thương dễ chịu biết nhường nào! Tôi đã ở đó. Nhà Thương Thánh Ở-giê-ni. Ở đây có một ông thầy thuốc to lớn; da hơi vàng, lúc nào trong túi cũng có kẹo, thứ kẹo vùng rẻ tiền nhưng cũng không kém ngon.

Rồi những bà phước ăn nói dịu dàng: “Em đã bớt chưa? Em thè lưỡi xem, em chịu khó uống thuốc đi! ». Tôi thích người ta nói dịu dàng với tôi vì như thế làm cho tôi muốn khóc. Khi tôi muốn khóc thì tôi thấy dễ chịu. Thế có gàn không, anh? Những bà phước cũng nói dịu dàng như mẹ tôi, tuy không cùng một tiếng nói nhưng cùng một điệu nhạc. Rồi khi bắt đầu đỡ thì được ăn canh thịt, ăn trứng tráng. Bây giờ tôi thấy sức yếu vì không được ăn, tôi rất sung sướng và tự nhủ: « Ta sắp ốm và Phú Lợi sẽ cho ta vào Nhà Thương ». Nhưng bệnh tôi chỉ đủ làm cho tôi đau đớn không đủ để cho Phú Lợi bận tâm; nên Phú Lợi còn giữ tôi. Thực là cực khổ. Còn may là Phú Lợi không bỏ thói đánh tôi và các bạn tôi. Ấy đã 8 hôm nay, ông ta đã giáng một ba-toong vào đầu tôi. Lần này tôi ăn chắc. Đầu tôi sưng lên, Anh xem cái bấu trắng hầy còn đây. Hôm qua ông ta bảo tôi: đó là cái nhọt, tôi biết không phải là nhọt, vì đau buốt, nhức nhối hơn khi sưng mọng rặng nhiều. Đầu tôi nặng như bị đá đè, lảo lảo choáng váng và tê dại. Ban đêm tôi không thể nhìn rên và kêu lên những tiếng đau đớn. Cứ tình trạng này chỉ trong vài ba hôm nữa là ông ta cho tôi vào Nhà

366 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Thương, vì anh hiểu một thằng nhãi kêu cả đêm thì ai mà ngủ được, nhất là Phú Lợi tỏ ra rất khó chịu. Có phải phúc cho tôi đã được cái đòn nặng đó? Vậy anh cứ thật thà cho tôi biết có phải tôi trông xanh lắm không?

Nói xong anh lại ngồi trước mặt tôi và nhìn thẳng vào mặt tôi. Tôi không lẽ ngồi im. Tuy nhiên tôi không dám nói thực là mắt anh đỏ bừng, má anh hóp vào và môi anh nhợt nhạt làm cho tôi phải kinh hoàng. Tôi đáp:

- Tôi tin rằng anh đủ ốm để đi Nhà Thương.
- Thế thì tôi sung sướng quá!

Nói xong vừa lê chân vừa cố cúi xuống để cảm ơn tôi. Rồi anh lại chỗ bàn để lau.

Anh nói:

- Tôi nói đã khá đủ rồi, Phú Lợi sắp về mà chưa dọn dẹp gì được. Anh xem tôi đã đủ thương tích đi Nhà Thương rồi, không lẽ lại chịu khổ mà nhận thêm nữa.

Anh vừa nói vừa thất thểu đi chung quanh bàn đặt những đĩa ăn vào chỗ. Tôi đếm được 20 đĩa: thế có những 2 đứa trẻ ở cho Phú Lợi mà tôi chỉ trông thấy có 12 cái giường, có lẽ chúng phải ngủ 2 người một giường. Những giường mới thảm hại! Không có đệm, chỉ có những thứ chăn đỏ nhạt ở chuồng ngựa cũ, vì cũ nát không thể đắp cho ngựa được nữa.

– Ở đâu cũng như thế này à?

– Ở chỗ nào?

– Chỗ nuôi trẻ.

– Tôi không biết, vì có bao giờ tôi đi đâu. Nhưng anh, anh nên tìm chỗ khác.

– Chỗ khác ở đâu?

– Tôi không biết. Bất cứ chỗ nào, còn hơn đây.

Bất cứ chỗ nào, thực mơ hồ quá, nhưng bây giờ làm thế nào để cho ông Vỹ Tiên thay đổi ý định được?

Tôi đang nghĩ, thì cánh cửa mở ra, một đứa trẻ bước vào một tay xách đàn, một tay cầm thanh gỗ cũ gỗ được ở đâu. Miếng gỗ đó giống như những miếng đốt lò mà tôi nhìn thấy lúc mới vào. Tôi hiểu ngay Phú Lợi đã kiếm gỗ đó ở đâu và giá nó thế nào.

Mã Tư giờ tay và bảo đứa trẻ mới về:

– Mà đưa thanh củi cho tao.

Nhưng đứa trẻ giấu ở sau lưng và nói:

– Không được.

– Cho tao đun cho súp ngon thêm.

– Mà tưởng tao mang về nấu súp chẳng? Hôm nay tao chỉ có 36 xu, tao dùng miếng củi này để thế 4 xu còn thiếu để khỏi phải đòn.

– Không thể thế bằng củi được. Mà phải trả bằng tiền. Mỗi người cần phải đòn một lượt chứ?

Mã Tư nói một cách hung tợn hình như anh rất sung sướng thấy bạn sắp phải chịu hình phạt, Tôi lấy làm lạ sao lại có một luồng ác khí thoáng

qua gương mặt rất hiền lành kia. Chính mãi về sau tôi mới hiểu ở với kẻ ác người ta sẽ trở nên ác.

Đã đến giờ các học trò của Phú Lợi về. Sau đứa trẻ cầm củi, đến một đứa khác, rồi lục tục về mười đứa khác nữa. Mỗi đứa về đến nhà liền treo nhạc khí vào cái đình ở chỗ giường mình, đứa này cái vĩ cầm, đứa kia cái sáo, đứa khác cái thụ cầm hay cái đàn quay. Đứa nào không đi diễn trò thì đem nốt những con vật vào chuồng.

Có tiếng giày thành thịch lên thang, chắc là Phú Lợi về. Tôi nhìn thấy một người nhỏ nhắn, mắt đỏ bừng, bước lão đảo, không mặc kiểu Ý mà vận một cái áo bành tô xám.

Phú Lợi đưa mắt nhìn tôi trước nhất. Luồng mắt làm tôi lạnh cả người. Ông ta hỏi:

– Đứa này là đứa nào?

Mã Tư vội trình bày việc ông Võ Tiên đã dặn.

Phú Lợi nói:

370 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– A! Vỹ Tiên về Ba Lê. Ông ấy muốn gì ta?

Mã Tư đáp:

– Con không được biết.

– Tao không hỏi mày, tao hỏi thằng bé kia.

Tôi không dám nói thực và đáp:

– Thấy tôi sắp trở lại. Thấy tôi muốn gì sẽ xin thừa chuyện cùng ông.

– A! Đây là một đứa trẻ biết thận trọng lời nói. Mày không phải người Ý.

– Tôi là người Pháp.

Lúc đó có hai đứa trẻ đến cạnh Phú Lợi có ý đợi Phú Lợi nói xong. Tôi không hiểu chúng đứng đấy để làm gì. Tôi được trả lời ngay về câu hỏi đó.

Một đứa nhắc mũ ông ta đem đặt nhẹ nhàng lên giường, Đứa kia xách ghế đến bên cạnh. Coi bộ quan trọng và lễ phép của chúng dành cho những việc rất tầm thường trên đời, người

ta tưởng tượng như hai cậu bé giúp lễ bên cạnh Đức Cha tại một Nhà Thờ nào. Coi đó, người ta biết đám trẻ sợ hãi ông đến mức nào; chắc chắn không phải vì tình chủ thương chúng mà chúng có những cử chỉ ấy.

Khi Phú Lợi đã an tọa, một đứa trẻ khác đem cái tẩu nhồi thuốc sẵn đến và đứa thứ tư đưa một que diêm đang cháy.

Ông ta cầm diêm ghé qua miệng tẩu rồi vút luôn vào lò. Xong ông ta mắng:

– Đồ chó! Cái diêm còn sắc mùi thuốc!

Tội nhân vội vã đánh cái diêm khác và đợi cho cháy hết đầu thuốc rồi đưa lại cho chủ.

Nhưng ông chủ không nhận, đẩy nó ra và bảo:

– Không nhờ mày, đồ ngu!

Rồi ông ta quay lại vừa cười vừa bảo đứa khác, cái cười đó chắc là một sự ban thưởng rất quý báu:

– Cát Độ, cho thầy chiếc diêm, con!

Cát Độ vội vâng lời.

Khi điều của ông ta đã bắt đầu cháy, ông vừa hút vừa bảo:

– Bây giờ các « công tử » ra tính toán cho tôi xem. Mã Tư cầm sổ ra đây.

Phú Lợi nói chưa dứt lời thì Mã Tư đã cầm sổ ra đặt trước mặt chủ, một quyển sổ đầy ghét bản. Phú Lợi ra hiệu, đứa trẻ đánh diêm vụng lúc nãy lại gần. Phú Lợi hỏi:

– Hôm qua mày còn chịu 1 xu, mày khát đến hôm nay, vậy đã có đủ chưa?

Đứa trẻ ngập ngừng và tái mặt trước khi trả lời:

– Con thiếu một xu.

– Thiếu 1 xu, là 1 xu thế nào?

– Không phải một xu hôm qua mà là một xu hôm nay.

– Thế là 2 xu cả thầy. Không thấy đứa nào chầy như mày!

– Không phải lỗi tại con.

– Đừng nói lời thôi. Mày đã biết luật. Cởi áo ra. Hai roi nợ hôm qua, hai roi hôm nay và truất phần khoai của mày đi. Cát Độ đâu, mày là đứa trẻ tốt, ta cho phép mày đánh, cầm roi ra đây.

Cát Độ tháo ở tường ra một cái roi, cán ngắn, đầu có hai dây da dài kết thành những nút lớn. Trong lúc đó, đứa trẻ thiếu một xu cởi áo ngoài; tụt sơ mi để trần đến ngang lưng.

Phú Lợi cười gằn, bảo Cát Độ:

– Thong thả đã. Nó không phải lẻ loi. Nó sẽ sung sướng có nhiều bạn. Mà mày cũng khỏi bận tay nhiều lần.

Những đứa trẻ im lặng đứng trước mặt chủ, nghe thấy câu khôi hài thâm độc đó, đều phải gượng cười.

Phú Lợi nói:

– Đứa nào cười to nhất chắc là đứa thiếu nhiều nhất. Vậy đứa nào cười to nhất nào?

Mọi đứa chỉ thằng bé về đầu tiên với thanh củi.

Phú Lợi hỏi:

– Vậy mày còn thiếu bao nhiêu?

– Không phải lỗi tại con.

– Từ nay hễ đứa nào nói « không phải lỗi tại con » thì phải phạt thêm một roi nữa đấy. Mày còn thiếu bao nhiêu?

– Con đã mang về một thanh gỗ, thanh gỗ rất đẹp! Xin thầy coi.

– Cái này không đến nỗi vứt đi. Nhưng mày đem thanh củi này đến hàng bánh liệu họ có đổi cho mày tấm bánh không? Mày còn thiếu mấy xu, nói đi!

– Con kiếm được 36 xu.

– Còn thiếu 4 xu, đồ khốn nạn! Thiếu 4 xu

thế mà mày còn dám vác mặt về. Cát Độ, mày được dịp sướng tay nhá! Thằng này bỏ áo ra!

– Nhưng còn thanh củi của con.

– Mày được ăn bữa trưa.

Câu khôi hài vô duyên trên làm cho những đứa trẻ không bị phạt nhe răng cười. Trong cuộc kiểm điểm của Phú Lợi, mười đứa lần lượt đến nộp thuế. Trong số này có 3 đứa nữa không đủ tiền.

Phú Lợi gầm lên:

– Trời ơi! Năm thằng giặc này, chúng mày cướp tao, chúng mày bóc lột tao! Chỉ vì tao nhân nhượng quá. Nếu chúng mày không chịu làm việc thì tao lấy tiền đâu mua thịt, mua khoai cho chúng mày ăn? Chúng mày thích chơi, chúng mày thích cười. Chúng mày thử nghĩ xem « chìa tay giả cách khóc » hơn hay « chìa lưng khóc thực » hơn? Cởi áo chúng nó ra!

Cát Độ cầm roi đợi. Năm tội nhân xếp hàng đứng trước mặt nó. Phú Lợi bảo Cát Độ:

– Mày biết rằng tao không muốn nhìn sự hành phạt nó làm tao đau đớn, nhưng tao nghe được những tiếng roi mạnh hay yếu của mày. Mày phải tận tâm làm bốn phận. Mày làm việc vì bánh mì của mày đó. Nghe không?

Rồi ông ta quay vào lò, như là không dám nhìn cảnh máu rơi thịt nát. Còn tôi, tôi ngồi trong một xó, tôi run người vì phần uất và khiếp sợ. Con người sắp thành chủ tôi đó. Nếu mỗi ngày tôi không kiếm nổi 30 hay 40 xu tôi cũng phải giơ lưng cho Cát Độ. A! Bây giờ tôi mới hiểu tại sao Mã Tư lại mong chết. Tiếng roi quất lần thứ nhất làm cho tôi rơi nước mắt.

Ngồi trong xó, tôi tưởng mọi người quên tôi nên tôi không nên xúc động, nhưng tôi đã nhầm. Phú Lợi nhìn trộm tôi và tôi có chứng cứ ngay.

Ông ta lấy tay trở tôi và bảo với các học trò:

– Chúng mày hãy trông, kia là một đứa trẻ có lòng tốt. Nó không như chúng mày là đồ giặc cười cợt trước cái đau đớn của bạn và trước cái buồn của thầy. Nếu nó vào đây là bạn chúng mày, nó sẽ làm gương cho chúng mày.

Cái tiếng “bạn” làm cho tôi run từ đầu đến chân.

Roi thứ hai, nạn nhân kêu la thảm thiết. Roi thứ ba nạn nhân rú lên những tiếng đau xót. Chợt Phú Lợi giơ tay lên. Cát Độ ngừng roi. Tôi tưởng ông ta ra lệnh tha. Nhưng không phải vấn đề ân xá.

Ông ta nói ôn tồn với nạn nhân rằng:

– Mày nên biết những tiếng kêu của mày làm tao khó chịu vì nếu cái roi nó xé da mày thì cái tiếng kêu của mày nó cũng xé lòng tao. Tao bảo cho chúng mày biết trước mỗi một tiếng kêu sẽ chịu thêm một roi vì là lỗi tự mày. Mày đừng làm cho tao ối vì buồn. Nếu mày thương tao, biết ơn tao thì mày im mồm đi! Cát Độ! Mày đánh nốt đi.

Cát Độ vùng tay, ngọn roi quất vãi vào lưng đứa bé khốn nạn.

Nó rên rĩ:

– Mẹ ơi! Mẹ ơi!

May sao tôi không phải chứng kiến thêm nữa. Cửa cầu thang mở ra, ông Vỹ Tiên bước vào. Đưa mắt một cái, ông hiểu ngay nguyên do những tiếng kêu khóc mà ông vừa nghe thấy khi lên thang. Ông chạy lại chỗ Cát Độ giật lấy roi vút đi. Rồi tiến lại đứng trước mặt Phú Lợi, khoanh hai tay lại, nhìn thẳng vào mặt Phú Lợi.

Bị bắt chợt, Phú Lợi hơi luống cuống, nhưng trấn tĩnh ngay và tươi cười nói:

– Đấy ông xem! Có phải thằng bé ác quá không?

– Một điều đáng xấu hổ!

– Ấy chính tôi cũng nói thế.

Thầy tôi gắt:

– Ông đừng đóng kịch nữa. Ông nên hiểu rằng tôi nói ông chứ không phải nói thằng bé kia. Phải đó, chính là một điều đáng xấu hổ, một sự hèn hạ là đánh đập những đứa trẻ con, chúng nó không thể tự vệ được.

Phú Lợi đổi giọng nói luôn:

– Việc gì đến ông mà ông dính vào! Rõ điên chưa!

– Việc gì à? Việc trình cảnh sát, ông có biết không?

Phú Lợi đứng dậy nói to:

– Cảnh sát à? Ông đem cảnh sát ra dọa tôi có phải không?

Thầy tôi không sợ vẻ sừng sộ của Phú Lợi, đáp:

– Phải đó.

Phú Lợi lại bình tĩnh ngay và nói giọng chế nhạo:

– Ông Vỹ Tiên ơi! Xin ông, ông đừng làm dữ mà tố cáo tôi vì tôi, tôi cũng có thể tố cáo ông được. Như vậy chẳng lợi gì cho ai cả. Riêng tôi, tôi không nói gì với cảnh sát đâu, vì việc của ông tôi không cần biết. Nhưng khôn thay lại có nhiều người cần biết và nếu tôi kể lại những điều tôi

biết hay chỉ nói ra một tên, một tên thôi, lúc đó hỏi ai phải giấu mặt vì xấu hổ?

Thầy tôi đứng một lúc không nói gì. Sự xấu hổ?

Tôi sống người ra. Chợt ông ta cầm tay tôi dắt ra và nói:

– Con theo ta.

Rồi thầy tôi đưa tôi ra cửa.

Phú Lợi cười sảng sặc và nói theo:

– Thôi nhá! Ông bạn già ơi! Hết giận chứ? Ông có việc gì, ở lại nói chuyện.

– Tôi không có việc gì cả.

Và không nói thêm một câu nào, không quay đầu lại, thầy tôi lặng lẽ dắt tay tôi xuống thang. Tôi khoan khoái quá. Tôi đã thoát khỏi hang hùm. Nếu tôi dám, tôi đã nhảy lên hôn thầy tôi.

CHƯƠNG XVIII

LÒ ĐÁ

Lần đầu chúng tôi đi qua những phố đông người, thầy tôi không nói gì cả. Nhưng không bao lâu, chúng tôi vào một đường hẹp và vắng, thầy tôi ngồi trên một cái mố đá và nhiều lần lấy tay bóp trán, đó là cái dấu hiệu thầy tôi có điều gì lo nghĩ.

Thầy tôi nói một mình:

– Nghe cái thiện tâm của mình có lẽ cũng cao đẹp đấy, nhưng vì thế thành bơ vơ trên vĩa hè Ba Lê, không một đồng dính túi, không một mẫu bánh ở dạ dày. Con có đói không?

– Con không được ăn gì sau miếng bánh mà thầy đã cho con sáng nay.

– Con ơi! Khổ cho con! Con còn phải chịu bữa chiều nữa con ạ. Mà cũng chưa biết tối nay ngủ ở đâu đây.

– Thế trước thầy định ngủ nhà Phú Lợi?

– Ta định gửi con ở đấy đến hết mùa đông và vay 20 phật lạng để trang trải các việc. Nhưng thấy hấn đánh đập trẻ con, nên thầy không giữ được bình tĩnh. Con không thích ở đó, phải không?

– Thầy thật có lòng nhân từ!

– Trái tim chưa khô héo hấn trong cái thân tuổi tác giang hồ này. Ta đã tính toán đâu đấy cả, nhưng không may, trái tim công phần đã làm đảo lộn cả. Bây giờ biết đi đâu?

Đêm xuống đã lâu, trời lạnh dần. Gió bắc lại nổi lên, rét không chịu được.

Thầy tôi ngồi dai trên mố đá. Còn tôi và Lãnh Nhi thì đứng trước mặt đợi thầy tôi quyết định. Chợt thầy tôi đứng dậy.

Tôi hỏi:

– Thừa thầy, đi đâu bây giờ?

– Đến Gentilly, tìm chỗ trú mà trước kia đã ngủ nhờ một lần. Con có mệt lắm không?

– Con đã được nghỉ ở nhà Phú Lợi rồi.

– Khổ quá! Ta chưa được nghỉ lúc nào, bây giờ thấy mệt quá. Nhưng thôi, phải đi. Tiến lên! Các con!

Tiến lên! Thầy tôi thường giục chúng tôi đi với bộ hăng hái vui vẻ, nhưng tối nay thầy tôi nói câu đó một cách buồn rầu.

Chúng tôi bắt đầu rời các phố Ba Lê. Tối đen như mực. Những ngọn đèn “gaz” hai bên đường bị gió bạt đi chiếu xuống những tia sáng chập chờn. Chúng tôi thường bước nhăm vào những rãnh bùn hay những váng nước trên hè. Thầy tôi dắt tay tôi, con Lãnh Nhi theo sau. Thỉnh thoảng nó lại dừng lại ngửi trong đồng rác xem có cái xương hay mẩu bánh thừa nào không vì nó cũng đói như chúng tôi, nhưng những rác đó bị vùi trong khối băng nên vô ích, nó lại cúi đầu lủi thủi theo chúng tôi.

Chúng tôi qua phố lớn vào ngõ hẹp, rồi lại qua ngõ hẹp ra phố lớn. Chúng tôi đi thất thểu trên đường, Ai thấy chúng tôi cũng phải nhìn. Vì cách ăn mặc của chúng tôi hay vì bộ mặt nhọc của chúng tôi mà họ chú ý? Những cảnh binh cũng theo dõi xem chúng tôi làm gì và đi đâu. Thấy tôi bước lom khom, không nói năng gì. Trời rét thế mà tay nóng như lửa truyền sang tay tôi và hơi run. Thỉnh thoảng ông lại dừng lại một vài phút gục vào vai tôi, tôi thấy cả người thấy tôi bị co giật.

Mọi ngày tôi không dám hỏi thầy tôi, nhưng bây giờ tôi phá lệ đó, vì tôi thấy tôi cần phải nói lên rằng tôi yêu thầy tôi hay ít ra cũng phải làm cái gì cho thầy tôi.

Đến chỗ nghỉ, tôi hỏi thầy tôi:

– Thầy ơi! Thầy ốm rồi!

– Ta cũng sợ thế, vì mệt lắm. Mấy hôm nay đi nhiều quá. Đêm nay lại rét buốt. Giá được cái giường êm, bữa súp nóng và một cái buồng có lửa thì dễ chịu biết bao! Nhưng đó là một giấc mộng. Thôi cứ tiến lên! Các con!

Tiền lên! Chúng tôi ra khỏi thành phố, lúc đi qua những dãy tường cao, lúc đi trong đồng ruộng, chúng tôi cứ đi. Không có người qua lại, không có cảnh binh, không cô đèn “gaz” nữa. Tuy nhiên đó đây có một vài cái cửa sổ khép để lọt ánh sáng đèn ra và trên đầu chúng tôi, bầu trời mờ tối lác đác mấy ngôi sao. Gió lạnh thổi vù vù, làm cho quần áo dính dính vào người. May sao gió thổi phía lưng nhưng áo tôi rách; gió cứ nhè các khe luồn vào khắp thân thể tôi lạnh thấu đến xương.

Trời tối mò, đường có nhiều chỗ rẽ, thầy tôi đi tự nhiên như người quen lối, vì thế tôi không sợ lạc chỉ mong sao cho chóng đến lò đá để nghỉ ngơi. Thành linh thấy tôi dừng dừng lại hỏi tôi:

– Con có nhìn thấy lùm cây cao không?

– Con không trông thấy gì.

– Con có nhìn thấy một đám đen đen ở phía trước mặt không?

Trước khi trả lời tôi nhìn khắp bốn phía. Có lẽ chúng tôi đang ở giữa cánh đồng vì mắt tôi

386 | Dịch giả: Hà Mai Anh

nhìn thấu bóng đen sâu không thấy cây cối, nhà cửa gì, chung quanh chúng tôi là khoảng không, chỉ nghe thấy tiếng gió xào xạc thổi qua những bụi cây mà chúng tôi không trông rõ.

Thầy tôi trở phía trước mặt bảo tôi.

– Mắt ta tự nhiên lóa đi. Con thử nhìn đằng kia xem.

Tôi lặng im vì không dám nói là không nhìn thấy gì. Thầy tôi lại đi.

Đi được vài phút, thầy tôi lại đứng lại hỏi:

– Con có nhìn thấy lùm cây không?

Tôi không vững dạ như trước, tự nhiên thấy lo sợ nên trả lời giọng run run:

– Con chả nhìn thấy gì cả.

Thầy tôi bảo:

– Vì con sợ nên hoa mắt đấy!

– Con nói chắc rằng còn không nhìn thấy cây.

- Không có vết tích bánh xe nữa à?
- Không.
- Chúng ta lạc lối chẳng?

Tôi không trả lời được vì tôi chẳng biết chúng tôi đang ở chỗ nào và chúng tôi đi đâu nữa.

– Chúng ta đi 5 phút nữa nếu không nhìn thấy cây thì lộn lại, vì có thể ta lầm đường.

Bây giờ tôi sợ lầm đường nên tôi rùn cả người, không bước được, thầy tôi phải kéo tôi đi:

- Sao thế?
- Con không đi được nữa.

– Con tưởng ta còn sức chẳng? Nay ta đứng vững là sợ rằng nếu chúng ta ngồi xuống thì không bao giờ chúng ta đứng dậy được và chúng ta sẽ chết rét ở đây mất. Vậy cứ đi, con!

Tôi theo thầy tôi.

- Đường này có vết bánh xe sâu xuống không.

– Chẳng có gì cả.

– Vậy thì chúng ta đi lộn lại.

Ngọn gió trước thổi sau lưng, bây giờ quẩn vào mặt chúng tôi dữ quá khiến chúng tôi nghẹt thở. Tôi có cảm giác như là bị rát bỏng khắp người.

Lúc đi, chúng tôi bước đã không nhanh, lúc trở lại bước càng chậm chạp.

Thầy tôi bảo:

– Khi nào con nhìn thấy bánh xe thì bảo ta. Đường vào ở bên tay trái, có bụi cây ở ngã tư.

Lại 15 phút nữa, chúng tôi phấn đấu với gió. Chúng tôi cố bước. Những tiếng giày của chúng tôi đi trên đất rắn, lộp cộp trong đêm vắng lặng như tờ. Chân tôi đã không bước được nữa mà bây giờ lại đến lượt tôi phải dắt thầy tôi. Tôi vừa đi vừa nhìn phía bên trái.

Chợt một ngôi sao đỏ lấp lánh trong bóng tối.

Tôi chỉ tay bảo thầy tôi:

– Có ánh sáng!

– Ở đâu?

Thầy tôi nhìn. Tuy ánh sáng đó cách không xa lắm, nhưng thầy tôi không nom thấy gì. Do đó, tôi nhận thấy mắt thầy tôi kém rồi, mọi khi tinh lắm và ban đêm nhìn được rất xa.

Thầy tôi nói:

– Ánh sáng đó chẳng ích gì cho ta. Đó là ngọn đèn để trên bàn của một nhà thờ hay bên giường người hấp hối. Ta không thể đến gõ cửa nhà đó được. Ở nhà quê khi lỡ ngai ban đêm, ta có thể xin ngủ nhờ được chứ ở chung quanh Ba Lê, người ta không cho ngủ nhờ đâu. Ta cứ đi thôi.

Đi độ vài phút, tôi nhìn hình như có con đường cắt ngang lối chúng tôi đi. Ở một góc có đám đen lù lù, đích thị là bụi cây. Tôi buông tay thầy tôi chạy tới chỗ đó. Con đường ngang này có nhiều vết bánh xe rất sâu.

– Bụi gai đây rồi! Có cả vết xe nữa.

– Đưa tay cho ta. Chúng ta thoát nạn rồi. Lò đá cách đây 5 phút thôi. Con nhìn kỹ có lùm cây đấy.

Tôi nhìn hình như có đám đen đen, tôi đáp:

– Vâng, có cây.

Hy vọng làm chúng tôi phấn khởi. Chân tôi thấy nhẹ đi. Đất không thấy rắn chói nữa. Nhưng 5 phút của thầy tôi sao mà dài thế? Thầy tôi đứng lại, hỏi:

– Ta vào đường này quá 5 phút rồi thì phải.

– Hình như thế.

– Vết xe đi đâu?

– Vết xe đi thẳng.

– Lối vào lò tắt ở bên trái. Chúng ta đi qua mà không nhìn thấy. Đêm tối mù khó nhìn thật. Tuy vậy, cứ vết bánh xe, có thể ta đã đi quá xa.

– Con tin chắc rằng chưa có chỗ nào vết xe quay sang bên trái.

– Ta cứ trở lại xem.

Lại lần nữa, chúng tôi đi lộn lại.

– Con có nhìn thấy lùm cây không?

– Có kia kìa, ở bên trái.

– Còn vết xe về phía ấy?

– Tuyệt nhiên không.

Thầy tôi lấy tay dụi mắt và nói:

– Ta lừa rồi sao? Con đưa tay đây, dẫn ta đi thẳng vào đám cây.

– Có bức tường.

– Đó là đồng đá.

– Thưa thầy không, chính là bức tường.

Lời tôi nói đó để chứng minh vì chúng tôi chỉ cách tường có vài bước. Thầy tôi bước lại gần không tin ở mắt mình, lấy tay sờ vào vật chướng

ngại đó, tôi gọi là bức tường mà thầy tôi bảo là đồng đá.

– Chính là bức tường xây bằng đá, ta sờ thấy nữa. Vậy thì lối vào đâu? Con tìm vết xe đi!

Tôi cúi xuống đất theo bức tường đi cho đến hết, không nhìn thấy vết xe nào rẽ vào đấy cả. Tôi trở lại cho đến đầu kia, cũng không tìm thấy vết xe hay cửa vào.

– Con chỉ nhìn thấy tuyết,

Tình trạng rất bối rối. Có lẽ thầy tôi lầm đường. Không phải lò đá ở chỗ này.

Khi tôi bảo không tìm thấy vết xe chỉ có tuyết, thầy tôi đứng một lúc không nói gì, rồi áp tay vào lượt nữa, lần từ đầu này đến đầu kia. Con Lãnh Nhi nóng ruột kêu ồm tỏi.

Tôi theo thầy tôi.

– Có nên tìm xa tí nữa không?

– Thôi! Cửa vào xây bịt rồi! Bịt rồi!

– Họ đã xây kín. Không vào được nữa.

– Bây giờ làm thế nào?

– Làm thế nào? Phải không? Ta cũng không biết nữa. Chết ở đây!

– Thầy ơi!

– Phải, con không muốn chết, con còn trẻ, con chưa chết được. Thế thì cứ đi. Con còn đi được không?

– Không, thầy!

– Khi nào ta không đi được nữa, ta lăn ra như con ngựa già.

– Đi đâu bây giờ?

– Trở về Ba Lê. Khi ta gặp cảnh binh, ta sẽ nhờ đưa về bót. Ta muốn tránh cảnh binh, nhưng không muốn để con phải chết rét, Lê Minh, con ơi! Can đảm lên! Con ạ.

Thế rồi chúng tôi lại đi ngược lại con đường đã đi. Mấy giờ rồi? Tôi cũng không biết nữa.

Chúng tôi đi chậm rãi và lâu lắm. Có lẽ là nửa đêm hay một giờ sáng rồi! Trời vẫn xám xanh, không trăng, lác đác có vài ngôi sao nhỏ hơn ngày thường. Gió thổi mạnh hơn, cuốn những bụi tuyết ở hai bên đường ném vào mặt chúng tôi. Những nhà đi qua đều đóng cửa kín mít. Không một ánh đèn. Những người đang ngủ êm ấm trong giường kia nếu họ biết chúng tôi đang lang thang trong gió rét, có lẽ họ không nở không mở cửa.

Nếu chúng tôi đi nhanh thì cũng bớt lạnh, thấy tôi vừa đi vừa thở hổn hển như người mới chạy. Tôi hỏi thì thấy tôi không nói gì và sẽ giờ tay ra hiệu là thấy tôi không nói được.

Từ cánh đồng chúng tôi lần về thành phố, nghĩa là chúng tôi lại phải đi qua những bức tường cao, bên trên có treo những ngọn đèn dầu đưa đi đưa lại, kéo kẹt.

Bỗng thấy tôi đứng lại, tôi đã kiệt sức rồi.

Tôi nói:

– Hay là con gọi cửa một nhà gần đây?

– Thôi. Người ta không mở cửa đâu. Đó là nhà những người làm vườn. Họ không dậy đêm đâu. Cứ đi đi!

Nhưng thầy tôi ý chí tuy vẫn vững mà hơi sức thì không còn, đi được vài bước lại đứng. Thầy tôi nói:

– Cho ta nghỉ một chút. Không sao đi được nữa.

Chỗ đó là một hàng rào, bên trong có một đồng rơm cao. Gió thổi tung ngọn đồng rơm ra đường và giắt cả vào chân giậu.

Thầy tôi bảo:

– Chúng ta vào kia ngồi!

– Ban nãy thầy bảo nếu ngồi xuống thì bị lạnh rồi không đứng lên được.

Thầy tôi không trả lời; ra hiệu cho tôi nhặt rơm bỏ vào cửa giậu. Rồi thầy tôi ngồi phịch trên cái ổ đó, răng nghiến lại, thân thể run cầm cập. Thầy tôi nói không ra tiếng:

– Lấy thêm rơm vào đây xếp cao lên để che cho khỏi gió.

Cho khỏi gió thì đúng chứ che cho khỏi rét thì sao được?

Tôi vội nhặt hết rơm lại, chất cao lên, xong tôi lại ngồi cạnh thầy tôi.

– Con ôm Lanh Nhi vào người để lấy chút hơi nóng sang con,

Ông Võ Tiên là một người từng trải biết rằng cái rét như cái rét chúng tôi đang chịu, có thể chết người được. Vì đường cùng bắt phải dẫn mình trong cơn nguy hiểm ấy, nên ông phải suy mòn.

Ông đã suy mòn thực. Nửa tháng nay ông đã lo nghĩ nhiều, tuổi già sức yếu lại thêm đói rét, khổ cực vô cùng nên ông đã héo hắt dần đi.

Thầy tôi có biết mình đã đuối sức rồi không? Tôi cũng không hiểu. Nhưng khi tôi vơ rơm và ngồi sát vào thầy tôi thì tôi thấy thầy tôi cúi mặt xuống tôi và hôn tôi. Đó là cái hôn thứ hai mà cũng là cái hôn cuối cùng.

Tôi nép đầu vào thầy tôi, lả đi và tự nhiên nhắm mắt lại. Tôi cố mở mắt ra nhưng không sao mở được. Tôi cấu mạnh vào cánh tay tôi, da vô tri giác, không biết đau, nhưng sự lay động đó cũng làm cho tôi tỉnh phần nào.

Thầy tôi ngồi tựa lưng vào cửa hàng rào thở khò khè từng cơn ngắn và nhanh. Con Lãnh Nhi tựa đầu vào ngực tôi đã ngủ rồi. Trên trời, gió thổi vẩn to, ném những ngọn rơm xuống đầu chúng tôi khác nào như những chiếc lá khô trên cây rụng xuống. Trên đường, không một bóng người. Bốn bề buồn lặng như đượm màu tang.

Sự im lặng đó làm tôi kinh hãi Tại sao kinh hãi? Tôi cũng không biết, Chỉ thấy một mối kinh hãi mơ hồ làm cho tôi buồn rầu, đau đớn, nước mắt tự nhiên ràn rụa ra. Có lẽ tôi chết ở đây thôi.

Nghĩ đến cái chết, tôi lại nhớ đến làng Văn Ông, nhớ đến bà Bảo Liên, mẹ tôi. Ôi! Nhắm mắt không được nhìn thấy mẹ tôi, nhà tôi, vườn tôi: Nhưng không, tôi đang đứng ở trong vườn nhà tôi. Mặt trời rọi những tia nắng ấm và vui. Những cây trường thọ đã nở hoa vàng. Mấy con

sáo đang lú lo trong bụi. Mẹ tôi đang lúi húi phơi màn trên giậu. Mẹ tôi vừa đi giặt ở bờ suối về. Tiếng suối chảy nghe róc rách.

Kia là thuyền Thiên Nga. Cậu An Tuyên đang ngủ trên giường. Bà Mỹ Lưu còn thức, nghe tiếng gió thổi ào ào, bà nghĩ trời rét thế này không biết tôi ở đâu?

Rồi óc tôi lộn xộn dần, tim tôi tê dại. Tôi lịm đi lúc nào không biết.

CHƯƠNG XIX

LỆ HOA

Khi tôi tỉnh dậy thấy mình nằm trong một cái giường con, ngọn lửa trong lò bốc cao soi sáng khắp phòng.

Tôi đưa mắt nhìn chung quanh.

Tôi không quen cái buồng này.

Tôi cũng không quen những người ở chung quanh tôi: một người đàn ông mặc áo xám, đi guốc vàng, ba hay bốn đứa trẻ trong số đó có một đứa con gái độ 5 hay 6 tuổi cứ nhìn tôi và đứng ngây ra.

Tôi chống tay ngồi dậy.

Mọi người chạy vội đến.

Tôi lẩm bẩm:

—... Vỹ Tiên?

Người con gái lớn đoán:

— Nó gọi cha nó.

— Không phải cha tôi, đó là thầy tôi. Thầy tôi đâu? Lãnh Nhi đâu?

Giá ông Vỹ Tiên là cha tôi, có lẽ người ta cũng dè dặt chưa kể rõ cho tôi nghe. Nhưng ông là thầy tôi nên người ta cần nói thực việc đã xảy ra cho tôi biết.

Cái cửa mà chúng tôi nép ở đó đêm qua là cửa nhà một người làm vườn. Khoảng 2 giờ sáng, người ta mở cửa đó để đi chợ thì thấy chúng tôi nằm phủ rơm, người ta liền gọi chúng tôi dậy để lấy lối xe đi. Nhưng chẳng thấy ai động dậy, chỉ có con chó sủa lên để bảo vệ chúng tôi. Người ta lắc cánh tay chúng tôi. Chúng tôi cứng đờ. Biết là có chuyện chẳng lành, người ta đem đèn ra. Xem xét xong, người ta biết ông già đã chết, chết rết, còn tôi thì cũng gần như ông già. Nhờ có con

Lãnh Nhi ôm lấy ngực tôi, tim tôi còn giữ được chút nóng, nên tôi còn thoi thóp thở. Người ta liền ẵm tôi vào nhà, đánh thức một đứa con dậy để lấy giường cho tôi. Tôi nằm như chết. Rồi máu dần dần chạy điều hòa, tôi thở được dễ dàng. Sau sáu giờ tĩnh dưỡng tôi mới tỉnh.

Thế xác và tinh thần tôi tuy còn tê dại nhưng tôi cũng đủ tỉnh táo để hiểu những lời tôi vừa nghe thấy: thầy tôi đã chết!

Đó là người mặc áo xám, ông làm lại vườn, đã kể cho tôi nghe. Trong khi ông nói, cô con gái nhỏ cứ nhìn tôi không chớp mắt. Khi ông bảo thầy tôi đã chết rồi, tôi nức nở khóc thì cô bé chạy lại, vúi lấy tay cha u ú không ra tiếng người và trở tôi có vẻ buồn rầu thương hại. Tôi cảm thấy tôi không chơ vơ và hình như thầy tôi còn ở đâu bên mình.

Người cha cúi xuống bảo con:

– Lệ Hoa ơi! Tin đó buồn thực. Cha không nỡ giấu. Bây giờ nếu cha không nói thì cảnh binh cũng sẽ nói.

Rồi ông kể nốt cho tôi nghe. Người ta báo cảnh binh đưa người đến cáng ông già đi. Còn tôi thì được ẵm vào giường cậu An Sinh, con trai lớn ông.

Khi ông nói xong, tôi hỏi:

– Còn Lãnh Nhi? Lãnh Nhi?

– Ta không biết. Nó đi mất.

Một người con trai ông nói:

– Nó chạy theo cáng ông già.

– Bằng Mai! Con trông thấy à?

– Vâng. Nó theo sau những người khiêng cáng, cúi đầu ủ rũ, thỉnh thoảng lại nhảy lên đòn cáng. Người ta đuổi xuống thì nó kêu lên những tiếng thảm thiết, ghen ngào.

Con Lãnh Nhi đáng thương! Đã bao lần nó đóng vai người đưa đám, theo sau xe tang con Hiệp Nhi, giả bộ khóc sụt sịt, khiến cho khán giả phải ôm bụng cười!

Xong, ông làm vườn và các con ra ngoài để tôi nghỉ. Năm mãi không biết làm gì, tôi trở dậy.

Cây đàn của tôi để ở chân giường. Tôi cầm lên khoác dây vào vai sang phòng chủ nhân. Tôi phải đi và đi đâu? Tôi cũng chưa biết, nhưng tôi thấy tôi cần phải đi... Vả lại ông Vỹ Tiên dù chết hay sống, tôi muốn nhìn mặt ông. Tôi phải đi.

Từ lúc tôi tỉnh đến giờ, tôi đã khá nhiều, chỉ còn đau mình mẩy và hơi nhức đầu. Khi tôi đứng lên thì tự nhiên thấy chóng mặt phải vịn vào lưng ghế. Nhưng tôi đứng nghỉ một lúc, rồi đẩy cửa vào phòng chủ nhân.

Ông cùng các con đang ngồi bàn ăn, cạnh lò sưởi, ngọn lửa đỏ hồng. Cả nhà đang ăn món súp cải bắp.

Mùi thơm của súp đưa lên làm tôi nhớ ra rằng từ sáng hôm qua đến nay tôi chưa có mẩu bánh nào vào bụng. Tôi xiu người ra và bước không vững. Mặt tôi nhợt nhạt.

Ông làm vườn hỏi tôi, giọng ngọt ngào:

– Con ơi! Sao thế? Con đau phải không?

Tôi đáp:

– Thưa ông, vâng. Con thấy khó chịu. Ông cho con ngồi cạnh lò sưởi.

Thực ra tôi không cần sưởi mà cần ăn. Nhưng ông Vỹ Tiên không dạy tôi đi ăn xin, và tạo hóa cũng không sinh tôi ra là đứa ăn xin, nên tôi thà nhịn đói chứ không bao giờ kêu « tôi đói ». Tại sao thế? Tôi cũng không biết. Tôi chỉ biết xin cái gì mà tôi trả được.

Cô gái nhỏ không biết nói mà người cha gọi là Lệ Hoa, ngồi trước mặt tôi. Đáng lẽ tiếp tục ăn, cô ngừng lại và nhìn vào tôi. Thành linh, cô đứng dậy bưng đĩa súp đẩy lại và đặt lên đầu gối tôi.

Lạ quá, tôi không còn nói được ra tiếng, giờ tay làm dấu cảm ơn và chưa kịp cầm lấy đĩa thì cha cô bảo:

– Con ơi! Cầm lấy. Lệ Hoa thành tâm đó. Nếu lòng con muốn, hết đĩa này, con ăn thêm đĩa nữa.

Nếu lòng tôi muốn! Chỉ trong vài giây đĩa súp đã nhả quện. Lệ Hoa vẫn đứng trước mặt tôi. Khi tôi hạ thìa xuống, cô kêu lên một tiếng tỏ ý vui lòng. Rồi cô đỡ lấy đĩa trao cho cha múc thêm. Xong, cô bung lại đĩa cho tôi với một nụ cười dịu dàng làm tôi phấn khởi quên cả đói, ngồi im một lúc rồi mới nhớ ra, vội đỡ lấy đĩa.

Đĩa thứ hai ăn nhanh không kém đĩa trước. Lần này thấy thế, các con ông không mỉm cười nữa mà cười rộ lên.

Người cha bảo:

– Con ơi! Con ăn khá đấy!

Tôi đỏ mặt lên và nghĩ nên nói thật khéo bị ngờ là đùa tham ăn. Tôi liền đáp:

– Chiều hôm qua, con không được ăn.

– Thế bữa sáng?

– Bữa sáng cũng không có.

– Thấy con thì sao?

406 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Thầy con cũng chẳng ăn gì hơn con.

– Thế ra ông già bị chết rét và chết đói. Tội nghiệp!

Hai đĩa súp đầy đã làm tôi lại sức. Tôi đứng dậy xin đi.

Người cha nói:

– Con đi đâu bây giờ?

– Con muốn nhìn thấy con lần cuối cùng.

– Con có biết người ta đưa ông ta đi đâu không?

– Con không biết.

– Con có bà con nào ở Ba Lê không?

– Không.

– Người làng?

– Không có ai.

– Chỗ trọ con ở đâu?

– Thầy con không có chỗ trọ. Thầy con và con vừa tới Ba Lê hôm qua.

– Con định làm nghề gì?

– Đánh đàn và hát để qua ngày.

– Ở đâu? Ba-Lê.

– Con nên trở về quê với cha mẹ con. Cha mẹ con ở đâu?

– Con không có cha mẹ.

– Con bảo ông già râu bạc không phải là cha con?

– Con không có cha, nhưng ông già Vỹ Tiên cũng như cha con.

– Và cũng không có mẹ.

– Con cũng không có mẹ.

– Vậy con có chú, bác, cô, dì, anh chị em họ hay một người thân thích nào không?

– Không có ai cả.

– Thế con ở đâu đến?

– Chồng bà mẹ nuôi con bán con cho ông Vỹ Tiên. Thấy con rất thương con, con ơn thầy con nhiều lắm. Đến chủ nhật, con sẽ trở lại đây đánh đàn và cho con Lãnh Nhi biểu diễn để cảm ơn ông.

Tôi vừa nói vừa ra cửa. Tôi vừa bước được vài bước thì Lệ Hoa theo tôi, cầm lấy tay tôi, chỉ vào cây đàn mà mỉm cười. Tôi hiểu ý cô và hỏi:

– Cô muốn tôi đánh đàn?

Cô gật đầu và vỗ tay vui vẻ.

Cha cô nói thêm:

– Phải đấy. Con đánh một bài cho vui.

Lúc đó tôi cũng không vui gì, nhưng tôi cũng hạ đàn xuống đánh một vũ khúc hay nhất để tặng cô Lệ Hoa.

Trước hết cô nhìn tay tôi, sau cô lấy chân đánh nhịp rồi như bị tiếng đàn lôi cuốn, cô nhảy và quay nhẹ nhàng trong bếp, trong khi đó, hai

anh và chị cô ngồi yên lặng nghe đàn, Lệ Hoa không nhảy đúng bước nhưng cô quay lượn uyển chuyển với nét mặt tươi như hoa, trông rất đẹp. Ngồi cạnh lò sưởi, cha cô nhìn cô nhảy, ông ra chiều cảm động và vỗ tay.

Khi tôi đánh hết bài, cô lại trước mặt tôi, cúi chào rất nhã. Xong cô lấy ngón tay gảy vào dây đàn và nhìn tôi, có ý bảo tôi đánh bản nữa.

Tôi có thể đánh cả ngày cũng được. Nhưng cha cô bảo thôi vì sợ cô nhảy nhiều sinh mệt. Lúc đó, tôi không đánh những bài khiêu vũ nữa, tôi hát một bài « Tình ca » Ý mà thầy tôi đã dạy tôi.

Bài này điệu êm ái và âu sầu đã nhiều lần làm cho khán giả phải sa lệ.

Nghe mấy nhịp đầu, Lệ Hoa tiến lại gần tôi, mắt nhìn vào mắt tôi, môi mấp máy như nhắc lại lời hát.

Rồi giọng hát tôi mỗi lúc một buồn, cô lùi lại vài bước. Đến tiết cuối cùng, cô gieo mình vào lòng cha khóc nức nở.

410 | Dịch giả: Hà Mai Anh

Cha cô bảo:

– Thôi, con.

Người anh cô là Bằng Mai nói:

– Nó điên hay sao? Vừa nhảy múa xong, lại khóc liền!

Chị cả bảo:

– Mày điên thì có! Lệ Hoa nó hiểu âm nhạc.

Nói xong người chị cúi xuống hôn Lệ Hoa. Trong khi Lệ Hoa gục vào lòng cha, tôi vác đàn lên vai và ra cửa.

Người cha hỏi:

– Con đi đâu?

– Con đã thưa với ông là con cố tìm để trông mặt thầy con lần cuối. Xong con sẽ làm những điều thầy con đã dạy làm: đàn và hát.

– Con cố giữ nghề âm nhạc của con!

– Con không có nghề nào khác.

– Con không ngại đường xa à?

– Không. Tối đâu là nhà rồi.

– Dù sao, cái đêm con vừa qua đã đủ làm cho con phải suy nghĩ?

– Con cũng nghĩ lắm. Có một cái giường, có một góc lửa thì còn gì sung sướng cho bằng!

– Vậy con có muốn có một cái giường, một góc lửa với việc làm không? Nếu con muốn ở lại, con sẽ làm việc với ta, con sẽ chẳng sung sướng và nhàn hạ đâu! Nếu con nhận lời, con sẽ phải dậy sớm, làm vườn, cuốc đất, đồ mồ hôi lấy miếng bánh. Nhưng với miếng bánh cầm chắc đó, con không phải dầm sương dãi nắng, không phải ngủ ngoài trời như đêm trước, có thể chết rét bên gốc cây hay dưới hố không ai nhìn nhận. Tối đến con sẽ có giường đệm sẵn sàng và khi ngồi vào bàn, hơi súp đưa lên, con sẽ sung sướng rằng mình đã kiếm được và ăn thấy ngon hơn, con có thể tin như thế. Và ta nhận thấy con là một đứa trẻ có nghĩa, con có thể sống ở đây như một gia đình.

Lệ Hoa quay lại, và qua làn nước mắt cô nhìn tôi, miệng tươi cười.

Lời đề nghị đó đến bất thần khiến tôi ngây người, không tin cái tai tôi nghe có đúng không. Lúc đó, Lệ Hoa chạy lại dắt tay tôi đến một bức tranh tô màu treo ở tường, vẽ hình đức thánh Jean khoác một tấm da cừu. Xong, cô ra hiệu cho cha cô và các anh cô nhìn bức tranh đó. Xong, cô vượt cái áo da cừu của tôi và trở lên mái đầu tôi, tóc rẽ giữa và tỏa xuống hai vai những cuộn xoắn xoăn. Tôi hiểu ý cô muốn bảo rằng trông tôi giống như thánh Jean.

Không hiểu sao lúc đó tôi thấy sung sướng và có một cảm giác nhẹ nhàng. Người cha nói:

– Phải đấy, giống thánh Jean lắm!

Lệ Hoa vỗ tay cười.

Người cha lại trở lại câu chuyện ban nãy:

– Con ơi! Con nghĩ thế nào?

Một gia đình!

Tôi sẽ có một gia đình thật ư? Đã bao lần cái mộng đó ấp ủ trong lòng tôi đều bị tan vỡ! Bà Bảo Liên bà Mỹ Lưu, ông Vỹ Tiên, mọi người lần lượt xa rời cả!

Tôi sẽ không phải bơ vơ nữa chẳng? Cái hoàn cảnh của tôi lúc đó rất buồn. Tôi vừa mới mất một người đã cùng sống với tôi trong nhiều năm, gọi là thầy nhưng chẳng khác gì cha và vừa mất một người bạn đường, một người anh em là Lãnh Nhi yêu dấu, biết thương tôi và an ủi tôi. Vì thế khi ông làm vườn tỏ ý lưu tôi, thì có một mối tin tưởng làm cho tôi vững lòng.

Tôi chưa đến nỗi tuyệt vọng. Cuộc đời tan vỡ của tôi lại có thể bắt đầu nhóm lại. Cái điều làm cho tôi cảm động nhất không phải là miếng bánh cầm chắc như lời cha cô Lệ Hoa đã nói, mà là cái không khí đầm ấm hòa vui, cái đời sống gia đình mà cha cô đã hứa hẹn.

Những cậu con trai kia sẽ là anh tôi ư?

Cô Lệ Hoa tươi đẹp kia sẽ là em gái tôi ư?

Trong óc non dại của tôi, nhiều lần tôi tưởng tượng tôi sẽ tìm thấy cha tôi, mẹ tôi, nhưng không bao giờ tôi nghĩ đến sẽ có anh chị và có em. Mà bây giờ tất cả đều đến với tôi.

Đành rằng những người đó không liên hệ với tôi bằng máu mủ, nhưng rất có thể ràng buộc trong tình thương yêu. Muốn thế, tôi phải yêu họ — điều này tôi rất sẵn sàng — và phải làm sao cho họ thương tôi, việc này xem ra cũng không khó lắm, vì mọi người trong nhà đều hiền hậu và nhiệt thành.

Tôi tháo mạnh cái quai đàn trên vai ra.

Người cha vừa cười vừa nói:

– Đó là một câu trả lời rất hay! Con ơi, con hãy treo đàn vào cái đinh kia rồi ngày nào con không thích ở đây nữa, con sẽ lấy xuống để bay nhảy tới một phương trời khác, có điều con phải cẩn thận như chim én, như họa mi, là phải biết tìm mùa để ra đi.

Tôi đáp:

– Con xin ra đi một lần thôi, ra đi để tìm thầy con.

Cha cô Lệ Hoa nói:

– Con nói phải lắm.

Cái cửa vườn mà chúng tôi ngã gục đêm trước thuộc nhà một người làm vườn nói trên tên là An Thanh. Gia đình này gồm có năm người: một người cha, hai con trai là An Sinh và Bằng Mai, hai người con gái là Yến Chi, chị cả và Lệ Hoa em út.

Lệ Hoa không phải câm từ thuở lọt lòng, nghĩa do không phải vì tật diếc mà ra. Cô đã nói được hai năm. Không may đến năm lên bốn cô mắc chứng bệnh co gân rồi bị rụt lưỡi không nói được. May mà óc cô còn toàn vẹn; không những thế, cô lại có phần sáng suốt thêm ra, cái gì cô cũng biết cũng làm cho người ta hiểu mình như lời nói. Trong những gia đình nghèo và cả những gia đình khác, những đứa trẻ tàn tật thường bị hắt hủi hay đày đoạ, nhưng trường hợp của Lệ Hoa lại khác hẳn. Thông minh, lanh lợi, vui tươi,

hiếu thuận, nên từ cha cô đến các anh chị cô đều yêu thương và quý cô nhất nhà.

Ngày xưa, quyền trưởng tử thật được trọng vọng trong những nhà quý tộc. Ngày nay, những con đầu lòng ở các gia đình thợ thuyền, chỉ hưởng thụ được những trách nhiệm nặng nề.

Bà An Thanh mất khi Lệ Hoa lên một. Từ ngày đó Yến Chi lớn hơn An Sinh hai tuổi phải đảm đương việc nhà thay mẹ. Đáng lẽ đi học, Yến Chi phải ở nhà làm cơm, khâu vá, dọn dẹp và trông nom Lệ Hoa. Người ta quên hẳn cô là con gái, là chị cả và quen coi cô như một con sen. Đối với cô, người ta không câu nệ gì vì biết rằng cô chẳng trốn đi đâu được và cô không giận dỗi bao giờ.

Ấm Lệ Hoa, dắt Bằng Mai, làm việc quần quật suốt ngày, cô dậy sớm để nấu súp cho cha ăn rồi đi chợ, thức khuya, để rửa bát, giặt quần áo. Về mùa hè, lúc rảnh việc, cô tưới cây, về mùa đông, khi giá rét, cô phải rắc rạ che rau. Cô không có giờ nào được sống cái đời con trẻ để cười, để chơi. Mới 14 tuổi đầu, mặt cô đượm vẻ lam lũ

như một cô gái già 35 tuổi, tuy nhiên lúc nào cô cũng tỏ ra nhẫn nại, dịu dàng đáng yêu.

Tôi treo đàn lên vách xong, kể lại chuyện tìm lò đá ở Chantilly cho mọi người nghe chưa được 5 phút, chợt tôi nghe có tiếng cạy cửa vườn và tiếng sửa thảm thiết.

Tôi đứng dậy và nói:

– Lãnh Nhi!

Lệ Hoa vội chạy trước ra mở cửa. Con Lãnh Nhi đáng thương nhảy vọt vào lòng tôi. Tôi ôm lấy nó, nó liếm vào mặt tôi và kêu những tiếng kít kít mừng rỡ, thân thể nó run lên.

Tôi nhìn ông An Thanh và nói:

– Còn Lãnh Nhi?

Ông hiểu ý tôi hỏi đáp ngay:

– Nó cũng ở đây với ta.

Lãnh Nhi hình như cũng hiểu, đang ở trong cánh tay tôi nhảy xuống đất, đặt tay phải vào

418 | Dịch giả: Hà Mai Anh

ngực và cúi chào. Các con ông, nhất là Lệ Hoa, thấy thế đều cười ầm lên. Muốn cho vui nhà, tôi bảo Lãnh Nhi diễn vài trò, nhưng nó không chịu, nhảy lên đầu gối tôi, cọ đầu vào má tôi rồi nhảy xuống, lấy răng cắn tay áo tôi lôi đi.

Tôi nói:

– Nó bảo tôi đi!

Ông An Thanh nói theo:

– Để thăm thầy con.

Nhân viên cảnh sát sau khi đã đưa thi hài ông Vỹ Tiên đi rồi, cần gặp tôi để thẩm vấn. Họ đợi cho tôi tỉnh hẳn rồi sẽ đến. Trong khi chờ đợi, tôi buồn quá, không biết thầy tôi có chết không hay lại sống lại như tôi.

Thấy tôi bồi hồi lo lắng, ông An Thanh liền đưa tôi đến sở cảnh sát. Chúng tôi đến nơi, người ta hỏi tôi chưa hết câu nọ đã đến câu kia. Khi người ta cho biết thầy tôi đã mất thực, tôi mới chịu trả lời. Những điều tôi biết và khai ra rất

đơn sơ. Sở cảnh sát muốn biết kỹ hơn nên hỏi tôi rất lâu về thân thế ông Võ Tiên và gốc tích của tôi. Về lai lịch của tôi, tôi chỉ biết khai rằng tôi không có cha mẹ, chồng bà mẹ nuôi tôi nhận một món tiền và cho tôi đi ở với ông Võ Tiên.

Ông cảnh sát trưởng hỏi tôi:

– Thế bây giờ?

Ông An Thanh trả lời thay tôi:

– Chúng tôi xin nuôi em này, nếu ông cảnh sát trưởng đồng ý giao em cho tôi.

Ông cảnh sát trưởng đáp:

– Thế thì còn gì hay hơn nữa. Ông đã làm một việc thiện.

Bây giờ tôi phải khai về thân thế ông Võ Tiên. Việc này khó quá vì tôi không biết và chẳng biết gì.

Có một điều bí ẩn tôi biết nhưng không dám nói là việc hôm mới rồi một người đàn bà nghe

thầy tôi hát rồi hỏi dò la và việc Phú Lợi dọa tố cáo thầy tôi. Có lẽ những điều thầy tôi giữ kín lúc sinh thời, bây giờ sẽ tiết lộ hết?

Thực vậy, đứng trước một viên cảnh sát trưởng lành nghề, một đứa trẻ thơ dại như tôi khó lòng nói quanh. Vì thế chỉ trong 5 phút, tôi cứ tuồn tuột nói ra tất cả những điều tôi muốn giấu, cũng là tất cả những điều mà ông cảnh sát trưởng cần biết.

Ông liền gọi một người cảnh binh và bảo:

– Thầy dẫn em này tới phố Lục Sinh, em sẽ nhận lối và tìm đến nhà Phú-Lợi. Thầy sẽ hỏi Phú Lợi về việc ông già cho tôi.

Ba người chúng tôi cùng đi: người cảnh-binh, ông An-Thanh và tôi.

Đúng như lời ông cảnh sát trưởng, đến đó tôi nhận được lối và tìm được nhà Phú Lợi ở tầng gác thứ tư ngay. Tôi không gặp Mã Tư, có lẽ anh ta ốm nặng phải đưa vào Nhà Thương rồi. Thấy cảnh sát đến và nhận ra tôi, Phú Lợi tái mặt, sợ

hải. Nhưng khi người cảnh binh nói lý do mình được phái đến, Phú Lợi trấn tĩnh ngay và than:

– Tội nghiệp! Ông già chết rồi ư?

– Ông có quen ông ta không?

– Quen lắm.

– Vậy ông hãy cho tôi biết về lai lịch ông ta.

– Dễ lắm. Ông ta vốn không phải tên là Võ Tiên, chính tên là Cát Bằng Giang. Ba bốn mươi năm về trước, Bằng Giang lừng danh là ca sĩ đại tài ở Ý đại Lợi. Trên sân khấu các Đại hí viện ông đã được hoan nghênh phi thường. Ông đã từng đi trình diễn ở Náp, ở La Mã, Mi Lăng, Vơ Ni, Phạt Lan, Luân Đôn, Ba Lê. Nhưng rồi thay một ngày kia ông bị bệnh và khản tiếng. Thế là hết thời oanh liệt, hết thời làm chúa các nghệ sĩ. Ông không muốn đi hát ở các rạp nhép để giảm cái phương danh của mình. Ông liền bỏ tên Cát Bằng Giang, lấy tên mới là Võ Tiên và xa lánh những người đã quen biết ông. Dù sao cũng phải sinh sống, ông ta xoay nhiều nghề nhưng đều thất bại cả. Rút cục thành ông lão diễn trò rong.

Nhưng trong cái đói khó, lòng tự hào của ông vẫn còn. Ông có thể xấu hổ chết được nếu có người biết rằng Băng Giang lưng lầy ngày xưa, nay chính là Võ Tiên đói rách lang thang.

Một sự tình cờ đã cho biết điều bí ẩn đó.

Lời khai của Phú Lợi đã giải thích rõ ràng những điều nghi hoặc của tôi.

Ông Băng Giang đáng thương, ông Võ Tiên đáng kính của tôi ơi! Thầy tôi ơi! Người ta bảo rằng thầy đã từng làm vua, thực không quá đáng!

CHƯƠNG XX

THỢ TRỒNG HOA

Hôm sau, người ta mai táng thầy tôi, ông An Thanh hứa sẽ cùng tôi đưa thầy tôi đến nơi ở cuối cùng.

Nhưng sáng hôm sau, tôi không dậy được vì tự nhiên tôi thấy rùng mình rồi phát sốt, ngực nóng như lửa, giống như bệnh của con Hảo Tâm ẩn trên cây sau một đêm tuyết giá.

Thực vậy, tôi bị chứng phế viêm vì tôi bị nhiễm lạnh đêm tôi ngã gục ở cửa vườn.

Cũng nhờ dịp này mà tôi nhận thấy lòng tốt của gia đình chủ nhân và đức tính hy sinh của cô Yến Chi.

Những nhà nghèo mấy khi dám mời đến thầy thuốc, thế mà vì bệnh tôi trầm trọng nên người ta đã phải đi ra ngoài cái lệ đó. Thầy thuốc mời đến không cần phải xem lâu hoặc hỏi lâu mới biết căn bệnh của tôi. Lập tức ông ta bảo phải đem tôi vào Nhà Thương làm phúc.

Đó là một việc rất dễ. Tuy nhiên ý kiến này không được chủ nhân chấp thuận. Ông nói:

– Nó sa vào cửa nhà tôi, chứ không sa vào cửa Nhà Thương. Tôi phải giữ nó và chữa cho nó.

Ông thầy thuốc cố sức phân trần những cái nguy về bệnh của tôi bằng những lý lẽ rất tai hại cho tôi, nhưng không lay chuyển được lòng chủ nhân. Người ta nghĩ nên giữ tôi và đã giữ tôi.

Thế rồi cô Yến Chi ngoài công việc nhà bận rộn, còn làm khán hộ cho tôi. Cô săn sóc tôi chẳng khác chi một bà Phước, rất kiên nhẫn và không quên điều gì. Khi cô bận việc khác thì Lê Hoa lại vào thay.

Đã bao nhiêu lần tôi trông thấy Lê Hoa ngồi cạnh chân giường tôi nhìn tôi bằng đôi mắt buồn

rầu. Trong cơn mê sảng, tôi tưởng tượng cô là một vị thiên thần hộ mệnh, rồi tôi cầu nguyện như trước một nàng tiên, có vòng hào quang sáng rực chung quanh đầu, nhưng lạ quá nàng lại chung sống với chúng tôi và không thấy có đôi cánh trắng để bay.

Bệnh tôi rất đau đớn và kéo dài với những biến chứng nguy hiểm có thể làm thất vọng cho mọi người nhưng không sao làm nản lòng sẵn sóc và tin tưởng của cô Yến Chi. Đã mấy đêm rồi, người ta phải thay phiên nhau để trông tôi vì mỗi khi tôi lên cơn thì lại nghẹt thở, mệnh hệ của tôi như treo đầu sợi tóc. Hết An Sinh lại đến Bằng Mai lần lượt thức ngồi cạnh giường tôi.

Sau cùng, tôi thoát chết. Kỳ dưỡng bệnh bắt đầu. Nhưng tôi chỉ còn xương với da, bước đi không vững, phải nghỉ ngơi ít lâu mới ra ngoài được.

Mùa đông hết. Những cánh đồng cỏ bắt đầu xanh tươi. Lệ Hoa không phải làm gì, thay Yến Chi đưa tôi đi chơi trên bờ sông Bích. Đến trưa, trời đứng bóng, chúng tôi tay cầm tay, đi thong

thả xem phong cảnh, con Lãnh Nhi nhảy nhót theo sau, Mùa xuân năm đó thực đầm ấm và xinh tươi đã để lại cho tôi một kỷ niệm cũng đầm ấm và xinh tươi không bao giờ quên được.

Đây là một vùng mà những thị dân ở Ba Lê ít khi đặt chân đến, người ta chỉ biết lơ mơ rằng vùng này là một thung lũng, một nơi nhơm nhúa vì có dòng Bích chảy qua, người ta yên trí dòng sông này chỗ nào cũng như quãng ở ngoại ô chảy qua làng Mạc Sơn, nơi có nhiều xưởng công nghệ làm vắn đục nước sông. Có biết đâu rằng từ làng Viên, làng Dung trở đi, dòng nước trở nên trong vắt chảy êm đềm dưới những cây liễu rủ hay ngọn bạch dương cao. Hai bên bờ, những đồng cỏ xanh rờn rải tới chân đồi, san sát những nhà cửa và vườn tược. Những bông cúc điểm trắng trên nền cỏ màu bích ngọc. Trên cành liễu, trên cây dương, mầm, lá xanh non, nào chim sâu, chim sẻ, nào chim chèo bẻo, chim mai hoa, nhảy nhót bay lượn và ca hát vang lừng như bảo cho ta biết đây còn là nơi thôn dã, chứ chưa phải là chốn thị thành.

Đó là phong cảnh thung lũng Bích Giang từ ngày ấy đến giờ chắc có đổi thay và những ấn tượng trong sáng hãy còn in sâu trong trí tôi như ngày tôi dạo chơi thửa ấy. Nếu tôi là họa sĩ, tôi đã vẽ ra cho quý độc giả nhìn thấy những rặng bạch dương không sót một cây nào, những cây liễu cổ thụ, những cây bồn tử um tùm rễ bò trên đất, và những sân băng trước những tòa nhà cổ, ở đó chúng tôi đã thi nhau nhảy cò cò và trượt trên tuyết rất vui. Lại còn những cối xay, cánh quay trước gió như những cái chong chóng lớn ở làng Bất. Những dân thợ gặt ở làng Hiên, những xưởng thuộc da, những trang trại với những nông dân chất phác.

Trong những lúc dạo chơi, Lê Hoa không nói được, nhưng chúng tôi đã dùng mắt để trò chuyện với nhau, không cần đến lời nói.

Dần dần tôi lại sức và có thể giúp đỡ công việc làm vườn. Tôi rất mong chóng đến ngày đó để làm cho gia đình ông An Thanh những gì mà gia đình ông đã làm cho tôi, nghĩa là hết sức làm việc để đền đáp lại cái ơn sâu mà gia đình ông

đã dành cho tôi, Từ thuở nhỏ đến giờ, tôi chưa hề làm việc gì nặng nhọc, những thôi đường dài mặc dầu vất vả cũng chưa phải làm một công việc liên tục cần đến ý chí và cần lao. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ làm được việc, nếu không cũng cố gắng theo gương cần mẫn của các người xung quanh tôi.

Bây giờ là mùa hoa tử la, một thứ lan người ta đang bắt đầu chở vào bán ở Ba Lê. Nhà ông An Thanh năm nay trồng toàn thứ hoa đó. Thứ hoa này có giống trắng, giống đỏ và giống tím. Mỗi màu trồng riêng một luống, thành thửa, xa trông thấy những dòng toàn đỏ, những dòng toàn trắng, và những dòng toàn tím rất đẹp.

Trên các luống đều có giàn lắp khung kính có thể mở đóng được. Chiều đến, khi các cửa đó chưa hạ xuống, trong vườn nức một mùi hương thơm ngát.

Tôi được cắt vào một việc vừa với sức mảnh dẻ của tôi. Mỗi buổi sáng, khi tan giá, tôi phải mở các cửa kính ra; chiều đến, lúc sương giá xuống, tôi lại đóng các cửa vào. Những buổi trưa, tôi còn lấy rèm che hoa hay nhấc ra tùy theo sức nóng

của mặt trời. Trong khi tôi làm những việc đó thì Lệ Hoa giữ việc thúc đẩy con lừa kéo guồng nước, Bằng Mai chuyên những nước ấy để tưới cây, An Sinh giúp cha làm vườn. Mỗi người một việc, không ai ngồi không. Tôi đã từng được trông thấy những nỗi vất vả của nông dân làng tôi, nhưng chưa hề tưởng tượng đến những nỗi cần khổ và kiên nhẫn của những người trồng hoa ở ngoại thành Ba Lê. Họ dậy từ lúc mặt trời chưa mọc và nghỉ sau khi mặt trời lặn. Suốt ngày làm quần quật không bỏ phí phút nào. Tôi đã từng trông thấy người ta cày đất trồng lúa, nhưng tôi chưa hề tưởng tượng rằng đất có thể nảy nở không ngừng nếu người ta luôn luôn đem sức cần lao khai thác như ở vùng này. Thật là một trường thực nghiệm rất bổ ích cho học vấn của tôi vậy.

Tôi không chuyên việc trông nom cửa kính mãi. Khi tôi khỏe hẳn, tôi rất lấy làm thích được gieo hạt, thích hơn nữa khi thấy nảy mầm và lên cây. Tôi coi đó là công trình của tôi, vật riêng của tôi, nên tôi có phần tự hào là đã được việc cho chủ nhân. Mỗi khi nghĩ đến điều đó thì tôi lại quên hết mọi khó nhọc.

Dần dần, tôi quen sống cái đời cần lao mặc dầu vất vả nhưng khác hẳn với đời sống lang thang của kẻ diễn trò. Trước kia sống tự do ngoài trời, chỉ có việc thắng tiến trên các đường cái, bây giờ rút lại ở trong bốn bức giậu của khu vườn, từ sáng đến chiều làm việc khó nhọc, áo đầm mồ hôi, tay xách nước, chân lội bùn. Nhưng chung quanh tôi, ai nấy đều vất vả như thế. Người cha xách những thùng nặng hơn, áo người cha ướt đầm hơn áo chúng tôi. Cái khó nhọc phân công đều, tôi thấy nhẹ nhàng đi. Hơn nữa, tôi tìm được ở đây một cái gì mà tôi coi như không bao có nữa, đó là cái đời sống gia đình. Tôi không cô độc nữa. Tôi không là đứa trẻ bỏ rơi nữa. Tôi có giường riêng của tôi. Tôi có chỗ ngồi ở bàn ăn chắc chắn. An Sinh hay Bằng Mai và tôi cũng có lúc đấm lẫn nhau, nhưng một khi tay bỏ xuống rồi thì ai nấy đều quên cả. Và chiều đến, hội họp chung quanh món súp nóng; chúng tôi lại là bạn, là anh em.

Nói cho đúng ra, không phải lúc nào cũng là làm việc cả đâu. Chúng tôi cũng có giờ nghỉ ngơi và giải trí tuy ngắn thật nhưng rất thú vị.

Những chiều chủ nhật, chúng tôi thường tụ hội ở dưới giàn nho đầu nhà. Cây đàn treo suốt tuần lễ được đem ra. Tôi gảy cho các anh, chị, em khiêu vũ. Không ai biết khiêu vũ cả, nhưng An Sinh và Bằng Mai đã được đi dự một tiệc cưới nên còn nhớ một vài bước và tạm nhẩy được điệu đối vũ. Khi mọi người nhẩy mệt, tôi lại hát những bài tôi thuộc và bao giờ đến bài « Tình ca » là Lệ Hoa rơm rớm nước mắt.

Để làm cho Lệ Hoa vui, tôi lại bảo Lãnh Nhi diễn những trò khôi hài, Con Lãnh Nhi cũng rất sung sướng, coi những ngày chủ nhật như những ngày hội vì nó lại được sống lại những ngày vui đã qua.

Những ngày chủ nhật đối với tôi còn là « ngày Võ Tiên » nữa. Tôi đánh đàn, tôi hát như là khi thầy tôi còn ở bên cạnh tôi. Ông Võ Tiên kính mến! Tôi càng lớn thì tôi lại càng nhớ đến ông và hiểu biết cái ơn giáo dục của ông đã dành cho tôi. Tôi ở trại hoa thẩm thoát đã được hai năm rồi. Ông An Thanh thường đưa tôi đi chợ, ra bến Tàu, qua Tháp Nước, hay đến nhà những người

bán hoa vẫn giao dịch với chúng tôi, vì thế dần dà tôi biết Ba Lê và hiểu rằng Ba Lê không phải là một thành phố lâu vàng, điện cẩm thạch như ngày còn bé tôi mơ tưởng, nhưng cũng không phải là một thành phố lộn lạo như tôi đã yên trí khi mới vào những phố ngoại ô.

Tôi được nhìn thấy những lâu đài và được vào thăm một vài nơi. Tôi đi tản bộ trên bến tàu, trên những đại lộ, trong vườn Lục-Xâm-Bảo và các công viên khác. Tôi nhìn thấy những tượng đồng, những đài kỷ niệm.

Tôi cảm thán trước những sự hoạt động của quần chúng và tôi đã nhận thức được thế nào là chốn phồn hoa đô hội.

Cái kiến thức của tôi không phải chỉ thấu thái được bằng mắt hay là do những cuộc đi chơi ngẫu nhiên qua các phố ở Ba Lê. Trước khi làm nghề trồng hoa, ông An Thanh đã từng làm việc cho sở Ương cây ở vườn Bách Thảo. Ở đó, hàng ngày ông giao tiếp với các chuyên viên nên học hỏi được nhiều. Trong bao nhiêu năm, ông đã dành tiền mua sách, lúc rảnh việc đọc và học thêm. Đến

khi ông lập gia đình rồi có con, thì giờ nhàn hạ cũng ít đi. Sinh kế cần hơn, nên sách vở phải xếp lại. Tuy nhiên ông không bán hoặc bỏ mất, ông giữ trong một góc tủ. Mùa đông, năm thứ nhất ở nhà ông, tôi thấy dài quá vì việc làm vườn không đình hẳn nhưng trì trệ vì thời tiết. Bấy giờ, để cho có việc trong những buổi chiều ngồi không bên lò sưởi, ông An Thanh lấy sách ra và phân phát cho chúng tôi xem. Phần nhiều là sách Thực vật học, Vạn vật học và một vài quyển Lữ hành ký, An Sinh và Bằng Mai không được hiểu học như cha, tối nào cũng thế, khi cầm quyển sách chỉ đọc đến trang thứ ba hay thứ tư là mắt nhắm nghiền lại. Tôi ít ngủ và tò mò hơn, tôi chăm chú đọc rất khuya. Những bài học vỡ lòng của ông Võ Tiên không đến nỗi uổng, nghĩ thế nên lúc đi ngủ tôi lại cảm nhớ đến thầy tôi.

Tôi ham đọc quá, chủ nhân cũng yêu và kể chuyện khi ông còn nhỏ thường bớt quà sáng mỗi ngày 2 xu để lấy tiền mua sách.

Ngoài những sách sẵn có trong tủ, thỉnh thoảng ông lại mua thêm một hai quyển ở Ba Lê

đem về. Ông không chọn lọc. Gặp lúc nào thích hoặc xem nhan sách thấy hay thì mua. Nhưng dù sao cũng là những quyển sách. Thực tình, đọc sách phức tạp, óc tôi thành ra lộn xộn nhưng dần dần những cái hay, cái đẹp trong sách vẫn còn ghi lại. Người ta nói rằng đọc sách nhiều cũng có ích, thực đúng vậy.

Lệ Hoa không biết đọc. Những lúc rồi thấy tôi miệt mài đọc sách cô nghĩ không biết trong sách có cái gì làm cho tôi say mê đến thế. Lúc đầu, cô giấu những quyển sách đó đi vì chúng đã làm cho tôi không đi chơi được với cô. Nhưng rồi cô lại thấy tôi cứ tìm đến những quyển sách đó để xem. Cô bảo tôi đọc lên cho cô nghe. Rồi cô bảo tôi dạy cô đọc chữ in. Cô rất thông minh, mặc dầu không nói được, cô dùng mắt và tai để thay cho lưỡi, không bao lâu cô biết đọc. Tuy nhiên cô vẫn thích nghe tôi đọc. Thành ra có một mối dây liên lạc giữa cô và tôi. Cô củi mình xuống bàn, để hết tâm trí vào sách, cô đã tìm thấy trên trang giấy những điều mà cô muốn tìm: một sự giải trí và một món ăn tinh thần.

Chúng tôi đã qua bao nhiêu giờ êm đềm ấy: cô ngồi trước mặt, hai mắt nhìn tôi, tôi th: cầm sách đọc. Thỉnh thoảng gặp những tiếng khó hay những đoạn không hiểu, tôi ngừng lại và đưa mắt nhìn cô. Chúng tôi cố tìm để hiểu, lắm khi không ra. Cô liền ra hiệu cho tôi cứ tiếp tục đọc đi, « mai ngày » sẽ hay. Tôi lại dạy cô vẽ nữa — vẽ theo danh từ của tôi — Môn học này rất lâu và khó, nhưng rồi cô cũng thành tựu được. Dĩ nhiên tôi là một ông thầy nghèo nàn, nhiều khi « bí » nhưng nhờ ở chỗ thầy trò hiểu nhau, nên sự đồng tâm đã thành công hơn là tài năng. Khi cô vẽ đã thành hình để người ta hiểu được là cô muốn vẽ gì, lúc đó cô rất vui sướng. Cha cô hôn tôi và nói:

– Con thực tận tâm. « Mai ngày » Lệ Hoa sẽ cảm ơn con.

« Mai ngày » nghĩa là khi nào Lệ Hoa nói được vì người ta tin tưởng rằng thế nào lời nói cũng được trả lại cho Lệ Hoa, nhưng theo lời thầy thuốc thì phải đợi bao giờ bệnh thể biến hóa thì mới nói như cũ được.

Cô thích nghe đàn và yêu cầu tôi dạy cô. Cô học rất chóng. Còn hát thì cố nhiên cô không học được vì thế lắm khi cô buồn và rơi lệ. Nhưng nét buồn chỉ thoáng qua thôi, vì tính nết của cô dịu dàng và hòa nhã, cô vội lau nước mắt và với nụ cười nhẵn nại cô ra hiệu cho tôi biết là đợi đến « mai ngày ».

Được ông An Thanh nuôi nấng, được các con ông coi tôi như tình ruột thịt, tôi sẽ ở trại trồng hoa đó suốt đời tôi nếu không có cái tai họa bất kỳ xảy đến làm thay đổi hẳn cuộc sống của tôi. Có lẽ số tôi không được sung sướng lâu dài, khi tôi tưởng được yên thân một chút lại chính là cái ngày mà tôi bị phải, một lần nữa, ném ra trên con đường luân lạc.

CHƯƠNG XXI

TAN TÁC

Có những ngày rồi rã, ngồi một mình, tôi nghĩ ngợi rồi tự nhủ:

– Minh ơi! Minh sung sướng lắm rồi! Chẳng được thế mãi đâu!

Cái tai họa nó sẽ xảy ra thế nào, tôi không đoán được. Nhưng tôi chắc chắn rằng từ phía này hay từ phía kia thế nào nó cũng đến.

Điều đó làm cho tôi buồn, nhưng cũng làm cho tôi hết sức chăm lo công việc vì tôi sợ rằng lỗi tại tôi mà tai họa xảy đến.

Lỗi không phải tại tôi, tôi đoán nhầm.

Nhưng tai họa có xảy ra, tôi đoán trúng.

Trên kia tôi đã nói chủ nhân chuyên nghề trồng lan tử la. Đó là một thứ hoa rất dễ trồng nên những thợ trồng hoa ở ngoại thành Ba Lê đều thành công cả: cứ xem những thân cây xanh mập có hoa từ gốc đến ngọn, người ta đem vào bán ở các chợ trong thành phố về tháng Tư và tháng Năm thì biết. Tuy nhiên có một điều rất cần thiết cho người thợ trồng hoa tử la là phải biết chọn trồng những hoa kép vì theo mốt mới người ta không thích hoa đơn. Khốn nỗi những hạt giống đem gieo thường mọc lên những hoa kép, hoa đơn lẫn lộn nhau. Như vậy, nếu không biết chọn những cây kép và loại ngay những cây đơn ra thì phải « nuôi nợ » những cây này, có tới 50%, trong một năm trời cho đến khi chúng thò hoa đơn ra mới biết mà vứt đi thì đã muộn rồi. Vì thế người ta phải biết cách « lọc hoa », nghĩa là biết quan sát những đặc tính hiện ra ở gân lá, ở cách lá mọc mà giữ hay nhổ những cây non đi. Công việc này không phải dễ. Vì thế rất ít người biết thuật « lọc hoa » và cũng vì thế thuật đó được giữ bí truyền trong một vài gia đình. Khi những thợ làm vườn cần chọn cây, bắt buộc họ phải nhờ đến những

bạn đồng nghiệp biết nghề; lúc đó những người này được trọng đãi không khác chi những bác sĩ hay chuyên viên được thỉnh giáo,

Ông An Thanh là một xảo thủ trong nghệ lọc hoa ở Ba Lê. Hể đến vụ này là ông vắng nhà luôn. Chúng tôi, nhất là Yến Chi rất buồn. Trong cuộc gặp gỡ nhau, các bạn trồng hoa không thể không dùng rượu, ít ra một chai, có khi hai chai, ba chai. Vì thế, sau khi đi thăm hai hay ba ông bạn về, chủ nhân thường mặt đỏ, tay run miệng nói líu ríu.

Không bao giờ Yến Chi đi ngủ trước khi cha về, lắm hôm cô đợi rất khuya. Tiếng động làm tôi tỉnh thức. Ở buồng tôi, tôi nghe rõ tiếng nói chuyện:

Người cha hỏi:

– Sao con chưa đi ngủ?

Cô Yến Chi đáp:

– Con thức để xem cha có sai bảo gì không? Thế ra cô cảnh sát định dò xét tôi à?

– Nếu con không thức thì cha nói chuyện với ai?

– Con xem, cha bước vắn thẳng. Nhìn đây, cha có thể theo đúng hàng gạch vào buồng ngủ các em.

Tôi nghe có tiếng bước loạng choạng vào bếp rồi lại trở ra.

Người cha lại hỏi:

– Lệ Hoa ngoan chứ?

– Vâng. Em con ngủ rồi. Cha đừng làm động em dậy.

– Cha có làm động đâu. Cha bước thẳng. Cha phải bước thẳng thắn vì các cô gái hay đổ vạ cho cha. À! Không thấy cha về ăn bữa tối, Lệ Hoa có nói gì không?

– Không. Em cứ nhìn chỗ cha ngồi.

– A! Nó nhìn chỗ ta?

– Vâng.

– Nhiều lần? Có phải nó nhìn nhiều lần không?

– Nhìn luôn luôn.

– Thế nó nói gì?

– Đôi mắt em nói rằng cha không có đấy.

– Nó có hỏi cha đi đâu, con có bảo nó là cha đến nhà các ông bạn không?

– Em không hỏi gì và con cũng không nói gì vì em biết rõ cha ở đâu rồi.

– Nó biết à, biết là... Bây giờ nó ngủ kỹ rồi chứ?

– Không. Vừa mới ngủ được mười phút vì em thức mãi để đợi cha.

– Thế con, con muốn gì?

– Con muốn em con không trông thấy lúc cha về.

Người cha im một lúc rồi lại nói:

– Yến Chi con ơi! Con là một đứa con gái tốt. Con nghe cha nói. Ngày mai cha phải đến nhà bác Lương nhưng thế nào cũng về ăn bữa tối với các con. Cha không muốn các con phải đợi. Cha không muốn Lệ Hoa phải đi ngủ bữa khoăn.

Nhưng lời hứa đó không thực hiện. Hôm sau ông lại về khuya hơn mọi ngày vì nể bạn uống say. Ở nhà thì ông nghĩ đến Lệ Hoa nhưng ra ngoài thì ông quên mất.

Lúc về ông lại phân trần rằng:

– Con xem, người ta thường uống cốc thứ nhất không nghĩ ngợi gì vì nể bạn, uống cốc thứ hai vì đã uống cốc thứ nhất. Người ta nhất định không uống cốc thứ ba nhưng vì đã uống hai cốc rồi thành khát. Thế rồi hơi men bốc lên đầu. Người ta chệnh choáng, người ta quên hết nỗi buồn, quên cả chủ nợ, người ta thấy mọi vật đều tươi sáng và hồn người ta thấy nhẹ nhàng như bay bổng sang một thế giới thần tiên, sở dĩ người ta uống nhiều là vì thế.

Cũng may, việc uống rượu của ông rất hãn

hữu. Vả vụ lộc hoa cũng không lâu. Một khi vụ đó hết rồi, ông chẳng còn lý do gì để ra ngoài nữa. Mà ông cũng không đi đâu nữa. Ông không phải là người hay bê tha nơi tửu quán, cũng không phải là người lười biếng thích chơi.

Mùa tử la đã hết, chúng tôi sửa soạn để trồng hoa khác, và theo phương thức của nhà trồng hoa thì không lúc nào được để vườn trống, lượt hoa này bán hết phải trồng lượt hoa khác thay vào.

Kỹ thuật của người làm vườn là phải trồng làm sao cho có hoa vừa đúng lúc các chợ đương cần đến. Lúc đó gần đến những ngày lễ trọng trong năm như lễ các Thánh Phê-Rô, Ma-Ri, Lộ-Y, hoa sẽ đắt. Biết cơ man nào là người mang tên Phê-Rô, Ma-ri, Lộ-Y, do đó biết cơ man nào là bó hoa, chậu hoa sẽ cần thiết để chúc mừng một người bạn hay một người bà con. Ai ai cũng biết quang cảnh các phố ở Ba Lê hôm trước ngày lễ đó: trăm thứ hoa bày rục rở tại các chợ, ở các cửa hàng, ở vỉa hè, ở đầu phố, không một chỗ nào là không bán hoa.

Sau mùa tử la nhà ông An Thanh trồng các thứ hoa khác để bán về tháng Bảy, tháng Tám là vụ có những lễ các thánh Ma-Ri và Lộ-Y. Vì thế chúng tôi đang gây hàng ngàn gốc thủy cúc, dương hồng, hùng quế dưới các giàn kính và trong các nhà gương. Các cây hoa này phải nở đúng ngày đã định, nếu nở sớm quá thì đến ngày lễ hoa sẽ tàn, mà nở muộn quá thì nụ bán cho ai. Ai cũng biết rằng muốn nuôi hoa, như thế thực là việc rất khó, vì người ta không phải là mặt trời, không phải là thời tiết mà muốn sao được vậy. Ông An Thanh lại rất tài về nghề này; hoa của ông không bao giờ nở sớm, và cũng không bao giờ trễ muộn. Nhưng được thế, cũng lắm công phu.

Vụ hoa này của chúng tôi có nhiều hứa hẹn. Hôm ấy là ngày mồng 2 tháng Tám, các thứ hoa trong vườn đều sai nụ. Những bông thủy cúc hàm tiếu rung rinh trước gió. Dưới giàn, trong nhà kính, những cây dương hồng, hùng quế mọc tốt như bụi gai hay thành những Kim tự tháp nhỏ, nụ ra mơn mớn từ đầu tới chân, trông rất đẹp. Thỉnh thoảng chủ nhân lại ra ngắm nghía,

xoa hai bàn tay vào nhau, ra chiều đắc ý. Ông lại bảo các con:

– Ta được mùa hoa!

Ông mừng thầm và nhắm tính số hoa lợi sắp thu về.

Cho được kết quả đó, chúng tôi phải làm việc luôn tay, cả ngày chủ nhật không giờ giải trí, Để đền bù công khó nhọc của mọi người, chủ nhân định chủ nhật mồng 5 tháng 8 này cho cả nhà đi dự bữa cơm chiều ở nhà ông bạn ở làng Ích Cường gần đó. Con Lãnh Nhi cũng được phép đi. Hôm đó mọi người sẽ làm việc gấp cho đến 3 hay 4 giờ. Xong việc, người ta sẽ khóa cửa đi chơi. Độ 5 hay 6 giờ tới Ích Cường, ăn xong phải trở về ngay để khởi ngủ muộn và có thể sáng thứ hai dậy sớm làm việc được khỏe khoắn nhẹ nhàng.

Một dịp vui sướng biết bao!

Như lời đã định, trước 4 giờ độ vài phút, chủ nhân khóa cửa ngoài.

Ông vui vẻ bảo:

– Các con lên đường!

Tôi cũng nói:

– Lãnh Nhi! Tiến lên!

Rồi tôi cầm tay, dắt Lệ Hoa chạy, Lãnh Nhi theo sau và kêu những tiếng vui vẻ. Nó nhảy chung quanh chúng tôi, nó tưởng lại được đi lâu trên đường dài vì bị giam chân ở nhà mãi nó buồn vì tôi ít thì giờ săn sóc nó, nó thềm đi với tôi lắm. Chúng tôi ai nấy đều diêm dúa trong bộ quần áo đẹp để đi ăn cỗ. Nhiều người quay lại nhìn chúng tôi. Tôi không biết người tôi lúc đó thế nào nhưng Lệ Hoa với cái mũ cói trắng, chiếc áo dài xanh và đôi giày vải xám, trông rất linh động và xinh tươi, trong làng ít ai sánh kịp. Thời giờ đi nhanh quá, tôi chẳng để ý đến. Tôi chỉ biết lúc ăn xong, An Sinh nhìn lên trời, về phía tây có đám mây đen. Vì tiệc bày ở gốc cây mộc hương ngoài sân, nên mọi người nhận thấy có một cơn dông sắp sửa đến.

Ông An Thanh bảo:

– Các con ơi! Mau về trại đi!

Các con đều kêu:

– Đã về kia à?

Lệ Hoa không nói gì nhưng phụng phịu chưa muốn về.

– Gió làm vỡ hết kính mắt. Về đi!

Ông không cần phải nói dài, chúng tôi đều biết rằng những tấm kính là tất cả tài sản của những thợ trồng hoa, vạn nhất mà vỡ thì tuyệt nghiệp. Ông nói:

– Ta và An Sinh, Bằng Mai rảo chân về trước. Còn Lê Minh cùng Yến Chi và Lệ Hoa đi sau.

Nói xong ông và hai con trai bước thật nhanh, chúng tôi theo sau không kịp, vừa đi vừa đợi Lệ Hoa.

Ai nấy im lặng. Bây giờ không là lúc cười nói, chạy nhảy như lúc đi. Trời đen dần. Trên đường gió cuốn, cát bụi bay lên từng đám lớn như mây. Đang đi mà gặp làn bụi đó, người ta phải đứng lại, quay lưng về chiều gió, lấy hai tay bưng mắt

448 | Dịch giả: Hà Mai Anh

cho bụi khỏi vào: lại phải nín thở, nếu không người ta thấy mồm đầy một vị như sỏi.

Sấm động ở đằng xa rồi đến gần với những tiếng nổ chói tai.

Yến Chi và tôi, mỗi người dắt một tay Lệ Hoa và kéo đi. Cô lê từng bước nên chúng tôi muốn đi nhanh mà không được.

Không biết chúng tôi có về kịp trước cơn mưa không? Ông An Thanh và hai anh đã về đến nơi chưa?

Công việc của chúng tôi rất tầm thường là cốt tránh sao cho khỏi mưa ướt.

Còn công việc của ông An Thanh và hai con ông rất quan trọng, là phải đóng các cửa kính ở vườn cho kịp, nếu không gió lay quạt sẽ làm vỡ hết. Mây đen kéo dày đặc làm cho tối sầm hẳn lại. Thình thoảng, gió xé những đám mây, người ta nhìn thấy bên trong sâu thẳm một sắc đồng. Nhất định, trong giây lát nữa những đám mây đó sẽ đổ xuống.

Sấm ù ù mỗi lúc một nhiều hơn. Rồi có những tiếng ầm ầm dữ dội đi về phía chúng tôi như tiếng thiên binh vạn mã ào ào chạy gấp để tránh mưa. Nhưng vô lý! Vì làm gì có kỵ binh kéo đến vùng này?

Thình lình mưa đá bắt đầu. Một vài hạt nhỏ tạt vào mặt chúng tôi. Rồi trong chớp mắt, một trận to đổ xuống. Chúng tôi phải chạy vào ẩn ở một cái cống gần đó.

Đó là một trận mưa đá dữ dội nhất người ta chưa từng thấy bao giờ. Mới mưa một lúc mà đường phố đã phủ một lớp trắng ngán như về giữa mùa đông. Những viên đá to bằng quả trứng bồ câu rơi xuống lộp độp làm kính vỡ loảng xoảng. Những hột mưa đá ở mái nhà rơi xuống cùng với mảnh ngói, vữa vụn, mảnh đá đen thành từng đống trên hè.

Yến Chi kêu:

– Còn gì là những cửa kính của nhà ta nữa?

Tôi cũng sức nghĩ đến điều đó liền nói:

– May ra ông về kịp.

– Dù có về trước cơn mưa cũng không sao đóng kịp tất cả các cửa kính hoặc che rèm. Thế là tan nát cả!

– Người ta bảo mưa đá chỉ mưa từng chỗ thôi.

– Trận mưa này gần nhà ta quá, nên khó lòng thoát được. Trời ơi! Cha tôi sẽ hết nghiệp! Cha tôi đã đặt bao nhiêu hy vọng vào tiền bán hoa. Bây giờ lấy gì để trả nợ?

Tôi không biết rõ giá các vật. Nhưng nghe thấy người ta nói rằng cứ 100 khung kính là 1500 hay 1800 phật lạng. Nếu 5.600 tấm kính nhà tôi bị mưa đã tàn phá, thật là một thảm họa cho chúng tôi, đó là chưa kể đến nhà gương và các cây hoa bị hư nát nữa.

Tôi muốn hỏi Yến Chi, nhưng mưa đổ ầm ầm, nói không nghe rõ. Và Yến Chi cũng không buồn nói, cô nhìn mưa đá rơi, thất vọng như những người đứng nhìn nhà mình đang cháy.

Trận mưa đá ghê gớm đó không lâu, độ 5 hay 6 phút thôi. Nó chột tạnh cũng như nó chột bắt đầu. Mây kéo về phía Ba Lê. Chúng tôi có thể rời chỗ trú được.

Ngoài đường, những hạt mưa đá tròn và lăn lạo xạo dưới chân chúng tôi như những hòn sỏi ở bãi biển và ngập tới mắt cá chân.

Lệ Hoa không lội trong đá lạnh bằng giày vải được. Tôi phải cõng cô. Mặt cô lúc đi tươi thẽ; bây giờ buồn thiu, tôi thấy những giọt nước mắt lã chã trên vai tôi. Không bao lâu chúng tôi đã về đến nhà. Cửa ngoài mở rộng. Chúng tôi vào ngay trong vườn. Một cảnh tượng tàn phá bày ra trước mắt; khung cửa, hoa, mảnh kính, hạt đá, thành một hỗn hợp, một đồng lộn xộn không ra hình gì. Thửa vườn ban mai tốt tươi thẽ, xinh đẹp thẽ, bây giờ thành ra những tàn vật không tên.

Chủ nhân đâu?

Chúng tôi kiếm mãi, không thấy. Sau chúng tôi vào nhà gương lớn mà không một miếng kính nào nguyên vẹn, thấy ông ngồi rũ trên một cái

ghế đầu, trong đám vụn vỡ ngổn ngang, An Sinh và Bằng Mai cũng đứng đó im lặng.

Nghe tiếng chân dẫm trên đồng kính vụn, ông biết chúng tôi đã về. Chúng tôi vừa bước vào, ông ngừng đầu lên bảo:

– Các con ơi! Các con khốn nạn của cha ơi!

Rồi ông ôm lấy Lệ Hoa mà khóc, không nói thêm một câu nào.

Ông sẽ nói những gì?

Đó là một thiên tai, nhìn trước mặt, ta chỉ thấy lớn lao thôi, nhưng, ta không tưởng tượng được cái hậu quả của nó ghê gớm đến thế nào! Sau đó Yến Chi và An Sinh cho tôi biết rằng cách đây 10 năm ông An Thanh đã tậu thửa vườn này và dựng ngôi nhà chúng tôi đang ở. Chủ đất cho ông vay một món tiền lớn để sắm sửa vật liệu về nghề trồng hoa. Ông phải trả góp trong 15 năm; mỗi năm một kỳ. Từ trước đến giờ ông đã trả được 10 kỳ rồi với bao nhiêu mồ hôi nước mắt. Những kỳ tiền phải trả đều đặn, nếu chậm trễ chủ đất sẽ tịch thu luôn cả nhà, đất lẫn vật liệu

và cố nhiên mất hẳn 10 kỳ tiền đã trả. Đó là một lỗi đầu cơ của chủ nợ thời đó nếu con nợ sòng phẳng, họ vẫn có lời, rủi cho con nợ không trả được thì nghiêm nhiên họ được lợi to. Vì thế chủ nợ chỉ mong có một ngày con nợ không trả được.

Ngày đó đã đến, nhờ trận mưa đá.

Thế rồi việc xảy ra như thế nào! Chúng tôi không phải phấp phồng lâu lai gì. Ngày hôm sau hạn trả nợ mà ông An Thanh không có tiền trả, có một người ăn mặc đồ đen đến, thái độ không được lịch sự lắm đưa cho chúng tôi một tờ giấy có dán tem trong có mấy chữ viết vào dòng để trống.

Đó là ông Thừa phát lại.

Rồi từ đó, ông ta lại luôn luôn đến nỗi quen cả tên chúng tôi. Ông ta nói:

– Chào em Lê Minh! Chào em An Sinh! Cô Yến Chi vẫn mạnh đấy chứ?

Rồi ông trao tờ giấy có tem cho chúng tôi, tươi cười như đối với bạn:

454 | Dịch giả: Hà Mai Anh

– Các em chơi nhé!

– Chơi cái con mèo!

Ông An Thanh không hay ở nhà. Ông thường ra Ba Lê. Để làm gì? Tôi không biết, thời thường ông rất cởi mở, bây giờ ông chẳng hề hé răng. Ông đến nhờ các phòng biện sự hoặc ra hầu tòa.

Nói đến tòa tôi lại ghê người. Ông Võ Tiên chẳng đã ra tòa và kết cục thế nào tôi đã rõ.

Về phần ông An Thanh, kết quả còn phải đợi. Không có tiền sửa sang gây dựng lại gian kính và nhà gương, chúng tôi phải bới đất trồng rau hoặc vài thứ hoa không cần che kính để sinh sống cho qua mùa đông và cũng để có việc làm.

Một buổi chiều kia, ông An Thanh trở về râu rĩ hơn ngày thường.

Ông gọi các con bảo:

– Các con ơi! Thế là hết cả!

Tôi định ra ngoài, vì tôi biết có chuyện biến gì đây và ông chỉ gọi các con ông thôi nên tôi không nên ở lại.

Nhưng một cái vẩy tay, ông giữ tôi lại, ông nói:

– Con không phải là người trong gia đình hay sao? Dù con chưa đến tuổi để nghe lời ta nói, nhưng cái biến cố xảy đến đã xúc động lòng con phần nào và làm cho con hiểu: Các con ơi! Ta sắp từ biệt các con.

Các con đều kêu trời!

Lệ Hoa chạy vào ôm lấy cha và nức nở khóc.

– Có phải cha tự ý bỏ các con đâu! Ai lại nỡ bỏ những đứa con thảo như các con, ngoan như Lệ Hoa?

Rồi ông ôm chặt Lệ Hoa nói tiếp:

– Vì cha không có tiền để trả nợ, người ta sẽ bán tất cả chỗ này. Nhưng cũng không đủ số tiền nợ, người ta sẽ bỏ tù cha trong 5 năm. Không trả

456 | Dịch giả: Hà Mai Anh

được bằng tiền, ta phải trả bằng thân ta, bằng tự do của ta.

Chúng tôi đều khóc òa lên.

Ông nói:

– Phải. Buồn lắm. Các con ạ. Nhưng không thể cưỡng với pháp luật vì là pháp luật. Năm năm! Trong thời gian đó các con sẽ trở nên thế nào? Đó là điều đau khổ.

Im lặng một lúc, ông lại nói:

– Ta cũng nghĩ đến điều đó và liệu sao cho các con khỏi phải bơ vơ sau ngày cha bị bắt.

Lòng tôi nở chút hy vọng.

– Lê Minh, con viết thư cho bà Cát Tường, em gái ta ở làng Mộc Văn quận Đơ Di, trình bày cảnh huống nhà ta và mời bà đến ngay. Bà là người sáng suốt và thông thạo, có thể thu xếp mọi việc cho các con.

Thực là lần đầu tiên tôi cầm bút và viết một bức thư, bức thư đó ngán nổi lại báo một tin buồn.

Mặc dầu việc đó còn bấp bênh nhưng cũng cho chúng tôi một tia hy vọng. Và trong hoàn cảnh của chúng tôi lúc ấy, hy vọng cũng là hay rồi! Còn biết làm gì hơn nữa?

Chúng tôi hy vọng. Bà Cát Tường sắp đến. Bà là một người thạo việc, rất mừng cho những đứa trẻ thơ ngây và nhỏ dại như chúng tôi. Đối với người thạo việc, trên đời này còn có việc gì khó khăn nữa? Nhưng than ôi! Bà không đến sớm như lòng chúng tôi mong đợi. Và những người cảnh sát Tư pháp đã đến sớm trước bà.

Hôm ấy, ông An Thanh cho tôi cùng đi để đến thăm một người bạn. Chúng tôi vừa ra khỏi cửa thì gặp mấy người cảnh sát kéo đến vây lấy chúng tôi. Ông An Thanh không lẩn tránh, ông thất sắc như người bị đau. Ông nghẹn ngào xin với mấy người cảnh sát đó được trở vào hôn các con.

Một người cảnh sát có lòng nhân từ bảo:

– Ông đừng lo. Tù nọ không khổ lắm đâu. Trong ấy cũng lắm người tử tế.

Chúng tôi vào nhà, bọn cảnh sát theo sau. Tôi vội ra vườn gọi các con trai ông. Khi chúng tôi trở vào thì thấy ông đang bế Lệ Hoa, cô bé khóc suốt suốt.

Người cảnh sát nói trên ghé vào tai ông, nói nhỏ câu gì tôi không nghe rõ, nhưng thấy ông trả lời:

– Vâng, thầy nói phải đấy. Phải thế mới được.

Rồi ông vụt đứng dậy, đặt Lệ Hoa xuống đất. Nhưng cô cứ bám chặt lấy ông không chịu buông ra. Đoạn ông lần lượt hôn Yến Chi, An Sinh và Bằng Mai.

Tôi đứng một góc, nước mắt ràn rụa. Ông gọi tôi:

– Minh, không lại hôn ta à? Con không phải là con ta hay sao?

Chúng tôi lúc bấy giờ cuống quít cả lên. Ông nghiêm sắc mặt bảo:

– Các con ở lại. Không được nhốn nháo.

Rồi ông cầm tay Lệ Hoa đặt vào tay Yến Chi và ra thẳng.

Tôi toan theo ông, nhưng vừa ra đến cửa thì Yến Chi ra hiệu cho tôi đứng lại.

Lúc đó chúng tôi như những kẻ mất hồn, ngồi tùm trong bếp, bưng mặt khóc như di. Không ai tìm được câu gì để nói. Nói gì? Chúng tôi vẫn biết rằng ngày một ngày hai thế nào cha cũng bị bắt. Chúng tôi chắc có bà Cát Tường ở đó để bảo vệ chúng tôi. Nhưng bà Cát Tường không ở đó.

Một giờ sau khi ông An Thanh đi rồi, bà Cát Tường mới đến. Bà thấy chúng tôi ở cả trong bếp và chẳng ai nói một câu gì. Người mà xưa nay vẫn bảo ban nâng đỡ chúng tôi, bây giờ cũng mất hết tinh thần rồi. Thực vậy, cô Yến Chi, ngày thường khỏe mạnh và can đảm như thế, nay thấy mềm yếu hơn chúng tôi. Cô không khuyên bảo

gì nữa vì mất hết nghị lực, hết sáng kiến, hoàn toàn chìm đắm trong đau khổ, có gượng được chút nào là chỉ để dỗ Lệ Hoa thôi. Người hoa tiêu đã rơi xuống biển rồi.

Chúng tôi, lũ trẻ con, từ nay không người bẻ lái, không ngọn hải đăng dẫn đường, không có cách gì để vào bến, và cũng không biết có một bến nào để ghé lên, chúng tôi thật bơ vơ trong biển của đời, bênh bồng theo sóng gió, không sao có một hành động hay một ý kiến gì để giải thoát, chỉ có lo sợ và thất vọng mà thôi.

Bà Cát Tường là một người có kinh nghiệm và sẵn ý chí. Bà từng làm vú nuôi ở Ba Lê trong 10 năm cho 5 chủ khác nhau. Bà hiểu biết những khó khăn trong đời và theo lời bà, bà biết khắc phục những trở lực đó. Sự có mặt của bà thật là một mối an ủi lớn cho chúng tôi. Chúng tôi đã tìm được chỗ bám. Chúng tôi lại đứng thẳng mình được trên đầu gối chúng tôi.

Đối với một người đàn bà, cưu mang một ổ gần 5 đứa trẻ, đứa lớn nhất chưa đến 17 tuổi và đứa bé nhất lại câm, thực là một trách nhiệm

nặng nề, chính những người đảm đang nhất cũng phải lo ngại, làm gì cho

những đứa trẻ bây giờ? Nuôi chúng được chẳng khi mà chính người ta cũng phải ăn bữa sáng lo bữa chiều?

Một chủ cũ của bà ở Ba Lê làm nghề Thừa-phát- lại. Bà đến đó để nhờ chỉ giáo. Những lời khuyên của ông này sẽ định đoạt số phận của chúng tôi. Rồi bà lại vào khám để bàn định với ông An Thanh. Bà không hề nói gì về việc vận động và ý kiến của bà với chúng tôi. Tám hôm, sau ngày bà đến Ba Lê, bà cho chúng tôi biết quyết định của bà. Vì chúng tôi còn bé quá không thể đi làm lấy mà nuôi nhau được. Mỗi đứa phải đến ở nhờ một người trong họ.

Lệ Hoa ở với cô Cát Tường ở làng Mộc Văn.

An Sinh ở với chú làm thợ mỏ ở Văn Xá, thuộc Lê Viên.

Bằng Mai ở với ông chú khác, thợ trồng rau ở Lan Thành.

Còn Yến Chi ở với một người cô lấy chồng ở miền Sa Lăng ở miền duyên hải Yến Nam.

Tôi nghe bà phân phối và đợi đến lượt tôi.

Nhưng bà Cát Tường cắt đặt đến Yến Chi thì thôi không nói nữa. Tôi liền tiến lại và hỏi:

– Thưa, còn tôi nữa?

– Mà ả? Mà không phải người nhà.

– Tôi sẽ làm cho bà.

– Mà không phải con cháu.

– Bà hỏi An Sinh, hỏi Bằng Mai xem có phải tôi rất chăm làm.

– Chăm cả ăn bánh mì nữa phải không?

Hai anh đều nói:

– Phải, phải. Minh cũng là người nhà.

Lệ Hoa lại trước mặt bà Cát Tường, chấp tay và trở vào tôi, ý kêu van cho tôi cùng đi.

Bà Cát Tường bảo:

– Cháu ơi! Cô hiểu lắm. Cháu muốn cho Minh cùng đi. Nhưng cháu nên biết ở đời lắm lúc người ta không thể làm được những điều người ta muốn. Cháu là cháu cô. Đến khi về nhà cô, chồng cô có ra bộ không bằng lòng thì cô có thể nói rằng: « Nó là cháu, nếu ta không thương nó thì ai thương nó? »

Gia đình các cô, các chú khác cũng thế. Người ta chỉ có thể rước những người họ, không ai nuôi người ngoài. Người ta bớt bánh vì con cháu chứ không ai bớt bánh cho cả mọi người.

Tôi nhận thấy tôi không thể làm gì hơn, nói gì hơn nữa. Những điều bà Cát Tường vừa nói thực quá phải. « Tôi không phải người nhà ». Tôi không vì lẽ gì để đòi hỏi nữa, còn kêu xin tức là ăn mày, tôi không muốn thế. Dù không phải là con một nhà, tôi cũng yêu các con ông như tình ruột thịt. An Sinh, Bằng Mai há chẳng phải là các anh tôi sao! Yến Chi, Lệ Hoa há chẳng phải là chị là em tôi sao? Các anh và chị lớn yêu tôi như yêu Lệ Hoa. Và Lệ Hoa cũng yêu tôi như yêu các anh Bằng Mai hay An Sinh.

Bà Cát Tường không hề thay đổi ý kiến một khi bà đã định làm. Bà cho chúng tôi biết trước là ngày mai chia tay nhau và bây giờ thì đi ngủ cả đi. Chúng tôi vừa vào buồng thì mọi người quây lấy tôi, Lệ Hoa ôm lấy tôi mà khóc. Tôi rất cảm động, nghĩ rằng mặc dầu gia đình tan tác, anh em phải xa lìa nhau, mà họ thương tôi trước nhất, phàn nàn cho tôi trước nhất, tôi há chẳng phải là người em hay sao? Tức thì một ý tưởng rọi sáng trong óc rối bời của tôi, đó là một nguồn linh cảm tự nhiên phát từ trái tim lên óc tôi. Tôi bảo các anh chị:

– Các anh chị ơi! Nếu các cô chú không nhận tôi, các anh chị cứ cho tôi là con một nhà có được không?

– Có! Có! Minh bao giờ cũng là em chúng tôi!

Lệ Hoa không nói được, nhấn mạnh câu đó bằng cái bắt tay quá chân thành khiến tôi không cầm được nước mắt. Tôi nói:

– Tôi sẽ là em anh chị, một đứa em hết lòng. Tôi sẽ chứng minh điều đó.

Bằng Mai hỏi:

– Thế anh định đi làm đâu?

Yến Chi nói:

– Có một chỗ làm ở nhà ông Bích Niên. Anh có muốn tôi hỏi giúp không?

Tôi không muốn làm thuê. Nếu tôi làm thuê ở Ba Lê, tôi sẽ không bao giờ được gặp các anh chị và Lệ Hoa nữa. Tôi sẽ lại khoác mảnh áo da cừu, tôi sẽ hạ cây đàn mà tôi đã treo ở kia, tôi sẽ đi từ Lan Thành đến Văn Xá, từ Văn Xá đến Yến Nam và từ Yến Nam đến Mộc Văn. Tôi sẽ lần lượt thăm hết anh chị Lệ Hoa. Và do tôi các anh chị và Lệ Hoa sẽ được liên lạc với nhau luôn. Tôi còn nhớ các bản « Tình ca » và vũ khúc. Tôi sẽ mưu sinh được.

Nét mặt mọi người đều tươi hẳn lên. Và trong cơn phiền muộn, lòng tôi thấy nhẹ nhàng. Chúng tôi nói chuyện rất lâu, hết chuyện dự định, chuyện chia tay, đến chuyện tái ngộ, chuyện quá khứ, chuyện tương lai.

Đêm đã khuya, Yến Chi giục chúng tôi đi ngủ. Nhưng suốt đêm đó chẳng ai chợp mắt được, nhất là tôi. Sáng sớm hôm sau, Lệ Hoa dắt tôi ra vườn, tôi hỏi cô có điều gì muốn nói.

– Cô muốn nói chuyện phải không?

Cô gật đầu.

– Cô buồn vì anh em xa cách. Cô không phải nói, tôi đã thấy rõ ở đôi mắt cô và tôi đã cảm thấy ở trong lòng tôi.

Cô ra hiệu rằng không phải vấn đề đó.

– Trong 15 ngày nữa, tôi sẽ đến Mộc Văn thăm cô.

Cô lắc đầu.

– Cô không muốn tôi đến Mộc Văn?

Muốn nói chuyện với cô, tôi thường đặt những câu hỏi để cô trả lời ở có » hay không ».

Cô muốn tôi đến Mộc Văn lắm, nhưng cô giơ tay về ba phía cho tôi hiểu rằng tôi hãy thăm hai anh và chị cô trước.

– Cô muốn rằng tôi đi đến Văn Xá, Yên Nam và Lan Thành trước?

Cô mỉm cười, sung sướng vì tôi đã hiểu ý cô.

– Tại sao cô lại không muốn tôi đến thăm cô trước?

Tay cô và mắt cô đã nói lên như sau:

– Để cho anh biết tin tức chị Yến, anh An và anh Bằng trước, rồi khi về Mộc Văn, anh sẽ kể lại cho tôi nghe những điều anh trông thấy và những lời các anh chị tôi đã gửi anh.

Cô Lệ Hoa đáng thương!

Bốn anh chị sẽ phải khởi hành hồi 8 giờ. Bà Cát Tường đã thuê một xe chiếc ngựa đưa các con ông An Thanh vào khám để từ biệt ông, rồi ra ga, mỗi người một gói lên tàu về các nơi đã định. Lúc đó 7 giờ. Đến lượt cô Yến Chi đưa tôi ra vườn:

– Chúng ta sắp xa cách nhau, tôi muốn lưu cho anh một kỷ niệm. Đây là cái hộp khâu trong

đó có đủ kim, chỉ và kéo mà trước kia người cha đỡ đầu đã cho tôi. Anh cầm lấy. Đi đường, anh sẽ cần đến các thứ này để đính cúc hoặc vá áo. Tôi sẽ không có đấy để giúp anh. Khi cầm đến cái kéo, anh sẽ nhớ đến chúng tôi.

Trong khi Yến Chi nói chuyện với tôi, An Sinh cũng lượn quanh tôi. Khi cô trở vào tôi đang cảm động không nói được câu nào thì An Sinh lại gần tôi bảo tôi:

– Tôi có 2 đồng 5 xu. Tôi biếu anh một đồng, anh nhận thì tôi thích lắm.

Trong bốn năm người chúng tôi, An Sinh là người quý tiền hơn cả. Chúng tôi thường chế riếu anh luôn. Anh góp nhặt từng xu một. Khi đổi được đồng 10 xu hay đồng 20 xu mới thì luôn tay đem ra ngắm nghía cái mặt lóng lánh của nó hay rê lên để nghe tiếng kêu leng keng thì lấy làm thú lắm.

Đồng tiền biếu bất ngờ làm cho tôi vô cùng cảm xúc. Tôi không muốn lấy nhưng anh nài tôi và bỏ vào tay tôi đồng tiền sáng loáng và đẹp quá.

Do đó, tôi nhận thấy anh quý tôi hơn tiền, vật mà anh thích nhất trên đời.

Bằng Mai cũng không quên tôi. Anh cũng muốn lưu cho tôi một kỷ niệm. Anh không có gì cả, chỉ có con dao, anh đem đổi cho tôi lấy một xu vì người ta thường kiêng cho nhau dao; « lưỡi dao hay cắt tình thân ».

Giờ phút đi nhanh chóng. Chỉ còn 15 phút nữa, phút nữa, rồi 5 phút nữa, chúng tôi sẽ xa nhau. Lệ Hoa không nhớ tôi hay sao?

Giữa lúc xe ngựa lạch cạch đến cửa, Lệ Hoa ở buồng bà Cát Tường ra, gọi tôi theo cô ra vườn.

Bà Cát Tường gọi giật lại:

– Lệ Hoa!

Nhưng cô không trả lời, cứ ra thẳng vườn.

Trong vườn còn sót một gốc hồng giống Bằng Gan ở góc giậu. Lệ Hoa bẻ lấy một cành có hai nụ hàm tiếu, cô chia cho tôi một nhánh.

Ôi! Lời nói ở miệng không hung hồn bằng lời nói ở mắt. Tiếng nói không nồng nàn, đắm thắm bằng khóe mắt!

Bà Cát Tường gọi gấp:

– Lệ Hoa! Lệ Hoa! Đồ đạc xếp cả lên xe ngựa rồi.

Tôi vác đàn và gọi Lãnh Nhi. Lãnh Nhi trông thấy nhạc khí và bộ áo của tôi năm xưa, nó nháy nhót vui mừng. Chắc nó biết rằng nó sắp được chạy nhảy tự do trên đường cái, sung sướng hơn là bị giam hãm ở xó vườn.

Lúc phân kỳ đã đến. Bà Cát Tường muốn làm văn tắt. Bà gọi Yến Chi, An Sinh, Bằng Mai lên xe và bảo tôi đỡ Lệ Hoa lên lòng bà.

Rồi thấy tôi đứng ngây ra, bà đẩy nhẹ tôi ra và đóng cửa xe lại.

Tôi kêu với theo:

– Các anh hôn cha cho tôi với, vì...

Tôi ghen ngào không nói được.

Bà Cát Tường giục người đánh xe.

– Đi đi!

Xe bắt đầu chuyển bánh.

Qua làn nước mắt tôi thấy Lệ Hoa nghiêng đầu ra cửa xe và thò tay vẫy tôi. Rồi xe chạy nhanh, đến chỗ ngoẹo, tôi chỉ còn trông thấy một đám cát bụi bay mù.

Thôi thế là hết!

Hai tay tì trên cây đàn, dưới chân con Lãnh Nhi nằm đợi, tôi đứng đó rất lâu nhìn đám bụi tan dần.

Một người hàng xóm giữ việc nhận nhà và khóa cửa cho chủ nợ, lên tiếng gọi làm tôi giật mình và trở về thực tại.

Ông ta nói:

– Em có muốn ở lại đây không?

– Không. Tôi đi.

– Đi đâu bây giờ?

– Thẳng đàng trước mặt tôi.

Có lẽ ông ta còn chút từ tâm nên giơ tay và bảo tôi:

– Nếu em muốn ở, ta sẽ nuôi em nhưng không có tiền vì em còn bé quá. Rồi sau sẽ hay.

Tôi cảm ơn ông ta và chối từ.

– Cái đó tùy ý. Ta thương em nên bảo thế thôi. Chúc em lên đường may mắn.

Rồi ông trở vào.

Xe đã đi xa rồi. Nhà đã khóa rồi. Tôi đeo đàn lên vai. Các tác động quen thuộc đó làm cho Lãnh Nhi chú ý. Nó đứng dậy, ngửa mặt nhìn tôi.

– Đi đi, Lãnh Nhi!

Nó hiểu, nhảy lên trước và kêu « gâu gâu ».

Tôi ngoái nhìn lần cuối cùng ngôi nhà mà ở đây tôi đã nung nấu hai năm trời, ở đây tôi vẫn tưởng sống suốt đời, bây giờ bước ra không khỏi ngậm ngùi.

Mặt trời đã lên cao. Trời trong sáng không một vẩn mây. Khí trời ấm áp khác hẳn với đêm tuyết giá năm xưa tôi đã ngã gục ở cửa vườn kia. Hai năm trời chỉ là một độ nghỉ. Nghỉ xong, tôi phải lên đường.

Độ nghỉ đó đã mát mẻ biết bao!

Nó đã cho tôi sức khỏe, và điều đáng quý hơn sức khỏe ở thân thể tôi là tình hữu ái đang chứa chan ở trong trái tim tôi.

Tôi không cô quạnh ở trên đời nữa.

Đời tôi chỉ có một mục đích: giúp đỡ và làm vui lòng những người yêu tôi và tôi yêu.

Tôi bắt đầu bước vào cuộc sống mới. Tôi nhớ lại thấy tôi, tôi tự nhủ:

– Tiến lên!